

Khám Phá

Sự Thánh Khiết

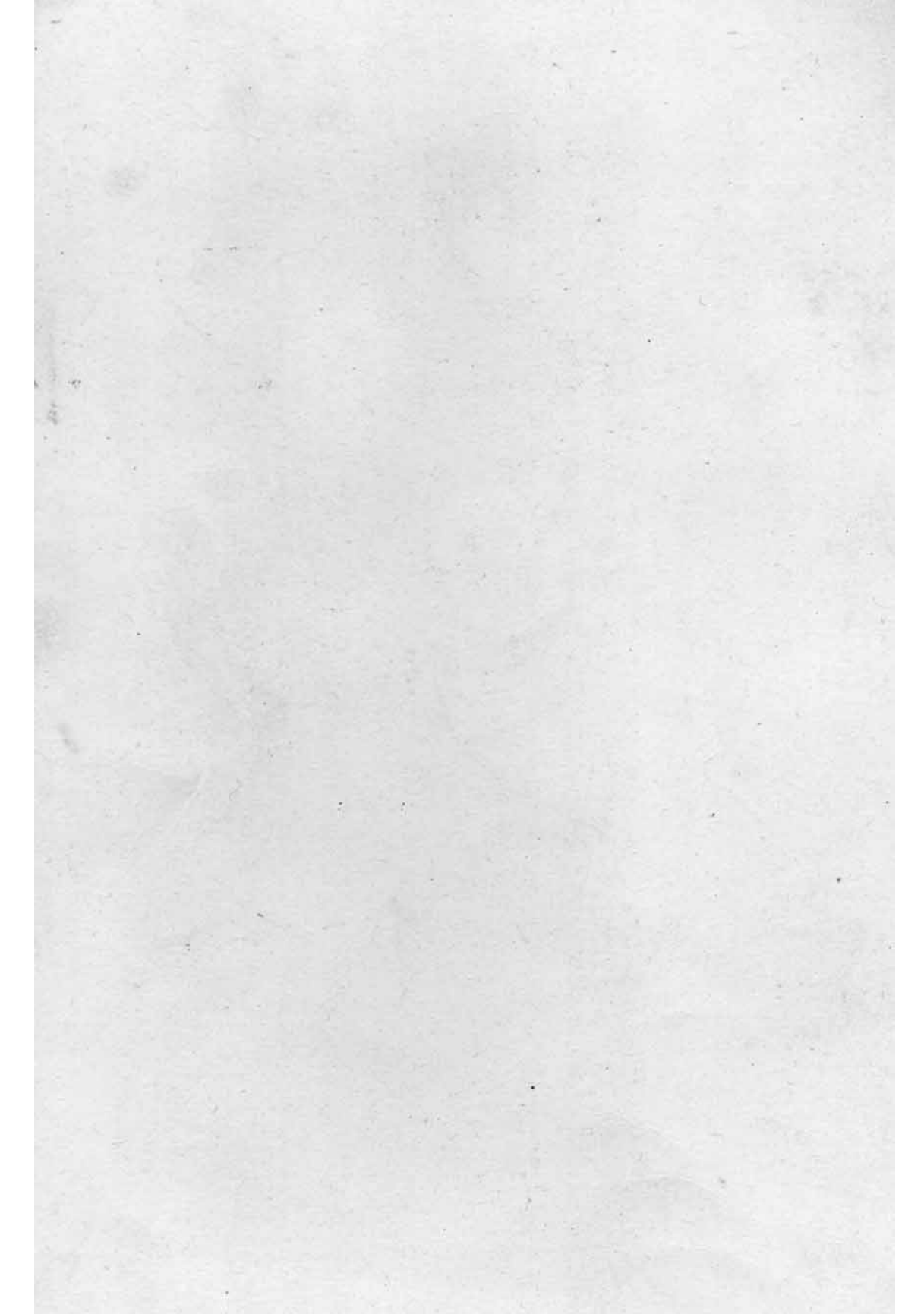
Của Cơ Đốc Nhân

Tập 3

CÔNG THỨC THẦN HỌC

Richard S. Taylor, Th. D.
Biên soạn

Beacon Hill Press of Kansas City
KANSAS CITY, MISSOURI



Khám Phá

Sự Thánh Khiết

Của Cơ Đốc Nhân

Tập 3

CÔNG THỨC THẦN HỌC

Richard S. Taylor, Th. D.

Biên soạn

Beacon Hill Press of Kansas City
KANSAS CITY, MISSOURI

EXPLORING CHRISTIAN HOLINESS

Volume 3

The Theological Formulation

by

Richard S. Taylor Th. D.

Tập 1

NỀN TẢNG KINH THÁNH

Tiến sĩ W.T. Purkiser biên soạn

Tập 2

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Tiến sĩ Paul M. Bassett, và

Tiến sĩ William M. Greathouse biên soạn

Tập 3

CÔNG THỨC THẦN HỌC

Tiến sĩ Richard S. Taylor biên soạn

NỘI DUNG

Lời Nói Đầu	9
Nguồn gốc Lịch Sử	12
Chương 1 : Ý NGHĨA CỦA SỰ THÁNH KHIẾT CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI	13
I. Thánh Khiết là Thuộc Tính Chủ Yếu	15
A. Thánh Khiết và Những Thuộc Tính Khác	15
B. Thánh Khiết là Sự Công Bình	16
C. Thánh Khiết và Sự Tể Trị	18
II. Thánh Khiết và sự Tạo Dựng	20
A. Trật Tự Thiên Nhiên	20
B. Thế Giới của Hữu Thể có Thân Vị	21
III. Thánh Khiết và sự Quan Phòng	22
A. Hành Động Tự Do của Đức Chúa Trời	22
B. Tính Đạo Đức của Những Phương Pháp của Đức Chúa Trời	24
C. Sự Thánh Khiết Thiên Thượng và sự Quan Phòng của Cá Nhân	27
IV. Thánh Khiết và sự Phán Xét	29
A. Thánh Khiết Đòi Hỏi những Điều Kiện nào	30
B. Cách Thức Phán Xét của Đức Chúa Trời	34
Chương 2: SỰ THÁNH KHIẾT NƠI CON NGƯỜI	38
I. Bản Chất và Số Phận của Con Người	39
A. Một Loài Duy Nhất	39
B. Số Phận của Con Người	39
C. Hình Ảnh Thiên Thượng	41
II. Sự Thánh Khiết Nơi Con Người là Loài Thọ Tạo	45
A. Sự Thánh Khiết và Bản Chất Con Người	45
B. Sự Thánh Khiết Nguyên Thủy	46
C. Sự Thánh Khiết Chưa Hoàn Hảo về Đạo Đức	51

III. Sự Thánh Khiết nơi Người được Cứu Chuộc	54
A. Bản Chất Bên Trong	54
B. Khía Cạnh Hình Thức của sự Thánh Khiết	60

Chương 3: SỰ BẤT KHIẾT CỦA CON NGƯỜI 65

I. Tội Lỗi Ban Sơ	65
A. Tại sao có sự Cám Dỗ?	67
B. Tại sao có Con Rắn?	69
C. Tâm Lý của sự Sa Ngã	71
D. Sa-tan Lừa Bịp Trắng Trợn	76
E. Hậu quả của Tội Lỗi Trên Cá Nhân	78
II. Ý nghĩa của Tội Lỗi	80
A. Ghi Chú Quan Trọng về Tội Lỗi	80
B. Lời Phán Quyết của Kinh Thánh	86
Tóm tắt	93
Phụ lục: Những Hành Vi và Thói Quen bị Kết Án trong Tân Ước	94

Chương 4: NHỮNG HẬU QUẢ CHỦ YẾU CỦA SỰ SA NGÃ 98

I. Những Lý Thuyết về Tội Lỗi Nguyên Thủy	99
A. Thuyết Môi Trường (Environmentalism)	99
B. Thuyết Hữu Hạn (Finitism)	101
C. Thuyết Phát Triển (Developmentalism)	102
D. Thuyết của Augustine (Augustinianism)	104
E. Thuyết của Pelagius (Pelagianism)	109
F. Thuyết của Wesley và Arminius	112
II. Bằng Cớ của Tội Lỗi bẩm sinh	114
A. Bằng Cớ của Kinh Thánh	114
B. Bằng Cớ của Kinh Nghiệm	119

III. Bản Chất của Tội Lỗi Bẩm Sinh	128
A. Thuật ngữ	129
B. Tính Bãng Hoại Do Sự Đánh Mất Hình Ảnh Đức Chúa Trời	129
C. Sự Bất Lực và Công Cụ Tự Do	130
D. Vấn Đề Lỗi Lầm	131
E. Sự Bãng Hoại về Đạo Đức và Phi Luân Lý	132
F. Vấn Đề Di Truyền Học	138
G. Tội Lỗi của Trẻ Sơ Sinh	141
H. Vấn Đề Tồn Tại trái ngược với Vấn Đề Quan Hệ	143
I. Tội Lỗi Bẩm Sinh và Ý Muốn	145
Tóm Tắt	146

Chương 5: SỰ CUNG CẤP CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG Đấng CHRIST

I. Biểu Lộ sự Thánh Khiết	148
A. Đấng Christ là Tấm Gương	148
B. Sự Thánh Khiết và Bản Chất của Con Người	151
II. Sự Thánh Khiết và Thập Tự Giá	152
A. Sự Nên Thánh trong sự Chuộc Tội	153
B. Nguyên Tắc Sống Động	155
C. Những Lý Thuyết về sự Chuộc Tội	156
III. Sự Thánh Khiết và Giao Ước Mới	161
A. Luật Pháp Chủ Quan Hóa	161
B. Được Giải Cứu Khỏi Luật Pháp.	164

Chương 6: LỄ NGŨ TUẦN VÀ CHÚC VỤ CỦA THÁNH LINH

I. Những Đặc Ân Cứu Chuộc Trước Ngày Lễ Ngũ Tuần	170
A. Thập Tự Giá	170
B. Có phải đó là sự Tái Sanh?	172

II. Thuyết Thời Đại của Wesley và Fletcher	175
A. Ba Thời Đại	176
B. Cá Nhân cũng như Lịch Sử	177
C. Không Chọn Lứa cũng không Loại Bỏ	179
III. Lễ Ngũ Tuần là một Sự Kiện của Hội Thánh	180
A. Dữ kiện của Kinh Thánh	181
B. Phép Báp Têm bằng Thánh Linh của Hội Thánh	182
IV. Lễ Ngũ Tuần trong sự Tươi Mới Triệt Để	185
A. Tương Phản với Thời gian Chúa Jêsus Sống Trên Đất	185
B. Tươi Mới về Đặc Ân	186
C. Lễ Ngũ Tuần và Vương Quốc	192
Chương 7: ĐƯỢC THÁNH LINH SINH RA: SỰ NÊN THÁNH KHỞI ĐẦU	195
I. Những Điều Kiện Tiên Quyết của sự Tái Sinh	196
A. Sự Thức Tỉnh	196
B. Sự Ăn Năn	197
II. Những Sự Kiện Xảy Ra Đồng Thời với sự Tái Sanh	200
A. Sự Xưng Công Bình, Sự Tái Sanh, Sự Tiếp Nhận Làm Con Nuôi	201
B. Sự Nên Thánh Khởi Đầu	200
III. Toàn Bộ Nhưng Từng Phần	204
A. Toàn Bộ	204
B. Từng Phần	205
IV. Được Thánh Linh sinh ra	207
A. Sự Hiện Diện Khởi Đầu	208
B. Nhưng Thánh Linh chưa chiếm hữu trọn vẹn	210
C. Món Quà Tặng Hai Mặt	210
V. Bên Kia Sự Tái Sanh	210
A. Biến Cố và Sự Diễn Tiến	210
B. Thần Học về Sự Kiện Thứ Hai	212

Chương 8: BÁP TÊM BẰNG THÁNH LINH: SỰ NÊN THÁNH TRỌN VỆ	223
I. Ngôn Ngữ và Thuật Ngữ	224
A. Thuật Ngữ về phép báp têm	224
B. Những Từ Ngữ Tương Tự	226
II. Đầy Dẫy Thánh Linh Có Những Phương Diện	228
A. Sự Trọn Vẹn của Cơ đốc nhân	229
B. Tình Yêu Trọn Vẹn	231
C. Sự Tuôn Đổ Quyền Năng	232
D. Tấm Lòng Trong Sạch	234
E. Sự Nên Thánh Trọn Vẹn	237
Chương 9 : TẤM LÒNG KINH NGHIỆM SỰ THÁNH KHIẾT	243
I. Đáp Ứng Những Điều Kiện	243
A. Tín Hữu phải Ăn Năn	245
B. Đầu Tiên là Cầu Nguyện	246
C. Khao Khát Mãnh Liệt	247
D. Dâng Mình	248
II. Đức Tin là Chất Xúc Tác	254
A. Vị Trí của Đức Tin	254
B. Sự Mẫu Nhiệm của Đức Tin	256
III. Những Bằng Cớ của sự Đầy Dẫy Thánh Linh	265
A. Lời Chứng của Thánh Linh	265
B. Phải Chẳng Nói Tiếng Lạ là Bằng Cớ?	266
C. Bằng Cớ của sự Thay Đổi	267
Tóm tắt	271

Chương 10: NẾP SỐNG THÁNH KHIẾT 273

I. Một Đời Sống Đầy Dẫy Thánh Linh 274

A. Thánh Linh và Bản Ngã 274

B. Thánh Linh và Đấng Christ 285

C. Những Ân Tứ của Thánh Linh 286

II. Một Đời Sống Yêu Thương 291

A. Bản Chất của Ân Tứ Tình Yêu 292

B. Những Khía Cạnh của Tình Yêu Thương 293

C. Tình Yêu Trọn Vẹn nhưng có Giới Hạn 299

D. Tình Yêu Tăng Trưởng 301

III. Một Đời Sống Công Bình 305

A. Điều Đòi Hỏi của Đạo Đức 306

B. Huấn Luyện Lương Tâm 307

C. Sự Thánh Khiết và Những Vấn Đề Xã Hội 310

Chương 11: CUỘC CHIẾN THUỘC LINH 312

I. Bên Trong Bản Ngã 314

A. Sự Thánh Khiết và Tội Lỗi 314

B. Chiến đấu với sự Cám Dỗ 317

C. Đắc Thắng Kẻ Thù 323

II. Tiến Tới Sự Tăng Trưởng 327

A. Trở Thành Người Có Kỷ Luật 328

B. Học Tập Thích Nghi 329

C. Tính Xác Thật và Con Người 336

D. Những Lần Mực của Sự Tăng Trưởng 340

Sách Tham Khảo Chọn Lọc 347

Phụ Lục theo Chủ Đề

GIỚI THIỆU

Phần nghiên cứu thứ ba trong ba tập dày về sự thánh khiết là công sức muốn giới thiệu giáo lý về sự thánh khiết có hệ thống, như là một kết cấu toàn bộ chặt chẽ với nhau. Như vậy phần này khác với sự giải thích khái quát của Tập I và phần sơ lược về lịch sử của Tập 2. Trong phần trình bày này chúng tôi sẽ giới thiệu nhiều giáo lý khác, nhưng muốn hệ thống hoá thần học đầy đủ thì cần phải thảo luận kỹ những giáo lý này. Những giáo lý này chỉ được nói đến khi chúng có liên hệ với chủ đề chính của chúng tôi, là *sự thánh khiết*. Ngay cả giáo lý về sự xưng công bình và sự tái sanh, cũng như những chủ đề như sự gian ác và sự quan phòng thì chúng tôi chỉ nói đến khi chúng có liên hệ với sự thánh khiết. Cuốn sách này bao gồm phần nghiên cứu về sự Chuộc Tội, nhưng không đưa ra toàn bộ sự giải thích về sự Chuộc Tội. Muốn nghiên cứu kỹ những đề tài này, một người cần học tập Bộ Sách ba cuốn về Thần Học Cơ Đốc (*Christian Theology*) của H. Orton Wiley, hoặc những tác phẩm tương tự khác.

Nhiều chủ đề trong số những chủ đề chính có thể trở thành những mục chuyên khảo đặc biệt, như sự thánh khiết và đạo đức xã hội, và sự thánh khiết và văn hóa. Nhiều khía cạnh của sự thánh khiết đáng được chú ý cẩn thận hơn. Nhưng nếu sự thánh khiết được kinh nghiệm như là một đặc ân của ân điển hơn là một đề tài đặc biệt, thì chắc chắn trọng tâm của nó nằm trong chương trình cứu chuộc phải được bày tỏ rõ ràng. Phương pháp trình bày của chúng tôi về điều này được nêu ra cách khách quan và trung thực.

Theo cách tiếp cận với sự thánh khiết, đây không phải là một lý tưởng để ca ngợi, nhưng là mối quan hệ với Đức Chúa Trời và tình trạng của linh hồn. Chìa khóa không phải là thời gian nhưng là đức tin. Các lý tưởng (nếu có điều gì tốt lành) tiêu biểu cho những tiêu chuẩn hướng về điều gì đó mà chúng

ta cố tranh đấu. Ý niệm này thích hợp cho sự lớn lên trong ân điển và trưởng thành trong đặc tính của Cơ đốc nhân. Nhưng sự thánh khiết là một kinh nghiệm của tấm lòng sẵn sàng – thật vậy, đó là trách nhiệm - *bây giờ*. Sự “thánh khiết” đó được đẩy vào mảnh đất không bao giờ có của lý tưởng phù du, chẳng bao lâu trở thành lãng mạn hoá và nhân hóa và không còn thuộc về Tin Lành hay thuộc về Kinh Thánh nữa.

Một chữ nữa rất cần để cung cấp chìa khoá cho dàn ý chung này. Giáo lý về sự thánh khiết được bày tỏ cùng với giáo lý Ba Ngôi. Chúng ta bắt đầu với sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Phát xuất từ việc khảo sát về Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hoá, người ta đưa ra nhân chủng học và giáo lý về con người và về tội lỗi. Tiếp theo điều này phải nghiên cứu về Đức Chúa Con trong khía cạnh Ngài mang thân vị của Ngài và sứ mạng của Ngài trong việc cung cấp ân điển cho tội nhân.

Hiển nhiên sau đó chúng ta phải chuyển sang công tác đặc biệt của Thánh Linh, Ngôi thứ Ba trong ba ngôi. Wesley nói, Ngài là “nguồn cung cấp vĩ đại của sự thánh khiết cho Hội Thánh”. Ông còn nói thêm, “Thánh Linh là nguyên tắc của sự qui đạo và sự nên thánh trọn vẹn của lòng và đời sống chúng ta”¹. Vì thế, công tác tái sinh và làm nên thánh của Thánh Linh nắm phần chủ yếu trong sự phát triển. Thánh Linh tái sinh con người, Đấng Christ làm báp têm cho tín hữu, và đời sống trong Thánh Linh trở thành những chủ đề dẫn đầu cùng với những chủ đề khác như sự nên thánh và tình yêu trọn vẹn đi theo những chủ đề trên. Những điều này có ý nghĩa khi chúng có mối quan hệ với Thánh Linh, và được kết hợp với sự cung ứng về sự chuộc tội của Đấng Christ.

¹ *The Works of John Wesley* (London: Wesley Conference Office, 1872); tái bản, Kansas City: Nazarene Publishing House, 1978), 11:420, từ đây về sau chỉ ghi *Works*.

Có nhiều người khiếm tốn khi giải thích giáo lý này, đặc biệt trong lãnh vực thần học kinh nghiệm, vì những công thức về giáo điều của kinh nghiệm của Cơ đốc nhân là những nỗ lực để mô tả thế nào những sự dạy dỗ rõ ràng và mạch lạc của Kinh Thánh dường như thực sự tác dụng. Trong Kinh Thánh giáo lý và kinh nghiệm dệt lẫn vào nhau không những trong những phần lịch sử, như sách Công vụ, nhưng còn trong những phần đạo đức, như trong các Thư Tín. Những bản tóm tắt về tín điều của những giai đoạn và tiến trình kinh nghiệm phát xuất từ sự nghiên cứu về dữ kiện giáo lý / kinh nghiệm này. Kết quả là giáo lý được mô tả như sau, “Đây là những gì thực sự đang xảy ra”.

Kinh Thánh bày tỏ cách rõ ràng đến mức độ mà thần học có thể nói rằng, “Đây là những gì thực sự *phải* xảy ra”. Chẳng hạn, sự ăn năn phải có đức tin làm cơ sở; đức tin phải là cơ sở cho việc làm, v.v... Nhưng đối với nền thần học kinh nghiệm của Kinh Thánh thì điều này tuyệt đối hơn là rõ ràng đến nỗi thần học gia chỉ có thể nói rằng, “Đây là những gì thực sự *thường* kinh nghiệm”. Bấy giờ giáo điều phải được xem là một nguyên tắc chỉ đạo, chứ không phải là điều cứng nhắc. Nó gần với qui tắc nhưng không thể mô tả bằng miệng mọi sự khác biệt cá nhân trong kinh nghiệm từ qui tắc phỏng định đó. Nó có thể tuyên bố đoán xét dựa theo kinh nghiệm rõ ràng không thuộc Kinh Thánh và không thuộc người Cơ Đốc, nhưng nó không thể đưa ra một qui luật về mọi chi tiết liên quan đến nếp sống mà những con người khác nhau được Thánh Linh dẫn dắt vào sự thánh khiết và vượt qua bên kia nữa.

- RICHARD S. TAYLOR

NGUỒN GỐC LỊCH SỬ

Nguồn gốc lịch sử của thần học thánh khiết sau đây có thể phát xuất từ vô số mảnh đất giáo phái. Nền tảng này bao gồm sự phát triển phong phú của sự hiểu biết giáo lý của thế kỷ 19, nhưng cũng bao gồm trường phái Wesley và thế kỷ của họ. Hơn nữa, nó bao gồm những người đi trước Wesley trở ngược đến thời các sứ đồ, như chúng ta đã thấy ở Tập 2. Phần quan trọng nhất, nó bao gồm Kinh Thánh, như chúng ta đã thấy ở Tập 1. Nhưng không lời diễn tả nào chính xác về vị trí của giáo lý này bằng lời tuyên bố về sứ mạng của Hội Thánh Tin Lành Nazarene, được thành lập tại Los Angeles do Phineas F. Bresee, vào Tháng Mười, 1895, được lặp lại trong cuốn *CẨM NANG* năm 1908 của Hội Thánh Tin Lành Ngũ Tuần Nazarene [Pentecostal Church of the Nazarene]:

Những người này tin quyết rằng họ được Đức Chúa Trời kêu gọi vào sự thánh khiết, để giảng cho những người khác về giáo lý này, và để dẫn họ vào kinh nghiệm của sự nên thánh trọn vẹn. Vừa bằng những sự dạy dỗ của Kinh Thánh và bằng kinh nghiệm riêng của mình, họ xác quyết rằng sự nên thánh trọn vẹn chỉ về công tác thứ hai của ân điển thiên thượng được tiếp nhận bằng đức tin và do Thánh Linh thực hiện. Sự trong sạch của tấm lòng, với sự thánh khiết trong đời sống, là ý muốn của Đức Chúa Trời trong Đức Chúa Jêsus Christ dành cho mọi con cái của Đức Chúa Trời. Họ cũng xác quyết rằng tín hữu được nên thánh sẽ noi gương của Đấng Christ về sự giảng dạy Phúc Âm cho kẻ nghèo, đây là công tác đặc biệt họ được kêu gọi².

² 1908 *Manual of the Pentecostal Church of the Nazarene* (Los Angeles: Nazarene Publishing Co., 1908), 11-12.

Ý NGHĨA SỰ THÁNH KHIẾT CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Trong Tập 1 chúng tôi đã trình bày sự dạy dỗ căn bản của Kinh Thánh về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Điều còn lại là khảo sát phạm vi rộng rãi của sự thánh khiết của Đức Chúa Trời trong sự cứu chuộc của Ngài liên quan với con người. Chỉ khi nào chúng ta thấy sự thánh khiết thiên thượng thì chúng ta sẽ hiểu được tại sao con người phải thánh khiết, hoặc hiểu được con người phải như thế nào trong sự thánh khiết này (Lê-vi-ký 18-19; Ê-sai 6:1-6; I Phi-e-rơ 1:15-16).

Theo tự nhiên con người có thể, nếu họ muốn, nhìn thấy “lính chất không thể nhìn thấy được của Đức Chúa Trời - bản chất thiên thượng và quyền năng vĩnh cửu của Ngài” (Rô-ma 1:20). Thế giới chung quanh chúng ta, và chắc chắn bầu trời bên trên, đối với tín hữu là dấu hiệu của một Đức Chúa Trời mà quyền năng của Ngài vượt quá sự ước tính và hành động của Ngài thì quá siêu việt. Suy tưởng về một Đức Chúa Trời như thế luôn luôn chiếm hữu những con người suy nghĩ với sự kính sợ và sợ hãi.

Nhưng muốn lấp đầy những khoảng trống của sự nhận thức của chúng ta và để hiểu đặc tính thần vị của Đức Chúa Trời và tư tưởng của Ngài đối với con người, thì chúng ta phải nghiên cứu lời nói và hành động của Ngài được ghi lại trong Kinh Thánh. Cao điểm và sự trọn vẹn của sự tự khám thị của Đức

Chúa Trời là ở trong Đức Chúa Jêsus Christ, “tiêu biểu chính xác của bản thể của Ngài” (Hê-bơ-rơ 1:3; xem thêm Côl 1:15-19)¹.

Mặc dầu sự hiểu biết chính xác về Đức Chúa Trời không bảo đảm cho mối quan hệ cá nhân với Ngài, tuy nhiên, nó rất cần thiết. Vì hiển nhiên là ý tưởng của chúng ta về Đức Chúa Trời sẽ đức khuôn cho kinh nghiệm tôn giáo của chúng ta với sự thuần chánh hay bị bóp méo. E. Stanley Jones trích câu nói bất hủ, “Hãy cho tôi biết vị thần của bạn, thì tôi sẽ chỉ cho bạn con người của bạn”.

Nếu hình ảnh của chúng ta về Đức Chúa Trời là hình ảnh của một vị bạo chúa tàn ác, một vị cảnh sát có đôi mắt chim ó, một ông nội hay nuông chiều, hoặc có lẽ là một con yêu tinh kỳ quái chơi xỏ, thì những cảm nghĩ của chúng ta về Ngài sẽ theo điều kiện. Ý niệm lẫn lộn của chúng ta về Ngài sẽ phát sinh hoặc là sợ hãi trộn lẫn với sự phẫn uất, hoặc đoán chừng, hoặc thiếu tôn kính và khiếm nhã. Trái lại, khi nhìn Đức Chúa Trời như Ngài vốn có, đã được trình bày trong Kinh Thánh và được phản ánh trong Đấng Christ thì sẽ tạo cho chúng ta sự kính sợ và yêu thương, hoàn toàn kính phục và hoàn toàn chiêm ngưỡng. Chân lý ấy là chúng ta phải học tập tôn kính trước khi chúng ta bước vào sự thân mật. Vì vậy chúng ta cần suy nghiệm về Đức Chúa Trời. “Biết về người nào đó trước khi bạn đứng trước mặt người đó”².

¹ David I. Muller giải thích Karl Barth khi ông dạy rằng “thần học chính thống là làm cho người ta chú ý về Đức Chúa Trời của Cựu Ước và Tân Ước”. *Karl Barth* (Waco, Tex: Word Books, Publishers, 1972), 49.

² Khẩu hiệu ghi trên bức tường của Nhà Nguyễn tại Đại Học Hebrew Union, tại Cincinnati.

I. THÁNH KHIẾT LÀ THUỘC TÍNH CHỦ YẾU

A. THÁNH KHIẾT VÀ NHỮNG THUỘC TÍNH KHÁC

Phải chăng thánh khiết là một thuộc tính thiên thượng, ngang hàng và đi kèm với những thuộc tính khác? Phần lớn những thần học gia không nghĩ như vậy, nhưng nhìn thấy sự thánh khiết là phẩm chất đạo đức của tất cả những thuộc tính của Đức Chúa Trời³. H. Orton Wiley nói, “Vậy, chúng ta có thể nói rằng sự thánh khiết thuộc về bản chất thiết yếu của Đức Chúa Trời theo ý nghĩa sâu hơn và sâu sắc hơn ý nghĩa bình thường là một thuộc tính trong số những thuộc tính khác”⁴. Trong chính mình Ngài và trong những mối quan hệ của Ngài, thì Ngài hoàn toàn thánh khiết. Điều này cơ bản đến nỗi P. T. Forsyth có thể nói, “Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là nguyên tắc nền tảng không chỉ của sự thờ phượng của chúng ta, nhưng của sự khải thị trọn vẹn về sự cứu chuộc và cơ chế tình yêu của Ngài. Đó là nguyên tắc đạo đức của cả tình yêu và ân điển. Đó là dung lượng của tình yêu”⁵.

³ William B. Coker nhắc nhở chúng ta rằng các sê-ra-phim không bao giờ kêu lớn, “Đức Chúa Trời là tình yêu!” nhưng kêu “Thánh thay, Thánh thay, Thánh thay là Giê-hô-va Đức Chúa Trời Toàn Năng” (Khải huyền 4:8; Ê-sai 6:3). Ông còn nói thêm, “Bất kỳ điều gì chúng ta có thể nói về Đức Chúa Trời, rằng Ngài là sự sáng, Ngài là tình yêu, Ngài là sự thương xót, chắc chắn đứng tại gốc rễ của mọi sự chúng ta có thể nói về Ngài rằng Ngài là thánh khiết” (Bài giảng tại Asbury College, Fall, 1978, ghi lại theo Radiant Cassettes, Vancleve, Ky.)

⁴ *Christian Theology* (Kansas City: Nazarene Publishing House, 1940) 1:370.

⁵ John H. Rodgers trích dẫn trong cuốn *The Theology of P.T. Forsyth* (London: Independent Press, 1965), 32. Một chỗ khác, Forsyth nói, “Bất kỳ ý niệm nào về Đức Chúa Trời mà nâng lên tình phụ tử của Ngài thì phải trả bằng giá về sự thánh khiết của Ngài, nếu bỏ quên thì sẽ không lập được ngôi vị đạo đức của vũ trụ. Bất kỳ phản ứng nào của chúng ta

B. THÁNH KHIẾT LÀ SỰ CÔNG BÌNH

Ý niệm của Cựu Ước về sự thánh khiết thiên thượng là *sáng rực, biệt riêng và trong sạch* đã được thảo luận ở Tập 1. Tại đây cần phải nhấn mạnh một lần nữa về bản chất đạo đức của sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. Người ta có thể hiểu sự sáng rực, biệt riêng và trong sạch theo cách phi luân lý. Thậm chí một kẻ thống trị trần gian có thể có “sự thánh” của vẻ huy hoàng rực rỡ, của sự không thể đến gần được, và ngay cả “sự trong sạch” trong ý nghĩa lễ nghi, tất cả đều không có sự tốt lành chủ yếu trong bản chất đạo đức. Nhưng theo Turner, Kinh Thánh không bao giờ cho phép một ý niệm trống rỗng về đạo đức như thế về sự thánh khiết của Đức Chúa Trời⁶. Càng sáng rực hơn, phân rẽ hơn và trong sạch hơn bất kỳ hữu thể nào khác, Đức Chúa Trời chủ yếu là sự tốt lành sáng rực, phân rẽ khỏi điều ác, và trong sạch trong sự hoàn toàn công bình. Ý niệm về đạo đức của Đức Chúa Trời thẩm nhuần không thể tránh được trong Cựu Ước. Harold B. Huhn viết:

Nó không trả lời cho những thực tế của cách dùng của Cựu Ước để biện hộ rằng “thánh khiết” khởi đầu có ý nghĩa đạo đức trung tính, bao hàm vài ý nghĩa “thần thoại” mơ hồ hoặc phẩm chất huyền bí để gợi lên ý nghĩa khiếp sợ. Quan điểm như thế, theo hình thức cổ điển được đưa ra trong

từ chỗ cho rằng Đức Chúa Trời là Đấng quá đòi hỏi chứ không phải một Đức Chúa Trời nhân từ, kiên nhẫn và thương xót là một phản ứng đưa chúng ta vượt quá biên giới của thế giới đạo đức... Đó là ý niệm có khuynh hướng không công bằng đối với tình yêu của Đức Chúa Trời. Nó có khuynh hướng tách uy quyền ra khỏi Phúc Âm, sức lực ra khỏi sự giảng dạy, sự hiểu biết ra khỏi đức tin, khả năng chịu đựng ra khỏi tính tình và sự kỷ luật ra khỏi gia đình” (Lyman Beecher Lectures, Yales, 1907, trích dẫn từ *Positive Preaching and Modern Mind* [New York: George H. Doran Co. n.d.], 354).

⁶ George Allen Turner, *The Vision Which Transforms* (Kansas City: Beacon Hill Press, 1964) 17:20.

Rudolf Otto's *Idea of the Holy*, dựa vào sự tái giải thích triết để về lịch sử của tôn giáo Y-sơ-ra-ên, một sự điều chỉnh lại nhưng làm sai trật điều đã được minh chứng hiển nhiên⁷.

Nhưng có phải sự thánh khiết của Đức Chúa Trời chủ động tự thuận phục để gắn liền với điều Ngài *tìm thấy* trong “bản chất” của sự vật không? Nếu quan điểm này đúng thì chắc hẳn Ngài phải đầu phục uy quyền ở bên ngoài Ngài, và sự hoàn toàn của Ngài hẳn phải tan rã ở vài hình thức của thuyết nhị nguyên siêu hình. Gordon H. Clark nói,

Plato và Leibnitz đã cố gắng hiểu Đức Chúa Trời như là phần phụ thuộc cho những nguyên tắc đạo đức độc lập. Vậy, họ giới hạn Đức Chúa Trời bằng một thực tế bên ngoài đối với Ngài. Kinh Thánh không bao giờ có quan niệm như thế. Hình thức cao nhất của luân lý là luật pháp của Đức Chúa Trời. đó là mạng lệnh của Đức Chúa Trời làm cho một hành động đúng hay sai⁸.

Nhưng người ta có thể quá nhấn mạnh về sức mạnh đạo đức của ý muốn thiên thượng để ngụ ý rằng ý muốn của Đức Chúa Trời là tạo dựng điều phải hoặc điều trái cách tất thường hoặc bắt buộc. Thật sự ý muốn của Đức Chúa Trời luôn luôn biểu lộ tính toàn bộ của bản chất của Ngài, bao gồm sự khôn ngoan, công chính, chân thật và yêu thương. Có một sự gắn chặt bên trong và hoà hợp với bản chất thiên thượng. Đức Chúa Trời sẽ không – và theo một ý nghĩa là không thể – hành động trái với Chính Ngài. Vì thế chúng ta có thể nói rằng điều đúng là những gì Đức Chúa Trời truyền lệnh, chúng ta cũng có thể nói tương tự là Ngài truyền lệnh vì đó là điều đúng. Áp-ra-

⁷ *God: His Names and Nature* (mục chuyên khảo được *Christianity Today* ấn hành, xem Chap 1:6-17).

⁸ *Baker's Dictionary of Theology* (Grand Rapids: Baker Book House, 1960), 241

ham lý luận, “Đấng đoán xét toàn thế gian há lại không làm sự công bình sao?” (Sáng thế ký 18:25).

Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là điều không thể vi phạm được. Hơn nữa có một sức mạnh đạo đức dữ dội trong sự thánh khiết của Đức Chúa Trời làm cho Ngài không thể nào dung thứ cho sự bất khiết được. Vì “Đức Chúa Trời chúng ta là đám lửa hay thiêu đốt” (Hê-bơ-rơ 12:29; xem thêm Phục truyền 4:24; 9:3; Ê-sai 33:14; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:7; Hê-bơ-rơ 10:27, 31). Chính vì sự không dung thứ mọi điều ác nên đó là nền tảng chính yếu cần đến sự chuộc tội và là yêu cầu về sự thánh khiết thực sự trong hữu thể đạo đức. “Các người phải là thánh vì Ta là thánh” là lập luận không thay đổi của bản chất thiên thượng (I Phi-e-rơ 1:16, xem thêm Lê-vi-ký 11:44-45; 19:2; 20:7).

C. SỰ THÁNH KHIẾT VÀ SỰ TẾ TRỊ

Sự tể trị không những là quyền hạn vốn có của Đức Chúa Trời trong sự cai trị, nhưng cũng là sự thi hành quyền ấy liên tục và không bị cản trở. Sự tể trị của Đức Chúa Trời vẫn không bị nhượng bộ do sự hạn chế tự nguyện của nó, một sự hạn chế dồn vào cơ chế tự do trong con người mà chính Đức Chúa Trời đã ban cho. Vì thế Đức Chúa Trời chọn việc tạo dựng một loài hữu thể đạo đức có khả năng hành động độc lập về đạo đức (hoặc sáng tạo hoặc hủy diệt), và duy trì điều đó bằng việc trở nên mềm dẻo trong mối quan hệ được đánh dấu bằng sự kính trọng trọn vẹn đối với những thế lực được tạo dựng và được ủy thác này.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là Đức Chúa Trời đã từ bỏ hoặc thậm chí giảm bớt những quyền lợi của Ngài của Ngài. Ngài công bố quyền tể trị trên loài thọ tạo, những loài tự do cũng như không tự do. Trong lời công bố này Ngài đòi hỏi và mong đợi sự vâng lời. Sự tể trị như thế được thực hành trong

việc ban bố luật pháp để cai trị hành vi của con người. Đồng thời nó cũng bày tỏ trong đặc quyền phán xét của Đức Chúa Trời, trong sự kêu gọi toàn thể tạo vật phải chịu trách nhiệm về cách họ đối xử hoặc chấp nhận sự tể trị của Đấng Tạo Hóa hoặc phản bội Ngài.

Vì thế, sự tự hạn chế không bao gồm trong sự tự nguyện giảm bớt quyền hạn của Đức Chúa Trời, nhưng trong sự kiểm chế sức mạnh do sự bắt buộc của vũ trụ. Con người sẽ bị gọi đến để khai trình và kẻ phản bội sẽ bị trừng phạt. Nhưng sự trừng phạt này xảy ra sau biến cố; nghĩa là, nó dự đoán trước rằng kẻ phạm tội hành động trong sự tự do. Tặng phẩm tự do là sự ban cho của sự tể trị, nó cũng là những từ ngữ (trong hình thức của giao ước) gây ấn tượng mạnh mẽ cho sự thực hành đúng đắn, bao gồm phần thưởng cho sự sử dụng đúng và hình phạt cho sự lạm dụng. Bản thân sự tự do là có thật, nhưng sự tự do không có nghĩa là giảm quyền tể trị của Đức Chúa Trời. Như vậy những ý niệm về sự tự do của tạo vật và quyền tể trị thiên thượng được hài hòa.

Nhưng sự thánh khiết của Đức Chúa Trời quyết định và bảo đảm tính đáng tin của những phần ghi chú căn bản này trong quyền tể trị thiên thượng. Sự thánh khiết là sự trọn thành vốn hiểu sự không thể nghĩ được là sự tể trị không thể đoán trước được [Holiness is that integrity which renders unthinkable an unpredictable sovereignty]. Sự tể trị mà không có sự thánh khiết có thể trở thành sự độc tài do sự thay đổi thất thường từ ngữ, hoặc hủy hoại sự tự do hoặc thay đổi phần thưởng và sắc lệnh. Kết quả là có sự hỗn độn trong cơ chế đạo đức.

Hễ nơi nào nền thần học đặt sự tể trị thiên thượng thay vì sự thánh khiết thiên thượng ở vị trí then chốt của hệ thống của mình thì nó sẽ đi lạc đường. Chỉ nhấn mạnh sự tể trị sẽ không phát sinh sự tự do vui vẻ của con cái Đức Chúa Trời, nhưng là sự trói buộc hèn hạ, nô lệ không thể lên tiếng được.

Nếu kết hợp ý tưởng độc tài với Đức Chúa Trời thì dường như phạm thượng, vì trực giác chúng ta đoán trước rằng Đức Chúa Trời là Đấng hoàn toàn tốt lành. Chúng ta hiểu rằng sự tể trị thực sự rút ra từ sự thánh khiết của Đức Chúa Trời vì đó thuộc về quyền tạo dựng của Ngài. Đối với tất cả mọi loài thọ tạo một sự tể trị không dựa trên sự thánh khiết là một bi kịch không thể nghĩ đến được. Một tạo vật không thể thờ phượng Đức Chúa Trời là Đấng Thánh thì không thể vâng lời Ngài là Đấng tể trị được. Tâm trí không thể yên nghỉ trong sự suy nghĩ về sự vâng lời không có tình yêu hoặc sự sợ hãi mà không có sự đầu phục. May mắn thay chúng ta được thoát khỏi sự đau đớn này nhờ sự bảo đảm, “Hỡi Đức Chúa Trời, ngôi Chúa còn mãi đời nọ qua đời kia; Quyền bính của nước Chúa là quyền bính ngay thẳng” (Hê-bơ-rơ 1:8), và “Ngài là Hòn Đá, công việc Ngài là trọn vẹn, vì các đường lối Ngài là công bình; ấy là Đức Chúa Trời thành tín và vô tội, Ngài là công bình và chánh trực” (Phục truyền 32:4; xem thêm Khải huyền 15:4).

II. SỰ THÁNH KHIẾT VÀ SỰ TẠO DỰNG

Nền tảng cho Cơ đốc giáo, giáo lý về sự tạo dựng là sự xác nhận rằng vũ trụ và mọi vật trong đó đều thuộc trực tiếp về quyền năng của một mình Đức Chúa Trời. Điều này đúng như nhau cho vũ trụ vật chất và vũ trụ thuộc linh - nghĩa là hữu thể có thân vị. Phần sau bao gồm thiên sứ, ma quỷ, con người và loài hữu thể thông minh nào hiện hữu.

A. TRẬT TỰ THIÊN NHIÊN

Có thể con người không thể nhận thức được về quyền năng tạo dựng của Đức Chúa Trời được thực hiện trong cách không tương hợp với sự thánh khiết của Ngài. Điều này có nghĩa là những gì Đức Chúa Trời tạo dựng phải phản ánh đặc tính riêng của Ngài. Sự cân đối, quân bình, toàn vẹn, trọn thành, nhân

hậu - tất cả những thuộc tính của sự thánh khiết của Đức Chúa Trời – đều được chuyển giao cho trật tự thiên nhiên. Vì thế, khi chúng ta đọc mỗi giai đoạn trong sự tạo dựng “Đức Chúa Trời thấy điều đó là tốt lành (Sáng thế ký 1:4, 10, 12, 18, 21, 25, 31) thì chúng ta phải hiểu điều này khác hơn là sự toàn hảo cách máy móc hoặc đúng theo cơ chế nhưng là giá trị được chuyển giao. Đức Chúa Trời nhìn thấy hình bóng của Ngài được phản ánh. Trật tự nguyên thủy là tốt lành trong *mục đích* của nó, đó là sự làm vinh hiển Đức Chúa Trời và cung cấp nơi ở thích hợp cho con người. Và nó cũng tốt lành trong sự *trong sạch*, nghĩa là, nó thoát khỏi sự rối loạn và không cân đối⁹.

B. THẾ GIỚI CỦA HỮU THỂ CÓ THÂN VỊ

Kinh Thánh cho thấy rõ ràng là Đức Chúa Trời không những tạo dựng con người, nhưng còn tạo dựng những hữu thể thuộc về linh thánh thiện được gọi là thiên sứ. Trong vũ trụ còn có bằng cớ cho thấy có những hữu thể thuộc về linh gian ác được gọi là ma quỷ. Vậy, nếu con người hoặc linh gian ác, thì linh gian ác ấy chắc phải tự mình gây ra vì Đức Chúa Trời đã hoàn tất công việc của Ngài rồi. Hơn nữa, sự làm mất thanh danh này không thể nào đổ lỗi cho Đức Chúa Trời được.

Điều này ép buộc đưa vào bức tranh về ý niệm tội lỗi, như là sự đối lập với sự thánh khiết. Nó cũng giúp chúng ta bắt đầu với những lẽ thật hiển nhiên của tôn giáo theo Kinh Thánh. (1) Đức Chúa Trời và tạo vật của Ngài có liên hệ hỗ tương nhưng không lẫn lộn hoặc đồng nhất điều này với điều kia. Quan điểm Cơ Đốc không phải là thần luận [deistic], thuyết phiếm

⁹ Adam Clark nhận định rằng “mọi sự được hình thành ở sự trọn vẹn tối đa của bản chất của nó đến nỗi nếu thêm điều gì vào hoặc giảm bớt điều gì thì sẽ gây ra sự lộn xộn về một phương diện, hoặc làm cho nó mất hiệu quả không đạt được mục đích đã dự kiến về phương diện kia” (Commentary [New York and Nashville: Abingdon Press, n.d.] 1:39).

thần [pantheistic] cũng không phải panentheistic, nhưng là thuyết cổ thần [theistic] nghĩa là, Đức Chúa Trời là Đấng Toàn Vẹn và siêu việt thật sự, nhưng cũng thật sự gần gũi và ở trong [God is Wholly Other and truly transcendent, yet just as truly immanent (near and in) – Ta là Đức Chúa Trời, không phải người; [Ta là] Đấng Thánh ở giữa các người” (Ô-sê 11:9). Hơn nữa (2) thế giới của vật thể, con người, và linh không phải là sản phẩm của cơ chế nguyên nhân và hậu quả, nhưng là sự tạo dựng của sắc lệnh thiên thượng được công bố trong sự tự do hoàn toàn. Sự tạo dựng không phải là một sự cần thiết vĩnh cửu. Và (3) sự tạo dựng ở dưới sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, có thể nói rằng nó liên quan với Đức Chúa Trời theo sự quản trị đạo đức. Có những chỉ thị ghi ra rõ ràng. Như vậy chúng ta mới có thể gọi những sức mạnh ấy là tội lỗi và sự cứu chuộc.

III. SỰ THÁNH KHIẾT VÀ SỰ QUAN PHÒNG

Hê-bơ-rơ 1:2-3 qui công tác tạo dựng và bảo trì cho Đức Chúa Con: bởi Con mà Ngài đã dựng nên thế gian... lấy lời có quyền phép Ngài nâng đỡ muôn vật”. Cụm từ thứ nhất nói về sự tạo dựng, trong khi cụm từ thứ hai nói về sự quan phòng, bảo trì muôn vật. Không có sự khởi đầu nào của trật tự vật chất, cũng không có sự bảo trì nào là sản phẩm của sự tự động mà có. Đức Chúa Trời đã không tạo dựng hoặc một *cơ chế* “chuyển động vĩnh viễn”, hoặc một *bios* mà trong đó tự có sức mạnh phát triển và tiếp tục tồn tại – để Đức Chúa Trời có thể đứng nhìn và để “cái máy” đó làm việc hoặc sức sống tự nó tuôn tràn ra. Trái lại, Đức Chúa Trời chịu trách nhiệm trực tiếp trong mỗi giai đoạn của sự tạo dựng và chịu trách nhiệm tương tự cho sự hoạt động diễn tiến và sự duy trì – “nâng đỡ” [“sustaining”] là từ ngữ tiếng Anh, hoặc “bảo trì” [upholding].

A. HÀNH ĐỘNG TỰ DO CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Trong sách Sáng thế ký, đưa muôn vật vào sự hiện hữu bằng sắc lệnh – lời nói “Phải có” là điệp khúc được nhắc đi nhắc lại, với sự hiện hữu như là sự đáp ứng. Trong tiếng Hy-bá-lai, sự quan phòng còn được xem là hành động của chữ. Ý nghĩa của sự truy nguyên từ sự tạo dựng và sự quan phòng đến lời nói thiên thượng – thay vì đến sự khéo léo thiên thượng hoặc bàn tay thiên thượng (sử dụng theo thuyết hình người [anthropomorphism]) thì không thể đếm xuể được. Ý niệm bảo trì là ý tưởng tự do trong hành động của Đức Chúa Trời, sự không liên tục căn bản giữa Đức Chúa Trời và tạo vật của Ngài, điểm cơ bản trong quyền lực. Tạo thành vật chất trước khi nó hiện hữu với đôi bàn tay khéo léo, hoặc giữ cho nó hoạt động bằng những mối hàn bằng tay thì không thể so sánh được với quyền năng nhiệm mầu khi nói ra làm cho muôn vật hiện hữu hoặc điều khiển bằng lời nói. Chúng ta có thể chế tạo và bấm nút điều khiển tự động một cái tivi, nhưng những sức mạnh hành động thì hoàn toàn có thể truy nguyên và thao tác được. Khả năng sáng tạo và điều khiển của con người không thể nào so sánh với quyền năng của Đức Chúa Trời được.

Nhưng mặc dù sự lệ thuộc của vũ trụ vào sự quan phòng của Đức Chúa Trời, liên quan đến quyền năng trực tiếp và lập tức của Ngài, làm dịu một số khó khăn, nhưng nó còn gây phức tạp cho những điều khác. Những phép lạ có thể không tạo ra nan đề về thần học nếu bình thường, còn trật tự không phép lạ cũng là hành động liên tục của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là Đấng từng giây phút bảo trì tác động qua lại phức tạp của những sức mạnh trong khuôn mẫu của nó mà chúng ta gọi là luật lệ vẫn có thể điều chỉnh những khuôn mẫu này nếu cần để bày tỏ quyền năng đặc biệt của Ngài. Điều này có thể xảy ra để thu hút sự chú ý của con người hoặc để phục vụ nhu cầu của con người. Và Ngài có thể làm điều này mà không dùng

phép lạ để phá vỡ hệ thống. Đức Chúa Trời đặt nhiều giá trị trên sự trật tự và uy tín để cho phép khuôn mẫu trở thành nghiêng lệch [askew].

B. TÍNH ĐẠO ĐỨC CỦA NHỮNG PHƯƠNG PHÁP CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Khó khăn thực sự là làm sao có sự hoà hợp giữa sự thánh khiết yêu thương của Đức Chúa Trời với những tai họa trong thiên nhiên như động đất, cuồng phong và bão táp. Nhưng mối quan hệ của những tai họa lớn hơn với sự quan phòng của Đức Chúa Trời còn dễ hiểu hơn là việc giải thích làm sao lại có những cơn rãn, côn trùng, nấm mốc, những loại rệp độc và những bệnh tật làm chết người. Mức độ chắc chắn của sự sai trật này là do Đức Chúa Trời rửa sả đất và đuổi con người ra khỏi Vườn. Đức Chúa Trời cho phép trật tự thiên nhiên trở thành chướng ngại thay cho một vườn địa đàng đã chuẩn bị sẵn sàng. Điều này có thể bao gồm vô số những thay đổi, từ sự không cân đối của loài côn trùng, đến sự rối loạn về thời tiết, và hoạt động nghiêng lệch như việc chuyển đổi những địa tầng của quả đất và thêm lục địa.

1. Rửa sả là một sự Đáp Ứng Đạo Đức [The Curse a Moral Response]

Trái đất được tạo dựng và chuẩn bị như là nơi ở thích hợp cho loài người như thế nào, thì cũng vậy sự méo mó của quả đất là sự đáp ứng của Đức Chúa Trời cho tội lỗi của con người thế ấy. Không có con người thì không có nan đề nào. Động đất và những trận cuồng phong tự nó không gây tai họa, chúng ta chỉ thấy nó ác khi rơi xuống đến con người. Khuynh hướng tự nhiên của chúng ta là hỏi tại sao một Đức Chúa Trời tốt lành lại tạo ra những nguy hiểm cho quả đất được dành cho con người. Giáo lý Kinh Thánh về sự quan phòng trả lời rằng mục đích nguyên thủy của Đức Chúa Trời là dành cho con người

trong sự thánh khiết và vâng lời để sống trong thế giới đó. Nhưng hình phạt rõ ràng đã công bố trước đó là không vâng lời sẽ bị chết, cả về thuộc thể lẫn thuộc linh. Điều chính xác ấy là sức mạnh vật chất, cả trong thân thể con người và trong môi trường của con người, trước kia được dự kiến trở thành công cụ của sự sống, bây giờ trở thành công cụ của sự chết.

Chúng ta phải nhìn nhận sự thật này là sự *thánh khiết* của Đức Chúa Trời được sử dụng để điều chỉnh trật tự thiên nhiên sao cho hoà hợp với tai họa trong linh hồn con người. Biến động về vật lý – theo một phương diện ngay cả thuộc vũ trụ – đều có tính luân lý, không phải là tình cờ, và chắc chắn không phải là không có tính luân lý. Điều này khó hiểu cho những người phản loạn và không tin, vì chính sự không tin và phản loạn của họ thích nhìn những sự mất mát thiệt thòi cho đời sống con người như là sự gian ác và sự phá hoại không cần thiết.

Đối với con người, trật tự thiên nhiên thực sự không có tính đạo đức phải là một điều hoàn toàn xa rời với mối quan hệ của con người với Đức Chúa Trời, trong đó sự vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời sẽ không đem lại đau khổ vì những kết quả của thiên nhiên. Vết phồng cho chỗ bị cháy là dấu hiệu của sự rộng lượng như thế nào, thì vũ trụ chống nghịch chúng ta khi chúng ta chống nghịch Đức Chúa Trời cũng là sự nhân từ thể ấy. Vì vũ trụ không độc lập, nó là dụng cụ hướng về mục đích đạo đức, bằng phương tiện này Đức Chúa Trời có thể cho biết sự chấp thuận hay không chấp thuận của Ngài.

Vì thế có những hậu quả không hay đối với sự không vâng lời của con người, hoặc là sự bất tuân đối với mạng lệnh tích cực cho A-đam, hoặc đối với luật pháp thành văn của Đức Chúa Trời được viết trong chất liệu của thiên nhiên. Bị bệnh khi chúng ta vi phạm qui luật sức khoẻ là một ví dụ đơn giản của tính đạo đức cơ bản trong bản chất của sự việc. Hoặc

chúng ta gọi những hậu quả này là tự nhiên hoặc hình phạt thì không có gì khác nhau, vì chúng là cả hai – ngoại trừ hậu quả của sự vi phạm một mạng lệnh tích cực thì đó là hình phạt trong khi hậu quả của sự vi phạm một qui luật kín giấu là việc xảy ra tự nhiên.

2. Một Nhu Cầu Rộng Lượng [A Benevolent Necessity]

Nhắc lại – sự thánh khiết của Đức Chúa Trời đòi hỏi loại quan phòng này. Điều này trở thành rõ nét hơn khi chúng ta nhìn kỹ vào những đối tượng đáng yêu của sự rửa sả. Chỉ khi nào con người bị đưa vào thế giới đầy tai họa thì con người mới nhớ ra sự mỏng manh và lệ thuộc của mình. Chỉ khi nào trải qua những biến cố đau đớn, buồn bã đến chết – hoặc là một tai họa hoặc một bệnh hiểm nghèo – thì con người mới chịu nhìn nhận tội lỗi và cần sự thương xót của Quyền Năng siêu việt. Chỉ khi nào con người thấy cần phải lao động vất vả, phải lấy chất bổ dưỡng từ lòng đất, thì con người mới được cứu khỏi sự chết mất.

Nhu cầu chinh phục thiên nhiên và vượt qua những trở ngại làm cho con người nảy ra nhiều sáng kiến. Như vậy con người phần nào bày tỏ hình ảnh thiên thượng của mình trong sự sáng tạo và khéo léo. Tiến bộ về mặt kỹ thuật của con người không phát sinh tại vùng đồng quê màu mỡ trù phú của những quần đảo vùng Biển Phía Nam, nhưng ở nơi đất đai khô cằn, thời tiết khắc nghiệt. Nhưng thậm chí ở nơi phù hợp: nó vẫn có một số điều khiến con người phải bảo vệ sự sống còn của mình - khả năng được chăm sóc và yêu thương – giữ con người khỏi sự hung bạo do sự ích kỷ của con người.

Và cuối cùng chính sự đau khổ và sự không ổn định của cuộc sống vốn là công cụ ban đầu để Thánh Linh làm cho con người tiếp nhận Phúc Âm. Lịch sử truyền giáo cho đầy đầy những ví dụ về trường hợp này. Chẳng hạn, ở Đảo Fiji, có một bệnh dịch khủng khiếp trên hòn đảo nhỏ ở Ono, cộng với việc

hoàn toàn bất lực của những thầy phù thủy trong việc làm nhẹ bớt sự khỉnh khiếp đó, nên đã tạo ra điều kiện cho dân chúng tiếp nhận sứ điệp của một đấng tể Đức Chúa Trời và từ bỏ sự thờ hình tượng của họ¹⁰. Nhưng không nhất thiết phải tìm kiếm những ví dụ ở xa. Mỗi mục sư đều biết rõ sự tai ương, sầu khổ, và đau đớn là những đồng minh chính của ông. Khó nhất là đến với những người khoẻ mạnh, hạnh phúc và giàu có – và những người quá tự mãn. Sự khó khăn là con đường để Đức Chúa Trời đi vào lòng con người.

Vì thế, mục đích của sự đau đớn là kỷ luật – “để chúng ta có thể dự phần vào sự thánh khiết của Ngài” (Hê-bơ-rơ 12:10). Khi chúng ta ở trong đời này chúng ta phải được dứt khỏi điều đó. Nếu không có sự rửa sả đi theo tội lỗi, và nếu cuộc sống không có nguy hiểm và kỷ luật; nếu con người có thể không vâng lời mà vẫn cứ được ở trong Vườn Lạc Viên không bị hậu quả gì cả; nếu dòng dõi loài người cứ tiếp tục trong tội lỗi với sự thịnh vượng không giảm; hạnh phúc nguyên vẹn và sức khoẻ không hạn chế, thì con người chắc đã hoàn toàn dấn thân vào tội lỗi. Như vậy việc đưa con người đến sự ăn năn chắc gặp muôn phần khó khăn. Chỉ khảo sát qua như thế chúng ta thấy Đức Chúa Trời công bình trong việc cho phép những tai hoạ trong thiên nhiên xảy ra, và tiêu diệt những gì làm cho khó khăn trong việc kết hợp sự đau khổ với sự thánh khiết thiên thượng.

C. SỰ THÁNH KHIẾT CỦA THIÊN THƯỢNG VÀ SỰ QUAN PHÒNG CÁ NHÂN

Một lãnh vực khó hiểu của giáo lý về sự quan phòng trong mối quan hệ với sự thánh khiết của Đức Chúa Trời đi đôi với

¹⁰ Robert Hall Glover, *The Progress of World-Wide Missions*, rev. J. Hertbert Kane (New York: Harper and Brothers, Publishers, 1960) 440-41.

sự trộn lẫn với nhau về những sự kiện trong đời sống của một người. Mỗi cuộc sống bao gồm một tấm thảm những sự kiện tình cờ và những việc cần thiết. Có sự tác động qua lại của (1) những hoàn cảnh ngẫu nhiên, (2) những hoạt động - bao gồm tội lỗi - của những người khác, và (3) sự liên kết của hàng ngàn véc-tơ ảnh hưởng. Đức Chúa Trời ở đâu trong tất cả những điều này? Ngài liên quan đến từng chi tiết ở mức độ bao nhiêu? Ngài chấp thuận hay chỉ cho phép? Câu trả lời phải bao gồm tình yêu của Đức Chúa Trời, có nghĩa là sự quan tâm tích cực của Ngài và mối quan hệ cá nhân trong tất cả những gì xảy ra. Chắc chắn Đức Chúa Trời là Đấng nhìn thấy chim sẻ rơi và biết số tóc trên đầu chúng ta thì không thể nào không nhìn thấy chúng ta trong cơn hoạn nạn.

Nhưng câu trả lời cũng bao gồm *sự công bình* [righteousness] của sự quan hệ của Đức Chúa Trời và sự công bình này có nghĩa là sự đúng đắn không những về mục đích của Đức Chúa Trời nhưng còn về việc Đức Chúa Trời tôn trọng sự tự do của con người. Đức Chúa Trời ở trong mối quan hệ sống động với con người trong đó Ngài cho phép con người làm tổn thương chính mình, và Ngài cũng không hủy bỏ hậu quả hay loại trừ khỏi con người những rắc rối do con người gây ra. Nhưng Ngài có thể chế ngự tại nơi Ngài không cai trị và có thể đưa vào kế hoạch của Ngài những gì Ngài không dự kiến, để mọi sự hiệp lại làm ích cho kẻ yêu mến Ngài (Rô-ma 8:28). Còn đối với những người không yêu mến Đức Chúa Trời thì Ngài có thể làm cho mọi sự tạo thành sự hình phạt và bảo vệ những gì hướng đến sự thức tỉnh để họ được cứu. Trong tất cả những điều đó sự thánh khiết của Đức Chúa Trời hướng sự quan phòng của Ngài vào giữa sự hoàn toàn quyết định về một phương diện và vào sự hoàn toàn tách ra về một phương diện khác.

Tuy nhiên, cho dù điều này có hấp dẫn nhiều đến mấy, thì nó không phải là chỗ để giải quyết mọi bí ẩn của sự quan

phòng cá nhân hoặc phát triển thành một lý thuyết thần học [theodicy]. Điều này chỉ đủ giúp chúng ta hiểu rằng cuộc sống không phải là một chiếc tàu bất lực trôi giạt trên vùng biển chưa thám hiểm với một người lái tàu không khả năng. Chúng ta không phải là nạn nhân của tính thất thường hoặc may rủi. Chúng ta ở trong mối quan hệ với một Đức Chúa Trời là Đấng vừa thánh khiết vừa đầy quyền năng. Quyền năng vĩ đại là sự bảo đảm rằng Đức Chúa Trời có thể cung cấp mọi nhu cầu của chúng ta. Sự thánh khiết là sự bảo đảm rằng tất cả sự quan phòng của Đức Chúa Trời - tất cả phương pháp và nguyên tắc vận hành của Ngài - đều là đúng đắn, công bình. Vũ trụ ở về phía công bình của Đức Chúa Trời vì nó được một Đức Chúa Trời công bình tạo dựng. Những gì xảy ra cho chúng ta không bao giờ ở bên ngoài sự hiểu biết của Ngài và không bao giờ tách rời khỏi nền đạo đức chủ yếu của những phương pháp của Ngài. Chúng ta ở trong mối quan hệ *đạo đức* với một Đức Chúa Trời thánh khiết. Sự an ninh và bình an của chúng ta nằm trong sự hiểu biết này (xem thêm Rô-ma 11:22).

IV. SỰ THÁNH KHIẾT VÀ SỰ PHÁN XÉT

Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là sự bảo đảm không những sự đối xử thuộc về sự quan phòng của Ngài sẽ đúng đắn nhưng tại trọng tâm của tình yêu của Ngài sẽ là sự phán xét. Tình yêu của Đức Chúa Trời không khoan nhượng hoặc hờ hững về mặt đạo đức. Theo Harold B. Kuhn, “Sự thánh khiết... trong hành động chỉ về sự chính trực nghiêm khắc và hình thức công kích của công chính”¹¹. Tình yêu của Đức Chúa Trời như là sự thánh khiết sẽ đòi hỏi đối xử với tội lỗi theo sự lầm lỗi bên trong - nghĩa là, tội nhân được đối xử đáng theo tội của

¹¹ God: *His Names and Nature*, 19

người ấy. Nhưng sự thánh khiết của Đức Chúa Trời là tình yêu sẽ làm thấm đầy sự phán xét bằng sự nhân từ trong tinh thần và mục đích.

Tình yêu hoặc sự thánh khiết không thể nào đứng trung lập hoặc dung túng cho hành động sai trái. Tình yêu làm những gì phải làm để đạt được sự biến cải cho dù nó thường kèm theo sự đau đớn. Sự thánh khiết đòi hỏi sự bảo vệ và bình vực lẽ phải. Vì nếu sự thánh khiết không phản ứng cách mãnh liệt và đoán xét về sự bất khiết thì chắc tự nó phải hủy diệt.

Nhìn về khía cạnh tiêu cực của sự phán xét thiên thượng chứng minh cái nhìn không thích hợp về tội lỗi. Thật khó cho chúng ta nhìn thấy tính độc ác của tội lỗi giống như Đức Chúa Trời nhìn thấy nó - ảnh hưởng xấu xa và sự tàn phá của nó - để nhìn nhận sự cần thiết đạo đức của sự đáp ứng triệt để. Chúng ta phải nhìn tội lỗi là điều làm thiệt hại loài thọ tạo của Đức Chúa Trời và làm tối bại con người, là tuyệt tác của Đức Chúa Trời. Nó lan truyền chất độc chết người giống như căn bệnh hay lây, thách thức sự tể trị của Đức Chúa Trời và đe dọa sự toàn vẹn của vương quốc của Ngài. Nó đặt sự nghẹt ngòi vào ngày mai và cỗi vĩnh hằng, giúp đỡ và tiếp tay cho vương quốc của sa-tan, kẻ thù không đội trời chung với Đức Chúa Trời và với cả vũ trụ hài hoà. Vì nếu Đức Chúa Trời đối xử với tội lỗi như là một lỗi lầm nhỏ, thì chắc chắn sự bất khiết sẽ vô cùng to lớn.

A. THÁNH KHIẾT ĐÒI HỎI NHỮNG ĐIỀU KIỆN NÀO

Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời đòi hỏi sự phán xét của Ngài -

1. Sự công bằng

Đức Chúa Trời “dựa vào phía sau” để công bằng. Một sự tổng hợp trọn vẹn của sự thương xót và công chính tạo thành

đội quân tiên phong của sự phán xét thiên thượng. Điều này minh họa cho việc Đức Chúa Trời không đuổi người Ca-na-an vào thời Áp-ra-ham – “Tội của dân A-mô-rít chưa đạt đến mức độ đầy dẫy của nó” (Sáng thế ký 15:16). Việc Đức Chúa Trời đưa người Hê-bơ-rơ xuống Ai-cập là quyết định có cân nhắc của Ngài, để cho người Ca-na-an bốn thế kỷ nữa có cơ hội ăn năn (Giô-na 4:2; 2 Phi-e-rơ 3:7-9).

2. Quan tâm đến người yếu, kẻ cô thế

Sự phán xét của Đức Chúa Trời bình vực người bị áp bức, tố cáo oan ức. Kinh Thánh lập lại rằng Đức Chúa Trời chống cự kẻ làm ác, và là Đấng Bảo vệ người yếu đuối (I Các Vua 8:31-32).

3. Phải làm Mẫu mực cho Con Người

Sự phán xét của Đức Chúa Trời phục vụ như là một mẫu mực cho những vị thẩm phán loài người, theo Kinh Thánh, là những người tự nhận mình là người thay mặt Đức Chúa Trời. Tiêu chuẩn của một vị thẩm phán lý tưởng được mô tả trong Cựu Ước rất có ý nghĩa vì đây là loại thẩm phán Đức Chúa Trời muốn (2 Sử Ký 19:5-7). Nếu các vị thẩm phán trần gian là phải công bằng, không thiên vị, nếu họ không chấp nhận của hối lộ, không bị những kẻ cường quyền hăm dọa, nếu họ trừng phạt kẻ phạm tội, và bình vực cho kẻ vô tội, thì chắc chắn Đức Chúa Trời không thể nào làm kém hơn được. Sự khác nhau giữa Đức Chúa Trời là Đấng Thẩm Phán với con người là thẩm phán không phải là bốn phần đạo đức nhưng là ở sự có thể sai lầm và không thể sai lầm. Cho dù thành thật bao nhiêu, thì thẩm phán loài người có thể đoán xét sai lầm, nhưng Đức Chúa Trời thì không bao giờ sai lầm. Và Ngài sẽ phán xét đúng đắn.

4. *Bình vực Luật Pháp*

Sự phán xét của Đức Chúa Trời bình vực cho sự toàn vẹn của luật pháp của Ngài. Cơ cấu luân lý của vũ trụ đòi hỏi điều này. Khi Đức Chúa Trời công bố thì những hoạt động nào đó sẽ mang lại những kết quả nào đó, sự thánh khiết *chân thật* của Ngài phải nhìn nhận những hành động đó sẽ được nối tiếp bằng những kết quả đó. Lỗi của Ngài ở tại chỗ nguy hiểm. Luật pháp đã được viết sâu trong bản chất của mọi vật vì ở đằng sau bản chất của mọi vật là sự thánh khiết của Đức Chúa Trời. “Chớ hề dối mình, Chúa không chịu khinh dễ đâu. Ai gieo giống chi sẽ gặt lại giống ấy liền” (Ga 6:7). Harold B. Kuhn nói, “Trong việc ban cho sự thương xót và ân điển, Đức Chúa Trời sẽ không vi phạm những qui tắc do sự thánh khiết lập ra”¹².

5. *Hình Phạt để Cứu Chuộc*

Đức Chúa Trời hình phạt tội lỗi trong khi Ngài tìm cách cứu chuộc tội nhân. Tình yêu, vốn là sự thánh khiết, biết rằng phải đoán phạt tội lỗi (bác cha mẹ nào há không biết rõ điều này sao?). Sự thánh khiết yêu thương mong muốn khôi phục tội nhân đến sự thánh khiết. Như vậy tất cả những sự phán xét thiên thượng ở đời này là sự kỷ luật và sự cứu chuộc.

Nhưng, mọi sự phán xét trên các quốc gia và con người đều chỉ về Gô-gô-tha. Thập tự giá qui tụ vào mình sự căng thẳng nội tại giữa sự phán xét và sự thương xót. Mặc dù sự thánh khiết tìm cách khôi phục tội nhân, nhưng nó không thể, ở mức độ sâu nhất, buông tha sự hình phạt. Thậm chí nếu một tội nhân quay lại, tội lỗi người ấy có thể được bao phủ, nhưng không thể không biết đến những tội đó. Đây là lý luận của toàn thể hệ thống của lễ hi sinh của thời Cựu Ước. Nhưng điều

¹² Sách đã dẫn.

quan trọng hơn, tại đây có lý luận về sự Thành nhục thể và huyết Chuộc tội trên Thập tự giá – để Đức Chúa Trời có thể là công bình [*just*] (trong việc trừng phạt tội lỗi) và bào chữa [*justifier*] (ban cho sự thương xót và tha thứ) cho những người tin (Rô-ma 3:26). Sự trừng phạt trọn vẹn sẽ vĩnh viễn và ở bên ngoài sự thương xót. Nhưng tội lỗi được gánh thay và tượng trưng qua sự chết thay thế của Đấng Christ cho phép Đức Chúa Trời cứu rỗi con người trên căn bản đạo đức. Nghĩa là, sự hình phạt không trả giá cho sự thánh khiết của Ngài.

Chính là tình yêu của Đức Chúa Trời thúc đẩy Thập tự giá (Giăng 3:16), nhưng chính sự thánh khiết của Ngài là nền tảng của sự cần thiết của Thập tự giá. Đây là nguồn gốc căn bản của mọi nền thần học Cơ Đốc. Đó cũng là lý do để H. Orton Wiley có thể nói, “Vì thế, của lễ vãn hồi trở thành ý tưởng nổi bật của sự cứu chuộc”¹³. Trong một đoạn văn hùng hồn và cảm động, Wiley nói,

Sự cứu chuộc được đặt nền tảng trên bản chất và những lời công bố của Đấng Tối Cao. Bản chất của Đức Chúa Trời là tình yêu thánh... Tình yêu là điều Ngài truyền đạt Chính Mình, hay muốn có mối thông công với những người vốn là thánh hoặc có khả năng trở thành thánh. Vì bản chất rất thánh của Ngài, Ngài không thể thông công với con người tội lỗi; nhưng tình yêu thương của Ngài lại muốn thông công với tạo vật Ngài dựng nên. Tội lỗi đã xé rách lòng của Đức Chúa Trời... sự thánh khiết của Ngài cản trở con người tội lỗi đến gần Ngài, trong khi tình yêu của Ngài lại kéo tội nhân đến với Ngài. Của lễ vãn hồi trở thành cần thiết để hoàn thành cơ sở chung cho cuộc gặp gỡ này, cho phép sự thông công thánh xảy ra giữa Đức Chúa Trời và con người”¹⁴.

¹³ *Christian Theology*, 2:283

¹⁴ *Sách đã dẫn*, 273-74.

Rễ cái của sự cứu chuộc dựa trên sự chuộc tội là sự thánh khiết của Đức Chúa Trời.

Cuối cùng sự thánh khiết của Đức Chúa Trời đòi hỏi sự phán xét của Ngài -

6. *Tôn Trọng sự Tự Do của Con Người*

Sự chuộc tội là nền tảng cho sự thương xót, chứ không phải là cơ sở để bỏ qua sự tự do của con người bằng cách *áp đặt* sự thương xót. Cho dù sự thánh khiết có ý nghĩa gì, thì nó đều có nghĩa là mối quan hệ của Đức Chúa Trời với con người ở từng bước và từng giai đoạn đều qua đạo đức. Ngoài việc con người đáp ứng “ở mức chót” [bottom line] là tự do, thì những từ ngữ thánh khiết và tội lỗi đều vô nghĩa. Cả sự thánh khiết bắt buộc và tội lỗi tất nhiên là sự tương phản về ý nghĩa. Vì vậy, sự quyết định do con người *không* chấp nhận quà tặng của Đức Chúa Trời có sự hỗ trợ của Đức Chúa Trời [has the backing of God] cũng như quyết định tiếp nhận quà tặng đó. Sự thánh khiết của Đức Chúa Trời phải bảo đảm rằng quyết định tối hậu của con người sẽ đứng vững. Rõ ràng và nhấn mạnh là nghị quyết của Kinh Thánh: “Đức Chúa Trời ban cho mỗi người tùy theo việc họ đã làm” (Thi thiên 62:12; Châm ngôn 24:12). Đối với những người kiên trì làm điều thiện sẽ tìm được sự vinh hiển, tôn trọng và bất tử; Ngài sẽ ban cho sự sống đời đời. Nhưng những ai tìm kiếm lợi riêng, từ khước lẽ thật và đi theo điều ác, thì người ấy sẽ gặp sự thanh nộ và giận dữ” (Rô-ma 2:6-8). Và sự thanh nộ và giận dữ sẽ là đời đời và không thể nào được cứu chữa. Sự giải độc được cung cấp tại Gô-gô-tha; nếu bỏ qua phương tiện này thì về sau không còn cách nào khác (Hê-bơ-rơ 10:26). Theo lời C. S. Lewis trích dẫn, “Chỉ có hai loại người, những người nói với Đức Chúa Trời, ‘Xin ý Ngài được nên’, và những người mà Đức Chúa Trời nói, ‘Ý người sẽ được thực hiện’”.

B. CÁCH THỨC PHÁN XÉT CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Sự phán xét của Đức Chúa Trời được thực hiện như thế nào?

1. Bằng sự Quở Trách

Sự phán xét trước hết được công bố, và Thánh Linh nói với lương tâm chúng ta trong hình thức cáo trách. Các tiên tri trong Cựu Ước là phát ngôn viên của Đức Chúa Trời trong việc công bố sự thanh nộ và cảnh cáo về những hành động Ngài sắp thực hiện.

2. Bằng Qui Luật Thiên Nhiên

Đức Chúa Trời cho phép sự vận hành những qui luật chi phối sự hoạt động trong cơ thể con người, tâm lý con người và xã hội. Vi phạm những qui luật này thì họ phải chịu hình phạt. Thân thể mắc bệnh, tinh thần bị xáo trộn, xã hội loạn lạc và cuối cùng bị tiêu diệt. Chẳng hạn, giận dữ trút nọc độc vào chính thân thể và linh hồn người nổi giận.

3. Bằng Sự Sắp Xếp Đặc Biệt

Điều này xảy ra dưới nhiều hình thức, Đức Chúa Trời có thể dùng một chuỗi liên tiếp những sự kiện hoặc hoàn cảnh để khiến người ta chú ý và tạm dừng lại. Thông thường chúng ta bỏ qua câu hỏi “Tại sao Đức Chúa Trời làm điều này?” với người bệnh hoặc người bị tai nạn, nhưng nói nhẹ hơn, “Bạn đừng nghĩ điều này là sự sai trật trong đời sống mình, có lẽ Đức Chúa Trời không can dự vào đâu”. Loại an ủi có thiện chí này có thể ngăn trở Đức Chúa Trời thi hành ý định của Ngài và ra mặt chống đối những đoạn văn như, “Vì Chúa sửa phạt kẻ Ngài yêu; hễ ai mà Ngài nhận làm con, thì cho roi cho vọt” (Hê-bơ-rơ 12:6; xem thêm Xuất Ê-díp-tô ký 15:26; Giê-rê-mi 2:19; 30, 35; 4:18; Giăng 5:14; I Cô-rin-tô 11:29-32).

Tốt hơn là chúng ta nên nói: “Đức Chúa Trời có một mục đích khi cho phép điều này và đến kỳ thuận tiện Ngài sẽ cho bạn biết. Chỉ cầu nguyện, ‘Lạy Cha, con tin cậy Ngài. Nếu Ngài muốn nói với con điều gì, xin cho con nghe được tiếng Ngài’. Và bạn có thể tin quyết rằng hễ điều gì Đức Chúa Trời muốn nói hay làm, thì điều đó sẽ xảy ra không phải vì Ngài không yêu bạn nhưng vì Ngài yêu bạn”.

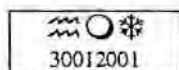
Hoặc sự phán xét có thể xảy ra ở hình thức cơn tai hoạ rộng hơn rơi xuống trên một cộng đồng hoặc một quốc gia. Mưa hoặc hạn hán, đói kém, mưa tuyết, cào cào, ong bắp cày - tất cả là những dụng cụ của Đức Chúa Trời trong lịch sử thời Cựu Ước. A-ghe chỉ ngón tay mình giải thích tình cảnh khó khăn khốn khổ của người Y-sơ-ra-ên, “Các ngươi trồng nhiều mà được ít; các ngươi đem vào nhà thì ta đã thổi lên trên... Ấy là tại làm sao? Ấy là tại nhà ta thì hoang vu, mà các ngươi ai nấy xây nhà mình. Cho nên vì cơ các ngươi, trời giữ móc lại, và đất giữ bông trái lại. Ta đã gọi cơn hạn hán đến...” (A-ghe 1:9-11; Ma-la-chi 3:9-12). Đức Chúa Trời vẫn còn sai những cơn đoán phạt giống như vậy, nhưng người ta vẫn còn say sưa trong chủ thuyết khoa học nên chậm hiểu đối với những gì đang xảy ra. Những cơn rối loạn càng gia tăng trong trật tự thiên nhiên trong những năm gần đây không phải là sự xảy ra mù quáng, nhưng là Đức Chúa Trời đang muốn nói với con người hiện đại (Ma-thi-ơ 24:7-8; Khải huyền 6:12-16).

Sự phán xét của Đức Chúa Trời qua những sự kiện đặc biệt có thể ở dưới hình thức dã man của con người. Khi dân Y-sơ-ra-ên chối bỏ Đức Chúa Trời, Ngài sai gươm đao đến, khi họ ăn năn, Ngài đuổi kẻ thù đi xa. Về Sa-lô-môn, Đức Chúa Trời hứa với Đa-vít, “Nếu nó phạm tội ác, tất ta sẽ sửa phạt nó bằng roi và thương vít loài người”. Trái lại, “Khi tánh hạnh của người nào đẹp lòng Đức Giê-hô-va, thì Ngài cũng khiến các kẻ thù nghịch người ở hoà thuận với người” (Châm ngôn 16:7). Phủ nhận sự can thiệp của Đức Chúa Trời trên sự hưng thịnh

và suy vong của các quốc gia, và sự sử dụng sự cướp bóc của con người làm hình thức của sự phán xét thiên thượng, là sự phủ nhận toàn bộ Kinh Thánh, vì kiểu phán xét này là phần của sự ngang và sự dục của tằm vãi.

4. Bằng sự Hình Phạt Đời Đời

Không tình yêu nào hoặc thánh khiết nào có thể cho phép thiên đàng bị ô nhiễm và hư hoại do sự cố chấp không ăn năn. Theo J. Paul Taylor, “Chắc chắn phải có một Đức Chúa Trời thánh, với một thiên đàng thánh và một địa ngục bất khiết hoặc một Đức Chúa Trời không thánh với hai địa ngục và không có thiên đàng”¹⁵. Vì thế, Kinh Thánh nói về “sự tối tăm bên ngoài”, hình phạt đời đời, hồ lửa – “sự chết thứ hai” (Khải huyền 20:14-15). Trong sự thánh khiết của Đức Chúa Trời có một sự đòi hỏi đạo đức kinh khủng đến nỗi cuối cùng trở thành một vũ trụ, mà satan là kẻ thù sẽ bị làm cho câm lặng đến đời đời và bất động, cùng với nó sẽ có những người đã chọn đứng về phía hắn, hoặc thiên sứ hoặc loài người. Như chúng tôi đã nói, Đức Chúa Trời sẽ tôn trọng sự tự do của con người. “Kế đó, cuối cùng sẽ đến, là lúc Ngài sẽ giao nước lại cho Đức Chúa Trời là Cha, sau khi Ngài đã phá diệt mọi đế quốc, mọi quyền cai trị, và mọi thế lực” (I Cô-rin-tô 15:24).



¹⁵ *Holiness, the Finished Foundation*, unabr. ed. (Winona Lake, Ind: (Light and Life Press, 1963), 18.

2

SỰ THÁNH KHIẾT NƠI CON NGƯỜI

Con người không thể nói mình có một “tia loé của tính thiêng liêng” [spark of divinity] theo ý nghĩa của phiếm thần thuyết hoặc thuyết thần trí. Con người cũng không phải là một mảnh vụn của Đức Chúa Trời và không bao giờ có thể đạt đến sự kết hợp huyền bí với Đức Chúa Trời mà về một phương diện Tính Trọn Vẹn Khác của Đức Chúa Trời [the Wholly Otherness of God], làm che mờ đi tính cách riêng biệt hoàn toàn độc đáo của con người về phương diện khác. Cũng không phải số phận của con người là trở nên thần thánh như những người Mormon dạy. Cho đến đời đời Đức Chúa Trời vẫn luôn luôn vô hạn và cho đến đời đời con người là hữu hạn; Đức Chúa Trời lúc nào cũng là Đấng Tạo Hóa, con người luôn luôn là loài thọ tạo; Đức Chúa Trời là Đấng toàn năng, toàn tri và toàn tại, còn con người là yếu ớt và lệ thuộc, hạn chế trong sự hiểu biết và thậm chí hạn chế trong không gian và thời gian. Con người lúc nào cũng hiện diện tại một chỗ, chứ không phải hiện diện khắp mọi nơi trong cùng một lúc.

I. BẢN CHẤT VÀ SỐ PHẬN CỦA CON NGƯỜI

A. MỘT LOÀI DUY NHẤT

Loài người, với tất cả tính hữu hạn của mình, là loài hữu thể giống thần linh nhiều nhất trên quả đất này, và có lẽ trong cả vũ trụ nữa. Như vậy về nguồn gốc, sự thật con người không chỉ siêu việt, nhưng còn thuộc về loại khác hẳn với những hình thức sự sống khác. Mặc dù con người chia sẻ với những loài vật cấp thấp về sinh thái [bios] chung, nghĩa là lệ thuộc vào nước, không khí, và thức ăn, nhưng bản chất thiết yếu của con người nằm trong một loại riêng. Hầu như có sự khác biệt về phẩm chất vô hạn giữa loài người và loài vật thông minh nhất. Vì khi Đức Chúa Trời phán, “Chúng ta hãy làm nên loài người theo hình ta và tượng ta” (Sáng thế ký 1:26), thì Ngài công bố một sự đổi mới tận gốc. Hành động tượng trưng thờ “vào mũi hơi thở của sự sống” (2:7) có nghĩa là bản chất của con người gần giống với tính độc nhất của Đức Chúa Trời. Con người thuộc về bụi đất, vì con người được tạo dựng từ bụi đất. Nhưng con người bình đẳng với loài hữu thể thuộc linh. Như vậy con người khác hẳn với cả loài vật hoặc thiên sứ, thật vậy, con người được “dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời” (Gia cơ 3:9).

B. SỐ PHẬN CỦA CON NGƯỜI

Con người được tạo dựng với một số phận cao quý không thể diễn tả được. Tác giả Thi thiên choáng ngợp khi ông so sánh sự nhỏ bé của con người với vũ trụ bao la rộng lớn:

Khi tôi nhìn xem các tầng trời là công việc của ngón tay Chúa,

Mặt trăng và các ngôi sao mà Chúa đã đặt,

Loài người là gì mà Chúa nhớ đến?

Con loài người là chi mà Chúa thăm viếng nó” (8:3-4)

Nhưng ngay khi ông cảm thấy mình quá kinh hãi vì sự bao la của các tầng trời, thì tác giả Thi thiên cảm nhận trong con người có một sự vĩ đại cân xứng với sự bao la của vũ trụ. Ông đã có thể hiểu được vì sao chàng trai trẻ bị kẻ nghi ngờ quở mắng. Sau khi suy nghĩ những điều kỳ bí của thiên văn học, kẻ nghi ngờ thách thức. “Trong những mối quan hệ vĩ đại đó, con người là gì?” Một câu trả lời bình tĩnh đến, “Thưa nhà thiên văn học, tại sao?” Tác giả Thi thiên, cũng biết lẽ thật không nằm ở dấu chấm hỏi vì ông tiếp tục-

*Chúa làm cho loài người kém những Hữu Thể trên trời
[hoặc Đức Chúa Trời] một chút,*

Đội cho người sự vinh hiển và sang trọng.

*Chúa ban cho người quyền cai trị công việc tay Chúa
làm,*

Khiến muôn vật phục dưới chơn người” (8:5-6)

Nhưng sự “vinh hiển và sang trọng” và uy quyền trên đất (điều này cảm thúc Eric Sauer viết một cuốn sách gọi con người là *Vua của Quả Đất*), là quà tặng của Đức Chúa Trời và phải trả lại cho Đức Chúa Trời. Số phận của con người liên quan đến Đức Chúa Trời và chỉ có thể hoàn thành ở trong Đức Chúa Trời. Khi Bài Vấn Đáp Westminster đưa ra câu hỏi, “Chủ đích chính của loài người là gì? Câu trả lời quả quyết và vang dội: “Để làm vinh hiển Đức Chúa Trời và vui thoả trong Ngài mãi mãi” Còn điều gì cao quý hơn nữa?

Làm vinh hiển Đức Chúa Trời là tán dương Ngài và dâng lên cho Ngài sự tôn quý trong vũ trụ. Vì sự tôn trọng chỉ xảy ra khi có đối tượng chứng kiến, chúng ta phải nhìn nhận rằng khi Đức Chúa Trời tạo dựng loài người thì có những hữu thể khác nhìn thấy. Như chúng ta đã biết, những hữu thể khác đó là thiên sứ - thiên sứ không sa ngã và thiên sứ sa ngã, là những lực lượng đang đối chọi nhau. Sa-tan và vương quốc gian ác tiêu biểu cho hình ảnh thu nhỏ của mọi sự chống nghịch Đức

Chúa Trời – ghen ghét, lừa dối, độc ác, mục tiêu chính của Sa-tan là làm ô nhục Đức Chúa Trời và thậm chí hạ bệ Đức Chúa Trời. Điều gì Đức Chúa Trời gọi là tốt lành thì sa-tan cố gắng làm méo mó và làm xấu đi. Nơi nào con người thích hợp cho loại chiến đấu rộng lớn này?

Có lẽ câu trả lời không quá xa với lời nói của Oswald Chambers, “Đức Chúa Trời tạo dựng con người để đối đầu với ma quỷ”. Ít nhất Đức Chúa Trời tạo dựng trong con người một hữu thể có thể và sẽ dính líu vào cuộc chiến này. Ý niệm nổi bật nhất là nhìn con người như là cú đánh chủ yếu của Đức Chúa Trời, cú đánh đem lại sự chiến thắng toàn vẹn cuối cùng.

Con người có thể làm vinh hiển Đức Chúa Trời khác hơn điều đó được không? Các thiên sứ đang nhìn xem điều đó với sự kinh ngạc và ma quỷ sẽ tấn công người chỉ để con người thất bại. Đây là một tạo vật, bị ràng buộc vào quả đất và yếu ớt, hữu hạn trong sự hiểu biết và khôn ngoan, nhưng với khả năng đạo đức biết chọn vấn đề đạo đức và thích nghi với điều phải thay vì điều xấu. Và cuối cùng người ấy sẽ là dụng cụ của Đức Chúa Trời trong việc làm cho vương quốc của sa-tan sụp đổ và hoàn toàn hủy diệt vương quốc gian ác. Kinh Thánh chép về hành vi của con người trong cuộc xung đột, và cuộc chiến đấu giữa Đức Chúa Trời và sa-tan với con người là cái giá. Đây là ý niệm nín thở và một vở kịch rùng rợn.

C. HÌNH ẢNH THIÊN THƯỢNG

Khả năng con người vừa làm vinh hiển Đức Chúa Trời vừa vui hưởng với Ngài cho đến đời đời là điểm chung của hình ảnh thiên thượng nơi con người. Điều nào tạo nên sợi dây giữa Đức Chúa Trời và loài động vật hai chân này, một sợi dây hoàn toàn không thể xảy ra cho bất kỳ loài vật nào khác trên quả đất này?

1. Thân vị tính [personhood]

Khía cạnh thứ nhất mà con người được dựng nên giống như Đức Chúa Trời là sự sở hữu thân vị tính, với tất cả những thuộc tính được qui cho nó. Điều này có nghĩa là sự tự nhận thức hay ý thức sự hiện hữu của mình với khả năng nghiên cứu cách khách quan, cũng nghiên cứu cách ý thức và khách quan về môi trường không phải là bản thân mình. Động vật cũng có ý thức nhưng không phải loại tự nhận thức này¹. Chúng kinh nghiệm vui thú và đau đớn, và có nhiều bằng cớ về mức độ chúng có những phản ứng chọn lựa, nhưng không thể nào có sự tự ý thức, tự học hỏi như khả năng của con người. Cùng với sự tự ý thức và tính cách cá nhân con người còn có ký ức, lý luận, trí tưởng tượng, óc sáng tạo và khả năng hoạch định tương lai. Không có bằng cớ nào cho thấy loài vật có tư tưởng về “tương lai” cả.

Hơn nữa, thân vị tính được tạo dựng của con người giống như Đức Chúa Trời ở chỗ nó có *sức mạnh để hành động*. Điều này bao gồm khả năng chuyển động của ý muốn, kể cả sự hoàn thành một kế hoạch hành động. Nó cũng bao gồm khả năng phản ứng với sự kích thích, không chỉ phản ứng lập tức, nhưng còn phản ứng cách thông minh và có kinh nghiệm. Nó còn bao gồm khả năng thực hiện một số mức độ của sự kiểm soát trên hoàn cảnh chứ không phải là những nạn nhân bị động, bất lực.

¹ “Loài người, con mèo, cây cối tất cả đều là hữu thể, chúng ta gặp chúng trong thế giới này. Nhưng chúng ta chỉ biết loài người, theo ý nghĩa là không những người ấy biết người ấy *hiện hữu*, nhưng còn ở mức độ là người ấy là gì nữa” (John Macquarrie, *Principles of Christian Theology* [New York: Charles Scriber’s Sons, 1966]. 54.

Cuối cùng, thân vị tính giống như Đức Chúa Trời ở khả năng nhận biết về những người khác, và khả năng thông công với họ. Đây là cơ sở tạo nên nền tảng cho sự thông công giữa Đức Chúa Trời và con người. Vì sự thông công thật phải có hai chiều và có sự liên kết giữa hai thân vị. Không thể nào có được sự thông công chân thật giữa một thân vị và một thực thể không có thân vị. Một cậu thiếu niên có thể nói chuyện với chiếc xe của cậu và có thể triển khai “một tình cảm” với nó, nhưng không có sự nhận thức “chia sẻ”. Chiếc xe không thể đi vào tình cảm vui buồn của chủ nó. Một người có thể nói chuyện tự do với một con chó và nhận được sự đáp ứng nồng nhiệt của nó; nhưng nếu chúng ta muốn có một sự thông công thoả lòng, thì chúng ta phải quay sang con người khác. Thật vậy, chúng ta sẽ nhận thấy rằng nếu chúng ta muốn có một sự thông công đúng nghĩa và hoàn toàn thoả mãn, thì con người khác ấy phải là Đức Chúa Trời.

2. Tính bất tử

Nếu cuốn vấn đáp giáo lý đúng, và số phận của con người là “vui thoả trong Ngài mãi mãi” [to enjoy Him (God) forever], thì con người phải được tạo dựng như một loại hữu thể “trường tồn”. Sự chết không bao gồm trong kế hoạch đó, nhưng thậm chí sự chết có xâm phạm nhưng cũng không thể nào làm cho con người giảm đi tính bất tử của mình. Vì Kinh Thánh nhìn sự chết không phải là sự chấm dứt sự hiện hữu nhưng là sự chuyển đổi (lên một nấc hoặc xuống một nấc. Theo truyền thống, người ta quan niệm rằng con người có linh hồn bất tử. Nói cách chính xác hơn con người là một thân linh cư ngụ trong một thân thể vật lý như là cái nhà tạm. Con người có một tâm thần dù nó bắt đầu trong một thân thể nhưng cuối cùng nó vượt

trên thân thể. Sự hủy hoại của thân thể không làm chấm dứt sự hiện hữu của một người².

Kinh Thánh còn dạy dỗ rằng kế hoạch của Đức Chúa Trời còn bao gồm việc tạo dựng một thân thể mới thay thế cho thân thể cũ - thân thể không tiếp thu được những chương ngại của *bios*. Tuy nhiên, cá tính, những nét nhận diện của cá nhân vẫn tiếp tục. Đây là sự tồn tại nhờ đó hai thân thể có liên quan với một người thay vì hai người. Theo lời trích dẫn của Rufus Jones, “Trước kia tôi có một đôi giày ống. Trải qua nhiều năm, tôi thay đế mới đến 3 lần, và thay phần da bên trên đến hai lần- nhưng nó vẫn là đôi giày cũ của tôi”. Tuy phần ẩn dụ này không thể minh họa hết được sự nhận diện cụ thể của một con người, nó cứ không thay đổi dù trải qua nhiều sự thay đổi liên tục.

3. Hình Ảnh Đạo Đức

Như chúng ta đều biết bản chất con người thuộc về điều chúng ta gọi là hình ảnh tự nhiên của Đức Chúa Trời trong con người. Đây là nền tảng cho sự thông công. Nhưng hai người có thể thông công mà không cần có sự thoả thích hoặc sự thân mật. Nếu có sự hiệp nhất về thuộc linh, thì ngoài sự giống nhau

² Những học giả hiện đại như Oscar Cullman, trong sự phản bác giáo lý của Platon về sự bất tử, ông đã đẩy lẽ thật này đi xa đến chỗ sai lầm vì chỉ giữ một khía cạnh thái quá của sự kết hợp không thể chia cắt được giữa linh hồn và thân thể, mà đó không phải là quan điểm của Kinh Thánh. Phải công nhận rằng ý tưởng của Plato về một linh tiền hiện hữu đã bị ô nhiễm khi kết hợp với một thân thể vật chất gian ác và bất tử khi linh hồn rời khỏi nhà tù thân xác không thích hợp với quan điểm của Kinh Thánh về sự thánh hoá của thân thể. Nhưng hữu thể thuộc linh thiết yếu của con người vẫn sống khi thân thể vật chất chết là sự dạy dỗ xuyên suốt Kinh Thánh. Xin xem “Immortality”, “Soul”, trong *Beacon Dictionary of Theology* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1983), cũng xem thêm Purkiser, Taylor, and Taylor, *God, Man, and Salvation* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1977), 256-63.

về cá tính, thì chắc phải có sự giống nhau về đặc tính cơ bản. Vì Đức Chúa Trời là thánh khiết trong đặc tính đạo đức (cũng như độc nhất trong Thần Tính của Ngài), nên con người phải thánh. Đây được gọi là hình ảnh đạo đức của Đức Chúa Trời trong con người. Bây giờ chúng ta quay sang câu hỏi sâu hơn vào sự thánh khiết mà con người có thể chia sẻ.

II. SỰ THÁNH KHIẾT NƠI CON NGƯỜI LÀ LOÀI THỌ TẠO

A. SỰ THÁNH KHIẾT VÀ BẢN CHẤT CON NGƯỜI

1. Tự Nhiên nhưng Bị Sai Trật

Có thể nói rằng sự thánh khiết là tính bẩm sinh trong bản chất của con người về hai phương diện. Trước hết, về cơ bản nó là điều tự nhiên đối với con người vì con người không thể thực hiện nếp sống đạo đức cách chính xác nếu không có nó. Chỉ có con người thánh là một người bình thường theo ý định của Đức Chúa Trời, điều này quan trọng đến mức độ là người bất khiết là người không bình thường và bị bại hoại.

Điều này dẫn đến một phẩm chất có ý nghĩa đối với bản chất của con người và sự thánh khiết. Mặc dù thân vị tính không thể bị mất vì con người còn tồn tại, nhưng điều này không đúng với sự thánh khiết. Không có sự thánh khiết thì con người có thể bị méo mó, nhưng vẫn còn là con người. Vì thế mặc dù sự thánh khiết tự nhiên đối với bản chất của con người nhưng nó có thể bị tách riêng ra khỏi bản chất con người. Nó không phải tự nhiên mà có. Vì trong bản chất của con người có một thuộc tính thậm chí đặc hữu hơn sự thánh khiết – đó là khả năng thay đổi. Bản chất con người trong tình trạng nguyên thủy không bị trói buộc vào sự thánh khiết theo ý nghĩa quyết định.

Trong cuốn *Paradise Lost* Milton qui cho Đức Chúa Trời những lời:

Ta dựng nên loài người công bằng và thẳng đứng
Đủ sức để đứng vững, dù nó được tự do để ngã xuống.

Đức Chúa Trời không thể tưởng tượng được việc Ngài trở nên bất khiết mà vẫn còn là Đức Chúa Trời, nhưng con người có thể trở thành bất khiết mà vẫn là con người. Do đó vì sự thánh khiết của con người là lệ thuộc và rút ra từ sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, và vì phẩm chất dễ vỡ của công cụ tự do hữu hạn, nên sự thánh khiết của con người có thể bị sai trật. Nó có thể bị đánh mất. Nhưng phẩm chất này không tiêu diệt được sự ham thích tự nhiên của bản chất của con người về sự thánh khiết. Nó là tội khi nó xa lạ và không tự nhiên, vì thế nó bị hủy diệt.

2. Thánh khiết, không trung tính

Khía cạnh thứ hai trong đó sự thánh khiết là điều bẩm sinh đối với con người ấy là con người được thánh khiết khi tạo dựng, không trung tính. Đây là lưu vực sông từ đó toàn thể những hệ thống tư tưởng chảy xuống về hướng đối lập. Chúng ta hãy khảo sát điều này chặt chẽ hơn.

B. SỰ THÁNH KHIẾT NGUYÊN THỦY

Con người được tạo dựng với sự thánh khiết, không những với một khả năng được thánh khiết, như Pelagius dạy. Sự thánh khiết được dựng nên cùng lúc với sự tạo dựng con người, chứ không phải là một quà tặng đặc biệt theo sau sự tạo dựng (*donum superadituum*) theo sự dạy dỗ của người Công giáo. Họ tiến đến kết luận này trên cơ sở là vì sự thánh khiết có thể bị mất, nên nó không thể nào là yếu tố nguyên thủy của sự cấu tạo con người. Trái lại Pelagius lại ngần ngại về sự nghịch lý của bản chất đạo đức, sản phẩm của sự chọn lựa, được dựng nên. Sự sai lầm của cả hai thái cực là sự không phân biệt giữa

sự thánh khiết được dựng nên và sự thánh khiết đạo đức – về điều này chúng ta sẽ nói nhiều về sau.

1. Một Khuynh Hướng Tự Động

Sự nhận thức đầu tiên của con người về mình bao gồm sự nhận thức về Đức Chúa Trời và mối quan hệ cá nhân với Đức Chúa Trời. Có thể không lâu sau khi tạo dựng Đức Chúa Trời đã đưa những từ ngữ nói về mối quan hệ của họ, (1) giao ước, (2) hạn chế. Chúng ta không thấy có sự phản đối nào của cặp vợ chồng đầu tiên về sự công bố về những bốn phận có tính giao ước, qua đó con người phải lệ thuộc vào Đức Chúa Trời. Họ tự nhiên vui vẻ chấp nhận điều đó vì theo trực giác họ nhận thức việc xếp đặt như thế là đúng đắn. Nói cách khác, lúc đó họ không có tính ương ngạnh, điều này đúng trong trường hợp ăn điển hành động hướng về con người sa ngã.

H. Orton Wiley nói,

Sự thánh khiết trong con người được tạo dựng bao gồm trong khuynh hướng tự động về điều thiện – một tính khí chủ quan luôn luôn đáp ứng với điều phải lẽ. Điều này khác hơn sự ngây thơ. Con người được tạo dựng không những ngây thơ cách tiêu cực nhưng còn thánh khiết cách tích cực với sự hiểu biết được soi sáng về Đức Chúa Trời và những điều thuộc linh, và một ý chí hoàn toàn hướng về những điều đó. Vì thế, khi chúng ta nói về sự thánh khiết của A-đam, chúng ta chỉ nói đến khuynh hướng tự động, hoặc tính khí chủ quan vốn thuộc về người do người được Đức Chúa Trời tạo dựng³.

Điều kiện thuận chánh này phải được làm nền tảng và phải ở trước hành động đạo đức. Đây là sự khẳng định của Wesley khi ông tranh luận với John Taylor, người theo thuyết

³ *Christian Theology*, 2:44-45. See A.M. Hills, *Fundamental Christian Theology* (Pasadena, Calif; C.J. Kinne, 1931), 1:373-82

nhất thể [Unitarian]. Vì không có ý niệm nào về sự thánh khiết hoặc tội lỗi nhưng chỉ nói về đạo đức, nên Taylor phủ nhận cả tội bẩm sinh [inbred sin] lẫn sự thánh khiết nguyên thủy. Ông khẳng định rằng, “sự công bình là hành động đúng đắn”. Wesley trả lời về vấn đề này, “Sự thật điều đó không phải vậy. Đây là.... lỗi lầm cơ bản của ông. Chính là tình trạng đúng của tâm trí, khác với hành động đúng, như là nguyên nhân khác với hậu quả. Nói cách chính xác và trực tiếp, sự công bình là khí chất hay tính khí đúng của tâm trí, hoặc là một sự liên hợp của mọi khí chất đúng”⁴.

Rõ ràng chúng ta không thể xác nhận ý niệm hoặc tội lỗi hoặc thánh khiết là sức mạnh của ý chí *chiếm độc quyền* là của Wesley để hỗ trợ cho quan điểm của Wesley (hoặc quan điểm của Wiley) cho rằng sự thánh khiết của A-đam là một tình trạng hoặc điều kiện trước khi nó có thể được diễn tả trong sự chọn lựa cụ thể và những hoàn cảnh đạo đức. Tình trạng này là một đặc tính nguyên thủy trước khi có điều kiện đạo đức để làm điều đúng. Trong A-đam có sự thu hút bẩm sinh đối với Đức Chúa Trời, một sự hài hoà bên trong với ý muốn của Đức Chúa Trời, và một sự thoả lòng với luật pháp của Đức Chúa Trời. Trong chính ông không có động cơ nào để phản loạn hoặc ý nghĩ mất mát nào hoặc bất công nào khi sống trong sự hướng dẫn thiên thượng.

2. Một Môi Quan Hệ Sống Động

Mặc dù sự thánh khiết có liên quan đến *hữu thể* trước, nhưng nó cũng là vấn đề của mối quan hệ công bình. A-đam và Ê-va ở trong một mối quan hệ tay ba được giữ trong sự hạnh phúc vì cố sự thánh khiết. Nó bao gồm mối quan hệ (a) với Đức Chúa Trời, vốn là mối quan hệ đầu tiên; (b) với nhau; và

⁴ Works, 9:342

(c) với môi trường chung quanh⁵. Khi điểm thứ nhất hiện hữu thì điểm thứ hai và thứ ba là điều bình thường và hạnh phúc. Mỗi quan hệ đầu tiên cũng có ba mặt: (a) con người thờ phượng Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa mình; (b) người ấy phục vụ Đức Chúa Trời là Chủ/Đấng Tối Cao, và (c) người ấy hưởng thụ sự thông công với Đức Chúa Trời là Cha.

Thông công với Đức Chúa Trời là đặc ân cao quý nhất và nguồn gốc của niềm vui và sự thoả mãn của con người. “Vực gọi vực” (Thi thiên 42:7), và con người được dựng nên với sự khao khát tự động về Đức Chúa Trời. Tình yêu của Đức Chúa Trời hoàn toàn phù hợp với sự đói khát thuộc linh của con người. Nếu không có sự hiệp nhất này với Đức Chúa Trời, linh hồn con người không bao giờ được yên nghỉ. Đây chỉ là cách mà bản chất của con người hoạt động. Mặc dù mỗi quan hệ đúng với Đức Chúa Trời đã bị sai trật, nhưng nhu cầu không sai trật. Bản chất tự nhiên của con người rất ăn khớp với Đức Chúa Trời – và đây là điều đặc hữu với bản chất con người - nghĩa là không có Đức Chúa Trời bản chất của con người không tránh khỏi sự què quặt và méo mó.

Vì vậy, không những sự thánh khiết nguyên thủy bao gồm sự thoả lòng cách tự nhiên và dễ dàng trong sự yêu mến và vâng lời Đức Chúa Trời, nhưng nó còn bao gồm việc thực hành tình yêu và sự vâng lời đó trong mối quan hệ liên tục hằng ngày.

3. Một Mối Quan hệ Qua Thánh Linh

Theo cái nhìn về Tính Trọn Vẹn Khác của Đức Chúa Trời [the Wholly Otherness of God], thì sự thông công mật thiết có

⁵ Sự quản lý của con người dưới quyền của Đức Chúa Trời là sự tác động qua lại cho mỗi quan hệ đúng với môi trường của mình. Sinh thái học bắt đầu không phải với con người là cứu cánh, nhưng với Đức Chúa Trời.

thể xảy ra khi Ngôi Thứ Ba của Ba Ngôi là Đấng chịu trách nhiệm trong việc làm trung gian. Theo William Burt Pope, “Ba Ngôi Thánh phải có liên hệ với từng giai đoạn của lịch sử nhân loại. Khi Con Người Đầu Tiên [Protoplast] được dựng nên theo hình ảnh của Hình Ảnh đời đời – một người con của Đức Chúa Trời, giống như CON ĐỘC NHẤT – vì thế con người ở dưới sự quản trị thuộc linh và tự nhiên của Thánh Linh xuất phát từ Cha và Con”⁶. Ông cũng diễn tả thêm rằng, “GIÊ-HÔ-VA ĐỨC CHÚA TRỜI ở trong vườn là Đức Thánh Linh trong linh hồn con người”⁷.

Nhưng ngay sau đó ông thêm một lời khuyên khôn ngoan, “Tuy nhiên không được lẫn lộn Thánh Linh ở trong tâm thần của con người với hình ảnh của Đức Chúa Trời”. Khuyênh hướng tự phát của sự thánh khiết nguyên thủy của con người tìm thấy bộ phận tương ứng hoàn toàn với mình trong sự thông công với Thánh Linh nội trú, là Đấng nắn đúc, cảm động và dạy dỗ con người. Sự tiếp nhận và đáp ứng của A-đam là sự cân đối giữa tính mềm dẻo thụ động và sự tự do cùng sự cộng tác tự nguyện. Nhưng dù chúng ta không được phép coi Thánh Linh ngang hàng với hình ảnh đạo đức của Đức Chúa Trời trong con người, nhưng bất kỳ sự thảo luận nào về sự thánh khiết nguyên thủy phải bao gồm hoạt động của Thánh Linh.

⁶ *A Compendium of Christian Theology* (London: Wesleyan Conference Office, 1880), 1:427. Ông bình luận thêm, Ngài [Thánh Linh] không thêm vào hình ảnh đạo đức, nhưng Ngài hướng dẫn những nguyên tắc của hành động của linh hồn con người được tạo dựng theo hình ảnh ấy” (ibid). Wiley cũng phân biệt giữa “thái độ đúng đắn về đạo đức của bản chất của A-đam như là một “tình trạng chủ động” và “sự hiện diện và tác dụng của Thánh Linh”, nhưng ông nhấn mạnh rằng hai điều này phải được kết hợp trong bất kỳ giáo lý chân chính của sự thánh khiết nguyên thủy (*Christian Theology*, 2:47; xem thêm 47-50).

⁷ *Sách đã dẫn* 1:428

Như vậy chúng ta phải xem sự thánh khiết nguyên thủy như mối quan hệ trong đó con người bắt đầu. Nó gồm có (a) sức thu hút bẩm sinh hướng đến Đức Chúa Trời và sự ngay thẳng; (b) mối quan hệ cá nhân sống động; và (c) Thánh Linh nội trú như là Công Cụ thiên thượng hoặc Đấng Chỉ Đạo mối quan hệ này. Đức Chúa Trời khởi đầu hoàn toàn; con người chỉ đáp ứng. Sự thánh khiết của con người được bảo vệ trong cái nối của mối quan hệ này khi người ấy tiếp tục trong sự cộng tác tình nguyện – không phải sự cộng tác đồng đẳng, nhưng trong sự tuân phục của loài thọ tạo với Đấng Tạo Hóa; của người quản lý với Chủ của mình, và như người con đối với Cha mình.

C. SỰ THÁNH KHIẾT CHƯA HOÀN HẢO VỀ ĐẠO ĐỨC [A Subethical Holiness]

Khuynh hướng bẩm sinh hướng về Đức Chúa Trời là một tình trạng thánh khiết thực sự; đây là điều khẳng định của Wesley. Nhưng sự thánh khiết bẩm sinh đó không hoàn hảo; nó chưa được thực sự thuộc về đạo đức cho đến khi nó được thử nghiệm. Trong điều này những người theo Pelagius có quan điểm đúng. Họ nhận thấy rằng sự thánh khiết phải thu đạt được một đặc tính đạo đức – một sản phẩm của sự lựa chọn – cũng như là khuynh hướng tự nhiên. Về mức độ định nghĩa này thì Wesley có thể đồng ý. Nhưng Wesley còn thấy rằng lẽ thật về sự thánh khiết như là một tình trạng hoặc một điều kiện không thể bị lẽ thật về sự thánh khiết như là một sự lựa chọn đạo đức hủy bỏ. Vì những ý niệm của tội lỗi nguyên thủy và của sự thánh khiết nguyên thủy là những đối tượng tương ứng. Không thể nào hiểu được tội lỗi nguyên thủy ngoại trừ ở trong ánh sáng của sự thánh khiết nguyên thủy. Cả hai đều là tiền ý chí (prevolitional) và vì thế thuộc đạo đức chưa hoàn hảo [subethical]. Những phạm trù về sự thánh khiết thuộc đạo đức không áp dụng hoàn toàn cho sự thánh khiết nguyên thủy, và

những phạm trù của tội thực sự không áp dụng cho tội lỗi nguyên thủy. Với mức độ nào đó, một nền thần học kiên định về tội lỗi và sự thánh khiết quay quanh sự phân biệt cơ bản này.

Vậy sự thánh khiết đạo đức [ethical holiness] có thể định nghĩa như là loại tình yêu và sự trung thành với Đức Chúa Trời đã được lựa chọn cách có ý thức và được thiết lập dứt khoát cho dù gặp khó khăn và những sức ép đối nghịch. Chúng ta không biết A-đam và Ê-va đã bước đi cùng Đức Chúa Trời trong mối thông công không đổ vỡ bao lâu. Có thể không đúng khi nói rằng trong thời gian này họ giống như những chiếc hỏa tiễn được lập chương trình hoặc những người mộng du đạo đức [moral sleepwalkers]. Họ tự nguyện bước đi, nhưng họ chưa gặp một cuộc khủng hoảng trong đó họ phải đối đầu cách mạnh mẽ trước sự cám dỗ làm say đắm. Chỉ có sự cám dỗ như thế mới xác định hoặc làm bại hoại tính thiện hảo bẩm sinh của họ. Một sự lựa chọn đúng không những xác nhận được sự thánh khiết nguyên thủy, nhưng trong quá trình nó cũng nâng lên mức độ đạo đức đầy đủ. Ngoài sự thánh khiết đạo đức như thế thì cặp vợ chồng này kém hơn tiềm năng của họ là những con người và những công cụ đạo đức.

1. Sự Đáng Khao Khát của Thánh Khiết Đạo Đức [The Desirability of Ethical Holiness]

Vì thánh khiết đạo đức liên quan đến cả bản chất và đặc tính, nên tự nhiên nó có giá trị nội tại lớn hơn thánh khiết nguyên thủy chưa được thử nghiệm. Cuộc sống cung cấp nhiều ví dụ tương tự. Phải chăng một cái ôm đầy nước mắt và tiếng nói "Con yêu ba" từ một đứa bé tám tuổi vừa mới bị phát vào đít có ý nghĩa đạo đức hơn tiếng thầm thì của một em bé chưa tự ý thức và chưa biết quyết định không? Hoặc có phải sự trung thành yêu thương của người chồng với người vợ sau 20 năm chung sống qua những thử thách cấm go, những căng thẳng hằng ngày và những cám dỗ trái ngược có giá trị hơn và thoả

mãn hơn những lời tràn đầy yêu thương của “tình yêu nóng vội” của tuổi trẻ không? Hãy hỏi “một gã thanh niên” và người ấy sẽ nói “Không”; nhưng hãy hỏi một cặp vợ chồng trưởng thành và chẳng ngần ngại họ sẽ nói “Vâng”.

Vì thế thánh khiết đạo đức dành cho sự vinh hiển lớn hơn của Đức Chúa Trời. Vì con người cần phải thử nghiệm, và trong sự thử nghiệm việc xác nhận sự lựa chọn của mình đối với Đức Chúa Trời sẽ làm phong phú không thể lường được cho mối quan hệ với Đức Chúa Trời. Nó đã được nâng lên từ mức độ con trẻ đến mức độ người nam, người nữ trưởng thành. Đối với Đức Chúa Trời việc tạo dựng một con người yêu mến Ngài cách tự nhiên và tự động là một điều kỳ diệu, nhưng nếu cặp này chọn việc yêu Ngài hơn cả những khó khăn thì Đức Chúa Trời lại được tôn vinh cao quý biết bao.

2. Những Vấn Đề Rộng Lớn Hơn

Tuy nhiên, vinh hiển lớn hơn cho Đức Chúa Trời không phải chỉ ở lẽ thật nội tại hoặc chỉ ở trong sự trừu tượng, nhưng còn ở trong mối quan hệ lớn hơn và những vấn đề gắn liền trong sự cân đối. Ước gì thế giới tránh được sự rửa sả, và hàng ngàn năm tàn sát đẫm máu và đau khổ không cần thiết, cả loài người lẫn loài vật có tri giác.

Nhưng những ảnh hưởng trong lãnh vực của sa-tan còn lan ra sâu rộng hơn. Sa-tan nhất định phải bị đánh bại và bị tước đoạt quyền hành. A-đam Thứ Hai phải trả giá để đánh bại sa-tan là kẻ thù trước kia đã thắng A-đam thứ nhất. Phải công nhận đây là một lãnh vực phức tạp của thần học, và nhiều câu hỏi hóc búa vẫn còn tồn tại. Nhưng sự sa ngã của A-đam làm cho cả nhân loại và hành tinh này rơi vào lãnh vực ảnh hưởng của sa tan và ở vài phương diện nó thiết lập một loại quyền hạn hợp pháp – một thế lực đòi hỏi cái chết của Con Đức Chúa

Trời mới phá vỡ được (giống như cái chết của Aslan ở Narnia⁸) (Hê-bơ-rơ 2:14-15; Giăng 12:31; 14:30; 16:11; I Cô-rin-tô 2:6; Ê-phê-sô 2:2; 6:11-12; Khải huyền 12:10-11).

III. SỰ THÁNH KHIẾT NƠI NGƯỜI ĐƯỢC CỨU CHUỘC

Nhu cầu đạo đức của sự thánh khiết trong con người là điều kiện để duy trì sự thông công với Đức Chúa Trời không bao giờ bị bãi bỏ. Nó cũng không thể bị bãi bỏ được. Thậm chí giáo lý khẳng định sự công bình của Đấng Christ được qui cho con người chỉ là sự nhận biết về nhu cầu này. Nhưng đó chỉ là giáo lý của sự tuyệt vọng, vì nó không công nhận quyền năng của ân điển. Nó thay thế điều tưởng tượng hợp pháp qua đó Đức Chúa Trời *nhìn thấy* tín hữu là thánh dù trong thực tế người ấy không phải. Nhưng không cần phải có sự công bình thay thế như vậy. Đấng Christ đã không đến thế gian này để trở thành một dấu hiệu thánh khiết thay mặt cho con người, nhưng để làm cho sự thánh khiết một lần nữa trở thành thực sự.

A. BẢN CHẤT BÊN TRONG

Nhưng bản chất bên trong của sự thánh khiết này là gì? Vì câu hỏi này thực sự là chủ đề của sự cân bằng của cuốn sách, nên chúng ta chỉ xem trước những gì cần thiết ở đây.

1. Một Mối Quan Hệ Được Khôi Phục

Sự thánh khiết phải khởi đầu bằng việc con người tái lập sự ngay thẳng với Đức Chúa Trời. Cuộc phản loạn phải chấm dứt và tìm kiếm sự hoà thuận với Đức Chúa Trời qua Đức Chúa Con. Đứa con trai hoang đàng phải trở về và xưng nhận lầm lỗi

⁸ C. S. Lewis, *The Lion, the Witch and the Wardrobe* (New York: Collier Books, 1976 [copyright 1956])

của mình trong sự hoàn toàn hạ mình. Người ấy phải kinh nghiệm niềm an ủi của sự tha thứ, và cảm nhận tình yêu chân thành từ cái hôn chấp nhận của người cha. Điều này đem sự hoà thuận với Đức Chúa Trời. Đây có nghĩa là sự xưng công bình bởi đức tin (Rô-ma 5:1) qua đó tội nhân ăn năn và tin cậy bước vào sự thông công giao ước với Đức Chúa Trời và nhờ đó quyền con cái bị đánh mất được khôi phục. Đây là nơi khởi đầu thánh khiết, và là nơi đặt nền móng cho sự thánh khiết vốn thuộc về sự cứu chuộc. Ngoài sự liên tục lệ thuộc vào cơ sở chấp nhận ban đầu – sự thương xót thuần túy qua Đấng Christ (không bao giờ qua công trạng) thì không thể có sự thánh khiết trong tương lai.

Cùng xảy ra với sự xưng công bình là sự tái sanh, sự tiếp nhận làm con nuôi, và sự nên thánh khởi đầu.

2. Một Sự Khôi Phục Hình Ảnh Đạo Đức

Sự giải hoà với Đức Chúa Trời xuất phát từ sự xưng công bình xoá sạch những trở ngại của quá khứ vốn làm con người xa cách Đức Chúa Trời. Mục đích của việc khôi phục lại sự thông công đã bị mất ấy là người được chuộc có thể được ở với Đức Chúa Trời không những trong cõi đời đời, nhưng ngay bây giờ nữa (Rô-ma 5:11). Nhưng tội lỗi chắc chắn sẽ hủy diệt mối thông công sau khi qui đạo như lúc trước. Vì vậy, phải có một sự thay đổi chủ quan – một sự thay đổi “thực sự” – để thích hợp với sự thay đổi thuộc về pháp luật hoặc sự thay đổi tương đối. Một chiếc xe hơi bị đánh cắp và bị phá hỏng không những phải được trả lại cho chủ hợp pháp của nó nhưng nó còn phải được sửa chữa cho nguyên vẹn như trước. Một người bị kết tội tử hình nhưng cũng chết vì bệnh ung thư cần phải nhận được sự cứu chuộc ở hai mặt – vừa sự tha thứ và sự chữa lành. Muốn duy trì mối thông công với Đức Chúa Trời cần có tính đạo đức giống như Đức Chúa Trời. Vì vậy, câu Kinh Thánh vô cùng quý báu cho trường hợp này là Rô-ma 5:9-10, “Huống chi nay

chúng ta đã nhờ huyết Ngài được xưng công bình, thì sẽ nhờ Ngài mà được cứu khỏi cơn thanh nộ là đường nào. Vì nếu khi chúng ta còn là thù nghịch cùng Đức Chúa Trời mà đã được hòa thuận với Ngài bởi sự chết của Con Ngài, thì huống chi nay đã hòa thuận rồi, chúng ta sẽ nhờ sự sống của Con ấy mà được cứu là đường nào!”

“Sự sống” này là sức mạnh cho sự thánh khiết mà Đấng Christ phục sinh chia sẻ với chúng ta qua Thánh Linh (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13). Không những Ngài làm cho chúng ta ngay thẳng [right] nhưng còn giữ cho chúng ta ngay thẳng [right] bằng cách làm cho chúng ta thánh khiết. Tiếp ngay sau tin mừng này (Rô-ma 5:9-10), Phao lô mở đầu phần giải luận của ông rằng sự nên thánh vốn là bộ phận tương ứng với sự công bình và nhờ đó có sự giải quyết tận gốc rễ nan đề “tội lỗi”. Vì vậy Wesley hoàn toàn đồng ý với những bức thư của Phao lô khi ông nói,

Anh em biết rằng cứu cánh vĩ đại của tôn giáo là làm tươi mới lòng của chúng ta theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, khôi phục sự công bình và sự thánh khiết chân chính đã bị đánh mất do tội lỗi của tổ phụ đầu tiên của chúng ta làm ô nhiễm. Chúng ta biết rằng những tôn giáo mà không đáp ứng được mục tiêu này... là một trò hề tồi bại... Hãy biết bệnh của bạn! Biết luôn cách chữa trị!... Theo bản chất chúng ta hoàn toàn bại hoại: Nhờ ân điển chúng ta sẽ được khôi phục hoàn toàn⁹.

Vì vậy, rõ ràng vấn nạn về sự thánh khiết liên quan cách tập trung và không thể thoát được với việc con người đánh mất và khôi phục hình ảnh đạo đức của Đức Chúa Trời. Đây chính là trọng tâm của sự cứu chuộc. Giải thích sai sự thánh khiết như là sự tưởng tượng thứ hai hoặc không quan trọng, hoặc là loại nào đó của con đường tẻ khỏi đường chính, là không nắm rõ mục đích ban đầu của sự cứu chuộc. Đó là việc đánh mất

⁹ *Works*, 6:64-65

mục đích trọng tâm của sự Thành Nhục Thể, Thập tự giá, sự Phục sinh và lễ Ngũ Tuần.

Sự khôi phục hình ảnh đạo đức của Đức Chúa Trời trải qua hai giai đoạn riêng biệt. Mỗi giai đoạn này bị chi phối bằng những từ ngữ đạo đức có thể định nghĩa được và cũng có một lý luận nội tại trong sự phân tách này và trong hậu quả của nó. Hơn nữa, sự khôi phục này không được coi là khiếm khuyết chỉ vì bản tính thánh khiết vẫn còn lệ thuộc vào sự phát triển, đào sâu và tăng cường sức mạnh. Cũng không được coi nó là không thích hợp vì sự khôi phục hoàn toàn từ những vết sẹo phát sinh do sự Sa ngã phải chờ đợi đến đời sau. Vì hình ảnh *thiết yếu* là sự điều chỉnh toàn bộ bên trong đối với sự thánh khiết của Đức Chúa Trời, bày tỏ trong sự sắp xếp tự nhiên đối với tình yêu và sự vâng lời. Không được nhầm lẫn điều này với sự trưởng thành, hiểu biết hoặc khéo léo. Điều này cũng không có nghĩa là được thoát khỏi những yếu đuối của xác thịt - bất kỳ điều gì khác hơn là sự thánh khiết bẩm sinh trong A-đam bao gồm năng lực khác thường của trí tuệ trong việc đặt tên cho súc vật. Đây sẽ là sự nhầm lẫn hình ảnh đạo đức với hình ảnh tự nhiên.

3. Thánh Linh Tái Cư Ngụ

Mục đích tối thượng là sự tác động qua lại trong sự điều chỉnh bản chất con người. Không mối quan hệ nào có thể có được sự thân mật và chân chính, hoặc hoàn toàn không méo mó bằng sự bước đi của A-đam và Ê-va với Thánh Linh. Khi sự hiệp nhất này bị đánh mất qua sự phạm tội và từ khước Thánh Linh, thì bản chất con người trở nên méo mó, bơ vơ và cô đơn; và nhân loại đang chiến đấu với sự cô đơn và trống rỗng kể từ ngày ấy. Nhưng từ giờ phút con người phản bội, Đức Chúa Trời đã có kế hoạch khôi phục cơ nghiệp bị đánh mất này. Đến đúng kỳ hạn thì Đấng Christ đến, do một phụ nữ sanh ra, không những chỉ cứu chúng ta khỏi tội lỗi ghê gớm và kết quả của nó nhưng còn làm cho Thánh Linh có thể quay lại ở trong tâm

lòng con người, vừa làm Đấng Nội Trú (Resident) vừa làm Tổng Thống (President).

Chỉ có thể hiểu được điều này trên cơ sở của sự thay đổi chủ quan trong chính con người, nhờ đó những yếu tố bất hoà vốn ngăn trở Thánh Linh trở về nhà sẽ bị loại trừ. Thánh Linh loại trừ những điều đó theo sự cầu xin của con người, những điều đó chỉ bị trừ khử khi nào Thánh Linh được tôn cao. Vì Thánh Linh và tâm thần của con người không bao giờ nhập lại thành một thực thể, cả hai đều là những thân vị riêng biệt (xin xem trang 189-190). Vì vậy sự nội trú của Thánh Linh là mối quan hệ giao ước, chứ không phải là sự liên hiệp siêu hình. Nhấn mạnh sự đẩy dẩy Thánh Linh ngoài sự đối mới bản chất con người là không hiểu rõ về sự kiện này. Nhưng qua phương tiện của hành động làm nên thánh của Thánh Linh và sự nên thánh của tâm thần con người, thì sự thông công giữa Đức Chúa Trời và con người được bình thường hoá.

4. Một Sự Thánh Khiết Đạo Đức

Kế hoạch cứu chuộc là sự cung cấp cần thiết của Đức Chúa Trời cho loài người qua Đấng Christ để đạt được sự thánh khiết đạo đức mà cặp vợ chồng đầu tiên đã đánh mất. Đối với họ có thể tương đối dễ dàng vì họ đã có sự hỗ trợ của sự thánh khiết nguyên thủy. Trái lại, ngày nay chúng ta đối diện sự lựa chọn này với biết bao nhiêu điều không thuận lợi. Môi trường của con người bây giờ thù nghịch với sự thánh khiết. Nhưng điều trở ngại thực sự nằm bên trong. Chúng ta không vào trong thế gian với sự thánh khiết bẩm sinh – tuy có ngây thơ, nhưng không thánh khiết. Bản chất của chúng ta là xa cách Đức Chúa Trời, chứ không hướng về Đức Chúa Trời. Dễ dàng cho chúng ta chạy trốn, và phản nghịch hơn là chạy đến, quì xuống và đầu phục. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã ban cho ân điển khởi đầu cho phép chúng ta quay đầu lại cả bên trong lẫn bên ngoài. Ngài đã làm cho chúng ta có thể trở thành không những

được khôi phục nhưng còn được gắn bó với Đức Chúa Trời với tình yêu của sự xác nhận, tiếp tục và thiết lập sự lựa chọn (Tít 2:11-14). Đây không phải là sự kết hợp giữa hình nộm và tiếng nói bên trong của máy, nhưng là sự thông công có ý thức và trách nhiệm của người bạn với người bạn.

Về mọi phương diện, yếu tố đạo đức của sự thánh khiết có thể xảy ra trong Đấng Christ phải là bước nổi bật của mỗi bậc thang và giai đoạn của cuộc hành trình của chúng ta. Nó có tính đạo đức trong ý nghĩa là nó thuộc về lý trí và trong ý nghĩa nó liên quan đến điều đúng và điều sai. Vì một hành động luân lý phải thực sự đạo đức, nên không những phải có *vấn đề đạo đức* nhưng còn phải có *quyết định có mục đích* khi gặp những khả năng trái ngược. Một quyết định sai lầm là tội về mặt đạo đức; một quyết định đúng đắn là phẩm hạnh đạo đức.

Bây giờ chúng ta hãy áp dụng điều này: cuộc sống Cơ Đốc bắt đầu bằng sự ăn năn, tức là chấp nhận từ bỏ tội lỗi và chịu sống thánh khiết. Sự tẩy sạch sâu xa liên tiếp về bản chất thuộc về tính đạo đức theo mức độ mà nó không phải là một phép lạ thực hiện trong giấc ngủ qua một đêm. Trái lại, nó là ân điển được tiếp nhận trên những từ ngữ đạo đức được định nghĩa rõ và những điều kiện mà Cơ đốc nhân tiếp nhận và đáp ứng theo sự cộng tác tích cực. Nếp sống thánh khiết liên tiếp thuộc về đạo đức theo mức độ mà nó đòi hỏi sự lựa chọn luôn luôn tươi mới và tái xác nhận sự đầu phục Đức Chúa Trời và điều phải. Nhưng sự đầu phục mỗi ngày không phải là sự tranh chiến hằng ngày với khuynh hướng sâu xa nhất của chúng ta, nhưng với khuynh hướng tự nhiên, nhờ ân điển chúng ta đắc thắng để sự phục vụ của sự vâng lời có thể thực hiện trong sự tự do và vui vẻ.

Dần dần sự thánh khiết đạo đức này sẽ tiếp nhận mọi thuận lợi của sự thánh khiết nguyên thủy. Sẽ phát triển khuynh hướng tự nhiên và tự động cho đến khi mẫu mực của chúng ta

trở thành hành vi đạo đức không thể đảo ngược. Khuôn mẫu không thể đảo ngược vui thoả với sự dễ dãi ở thiên đàng nhưng mức độ phát triển của khuôn mẫu này được Thánh Linh thiết lập khi chúng ta ở trong thế giới thử thách này.

B. KHÍA CẠNH HÌNH THỨC CỦA SỰ THÁNH KHIẾT

Chúng ta vẫn còn thảo luận về sự thánh khiết dành sẵn cho con người được cứu chuộc. Chúng ta cũng đã mô tả tính vật chất hay bản chất thiết yếu của nó. Từ ngữ *hình thức* [formal] đôi khi được dùng để chỉ phẩm chất thứ hai hoặc những dấu hiệu bên ngoài để phân biệt với nội dung bên trong. Nếu chúng ta mô tả Cơ đốc nhân theo cách này, thì chúng ta phải gán cho nó bốn mệnh đề: (1) một công tác lưỡng diện của ân điển; (2) một tình trạng của tấm lòng; (3) một phong cách sống; và (4) một mệnh lệnh tiến lên.

1. Công Tác Lưỡng Diện của Ân Điển

Sự thánh khiết của người Tin Lành từ đầu đến cuối là sự hoàn thành của ân điển thiên thượng. Điều này tương phản với bất kỳ loại nào của *nhân bản* [humanistic] – hãy tự làm lấy. Những phương cách giải quyết của chúng ta, những biện pháp kỷ luật, những chương trình cầu nguyện, hoặc nền văn hóa của linh hồn không làm cho chúng ta thánh khiết. Thánh khiết là một quà tặng của ân điển được ban cho trong Đấng Christ và được thực hiện do Thánh Linh. Điều này tương phản với sự thánh khiết *do làm theo luật pháp*, nghĩa là giữ theo những qui luật bên ngoài. Nó cũng khác với sự thánh khiết theo *lễ nghi*, nghĩa là giữ theo đúng các lễ nghi.

Hơn nữa điều này khác hơn việc nhìn nhận rằng mọi sự chuyển động hướng về sự cứu chuộc phát xuất từ sự khởi đầu của ân điển Đức Chúa Trời. Chúng ta cần xác nhận điều này

cách cụ thể. Sự tái sinh là *công tác* của ân điển. Nó là sự quấy động bên trong do Thánh Linh, đó là phép lạ mà không có phương tiện tâm lý nào có thể bắt chước được. Tương tự, sự nên thánh trọn vẹn là *công tác* rõ ràng trong linh hồn, một sự thay đổi chủ quan do Thánh Linh thực hiện. Mặc dù điều này không tách rời với sự gắn bó tích cực của tín hữu, nhưng nó hơn hẳn những gì tín hữu làm tổng cộng lại. Không thể diễn tả đầy đủ bằng những từ ngữ như Cơ đốc nhân đầu phục hoặc loại giác ngộ của tâm lý học¹⁰.

2. Tình Trạng của Tấm Lòng

Trong cuộc tranh luận của John Taylor, John Wesley khẳng định về sự cần thiết của một tình trạng của sự thánh khiết là cơ sở của hành động thánh khiết. Nhưng về sau ông thận trọng về cách dùng chữ tình trạng khi ông thấy hiểm họa của sự tự mãn trong kinh nghiệm tĩnh lặng. Nhưng ông không bao giờ ngưng sự xác nhận của mình về một sự thánh khiết *thật* hơn là một sự qui cho. Mặc dù sự thánh khiết của chúng ta là ở trong Đấng Christ, về phương diện từng giây phút lệ thuộc vào Ngài, nhưng nó cũng là phẩm chất cá nhân của tính chất¹¹.

Nếu tấm lòng là trung tâm của tội lỗi như Chúa Jêsus dạy (Mác 7:21-22), thì tấm lòng cũng là nơi tập trung của sự tẩy sạch. Chỉ có sự trong sạch của tấm lòng (theo lời cầu nguyện

¹⁰ Thỉnh thoảng sự khẳng định về công tác thiên thượng của ân điển đã bị công kích như là tin nơi "ma thuật" [magic]. Ma thuật là nỗ lực vận dụng sức mạnh siêu nhiên bằng những phương tiện của công thức hay niệm thần chú. Không có hơi hướng của điều này trong sự xác nhận của yếu tố phép lạ trong những sự thay đổi này. Điều chúng ta không biết thế nào Thánh Linh hành động hoặc điều gì là bản chất chính xác của sự thay đổi sẽ làm yếu đi tính chắc chắn của thực tế kinh nghiệm căn bản này.

¹¹ Xem bài giảng của ông "Về Chiếc Áo Cưới", *Works*, 7:311.

của Đa-vít về tấm lòng trong sạch) mới có thể cung ứng cho sự chân thật và đáng tin cho đời sống thánh khiết. Sự thánh khiết bên ngoài không phát xuất từ tấm lòng chỉ là sự giả hình hoặc ảo giác. Ở đây yếu tố được an ủi ấy là Đức Chúa Trời luôn luôn nhìn thấy tấm lòng thánh khiết, ngay cả khi những quan sát viên hay bình luận luôn luôn nhìn thấy những điều lầm lỗi của đầu và tay. Thánh khiết không những bên ngoài, nhưng đôi khi ẩn giấu. Điều này không tạo ra nan đề khi chúng ta định nghĩa thánh khiết như là sự trong sạch hơn là sự trưởng thành.

3. Phong Cách Sống

Mặc dù chúng ta tin nơi giáo lý về sự thánh khiết, nhưng về căn bản sự thánh khiết là một kinh nghiệm và một phong cách sống. “Nhưng như Đấng kêu gọi anh chị em là thánh, anh chị em phải nên thánh trong mọi cách sống mình” (I Phi-e-rơ 1:15). Một người thánh không bao giờ cố ý hoặc cho phép tội lỗi hoạt động. Trái lại người ấy chọn việc “mặc lấy Đấng Christ, và không nghĩ đến cách làm thoả mãn các dục vọng của xác thịt” (Rô-ma 13:14).

Chắc chắn điều này phù hợp với sự thánh khiết bên trong từ lúc ban đầu. Vì không thể nào kìm chế tấm lòng được, nên cần phải có nguồn sự sống năng động bên trong. Chúa Jêsus phán, “Trồng cây lành thì được quả lành, trồng cây độc thì được quả độc. Nhờ xem quả mà biết cây” (Ma-thi-ơ 12:33, BDM).

Trách nhiệm của chúng ta là thực hiện sự cứu chuộc của mình trong phong cách sống và đời sống đạo đức (Phi-líp 2:12), và nó đòi hỏi một mức độ của sự thông minh và ân điển. Vì vậy cần có thời gian chờ đợi trong việc hoà hợp bên ngoài với bên trong. Sự thực hiện có thể không hoàn thiện vì những thiếu sót làm cho chúng ta trở thành mục tiêu cho người bắn tỉa. Nhưng sự chân thành của nỗ lực có thể rõ ràng đủ để bảo đảm sự tin cậy trong con mắt của người không thiên vị.

Tuy nhiên, mặc dù cần có thời gian để làm trọn vẹn con người bề ngoài trong dấu hiệu đẹp đẽ đầu tiên của đời sống Cơ đốc nhân, nhưng chắc chắn những dấu hiệu có thể nhìn thấy được thuộc về sự thánh khiết chân thật từ lúc khởi đầu; đời sống thuộc linh chân thành, quan tâm đến đời sống đạo đức cách mạnh mẽ và phong cách sống tôn giáo cao độ có thể nhìn thấy được. Hội Thánh, Kinh Thánh, cầu nguyện, và làm chứng sẽ tạo thành sự thu hút của đời sống hằng ngày. Thánh khiết là một cuộc sống tạo thành do sự tận hiến toàn thiêu cho Đức Chúa Trời, và sự tận hiến đó không che giấu được. Có thể có những người theo tôn giáo nhưng không có đời sống thánh khiết, nhưng không thể nào có đời sống thánh khiết mà không theo tôn giáo hoặc không có tôn giáo làm năng lực lan tỏa của đời sống.

4. Mệnh lệnh Tiến Lên Không Ngừng

Sự thánh khiết là mệnh lệnh phổ quát và là tiêu chuẩn không giảm bớt cho mọi cơ chế đạo đức khắp mọi nơi trong vũ trụ. Hơn nữa, nó luôn luôn là mệnh lệnh *bây giờ*. Bốn phận phải thánh khiết là bốn phận hiện tại. Trì hoãn việc sống thánh khiết là ưa thích sự bất khiết.

Nhưng mệnh lệnh tiến đến sự thánh khiết là sự bước đi với Đức Chúa Trời liên tục, cởi mở và phát triển. Muốn được thánh khiết tức là tiếp tục “bước đi trong sự sáng” (xem thêm I Giăng 1:7). Vì ánh sáng sẽ tăng lên không ngừng thì sự bước đi này cũng tăng lên không ngừng. Không có sự thánh khiết tĩnh lặng. Lòng mộ đạo thầm lặng là không mộ đạo gì cả. Tại trung tâm của sự thánh khiết chân thật là mối quan hệ đối thoại sống động với Chúa trong sự thông công hai chiều, khuyên bảo, tía sửa, bẻ trách, hướng dẫn, khám phá và hứng thú. Những quyết định về đạo đức đang được thực hiện. Những cám dỗ đang bị kháng cự. Những sự điều chỉnh về thói quen, cách cư xử, mối quan hệ cá nhân với nhau, việc tiêu tiền bạc, giải trí, hoặc hầu

hết *mọi thái độ* đều được Thánh Linh hằng ngày chỉ bảo. Và nếu khi chúng ta làm buồn Thánh Linh, thì phải lập tức quay sang Huyết để được tẩy sạch, vì đó là cơ sở cho sự xứng công bình của chúng ta.

Theo ý nghĩa của sự trong sạch hay sự nên thánh trọn vẹn, đây không phải việc trở thành thánh khiết hơn, mà đây là sự phát triển cá tính. Đây là sự liên tục bước đi với Đức Chúa Trời, không hướng về, nhưng *trên* xa lộ thánh khiết.

SỰ BẤT KHIẾT CỦA LOÀI NGƯỜI

Những người có suy nghĩ không lạc quan trong sự xác quyết nơi khoa học và giáo dục như trước kia họ từng làm. Một bản nghiên cứu mới đây cho thấy sự thiếu thành thật đang thịnh hành trong vòng những sinh viên Đại học¹. Những cửa hàng mọc lên như nấm và nhân viên ăn cắp vặt đã lên đến mức thành bệnh dịch lan tràn. Sự mục nát về chính trị vừa quá khích vừa hiển nhiên. Sự truy lạc về đạo đức ganh đua với Pompeii phóng đảng. Sự từ khước cứng đầu do thế giới không thực tế đối đầu với tội lỗi hiển nhiên nơi con người khiến cho một nhà tâm lý nổi tiếng thế giới, Karl Menninger, viết một cuốn sách quở trách tựa đề *Whatever Became of Sin?* Ông không nói rằng tội lỗi đã biến mất nhưng đã đến lúc những nhà chuyên nghiệp phải xuất đầu lộ diện để nhìn nhận thực tế rõ ràng này².

Tội lỗi là thuật ngữ tôn giáo, ngụ ý về sự tồn tại của luật pháp thiên thượng và việc làm sai trật có cố ý trong sự thách thức Đức Chúa Trời thánh. Điều này thuộc về từ ngữ về đạo

¹ Carnegie Foundation's Council on Policy Studies in Higher Education, as reported by Tom Braden, May 19, 1979.

² *Whatever Became of Sin?* (New York: Hawthorn Books, 1973)

đức nhìn từ quan điểm tôn giáo. Tiếc thay, hễ nơi nào có con người là nơi ấy có tội lỗi. Con người nói chung làm điều sai trật – một sự kiện kinh nghiệm đơn giản.

Cơ đốc nhân nào học tập suy nghĩ theo Kinh Thánh sẽ nhìn thấy tội lỗi là nguồn gốc của mọi điều ác và sự trục trặc của loài người. Mọi nhức nhối của cơn đau, mọi điều buồn rầu thấu tim, mọi ghế trống và nhiều phần mộ mọc lên, mọi nước mắt của tấm lòng tan vỡ; mọi sự cô đơn và bất công và gian ác, mọi điều chia lìa tình bạn hữu, mọi lý tưởng bị chia cắt và xé rách, mọi gia đình tan vỡ, mọi gia đình cãi vả với con cái nhìn cha mẹ bằng cặp mắt phẫn nộ, mọi ngục tù, mọi cuộc chiến tranh, có thể truy nguyên trực tiếp hay gián tiếp đến tội lỗi. “Kẻ ngu đại phỉ báng tội lỗi” (Châm ngôn 14:9). Chỉ có kẻ ngu đại mới làm điều đó!

Vì thế tội lỗi là nan đề khiến cho người ta tìm kiếm sự thánh khiết. Nếu muốn có một nền thần học thuần chánh để hiểu được sự thánh khiết của Đức Chúa Trời và bản chất của con người, thì chắc chắn cần phải hiểu tội lỗi tương tự như thế. Có cái nhìn đúng đắn về sự thánh khiết thiên thượng sẽ giúp chúng ta có cái nhìn đúng đắn về tội lỗi, ngược lại cũng như vậy; cái nhìn của chúng ta về tội lỗi sẽ đúc khuôn những ý tưởng của chúng ta về Đức Chúa Trời, về Đấng Christ, về Đấng Cứu Chuộc, và về chính sự cứu chuộc³. Vì giáo lý về tội lỗi có ảnh hưởng lớn đối với những giáo lý khác có liên quan đến sự cứu chuộc, nên trước khi chúng ta nghiên cứu sâu hơn về sự thánh khiết, chúng ta hãy khảo sát kỹ nan đề sự bất khiết.

³ Cf. Richard S. Taylor. *A Right Conception of Sin* (Kansas City: Nazarene Publishing House, 1945) 9.

I. TỘI LỖI BAN SƠ

Khó có thể duy trì sự mạch lạc của Kinh Thánh trừ phi chúng ta chấp nhận một tiền đề là không những dòng dõi loài người mà tội lỗi của loài người đã bắt nguồn từ A-đam và Ê-va ở vườn Ê-đen. Đây là cốt lõi của mọi sự tiếp diễn trong Kinh Thánh. Mặc dù phần ký thuật được linh cảm đến với chúng ta được khoác bằng những ẩn dụ và hình bóng phong phú, tuy nhiên chúng ta phải chấp nhận Kinh Thánh như là phần ghi chép lịch sử đúng mức – trong khoảng không gian thời gian được đặt ra cặp vợ chồng đầu tiên được cho phép thử nghiệm, họ bị sa ngã, kéo luôn nhân loại xuống với họ. Lịch sử của nhân loại xác nhận rằng nếu “con người hoàn toàn thánh khiết trong bản chất đạo đức của mình, theo điều Đức Chúa Trời tạo dựng họ, thì đó hẳn là sự sa ngã thảm khốc nhất”⁴.

A. TẠI SAO CÓ SỰ CẢM DỖ ?

1. Nhu Cầu của Sự Quản Trị Chính Mình

Đức Chúa Trời thiết lập sự quản trị trên con người với yêu cầu trọng tâm là con người phải quản trị chính mình. Quả hẳn không đúng nếu mạng lệnh của Đức Chúa Trời dừng lại ở câu, “Hãy sanh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất, hãy làm cho đất phục tùng” (Sáng thế ký 1:28). Con người có thể vâng theo điều này bằng sự đam mê lạc thú [self-indulgence] và tự khẳng định [self-assertion]. Nhưng Đức Chúa Trời thêm vào một điều cấm đoán đòi hỏi sự tự kiểm chế [self-restraint]. Đây là bài thử nghiệm sự đầu phục Đức Chúa Trời cách sâu sắc hơn. Bây giờ có sự chiến đấu giữa Đức Chúa Trời và bản ngã để giành sự trung thành tối hậu của linh hồn.

⁴ J. Paul Taylor, *Holiness the Finished Foundation*, 20

2. Điều Cấm Đoán

Không thể có sự thử nghiệm nếu không có giới hạn rõ ràng. Vì vậy có một sự hạn chế được đặt trước con người. “Giê-hô-va Đức Chúa Trời đem con người ở vào cảnh vườn Ê-đen để trồng và giữ vườn. Rồi, Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán dạy rằng: Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn, nhưng về cây biết điều thiện và điều ác, thì chớ hề ăn đến; vì một mai người ăn chắc sẽ chết” (Sáng thế ký 2:15-17).

Chỉ đặt một giới hạn rất nhỏ trong những đặc ân vô biên thì không thể nào tạo sự phản nản được. Nó không tạo ra gánh nặng hoặc sự tước đoạt. Nhưng nó tiêu biểu cho sự thuận phục uy quyền của Đức Chúa Trời. A-đam phải đặt những giới hạn trong phạm vi của mình chứ. Ông phải tự nhắc nhở liên tục rằng, dù ông là vua, nhưng ông cũng là thần dân. Nếu thế giới nầy phục tùng ông, thì ông phải phục tùng Đức Chúa Trời. Chỉ có một sự đòi hỏi như thế của luật pháp có thể báo trước một sự cảm nhận sai lầm về sự độc lập và duy trì trong A-đam một nhận thức lành mạnh rằng, dù ông ở trên loài vật, nhưng ông không phải là Đức Chúa Trời, mà là một tạo vật ở giữa, mặc dù ông sử dụng quyền hành ở một hướng, nhưng ông cần phải hạ mình ở hướng khác. Raymond Spencer nói, “quyền làm chủ của A-đam được báo trước bằng tinh thần lìa đầy tớ của ông”.

3. Một Nhu Cầu Đạo Đức

Khả năng không vâng lời, điều khiển con người cách trực tiếp, là điều thiết yếu làm cho sự nhận thức đầy đủ để quyết định về đạo đức. Nếu sự thánh khiết nguyên thủy của A-đam đã trở thành sự thánh khiết đạo đức thì hẳn A-đam đã có quyết định rồi (Chương 2). Tuy nhiên, khả năng trái ngược lại bị thu hút để thêm muốn, hoặc đó không phải là cuộc thử nghiệm thực sự. Nếu trong mắt của A-đam và Ê-va, trái của cây biết điều thiện và điều ác dường như xấu xí và nguy hiểm, thì có thể tránh được vì yêu mình hơn là bày tỏ sự khao khát làm đẹp

lòng Đức Chúa Trời. Sự vâng lời chỉ trọn vẹn khi nó liên quan đến việc tự kiểm chế trước những gì xem dường như tốt, vì cố muốn làm đẹp lòng Đức Chúa Trời hơn là bản ngã của mình. Vì vậy khi A-đam đối diện với sự cám dỗ, và trước sự việc như vậy ông chọn lựa có ý thức để vâng lời Đức Chúa Trời thì ông có thể trở thành thánh khiết đạo đức. Do đó luật pháp là phương tiện dẫn đến đặc tính đạo đức – và cùng với điều đó là sự thừa hưởng sự sống đời đời.

4. Cây Đặc Biệt

Đối tượng bị cấm là “cây biết điều thiện và điều ác”, không phải vì cây này có bản chất khác với những cây khác – mỗi cây đều phục vụ cho một mục đích – nhưng vì Đức Chúa Trời chỉ định cho cây ấy với mục đích thử nghiệm sự vâng lời hoặc không vâng lời. Nếu con người vâng lời, người sẽ nhận được *kinh nghiệm* về phẩm hạnh tốt; nếu con người không vâng lời, người sẽ chiếm hữu *kinh nghiệm* và kiến thức về phẩm hạnh xấu. Hiểu biết về điều thiện rất cần cho hạnh phúc của con người, nhưng không phải là sự hiểu biết cá nhân về điều ác. Đức Chúa Trời chỉ định vài loại hình thức của kiến thức chỉ thuộc về trí tuệ mà thôi. Thông tin về thuốc độc cần thiết cho sự thịnh vượng của chúng ta, nhưng không dành cho *kinh nghiệm* cá nhân. Chỉ có kẻ ngu dại mới không chịu học từ những người khác nhưng tự tìm kiếm cho mình.

B. TẠI SAO CÓ CON RẮN?

1. Sa-tan tham gia

Phần ký thuật của Sáng thế ký không chỉ về việc sa-tan là kẻ cám dỗ và cho thấy sa-tan sử dụng con rắn là phương tiện truyền đạt. Trái lại, hành động được qui cho sự kiện là con rắn “là giống quỷ quyết hơn hết trong các loài thú đồng mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã làm nên” (Sáng thế ký 3:1), dường như

loại tạo vật này có khả năng khởi đầu cuộc đối thoại hoàn toàn về phía nó. Nhưng nếu vậy, thì nó có bản chất đạo đức và là điều ác, chứ không “tốt lành” như đã được công bố (1:31).

Chúng ta nên nhìn điều này như là một trong những yếu tố biểu tượng trong phần ký thuật. Con rắn là phát ngôn viên của sa-tan. Đây là điều đáng tin khi chúng ta nhớ rằng trong sự cám dỗ A-đam Thứ Hai sa-tan đã đồng nhất với kẻ cám dỗ, và một chỗ khác thì sa-tan được gọi là “con rắn xưa” (Khải huyền 12:9; 20:2)⁵.

2. *Nguồn Gốc Vĩnh Viễn*

Nhưng sâu xa hơn về việc nhận diện con rắn là câu hỏi, “Tại sao thành phần thứ ba được phép đi vào bức tranh này?” Vì điều quan trọng cần nhớ là sự cám dỗ không bắt nguồn từ khuynh hướng nghiêng về điều ác hoặc sự khiếm khuyết đạo đức trong A-đam và Ê-va. Sự tha lỗi lòng với ý muốn của Đức Chúa Trời đánh dấu sự thánh khiết nguyên thủy cho thấy rằng ngoài sự cám dỗ bất ngờ từ bên ngoài, thì tội lỗi khó xảy ra được. Một sự cám dỗ thực sự chỉ phát triển khi con rắn quỷ quyệt có thể tạo ra một mức độ bất mãn mà từ đó có thể kêu gọi sự tò mò muốn biết về đối tượng bị cấm đoán.

Hơn nữa, sự tốt lành bẩm sinh của cặp vợ chồng được chứng minh do sự kiện là muốn thành công thì sự cám dỗ phải có sự lưỡng gạt. Có một sự khéo léo và lý luận nguy hiểm làm cho điều sai dường như đúng: “như xưa Ê-va bị cám dỗ bởi

⁵ Muốn biết thêm về sa-tan, ma quỷ và nguồn gốc của điều ác, xin xem *Christian Theology*, 2:66-68 của Wiley. Phần bình luận về con rắn, xin xem *Sách đã dẫn*, 56, kể cả ghi chú cuối trang.

mưu chước con rắn kia”, là cách Kinh Thánh nói đến (2 Cô-rin-tô 11:3)⁶.

Tất cả những điều này nằm ở phần của Ê-va. Còn A-đam thì sao? Tội của ông cũng phát xuất từ bên ngoài chứ không phải ở bên trong và lại càng không phải do sự bất trung ban đầu ở trong lòng ông. Mặc dù yếu tố lừa dối có ít, nếu không nói là rất ít (I Ti-mô-thê 2:14), nhưng yếu tố thuyết phục thì mạnh hơn – từ vợ ông. “Môi trường xã hội” đã bị ô nhiễm.

C. TÂM LÝ CỦA SỰ SA NGÃ

Tội lỗi đã vào nhân loại do sự vô tín, được giải thích tại sao nó có thể bị đức tin đánh bại. Nghi ngờ là cái nê-m lúc đầu, nó dẫn đến sự vô tín và cuối cùng trong sự không vâng lời và phản loạn, nó càng ngày lộ rõ khi chúng ta truy nguyên những bước tâm lý trong sự sa ngã.

Thực tế có ba trở ngại mà Ê-va đã coi thường để giơ tay hái trái cấm: trở ngại về đức tin, trở ngại về tình yêu và trở ngại về vâng lời. Trở ngại thứ nhất đặt trên tâm trí, thứ hai trên tình cảm, và thứ ba trên ý chí.

1. Trở Ngại về Đức tin

Trở ngại về đức tin đã nói, “Đức Chúa Trời phán... và Lời Đức Chúa Trời là chân thật. Hãy tin!” Nếu Ê-va tôn trọng trở ngại này – chững ngại trên đường đi – thì chắc hẳn bà không bước tới nữa. Khi con rắn đặt một câu hỏi ranh mãnh, “Mà chỉ! Đức Chúa Trời há có phán...?” nó quăng ra một lời vu khống

⁶ Câu hỏi có thể được nêu lên như sau, “Nếu Ê-va bị lừa dối thì sao bà lại bị kết án? Bà bị lừa dối vì bà chấp nhận lời nói của con rắn hơn Lời của Đức Chúa Trời. Đây là phản ứng lựa chọn về phần bà, không phải sự tự động hoặc cần thiết phải làm điều đó. Về vấn đề này bà đáng bị quở trách.

về sự trọn thành của Đức Chúa Trời bằng một lời phủ nhận nông cạn, “Hai người chẳng chết đâu” (Sáng thế ký 3:1, 4). Đáng lẽ Ê-va phải cãi lại cách cứng rắn, “Đây là lời phán của Đức Chúa Trời, ta tin điều đó và ta nhất định giữ theo lời ấy” – có lẽ bà phải giậm chân xuống để khẳng định. Nếu thế thì câu chuyện đã chấm dứt rồi. Nhưng bà đã bỏ qua trở ngại đức tin này bằng cách đã chấp nhận câu hỏi của con rắn, và làm theo để mở cửa cho tội lỗi.

Bây giờ bà đứng trên biên giới của sự nghi ngờ. Chẳng bao lâu nghi ngờ trở thành vô tín, vốn là sự phủ nhận Lời của Đức Chúa Trời là *Lẽ Thật*. Sau khi cho phép sự nghi ngờ tấn công vào sự tin quyết nơi sự toàn mãn của Lời Đức Chúa Trời, bây giờ bà thay thế Lời Đức Chúa Trời bằng sự phán đoán của mình như là quan toà lẽ thật. Người nào thực sự tin rằng những điều Đức Chúa Trời phán là chân thật sẽ thỏa lòng để vấn đề lại nguyên vẹn; người ấy sẽ không tự mình tìm kiếm. Nhưng khi một người bắt đầu nghi ngờ Đức Chúa Trời, người ấy sẽ tin nơi chính mình. Bây giờ người ấy sẽ tin cậy nơi phán đoán của mình như là điều có phẩm chất để tiếp nhận sự thật.

Vì thế Ê-va đã tự mình xem xét cây cấm. Bà cảm thấy mình cần phải xem cho kỹ vì bà không xem trọng Lời Đức Chúa Trời nữa. Toàn thể các quan năng trong người bà dường như xác nhận lời của con rắn. Bà thấy “trái cây đó bộ ăn ngon, lại đẹp mắt và quý vì để mở trí khôn” (Sáng thế ký 3:6). Bây giờ sự vô tín trở thành sự không tin ổn định, khi bà cảm thấy “bị ép buộc” đi đến kết luận rằng không cần phải tuân theo Lời Đức Chúa Trời cách nghiêm túc nữa, ít ra không thử nghiệm nữa. Trong trường hợp này dường như không cần phải chứng minh là đúng nữa.

Nhưng *loại tội lỗi này là gì?* Đó là sự tự mình hoàn toàn phân cách với Đức Chúa Trời. Thẩm quyền dành cho *Lẽ Thật*, và sự lên ngai của lý trí con người thay thế cho vị trí của Đức

Chúa Trời là thẩm quyền dành cho lẽ thật. Đây là sách đầu tiên của thuyết lý trí, và nguồn gốc của thuyết tương đối về đạo đức. Con người luôn luôn tìm kiếm lẽ thật bằng phương tiện của ống nghiệm của những quan năng của mình - lý luận và nhận định của họ. Vì vậy vô tín [unbelief] là tội của lý trí trong việc phủ nhận Lời Đức Chúa Trời là tiêu chuẩn duy nhất của ý nghĩa tối hậu và thay thế vào đó bằng trí tuệ riêng của con người không cần ai giúp đỡ.

2. Trở Ngại về Tình Yêu

Trở ngại thứ hai hướng về trái cấm là tình yêu. Tình yêu chân thật khao khát làm vừa lòng đối tượng của mình và bảo vệ mối quan hệ hạnh phúc bất kỳ giá nào. Trong trường hợp của Ê-va có thể tình yêu đã nói với bà, “Sự thông công với Đức Chúa Trời vào mỗi buổi chiều mát mẻ là điều ngọt ngào nhất và quan trọng nhất trong đời sống bà. Hãy thoả lòng với điều đó, và với quà tặng Ngài ban cho bà trong vườn này; đừng làm buồn lòng Ngài bằng sự đòi hỏi nhiều hơn điều Ngài đã ban cho”.

Nhưng Ê-va đã cho phép con rắn gieo một gợi ý trong tâm trí bà, “mắt ngươi sẽ mở ra, sẽ như Đức Chúa Trời, biết điều thiện và điều ác” (Sáng thế ký 3:5). Đáng lẽ bà phải phản đối hệt giống bất mãn nầy bằng lời nói, “Ta không cần điều gì nữa cả ngoài những gì Đức Chúa Trời ban cho ta. Nếu Ngài thấy thoả lòng, ta cũng vậy. Nếu Ngài thấy rằng ta cần ăn trái cây đó, Ngài sẽ ban cho”. Như vậy, *tin cậy*, yếu tố của tình yêu vốn là điều chắc chắn trọn vẹn của những sự tốt lành và những động cơ khác, sẽ cứu bà. Nhưng tình yêu ở đây bị sự nghi ngờ và tham vọng đâm chết. Bà chấp nhận gợi ý có thể bà sẽ quan trọng hơn bây giờ, và bà muốn tự nhắc lên. Đồng thời tư tưởng xấu xí nói rằng Đức Chúa Trời đã gạt bà và chồng bà, rằng Ngài đã “giữ lại”. Như vậy tình yêu bị đầu độc bằng tham vọng

tự nhắc mình lên và sự phẫn uất làm sưng sả mặt. Chúng ta có thể gọi điều này là sự *Kiêu Ngạo*.

Khi sự Vô tín phủ nhận Lời Đức Chúa Trời là Lẽ thật, thì bây giờ sự Kiêu ngạo phủ nhận sự chấp thuận của Đức Chúa Trời là giá trị tối cao. Tình yêu không muốn điều gì khác hơn là Đức Chúa Trời và những gì Ngài mong muốn chúng ta có. Sự kiêu ngạo với sự nâng mình lên địa vị quan trọng, tưởng tượng rằng mình đáng được nhiều hơn; sự thoả lòng bị sự phẫn uất, và cuối cùng là sự thù nghịch chiếm chỗ. Bây giờ con người theo bản chất là “thù nghịch với Đức Chúa Trời” như bài tín điều các sứ đồ mô tả.

Đây là tội theo ý nghĩa là tự mình xa cách Đức Chúa Trời là giá trị tối cao, và đưa bản ngã lên ngôi như là giá trị tối cao. Đây không những là tội kiêu ngạo nhưng còn là tội thờ hình tượng. Từ nguồn gốc này mọi hình thức của nhân bản vốn đặt con người vào trọng tâm như là “sự đo lường của muôn vật”. Và như thế, tội của Lu-xi-phe trong việc muốn lật đổ ngai của Đức Chúa Trời được nhân đôi. Từ sự tô điểm cho sự tự coi mình là quan trọng phát sinh mọi sự xung đột vốn phân rẽ con người (kể cả sự cãi nhau của các môn đồ trước ngày lễ Ngũ Tuần và sự lộn xộn của Hội Thánh Cô-rin-tô).

Ở đây chúng ta cũng nhìn thấy sự tiến bộ của tội lỗi. Ê-va bắt đầu nghi ngờ sự đáng tin của Lời Đức Chúa Trời. Sau đó bà tiến tới sự nghi ngờ về ý định tốt lành của Đức Chúa Trời. Điều này hủy diệt tình yêu. Chúng ta không thể yêu Đức Chúa Trời nếu chúng ta nghi ngờ rằng Ngài đang tìm kiếm sự hạnh phúc nhất của chúng ta và tất cả những sự đối xử mầu nhiệm của Ngài đối với chúng ta là vì mục đích này. Nhưng khi chúng ta không yêu mến Đức Chúa Trời nữa thì chúng ta sẽ yêu mến bản ngã và tất cả những đồ chơi mà bản ngã sáng chế ra và những tài sản mà nó tồn trữ được. Như vậy tình cảm trở thành sai trật và sự thờ hình tượng.

3. Trở Ngại về Vâng Lời

Trở ngại thứ ba mà Ê-va bỏ qua một bên là sự vâng lời. Điều này tiêu biểu cho sự thuận phục Đức Chúa Trời là Đấng Tối Cao. Vẫn còn có thể tránh được sự không vâng lời thực sự trong hậu quả kinh khủng của nó, nếu bà ngừng lại để phản đối: “Đức Chúa Trời đã cấm ăn trái cây này. Ta không hiểu qui luật đó, vì trái cây xem như không làm hại ta. Hơn thế nữa, ta không thích trái đó, và nghĩ rằng đó là sự hạn chế bảo thủ. Nhưng dù thế nào, Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời và Lời Ngài là luật pháp, và ta sẽ vâng lời”.

Giống như sự Vô tín phủ nhận Lời Đức Chúa Trời là Lẽ thật, sự Kiêu ngạo phủ nhận sự chấp thuận của Đức Chúa Trời là giá trị tối cao, thì cũng vậy, sự Phản loạn phủ nhận uy quyền của Đức Chúa Trời. Điều thứ nhất có thể nói đó là tội của lý trí, thứ hai là tội của tình cảm, và thứ ba đây là tội của ý chí. Đây là quyết định cuối cùng để đầu phục hay không đầu phục hành động công khai. Ê-va đã chọn bước tai hại này.

Trong hành động này, tội lỗi được xem là tự phân rẽ với Đức Chúa Trời là Chúa và Đấng Cai Trị và đưa bản ngã lên ngôi làm vua. Bây giờ là “quyền của tôi”. Sự phản nghịch này muốn sự độc quyền trọn vẹn, không ai được can thiệp. Bài ca của nó là “Tôi đi đường tôi”, và điệp khúc là “Không ai có quyền sai khiến tôi làm điều gì”. Phản đối quyền cai trị của Đức Chúa Trời để thay vào đó bằng sự cai trị của bản ngã. Sự đầu phục được thay bằng ý riêng. Tấm lòng vâng phục nói, “Tôi sẽ vâng lời Đức Chúa Trời cho dù tôi không biết đường lối Ngài”, nhưng Ý riêng sẽ nói, “Cho dù Đức Chúa Trời nói đúng, và bất chấp hậu quả, tôi vẫn đi đường tôi!”

Nhưng theo sau sự nghi ngờ, không tin cậy, không thoả lòng, và không vâng lời, còn có những điều khác nhanh chóng theo sau như vỡ mộng, bị tước đoạt quyền hạn, truy lạc và

chết. Thực tế mặc dù về lý thuyết chúng ta biết rằng cần phải tránh hướng đi xuống trước khi phạm tội công khai, nhưng kết quả của tội lỗi thường là một khi chúng ta chấp nhận sự nghi ngờ, sự kháng cự bị phá vỡ và những giai đoạn kế tiếp thường chảy nhanh đến nỗi không thấy được. Nếu lý thuyết đô-mi-nô là đúng ở khắp mọi nơi thì dường như đúng trong việc hội chứng tội lỗi cũng đúng như vậy.

D. SA-TAN LỪA BỊP TRẮNG TRỌN

Đức Chúa Trời đặt để A-đam và Ê-va trong một vị trí được tự do hết cỡ và trở ngại nhỏ nhất. Nhưng họ đã kết thúc bằng sự tự do nhỏ nhất và trở ngại lớn nhất.

1. Bị Mất Tự Do

Con rắn quỷ quyết đã thành công trong việc dụ dỗ được tổ phụ đầu tiên của chúng ta vào sự tưởng tượng rằng qua sự vượt ra khỏi biên giới của Đức Chúa Trời họ sẽ được tự do. Thực tế đáng buồn là họ thấy rằng mình đã nhận được kết quả trái ngược. Họ đánh mất tự do của một môi trường lý tưởng và thấy chính mình phải cày sâu cuốc bẫm mới có thức ăn. Họ đánh mất tự do của một sức khoẻ trọn vẹn, bây giờ họ bị hạn chế do sự mệt mỏi và đau đớn. Họ đánh mất sự tự do của sự vô tội, bây giờ họ biết được sự không bình thường và rối loạn về khẩu vị, bây giờ họ phải bị kỷ luật - tượng trưng bằng việc mặc quần áo. Họ đánh mất sự tự do của việc thông công với Đức Chúa Trời và bây giờ họ nhận thấy mình ở dưới sự ràng buộc của sự sợ hãi. Họ đánh mất sự tự do của sự bình an - thoát khỏi sự tranh đấu và nước mắt - và bây giờ họ khám phá sự chà đạp, khốn khổ nặng nề của sự thăm sát thậm chí trong gia đình. Họ không bao giờ nghĩ được điều đó sẽ xảy ra. Một ít tự do còn sót lại cho họ giống như một người ở trong bốn vách tường cứ hăng say đi qua đi lại trong đó mỗi lần một ít. Những sự lựa chọn

của họ bây giờ càng ngày càng ít đi cho đến cuối cùng những bức tường đóng lại.

Điều xảy ra trong Vườn Ê-đen là “Trò Lừa Bịp To lớn của Sa-tan” hoặc “Tên Bợm Đánh Lừa”. Nhân loại ngày nay vẫn còn bị đánh lừa như thế. Thật điên rồ khi giả định rằng luật pháp phá hủy tự do, và vì thế muốn có tự do thì phải trốn ra khỏi luật pháp. Nhưng, theo Eldon Trueblood, “hoàn toàn tự do là hoàn toàn vô nghĩa” [absolute freedom is absolute nonsense]. Dường như khó tin, nhưng có tờ báo thuật lại chuyện một nhóm phụ nữ thuộc một nhà thờ phái năng động (activists) ở Thành phố New York, họ ngồi ở một quảng trường hát những bài ca tụng hô Ê-va về việc “dám khởi xướng hành động tự do đầu tiên”. Ngợi khen về sự không vâng lời Đức Chúa Trời chăng? Không vâng lời Đức Chúa Trời là *điều tốt* sao?

Sự suy nghĩ vô lý, lộn xộn đó tạo thành một bằng cớ hiển nhiên về một tâm trí bại hoại. Thật vậy, sự không vâng lời của Ê-va là một hành động tạo ra sự tự do, nhưng không vì thế mà ca tụng, chẳng khác gì một kẻ giết người được gọi là đức hạnh vì điều đó tự nguyện và có cân nhắc. Có thể đầu tiên nói là hành động đạo đức – nhưng hành động của ông hay bà ấy cũng là những hành động tự do cuối cùng. Mọi hậu quả của hành động đạo đức của A-đam và Ê-va hoặc bất kỳ người nào trong dòng dõi của họ đã bị giới hạn do kết quả của sự không vâng lời đầu tiên của họ.

2. Bản Chất Thật của Sự Tự Do

Điều Sa-tan che mờ mắt của A-đam và Ê-va là thực tế được xây dựng thành bản chất của sự sống: chỉ có thể tìm thấy sự nhận thức tối đa về sự tự do, điều kiện thuận lợi nhất để phát triển và được bảo vệ vĩnh viễn trong sự hoàn toàn đầu phục Đức Chúa Trời. Đây là điều nghịch lý của thực tế đạo

đức, và lẽ thật sâu sắc nhất của sự sống. Từ sự đầu phục trọn vẹn phát xuất sự ý thức về mình cách trọn vẹn; chỉ từ sự vâng lời mới phát xuất ra sự tự do. Tác giả Thi thiên chứng thực rằng, “Tôi sẽ bước đi tự do, vì đã tìm kiếm các giềng mối Chúa” (Thi thiên 119:45).

Bản chất của con người được tạo dựng theo cách nó chỉ hoạt động đúng trong khuôn khổ của qui luật của Đức Chúa Trời. Khi con người từ khước Đức Chúa Trời thì bản chất của con người bị phá vỡ, và sự tự do cả bên trong lẫn bên ngoài đều bị tiêu tan và những sợi dây ràng buộc càng ngày càng dày lên và nhiều thêm. Ngày nay con người kêu gào cho được tự do như một người rắng ôm lấy không khí. Nhưng con người giống như một con chó điên cuồng đang làm rối sợi thừng và chỉ càng làm rối thêm khi nó chạy quanh gốc cây. Nếu nó biết dừng lại, sửa lên và không chạy nữa, và chờ Chủ đến cứu nó!⁷

E. HẬU QUẢ CỦA TỘI LỖI TRÊN CÁ NHÂN

1. Mất sự Vô Tội

Ăn trái cây đã làm cho A-đam và Ê-va “khôn ngoan”, nhưng theo cách đáng ngạc nhiên. “Mắt họ mở ra, và họ thấy mình lỏa lồ”. Bây giờ kiến thức của họ bao gồm sự ý thức về lỗi lầm và xấu hổ. Kiến thức đó không phải là điều thú vị hoặc ích lợi mở rộng. Bây giờ họ biết về tội lỗi, nhưng họ không còn biết sự bình an và niềm vui của sự thánh khiết, vì sự thánh khiết đã bị hủy diệt. Điều con rắn đã không nói với họ là họ

⁷ Đây là lời khôn ngoan: “Tại trung tâm của mỗi sự tự do có một hạt giống của sự cấm đoán mà nó bảo đảm cho sự tồn tại của sự tự do. Nhưng chúng ta, quá điên cuồng để được tự do, đôi khi đi đến trung tâm đó nhặt hạt giống cấm đoán lên và cố gắng quăng đi thật xa... quên rằng nó có thể là yếu tố chủ yếu làm cho toàn thể được tự do... Có những điều tôi không thể làm và vẫn được tự do” (tác giả vô danh).

không thể đạt được kiến thức kinh nghiệm về điều ác và đồng thời tái chiếm hữu sự tốt lành.

2. Lầm Lối và Xa Cách

Như trẻ con vốn ngấm ngấm không vâng lời đã cảm thấy khó chịu khi có mặt cha mẹ thể nào, thì A-đam và Ê-va đã “ẩn mình giữa bụi cây, để tránh mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời” (Sáng thế ký 3:8). Sự Hiện Diện trước kia đã ở trong họ bây giờ ở bên ngoài họ, và họ sợ sự Hiện Diện ấy. Đây là bi kịch chia rẽ sâu xa của mối thông công giữa Đức Chúa Trời và con người. Tình yêu, sự tin cậy vui mừng mà họ đã có trước kia bây giờ bị thay thế bằng sự sợ hãi và khó chịu. Lương tâm của họ bây giờ quở trách họ, và họ biết mình không còn nhận được sự yêu thương của Đức Chúa Trời nữa. Tội lỗi luôn luôn mang lại cảm nhận nội tâm về sự xa cách Đức Chúa Trời và vương quốc của Ngài.

3. Sự Chết Thuộc Linh

Đức Chúa Trời đã cảnh cáo họ, “một khi các người ăn chắc sẽ chết” (Sáng thế ký 2:17). Con rắn giửu cọt, “Các người chẳng chết đâu” (3:4). Nhưng bây giờ sự chết đã đến trong thực tế kinh khủng nhất. Thật vậy, ngay lập tức họ không chết về mặt vật lý và tinh thần tại trên đất nầy. Ngay cả ý thức của họ vẫn hiện hữu như là một con người riêng biệt. Nhưng cái chết xảy ra ngay giờ phút họ không vâng lời, một bi kịch không thể diễn tả bằng lời được, kèm theo cái chết thuộc thể xảy ra về sau nhưng là một tiếng vọng yếu ớt. Sự thánh khiết, vô tội, tình yêu trọn vẹn, chế ngự bản ngã và tự nhiên, sự bình an nội tâm và hạnh phúc, sự thông công thân mật giữa Đấng Tạo Hóa và tạo vật – tóm lại, *đời sống thuộc linh*, trong mọi khía cạnh, đều bị dập tắt hết. Chiều không gian thứ ba đã bị xóa sạch, và con người trở thành sinh vật có hai chiều, sự đầy dẫy trước kia bị mất hết, giờ đây chỉ còn sự yếu đuối, khả năng bị teo lại và

ham muốn yếu ớt. Chắc chắn tội lỗi không thể làm cho cuộc sống kéo dài; nó đã thu nhỏ lại.

II. Ý NGHĨA CỦA TỘI LỖI

Có thể thấy rằng một triết lý hữu lý về tội lỗi, tự bản thân nó, hoà hợp hoàn toàn với những gì xảy ra tại Vườn Ê-đen. *Tội lỗi là sự sai trật có thể giải thích được trước mặt Đức Chúa Trời.*

A. GHI CHÚ QUAN TRỌNG VỀ TỘI LỖI

1. Trước Mặt Đức Chúa Trời.

Như chúng ta đã nói, tội lỗi là một ý niệm tôn giáo. Nếu không có Đức Chúa Trời, chắc hẳn không có tội lỗi (có lẽ, không có tội trọng, xâm phạm luật pháp của xã hội, không cần nói gì đến Đấng Tối Cao; những người Cộng Sản chỉ nói về tội ác chứ không nói đến tội lỗi. Hơn nữa, “trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời” có nghĩa là trong mắt Ngài. Ngài là Đấng Đánh Giá mọi hành động luân lý. Nơi nào Ngài không thấy tội lỗi, chắc chắn là không có.

2. Sự Sai Trật

Dù cho nói điều này đến bao nhiêu lần nó vẫn không cũ rích, tuy nhiên cần phải nói rằng sự sai trật là sự đi lệch ra khỏi con đường chính đáng. Nếu không có sự đúng đắn, chắc hẳn không có sự sai trật. Hơn nữa nhìn nhận sự sai trật có thể rất khó nếu không có tiêu chuẩn được mọi người nhìn nhận và biết đến. Cho dù người thợ mộc có tự do đến bao nhiêu trong việc xây dựng một căn nhà, nhưng người ta có thể nói rằng ông ta sai lầm nếu không có bản thiết kế hoặc sơ đồ xây dựng.

Nói chung, có ba triết lý cơ bản về sự đúng đắn và sai lầm:

(a) *tình trạng hỗn loạn về đạo đức* – mỗi người lập ra một luật cho chính mình. (b) *thuyết tương đối về đạo đức* – sự đúng đắn

và sự sai lầm được quyết định do xã hội trong đó một người sống, hoặc hoàn cảnh đạo đức (hoặc sự kết hợp cả hai); và vì thế có thể có hệ thống đạo đức, mỗi hệ thống “đúng” trong khung văn hóa của nó. Phương pháp này phỏng đoán sự phủ nhận về sự tuyệt đối về đạo đức. (c) *Thuyết tuyệt đối đạo đức* - đạo đức có nguồn gốc từ Đức Chúa Trời; uy quyền của Ngài trong lãnh vực đạo đức là tuyệt đối và tối hậu; những yếu tố cần thiết cho sự đúng và sai lầm trước mặt Đức Chúa Trời có giá trị phổ quát và không thay đổi; và Đức Chúa Trời đã bày tỏ tiêu chuẩn của Ngài về điều đúng và sai rồi, và sự bày tỏ này đang có sẵn. Đây không loại trừ một mức độ của sự chính thống trong ý niệm của thuyết tương đối, nếu cứ giữ theo thuyết tuyệt đối của Kinh Thánh.

Phần ngụ ý cuối cùng ấy là vi phạm tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời là tội; còn tuân theo tiêu chuẩn là đúng (thánh khiết).

Tuy nhiên, chúng ta có tội “theo luật” (legal sin), nghĩa là sự kiện rõ ràng của sự không phân biệt giữa trình diễn và tiêu chuẩn khách quan. Điều này được gọi là theo luật vì sự trình diễn không hoàn thành văn tự của luật pháp hoặc đạt đến một tiêu chuẩn hoàn toàn; vì vậy, không được phản đối và cần phải điều chỉnh. Những tội gọi là “tội lầm lỡ” (Lê-vi-ký 4:2; 5: 14-17; Dân-số-ký 15:27-31) có thể thuộc về loại này. Về mặt luật pháp đi quá tốc độ là vi phạm khi quá tốc độ cho dù người lái xe không biết sự vi phạm của mình. Nhưng sự thiếu sót [*hamartia – falling short*] không dụng ý đó tự bản thân không phải là tội, hoặc “cái gọi là tội cách chính xác” (Wesley) vì nó thiếu một yếu tố cần thiết để làm nên tội ác – cố ý làm nên tội ác. Chỉ có điều này khiến cho một tội trở thành một điều ác vốn đòi hỏi sự kết án cũng như không tán thành. Trong điều này người ta còn tìm thấy sự phân biệt giữa ý niệm luật pháp

về tội lỗi và ý niệm đạo đức. Vì thế chúng ta phải dùng thêm một từ ngữ khác.

3. Trách Nhiệm

Khi chúng ta nói rằng một người chịu trách nhiệm tức là chúng ta muốn nói rằng người ấy có đủ trách nhiệm như là một người có thông minh về đạo đức biết gánh lấy trách nhiệm về hành động của mình trước mặt Đức Chúa Trời và con người. Nhưng điều này có nghĩa là đáng bị quở trách, nếu người ấy có hành động sai; nghĩa là người đó đáng bị hình phạt vì sự sai phạm của mình. Nếu người ấy không chịu trách nhiệm, người ấy không bị quở trách. Những đầu nhọn này tự bản thân nó là yếu tố thiết yếu của tội lỗi, *điều lầm lỗi* [demerit]. Nếu không có điều lầm lỗi, hoặc *điều lầm lỗi* [guilt] thực sự (phân biệt với những cảm giác lầm lỗi), thì tội mất đi tính chất tội lỗi quá độ của nó. Nó có thể là:

- chỉ là một sự tình cờ; đáng thương hại, nhưng không đáng bị trừng phạt, hoặc
- chỉ là một sự không may mắn; đáng thương hại, nhưng không đáng bị trừng phạt

Chúng ta đã bàn về những yếu tố của trách nhiệm nhưng có lẽ cần phải khảo sát chi tiết hơn. Thứ nhất là *sự thông minh*: chúng ta không bắt những thằng ngốc cũng như không bắt trẻ con phải chịu trách nhiệm. Đây là lý do chúng ta nói đến “tuổi chịu trách nhiệm”. Yếu tố thứ hai là *sự hiểu biết*: con người không thể chịu trách nhiệm về sự hiểu biết nếu họ không có hoặc không có cơ hội để dành được sự hiểu biết⁸. Yếu tố thứ

⁸ Trong vài trường hợp chúng ta chịu trách nhiệm về sự dốt nát của mình. Câu tục ngữ, “Kẻ ngu dốt không được miễn tội trước luật pháp” ngụ ý rằng chúng ta có thể và phải được thông báo. Nhưng sự dốt nát hoàn toàn, cũng có nghĩa là sự dốt nát ngây thơ, được tha thứ trước mặt Đức Chúa Trời (Công vụ 17:30).

ba là *sự tự do*, nơi nào không có sự lựa chọn của cá nhân, nơi đó không có trách nhiệm. Khó có thể cho người theo thuyết quyết định [determinism] nói cách có ý nghĩa hoặc tội lỗi hoặc đức hạnh.

Như A. W. Tozer nói,

Nơi nào không có quyền tự do chọn lựa, nơi đó không có tội lỗi hoặc sự công bình vì cơ bản chất của cả hai đều là sự tự nguyện. Tuy nhiên, dù hành động có tốt đến bao nhiêu, nó cũng không tốt nếu bị bên ngoài ép buộc. Hành động ép buộc phá hủy nội dung đạo đức của hành động và hoàn lại sự vô hiệu và trống không⁹.

Nói cách đúng đắn, một đứa bé có thể bị phạt vì chạy đi chơi, nhưng không thể bị phạt vì nó bị bắt cóc. Nói dối là điều đáng trách; nhưng phạm lỗi cách chân thật lại không bị. Vậy, tội chỉ có thể xảy ra cho loài có đạo đức; máy móc, rô-bô hoặc búp bê không thể phạm tội. Và tội lỗi chỉ có thể xảy ra trong phạm vi thông minh, hiểu biết và tự do.

Yếu tố thứ tư là ý muốn. Ba yếu tố đầu về trách nhiệm có thể gọi là những điều kiện chủ quan do đó tội lỗi có tiềm lực. Nhưng bây giờ tiềm năng này trở thành thực sự. Bên trong ma trận của sự tự do (mặc dù nó có hạn chế được công nhận, nhưng nó vẫn có thật) thì chắc hẳn phải có sự thực hành quyền chọn lựa. Điều này không có nghĩa là chỉ những hành động có suy nghĩ mới là tội. Tội phát xuất từ yếu đuối và cơn bốc đồng cũng đều đáng trách, vì những điều đó nếu cẩn thận có thể tránh được, và vẫn có sự nhất trí khi thực hiện những điều đó. Đôi khi, công cụ đạo đức bị lường gạt để phạm tội do tâm trí xác thịt của người đó chống nghịch lại với những ý định và ước muốn tốt hơn (Rô-ma 7); đây là những tội “đáng kinh ngạc”

⁹ *That Incredible Christian* (Harrisburg, Pa.: Christian Publications, 1964), 30.

của dục vọng hoặc phản ứng không giống như Đấng Christ. Tuy nhiên có sự liên quan tế nhị của ý chí và kết quả là cảm giác bị kết án và đáng khiếm trách.

Tội như thế có thể ở nhiều hình thức khác nhau. Nó có thể phạm tội ở tâm trí, mà không có hành động bên ngoài (Ma-thi-ơ 5:22, 28). Nó có thể ở trong nhiệm vụ hoặc bỏ quên. Nó có thể là tội của xác thịt, như là bất thường về tình dục hoặc quá độ; hoặc có thể là tội của tâm thần, như tham lam, ý muốn xấu xa, hoặc đổ kỵ.

Nhưng theo Kinh Thánh trong tất cả những hình thức này yếu tố tiềm ẩn của tội lỗi được bày tỏ trong hiện tại. Trong những yếu tố này chúng ta phân biệt quan điểm Cơ Đốc của tội lỗi với (a) quan điểm của những người Ngộ giáo (Gnostic), có khuynh hướng định nghĩa tội lỗi là *sự không biết* (ignorance); (b) những người theo thuyết sinh tồn và tân chính thống (existential and neoorthodox) [chẳng hạn, Reinhold Niebuhr] có khuynh hướng truy nguyên tội lỗi từ *sự hữu hạn* của con người, ngụ ý rằng tính tội lỗi của con người bị pha loãng bởi sự yếu đuối cố hữu của bản chất của con người; và (c) theo quan điểm của những người theo Calvin và Luther, vốn nhấn mạnh ý niệm luật pháp của tội lỗi đến nỗi đi thái quá thành phi đạo đức; và họ cũng nhấn mạnh về sự bại hoại không cứu chữa được đến nỗi không hành động nào có thể tẩy sạch hoàn toàn vết tích của tội lỗi. Nhưng quan điểm sau không phải là những quan điểm về tội lỗi cách sâu sắc, nhưng nông cạn, vì những quan điểm đó làm giảm thiểu tính tội lỗi thực sự của con người, đồng thời nó đòi hỏi sự khiếm khuyết cố hữu nằm quá xa ân điển sửa đổi.

Vì thế, trong phân định nghĩa của chúng tôi về tội lỗi, chữ chịu trách nhiệm phải ở thì hiện tại; nếu không chúng tôi sẽ bị khoá vào ý niệm luật pháp cách máy móc về tội lỗi. Trong định nghĩa đó cũng có sự khác nhau về tính chất vô hạn giữa

tội lỗi và lỗi lầm, hoặc sai phạm không cố ý. Lầm lẫn tội lỗi với sai phạm là hủy bỏ mọi sự phân biệt về đạo đức. “Gán mọi sự là tội lỗi... là gán cho mọi ý định và mục đích làm cho tội lỗi không chịu một trách nhiệm đặc biệt nào¹⁰. Trên cùng một cơ sở của sự phân biệt về luân lý người ta có thể nhìn thấy sự khác nhau về phẩm chất giữa *tính tội lỗi* [sinfulness] và *sự yếu đuối* [infirmity].

Tóm lại, khi chữ tội được sử dụng về sự sai lầm gắn liền với việc không chịu trách nhiệm, do đó không có lỗi lầm, nó được dùng ở ý nghĩa điều tiết. Như vậy tội lỗi được định nghĩa là cách bao hàm theo tiêu chuẩn khách quan, kết quả hoặc là tuân theo luật pháp và tuyệt vọng hoặc bất cần và hờ hững.

¹⁰ W. T. Purkiser, trong cuốn *Beliefs That Matter Most* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1959), 45. Người ta nói rằng John Wesley đã có ý niệm ba mặt về tội lỗi, (1) là sự cố ý vi phạm luật pháp biết rõ; (2) kế thừa tội lỗi nguyên thủy; và (3) bất kỳ điều thất bại nào, hoặc không làm trọn luật pháp trọn vẹn của Đức Chúa Trời. Điều sau này có thể bị đặt vấn đề. Mặc dù ông nhìn nhận rằng mọi thất bại đều cần huyết của Đấng Christ để bao phủ, nhưng ông khước từ việc gọi những thiếu sót không cố ý hoặc không biết đến là tội lỗi. Ông khẳng định rằng nhiều sự thiếu sót xuất phát từ việc không theo đúng tiêu chuẩn trọn vẹn nhưng “không trái với sự yêu thương”, vì thế, theo ý nghĩa của Kinh Thánh, đó không phải là tội lỗi. Về sau, ông nói, “Những sự quá phạm mà bạn có thể gọi đó là tội lỗi, nếu bạn thích, còn tôi thì tôi không gọi”. Và, “Những ai không gọi thế thì phải biết rằng họ đang lẫn lộn những sự thiếu sót với tội lỗi, phải gọi đúng là như vậy. Sau đó ông thắc mắc, “Nhưng sao họ lại tránh điều đó? Làm thế nào để phân biệt những điều này, nếu gọi những sự hỗn độn là tội lỗi? Tôi e rằng, nếu chúng ta cho phép bất kỳ tội lỗi nào đều hoà hợp với sự trọn vẹn, thì sẽ có một số người hạn chế ý tưởng này với những điều thiếu sót chỉ liên quan đến sự khẳng định đúng (*A Plain Account of Christian Perfection* [1872; tái bản, Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1966], 51-67.

Nhưng sự nguy hiểm trái ngược đòi hỏi phải có sự cảnh cáo. Quan điểm đạo đức về tội lỗi không được nhấn mạnh ở điểm bỏ qua những tiêu chuẩn khách quan đang hiện hữu và phải được chấp nhận. Khi tội lỗi được định nghĩa cách bao hàm theo những yếu tố chủ quan (đường như *ý định* là tất cả mọi vấn đề trong khi *tiêu chuẩn* thì không quan trọng), khuynh hướng kết cục sẽ là thuyết tương đối trong đạo đức, thuyết tự mâu thuẫn trong thần học, và nông cạn trong tôn giáo.

Rõ ràng tội của A-đam và Ê-va hoàn toàn thuộc về đạo đức. Họ phải chịu trách nhiệm về sự sai trật trước mặt Đức Chúa Trời. Họ đã hiểu một tiêu chuẩn rõ ràng. Họ hành động trong sự tự do như những người biết chịu trách nhiệm. Họ cố ý không vâng lời. Họ phạm tội¹¹.

B. LỜI PHÁN QUYẾT CỦA KINH THÁNH

Ý niệm tiêu chuẩn về tội lỗi trong Kinh Thánh là ý niệm hoàn toàn đạo đức. Điều này được chứng minh bằng hai cách:

1. Những Đoạn Định Nghĩa

Có bốn chỗ trong Tân Ước, dù không đưa ra những định nghĩa đầy đủ về mặt kỹ thuật, nhưng rõ ràng về mặt bản chất, và tất cả đều chỉ rõ ràng về tội thuộc về đạo đức.

- a. “Nhưng nếu anh còn nghi ngờ mà vẫn ăn là bị lên án rồi vì không hành động bởi đức tin. Phạm việc gì không bởi đức tin là phạm tội” (Rô-ma 14:23). Hành vi không hài hoà với đức tin theo ý nghĩa của ‘sự cáo trách mạnh mẽ

¹¹ L. Harold DeWolf phân biệt rõ ràng giữa tội thuộc về luật pháp và tội thuộc về đạo đức nhưng dùng chữ tội thuộc *hình thức* [formal] cho tội về đạo đức và thuộc *vật chất* [material] cho tội về luật pháp. *A Theology of the Living Church* (New York: Harper and Brothers, Publishers, 1953) 182.

trong ánh sáng của mối quan hệ của người ấy với Đấng Christ và với lương tâm được soi sáng của người ấy”¹², là tội lỗi, trong ý nghĩa hoàn toàn chịu trách nhiệm, vì đó là hành vi làm xáo trộn lương tâm. Nó bày tỏ sự cố ý tiến hành sự liều lĩnh về đạo đức. Tâm trạng quan tâm nhiều đến sự thoả mãn cá nhân và tự do hơn là sự công bình của cá nhân là tâm trạng tội lỗi chứ không phải là tâm trạng thuộc về đức tin.

- b. “*Vậy ai biết điều lành mà không làm là phạm tội*” (Gia cơ 4:17). Đây là sự cố ý bỏ qua bổn phận đã biết, hoặc là cố ý từ khước những gì nhận biết là hành động đúng. Rõ ràng điều này có liên quan đến cốt lõi là đạo đức.
- c. “*Mọi sự bất chính đều là tội*” (I Giăng 5:17). Chữ bất chính ở đây là *adikia*, trong Tân Ước có ý nghĩa khác xa với sự không công bình như là một sai phạm, nhưng là sự cố ý từ khước lẽ thật trong tình cảm và hành động; đó là sự chống đối lẽ thật¹³. Tội *adikia* “không đến nỗi chết” là tội, mặc dù anh em khác có thể quan sát, nhưng cuối cùng, nó hoàn toàn không phải là sự bội đạo (xem thêm Ga-la-ti 6:1).
- d. “*Ai phạm tội là người vi phạm luật pháp vì tội lỗi là vi phạm luật pháp*” (I Giăng 3:4). Chữ dùng ở đây là *anomia*, “không luật pháp” [no law], không có nghĩa là tình trạng không có luật pháp hoặc không biết đến luật

¹² Archibald Thomas Robertson, *Word Pictures in the New Testament* (New York and London: Harper and Brothers, Publishers, 1931) 4:416.

¹³ Xem thêm Rô-ma 1:18; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:10-12; Giăng 7:17-18; I Giăng 1:9. Xin xem W.E. Vine, “Unrighteousness”, *Expository Dictionary of the New Testament Words* (Westwood, NJ: Fleming H. Revell Co. 1966); cũng xem thêm Cremer: Amt and Gingrich.

pháp, nhưng là không chịu phục tùng luật pháp. Đây là điều hoàn toàn thuộc về đạo đức¹⁴.

2. Những từ ngữ của Kinh Thánh

Những nỗ lực để phân tích những từ ngữ Hy-bá-lai và Hi Lạp đều có giá trị rất hạn chế. Điều này xảy ra một phần vì số lượng mỏng manh, theo nghĩa đen có mấy chục chữ chỉ về hành vi không thể chấp nhận được. Nhưng hậu quả sẽ phức tạp do việc nghiên cứu cách dùng của mỗi chữ trong văn cảnh trực tiếp, vì cùng một chữ không phải lúc nào cũng mang cùng một sắc thái hoàn toàn giống nhau. Vì thế phần nghiên cứu về chiều sâu của mỗi chữ là công tác của toàn bộ một cuốn sách¹⁵, trong cuốn sách này chúng ta hãy thoả lòng với phần sơ lược vài chữ trong những từ ngữ của Tân Ước.

- a. *Hamartia*, nghĩa đen là chưa đúng dấu. Tuy nhiên, mặc dù theo từ nguyên học ý nghĩa này không bao giờ hoàn toàn mất sự chính xác, nhưng nó không phải là từ ngữ đáng tin cho cách dùng của Tân Ước. Trái lại chữ *hamartia* là chữ chủ yếu dành cho tội lỗi, được tìm thấy ít nhất 175 lần, cộng với động từ *hamartianò* và một biến thể khác *hamartèma*. Nó được dùng để chỉ về bản chất tội lỗi, 'yếu tố bên trong phát sinh hành động' (Vine), chẳng hạn, Rô-ma 3:9; 6:1-2; 7: 7, 8, 11, 13 và những chỗ khác. Nó cũng được dùng để nhân cách hoá tội lỗi như là một sức mạnh

¹⁴ Đoạn Kinh Thánh hỗ trợ cho điều này là: (a) Giăng 9:39-41, ngụ ý rằng lỗi lầm được xác định bằng sự sáng; (b) Rô-ma 5:12-13, công bố rằng tội lỗi không được qui cho (nghĩa là, buộc tội cho người nào đó là tội) khi không có đầy đủ ánh sáng; (c) I Giăng 3:6-10, chỉ về sự loại trừ tội lỗi khỏi đời sống Cơ đốc nhân cho dù vẫn có thể xảy ra: rõ ràng về mặt đạo đức thì Cơ đốc nhân không thể vi phạm được. Xin xem ECH, 1:225-26.

¹⁵ Xin xem C. Ryder Smith, *The Bible Doctrine of Sin* (London: Epworth Press, 1956)

cai trị có tổ chức, như trong Rô-ma 5:11; 6:12; 7:20; 8:20; I Cô-rin-tô 15:56; Hê-bơ-rơ 3:13; Gia cơ 1:15, và những chỗ khác. Nó được dùng cho tội lỗi nói chung, chỉ về tội lỗi cách trừu tượng, nhưng thỉnh thoảng chỉ về một hành động gian ác đặc biệt, chẳng hạn, Ma-thi-ơ 12:31; Công vụ 7: 60. Trong vài trường hợp chữ này còn có dụng ý được dùng để chuyển tải ý nghĩa nguyên thủy của nó và có thể được dịch là “những sự thiếu sót” hoặc “lỗi lầm” (Lu-ca 11:4; I Phi-e-rơ 4:8, có lẽ Gia cơ 5:16). Cách dùng có ý nghĩa nhất là dùng với mạo từ, *tội lỗi* [the sin], có 28 lần trong Rô-ma 5:12 – 8:4, tại đây Phao lô thảo luận về nguyên tắc của tội lỗi liên quan đến sự thánh khiết¹⁶.

- b. *Paraptōma*, nghĩa khởi đầu là bước sai lầm, nó có thể là không trung thành dẫn đến sự phản bội, như trong Hê-bơ-rơ 6:6, hoặc ít phạm lỗi nghiêm trọng, như trong Ga-la-ti 6:1, “Hỡi anh em, nếu một người tình cờ phạm lỗi gì...” Đây có lẽ có ý nghĩa về sự thiếu sót của con người và sự thiếu thận trọng ít ra đã được Chúa Jêsus dùng chữ *paraptōmata* như sau trong Lời Cầu Nguyện của Chúa: “Vì nếu các con tha thứ sự quá phạm [trespasses – blunders] của người ta, thì Cha Thiên Thượng của các con cũng sẽ tha thứ cho các con: nhưng nếu các con không tha thứ những sự quá phạm của người ta, thì Cha các con sẽ không tha thứ cho những sự quá phạm của các con” (Ma-thi-ơ 6: 14-15). Chúa Jêsus sử dụng chữ này để giúp chúng ta hiểu được ý nghĩa mà Ngài muốn dùng trong việc dùng chữ *opheilēmata*, nợ, trong lời cầu nguyện: Xin Cha tha nợ của chúng con, như chúng con tha những kẻ mắc nợ chúng con” (c. 12). Chắc chắn điều này bao gồm những thất bại về ý chí và đáng khiển trách,

¹⁶ William M. Greathouse, “Romans”, *Beacon Bible Commentary* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1968), 8:114, từ đây trở về sau viết tắt là BBC.

nhưng nó cũng có thể gồm những sự thiếu sót không cố ý. Ít ra chúng ta không thể xem lời cầu nguyện được tạo thành như là một bằng cớ cho rằng việc liên tục phạm tội về đạo đức đối với Cơ đốc nhân là điều bình thường của thời đó¹⁷. Tuy nhiên, lời cầu nguyện luôn luôn là một điều nhắc nhở chính xác rằng chúng ta phải lệ thuộc vào sự thương xót của Đức Chúa Trời, đời đời mắc nợ ân điển của Đức Chúa Trời, vì chúng ta không đủ tiêu chuẩn hoàn hảo của sự giống Đấng Christ.

- c. *Apistia*, vô tín. Đôi khi chữ này được dùng như là “sự không trung tín” rõ ràng và tội lỗi như trong Rô-ma 3:3. Nói chung, đó là sự cố ý đánh mất đức tin, hoặc từ khước Phúc Âm (Mác 16:14; Rô-ma 4:20; I Ti-mô-thê 1:13; v.v...). Thỉnh thoảng chữ này có thể có nghĩa là sự yếu đuối đức tin đánh dấu cho những Cơ đốc nhân không thánh khiết (Ma-thi-ơ 17:20 và Mác 9:24). Nếu không có “đức tin thì không thể nào làm đẹp lòng Đức Chúa Trời” Hê-bơ-rơ 11:6), thì vô tín rõ ràng là sự không đẹp lòng Ngài. Vì chúng ta được cứu do tin nơi “Cứu Chúa Jêsus Christ” (Công vụ 16:31), vậy không tin thì vẫn ở trong tình trạng chưa được cứu. Vô tín là tội vì cùng một lý do như lúc bắt đầu con người đã phá vỡ mối quan hệ với Đức Chúa Trời ở trong Vườn Ê-đen. Tại trung tâm đó là sự phỉ báng Đức Chúa Trời.
- d. *Apeitheia*, “tình trạng bướng bỉnh, không thể làm cho tin được, chỉ về sự bướng bỉnh không chịu vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời” (Vine). Điều này rõ ràng hoàn toàn thuộc về đạo đức và tội lỗi, được chứng tỏ trong những

¹⁷ Cách dùng của chữ *hamartias*, tội lỗi trong Lu-ca 11:4 không bác bỏ sự mềm dẻo có thể xảy ra vì chúng ta đã ghi nhận ấn tượng của chữ *hamartia*.

đoạn văn như Ê-phê-sô 2:2; 5:6; Rô-ma 11:30; Hê-bơ-rơ 4:6, 11. Chúng ta không hiểu vì sao bản dịch King James đôi khi dịch là chữ “không vâng lời” và đôi khi dịch là “vô tín” vì tình trạng này không phải do sự khó khăn về trí tuệ thực sự hoặc là điều không thể tin được, nhưng là sự cố ý không tin vì sự cố ý không vâng lời.

- e. *Parakoè*, nghe mà không để ý, không chịu nghe. Đây cũng là sự không vâng lời. Trong Rô-ma 5:19 đây là từ ngữ được dùng để chỉ về loại tội mà A-đam đã phạm – sự không vâng phục của một người”. Tội như thế đáng bị hình phạt (2 Cô-rin-tô 10:6, cũng xem thêm Hê-bơ-rơ 2:2).
- f. *Parabasis*, sự vi phạm trắng trợn một luật pháp; “vi phạm một luật lệ được ban hành rõ ràng” (Thayer) như trong Rô-ma 4:15, I Ti-mô-thê 2:14. Chữ này được dùng 7 lần, nhưng có ý nghĩa. Trong khi chữ *hamartia* có thể áp dụng cho “những tội không biết”, thì chữ *parabasis* không phải như vậy, nó luôn luôn là sự vi phạm một luật đã được công bố, phù hợp chính xác với định nghĩa của Wesley về tội lỗi “gọi chính xác nó là như vậy”. *Hamartia* không được qui cho là tội khi con người hoàn toàn không biết đó là tội, có nghĩa là *hamartia* xảy ra giữa A-đam và Môi-se ít tính đạo đức hơn là *parabasis* của A-đam – ông ta đã cố tình vi phạm một luật đã biết rõ (Rô-ma 5:12-14).
- g. *Amonia*, tình trạng vô luật [lawlessness] 15 lần cộng thêm 9 lần chữ *anomos* và *anomòs*. Chữ này thường được dịch là “điều trái với đạo đức”[iniquity], nói về sự gian ác của con người phản bội trong việc muốn loại trừ không những luật pháp nhưng còn là Người làm luật nữa. Nói về I Giăng 3:4, Vine cho biết, “Định nghĩa này về tội lỗi đưa ra bản chất thiết yếu là sự từ khước luật pháp, hoặc ý muốn của Đức Chúa Trời và sự thay thế cho ý muốn của bản ngã”. Ông còn nói thêm rằng điều này sẽ đưa đến cực điểm là sự xuất

hiện của “con người vô luật pháp” (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:8) là người muốn “dùng thế lực tối tăm để lật đổ sự cầm quyền Thiên thượng”¹⁸. Khi tín hữu dung thứ cho bất kỳ dấu tích nào của tâm trí xác thịt, vốn thù địch với Đức Chúa Trời (Rô-ma 8:7), thì họ đã để cho sa-tan cắm trại rồi. Nếu họ còn sống khi Kẻ Địch lại Đấng Christ bắt đầu tự tôn, thì những người này khởi sự tìm kiếm trong họ cảm tình bất ngờ và cuối cùng họ mù quáng theo nó.

- h. Adikia, cũng được dịch là “điều trái với đạo đức” [iniquity] (sáu lần) nhưng thường là “sự không công bình” (xem Lu-ca 16:9; Rô-ma 1:18; 6:13; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:10; Hê-bơ-rơ 8:12; 2 Phi-e-rơ 2:13; I Giăng 1:9). Một lần Phao lô dùng chữ này, ông dùng theo kiểu chế giễu (2 Cô-rin-tô 12:13). Ngoài lần này, những lần khác đều được dùng theo đạo đức và diễn tả không những chính về những hành động sai trật nhưng còn (thường là) một sự nhất quyết theo sự gian ác, vui thích trong tội lỗi, có thể nói đó là khuynh hướng cơ bản của bản chất con người (xem thêm Rô-ma 1:9; 2:8; 3:5; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:12). Sự phân biệt giữa tội lỗi cần được tha thứ và sự quản quai bên trong của linh hồn về nhu cầu cần được tẩy sạch được nêu rõ trong I Giăng 1:9, “Nếu chúng ta xưng tội lỗi mình thì Ngài vốn là Đấng trung tín và công chính sẽ tha thứ tội lỗi chúng ta và thanh tẩy chúng ta sạch mọi điều bất chính”.
- i. Asebeia, cộng động từ và tính từ, 14 lần, “không tin kính” [ungodliness]. Arndt và Gingrich nói, “sự không tin kính, sự bất kính trong tư tưởng và hành động”. Đây cũng là khuôn mẫu của cuộc sống và phẩm chất của linh hồn. Sự không tin kính không phải khởi đầu là những gì con người làm nhưng là dấu hiệu cơ bản của phong cách sống của họ;

¹⁸ Vine, *Expository Dictionary*, 2:317

không những họ không có Đức Chúa Trời, nhưng họ còn không nhớ đến Ngài.

TÓM TẮT

Hiển nhiên ý niệm về tội lỗi tìm thấy khắp Kinh Thánh là điểm chung của ý niệm được khai triển từ sự nghiên cứu cẩn thận sự kiện đau thương ở vườn Ê-đen. Nói cách khác, giáo lý về tội lỗi được khai triển từ Sáng thế ký đoạn 1 – 3 sẽ phù hợp về cơ bản với giáo lý về tội lỗi được khai triển trong toàn bộ Kinh Thánh. Về mặt căn bản, tội lỗi là sự không vâng lời Đức Chúa Trời, là hành động tự do của một con người tự do, hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Nhưng sự không vâng lời này chứa đựng bên trong mình bốn giai đoạn: (a) Giai đoạn chuẩn bị ở bên trong tấm lòng *vô tín* và *kiêu ngạo*; (b) Giai đoạn phạm tội, kết án, và xa cách; (c) bản ngã cai trị (hoặc *thờ phượng bản ngã*)¹⁹, và phản loạn, và (d) một sự đảo lộn giá trị, mù quáng về đạo đức, nô lệ cho ý chí, và sự bại hoại nói chung. Tội lỗi là một hành động có hậu quả vừa là liên hệ vừa là chủ quan. Như vậy tội lỗi trở thành một vấn đề không những của sự ghi lại những còn của bản chất. Chính việc nói đến nguồn gốc của tội lỗi nên bây giờ chúng ta hãy chú ý²⁰.

¹⁹ Trong cuốn *Hardness of Heart* (Garden City, N. Y. Doubleday and Co. 1953), E. La B. Cherbonnier khai triển luận đề cho rằng bản chất của tội lỗi là thờ hình tượng.

²⁰ Muốn nghiên cứu và hiểu thêm về cách dùng chữ, chúng ta hãy xem Wiley, *Christian Theology*, 2:82; Turner, *The Vision which Transforms*, 27-32, 99-107; Carl G. Kromminga. "Sin", *Baker's Dictionary of Theology*, 486.

Muốn biết thêm về giáo lý về tội lỗi nói chung, xin xem sách của các tác giả Purkiser, Taylor và cuốn sách của Taylor, *God, Man and*

PHỤ LỤC

NHỮNG HÀNH VI VÀ THÓI QUEN BỊ KẾT ÁN
TRONG TÂN ƯỚC

Sau đây là danh sách của những điều ác (theo bản dịch King James Version) mà Tân Ước gọi là tội. Chỉ có một chỗ, được ghi ra cho mỗi mục, dù trong nhiều trường hợp chữ này xuất hiện thường xuyên. Không lời công bố nào cho rằng bản liệt kê này là hoàn hảo và toàn diện. Nhưng nó chỉ phục vụ để cung cấp một bản tóm tắt của loại hành vi và mối quan hệ giữa cá nhân với nhau mà nó không thể hoà hợp được với đời sống Cơ đốc nhân (Bản liệt kê được xếp theo thứ tự ABC):

1. Ăn cắp, trộm cắp [theft, stealing], Mác 7:22.
2. Bất nhân, vô nhân đạo (không có tình cảm tự nhiên), Rô-ma 1:31.
3. Bội bạc, phản bội [treachery, betrayal], 2 Ti-mô-thê 3:4
4. Bội đạo (apostacy), Hê-bơ-rơ 6:6
5. Cay đắng (bitterness), Ê-phê-sô 4:31
6. Chè chén, say sưa [revelling], Ga-la-ti 5:21
7. Chửi rủa, mắng nhiếc [railing, reviling], I Cô-rin-tô 5:11
8. Dâm dục (evil concupiscence), Cô-lô-se 3:5
9. Dương dương tự đắc [vainglory], Phi-líp 2:3
10. Dụ dỗ, lường gạt người ta [seduction], 2 Ti-mô-thê 3:13

Salvation, Chương 4, 7, 16-17; Richard S. Taylor, *A Right Concept of Sin*; Donald S. Metz, *Studies in Biblical Holiness* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1971) 52-85, đặc biệt, Wiley, Vol 2, Chương 18-19.

11. Đàm thoại không trong sạch [unclean conversation], Ê-phê-sô 4:29
12. Đố kỵ, con mắt gian ác (Envy, evil eye), Mác 7:22
13. Đồng tính luyến ái nam (effeminacy), I Cô-rin-tô 6:9
14. Đồng tính luyến ái nam [sodomy], 1 Cô-rin-tô 6:9
15. Đồng tính luyến ái nữ [lesbianism], Rô-ma 1:26
16. Gây mâu thuẫn [variance], Ga-la-ti 5:20
17. Ghen ghét [hatred], Ga-la-ti 5:20
18. Ghen ghét Đức Chúa Trời [God-hating], Rô-ma 1:30
19. Giả hình [Hypocrisy], I Phi-e-rơ 2:1
20. Giết người [murder], Mác 7:21
21. Hâm hẩm [lukewarmness], Khải huyền 3:15-16
22. Hai lòng (duplicity), I Ti-mô-thê 3:8
23. Ham mê làm mọi chuyện ô uế [Greedyneess] Eph 4:19
24. Hiểm độc, ác tâm [malice], Rô-ma 1:29
25. Hờ hững [neglect], Hê-bơ-rơ 2:3
26. Hờ hững với nhu cầu của con người [indifference to human need], Ma-thi-ơ 25:41-46.
27. Hung dữ [fierceness], 2 Ti-mô-thê 3:3
28. Ích kỷ [selfishness], 2 Ti-mô-thê 3:2
29. Kêu rêu, la hét lớn tiếng (clamor), Ê-phê-sô 4:31
30. Khinh dể uy quyền [self-willfulness], 2 Phi-e-rơ 2:10
31. Không thành thật [insincerity], 2 Phi-e-rơ 2:1
32. Không thương xót [unmercifulness], Rô-ma 1:31
33. Không vâng lời [disobedience], Cô-lô-se 3:6
34. Không vâng lời cha mẹ [filial disobedience], Rô-ma 1:30
35. Khoe khoang (boasting), Rô-ma 1:30
36. Kiêu ngạo [pride], Rô-ma 1:30; xem thêm 2 Ti-mô-thê 3:4
37. Lầm bầm [whispering] Rô-ma 1:29; xem thêm, Phi-líp 2:14.
38. Làm việc vờ vịt, khi có chủ mới làm [eyeservice], Eph 6:5-7

39. Lười biếng, thiếu trách nhiệm [sloth, irresponsible], 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:11
40. Lưỡi không kềm chế [unbridled tongue], Gia cơ 1:26
41. Lừa gạt (deceit), Rô-ma 1:29
42. Man trá [malignity], Rô-ma 1:29
43. Ngoại tình (adultery), Mác 7:21
44. Ngoại tình [fornication], Mác 7:21
45. Ngờ vực hiểm độc [evil surmisings], I Ti-mô-thê 6:4
46. Nổi loạn, bè phái [sedition], Ga-la-ti 5:20
47. Nói dối [lying], Rô-ma 13:9
48. Nói hiểm độc (Evil speaking) Ê-phê-sô 4:31
49. Nói lời tục tũ [Foolish talking], Ê-phê-sô 5:4
50. Nói lời tục tũ [Jesting, ribaldry, vulgarity], Ê-phê-sô 5:4
51. Nói xấu sau lưng (backbiting), Rô-ma 1:30
52. Ô uế, dâm ô [uncleanness], Rô-ma 1:24
53. Ương ngạnh, không thể làm xiêu lòng [implacability] Rô 1:31
54. Phỉ báng (slander against men), 2 Ti-mô-thê 3:2-3
55. Phạm thượng (slander against God), Gia cơ 2:7
56. Phá vỡ giao ước (Covenant breaking), Rô-ma 1:31
57. Phản loạn và không chịu phục tùng [rebelliousness and insubordination], 2 Phi-e-rơ 2:10
58. Phóng túng tình dục [unruliness], I Tê-sa-lô-ni-ca 5:14; xem thêm, hỗn loạn [disorderliness], 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:11.
59. Phù thủy [witchcraft], Ga-la-ti 5:20
60. Quản lý bất trung [unfaithful stewardship], Ma-thi-ơ 25:25-30
61. Say sưa (drunkenness), I Cô-rin-tô 6:10
62. Sợ hãi [fearfulness], Khải huyền 21:8
63. Tà giáo [heresy], Ga-la-ti 5:20; xem thêm 2 Tim 4:1-5

64. Thanh nộ [wrath], Ga-la-ti 5:20
65. Tham ăn [gluttony] Tít 1:12
66. Tham dục [lust], Rô-ma 7:7-8
67. Tham lam (covetousness), Mác 7:22.
68. Thề ấu [perjury] I Ti-mô-thê 1:10
69. Theo chủ nghĩa thế tục [secularism], Hê-bơ-rơ 12:16
70. Thiên vị, phân biệt giai cấp [partiality and social snobbery],
Gia cơ 2:1-4, 9
71. Thờ hình tượng [Idolatry], I Cô-rin-tô 6:9
72. Thù ghét (despitefulness) Rô-ma 1:30.
73. Thù hận [vengeance], Rô-ma 12:17,19
74. Thù địch với điều thiện [Hostility to goodness] 2 Tim4:1-5
75. Tính dâm dăng [lasciviousness], Mác 7:22
76. Tinh thần không tha thứ [unforgiving spirit], Ma-thi-ơ 6:15
77. Tư tưởng gian ác [evil thoughts], Mác 7:21
78. Tống tiền [extortion], I Cô-rin-tô 6:10
79. Tự cứng lòng [self-hardening], Hê-bơ-rơ 3:15
80. Tự phụ [presumption] 2 Phi-e-rơ 2:10
81. Tranh cạnh (emulations), Ga-la-ti 5:20
82. Tranh cãi (debate), Rô-ma 1:29, xem thêm Phi-líp 2:14
83. Tranh đấu [strife]. Ga-la-ti 5:20
84. Vô chính phủ, hỗn loạn (anarchy), Rô-ma 13:1-4.
85. Vô tín [unbelief], Hê-bơ-rơ 3:12
86. Xét đoán [judging], Ma-thi-ơ 7:1
87. Yêu mến thế gian [love of the world], Gia cơ 4:4.
88. Yêu thích sự vui thú [love of pleasure], 2 Ti-mô-thê 3:4

NHỮNG HẬU QUẢ CHỦ YẾU CỦA SỰ SA NGÃ

Tính phổ quát của tội lỗi là điều chủ yếu của thần học của Phao lô. Sự hiện diện của tội lỗi, không những trong mọi nền văn hóa, nhưng còn trong mỗi con người, là tiền đề cốt lõi của phúc âm của ông: “Vì chúng tôi đã công bố rồi là người Do thái lẫn Dân Ngoại đều ở dưới quyền tội lỗi” (Rô-ma 3:9); vì “mọi người đều đã phạm tội, hụt mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời” (c. 23). Nhưng đây không phải là giáo lý mới của loài người, nó chỉ vang dội từ Kinh Thánh Cựu Ước:

*Chúng ta thấy đều như chiên đi lạc,
Ai theo đường nấy (Ê-sai 53:6)*

Vì thế, tính phổ quát của tội lỗi khó có thể là một vấn đề của sự tranh luận sôi nổi. Theo L. Harold DeWolf, “Khi chúng ta hoàn toàn biết về toàn thể bề rộng và sự tinh vi của tội lỗi thì chúng ta thấy khó để thoát khỏi sự xác quyết mà Kinh Thánh nói về sự thật đối với tình trạng của tất cả chúng ta trong việc đưa hình ảnh chúng ta, mọi người, là tội nhân”¹. Vì vậy, nan đề còn được xem xét ấy là: Tính phổ quát của tội lỗi được giải thích như thế nào?

¹ A Theology of the Living Church, 189

I. NHỮNG LÝ THUYẾT VỀ TỘI LỖI NGUYÊN THỦY

A. *THUYẾT MÔI TRƯỜNG* (Environmentalism)

Đây là niềm tin cho rằng sự gian ác của cá nhân là sản phẩm của môi trường gian ác. Hệ thống và cơ cấu xã hội là sai trật. Reinhold Niebuhr, trong cuốn *Moral Man and Immoral Society*², giả định rằng xã hội theo tính chất cơ bản là hung dữ, cưỡng bức và vô luân lý nhiều đến nỗi không có con đường nào thoát khỏi sự liên hệ với sự hung ác đó. Hơn nữa, nan đề này không có phương cứu chữa. “Có một đặc tính độc ác, không có tính người về hành vi tập hợp của con người vốn thuộc về sự cần thiết tự nhiên và không bao giờ có thể đưa nó vào dưới sự quản trị của lý luận hay lương tâm”³.

Đại diện cho hình thức tâm lý về môi trường có Floyd Martinsen, ông nói, “Như chúng ta biết, trong hành động của con người trong xã hội bản chất của con người vốn có từ khi sinh ra”⁴. Nguồn gốc của quan điểm này có thể phát xuất từ ý tưởng *tabula rasa* của John Lock – một bé sơ sinh là một tấm bảng trắng: ‘hãy cho nó những kinh nghiệm được lập kế hoạch

² New York: Charles Scribner's Sons, 1932

³ Phần bình luận giải thích do William Kimmel and Geoffrey Coine, eds., *Dimension of Faith* (New York: Twayne Publishers, 1960), 434. Cf. Macquarrie, *Principles of Christian Theology*, 240, người nói về “cá nhân con người bị gắn chặt vào thế giới và cùng được mang theo với nó”. Cũng xem thêm E. La B. Cherbonnier, *Hardness of Heart*, 136.

⁴ *Marriage and the American Ideal* (New York: Dodd, Mead, and Co, 1960) 403-4.

và nó sẽ trở thành những gì mà người lập kế hoạch muốn⁵. Ronald Gray gợi ý rằng “tính phổ biến về thuyết môi trường có thể là điều thực tiễn... Con người có thể làm điều gì đó về môi trường của mình, nhưng con người có thể ảnh hưởng rất ít đến tính di truyền của người ấy”⁶.

Nhưng khi giải thích về tính phổ quát của tội lỗi, thuyết môi trường để lại nhiều điều mong muốn. Nó làm cho người ta áp ủ sự lạc quan không tưởng về lý thuyết giáo dục. Đặc biệt bậc làm cha mẹ làm việc khó nhọc với ảo tưởng rằng nếu họ đưa con cái mình vào tầm ảnh hưởng của điều đúng, thì chắc chắn con cái họ sẽ là một người tốt. Thuyết này cũng phát sinh một niềm tin ngây thơ nơi tiềm năng của sự xây dựng xã hội để đạt đến sự thay đổi về hành vi bằng sự kiểm soát môi trường. Nan đề ấy là, ai sẽ là kỹ sư xây dựng xã hội? Nếu họ cũng là những tội nhân, thì ai sẽ xây dựng họ cho tốt? Và làm thế nào xây dựng được cá tính con người nếu không giảm những con người xuống thành những con búp bê của hệ thống này?⁷

Hơn nữa, lý thuyết này quá đơn giản, vì nó ngụ ý rằng để giải quyết nan đề tội lỗi chúng ta chỉ cần cung cấp một môi trường lý tưởng. Nhưng chính là tội lỗi – ích kỷ, tham lam, không thành thật, tham vọng, và bất công – tạo ra môi trường

⁵ Ronald F. Gray: *The Psychological Bases of Christian Education*, *Exploring Christian Education* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1978, 120.

⁶ *Sách đã dẫn*.

⁷ Những hình thức kết quả hơn về phép trị liệu tâm lý đã được một số người triển khai như Gordon Allport, Kurt Lewin, Hadley Cantril, và Carl Rogers. Mặc dù những người này có vài điểm khác nhau, nhưng điều giả định trước của họ giống nhau, ấy là cá nhân không phải là những con tốt bất lực của sức mạnh không cá tính, nhưng là lò phản ứng biết chịu trách nhiệm và chọn lựa. Vì vậy, nếu người ấy phạm tội, nguyên nhân phải phát xuất từ người ấy cũng như trong môi trường của người ấy.

không lý tưởng. Hoàn cảnh chỉ là sản phẩm, chứ không phải là nguyên nhân. Lý thuyết này không giải thích được vì sao một đứa trẻ sống trong môi trường lý tưởng lại phạm pháp, hoặc giao cho người nghèo ngôi nhà mới nhưng lại dễ hỏng. Những người theo thuyết thực dụng vẫn biết, đưa người nghèo ra khỏi những nhà ổ chuột chứ không đưa những nhà ổ chuột ra khỏi người nghèo. Và tập thể xã hội không cần phải tước đoạt sự tự do khỏi con người và thường dùng những phương pháp không lý tưởng để áp đặt, nếu tình trạng không luật pháp trong dân chúng không tạo ra sự cần thiết của việc kiểm chế những hành vi xấu bằng bạo lực. Vì vậy, câu hỏi vẫn là – nếu tính phổ quát của tội lỗi là do môi trường, thì nguyên nhân nào tạo ra môi trường gian ác?

B. THUYẾT HỮU HẠN (Finitism)

Đây là giả thuyết cho rằng tội lỗi của con người là do sự hữu hạn của con người. Vì tâm linh trong con người thoáng thấy những khả năng vượt quá sự hiện hữu, nên tự nhiên nó tìm cách thoát ra khỏi xiềng xích của những hạn chế của mình. Khuynh hướng của bản chất con người là tranh đấu với những trở ngại (ngụ ý trong sứ mạng “chinh phục” quả đất [Sáng thế ký 1:28) trở thành động lực để chế ngự những giới hạn này và vươn đến những bình diện mới của sự tự do và quyền lực. Đồng thời sự hạn chế về hiểu biết và tri thức làm cho con người tự lừa dối mình không những có thể làm được nhưng còn có khả năng làm được, bằng cách làm cho con người bị mù trước những hiểm họa của sự tự do quá độ và sự sử dụng quyền hành không đúng mức. Kết quả là sự khẳng định mình cách bất thường. Theo lý luận này “sự sa ngã” không những của A-đam,

nhưng còn của mọi người, phải đạt đến mức độ của tính người là nơi sự khẳng định mình trở thành bình thường⁸.

Theo quan điểm này tính phổ quát của tội lỗi được giải thích là Đức Chúa Trời đã tạo dựng một tạo vật với một bản chất làm cho tội lỗi là điều hiển nhiên⁹. Bản chất đó khó có thể nói “tốt”, và bất kỳ hình phạt nào xảy ra được coi là tự nhiên sẽ là sự bất công kinh khủng. Công nhận tiềm năng của tội lỗi trong tạo vật khác với quan điểm nhìn tạo vật là nguyên nhân.

Không có sự xung khắc nội tại nào giữa sự hữu hạn của con người với sự thánh khiết. Rõ ràng rằng khi đối xử với A-đam và Ê-va, Đức Chúa Trời đã cho họ khả năng vâng theo lệnh truyền của Ngài và sự vâng lời đó không có nghĩa là điều trông đợi vô lý. Khi họ sa ngã, phản ứng của Đức Chúa Trời là hình phạt, không miễn trừ, dường như điều đó được mong đợi nếu họ chỉ theo đuổi hành động không tránh khỏi của bản chất của họ.

C. THUYẾT PHÁT TRIỂN (Developmentalism)

Quan điểm này giải thích bằng sự kiện nơi một đứa bé sự phát triển về cảm giác khởi đầu từ sự phát triển của lý luận. Kết quả, khi đến tuổi chịu trách nhiệm về đạo đức, ý chí đủ điều kiện để làm thoả mãn bản ngã. Đây là quan điểm của Charles G. Finney. Ông viết:

⁸ Dường như đây là quan điểm của Reinhold Niebuhr trong tác phẩm 2 tập của ông, *The Nature and Destiny of Man* (New York: Charles Scribner's Sons, 1949) – đó là mặc dù sự hữu hạn của con người không làm cho tội lỗi trở nên cần thiết, tuy nhiên, nó làm cho tội lỗi là điều không tránh khỏi.

⁹ Hoặc là một tạo vật bị vu khống bằng lời khẳng định của Phật giáo, “Sự hiện diện của người tự bản chất nó là tôi” [Thine own existence is itself a sin] (từ cuốn E. La B. Cherbonnier, *Hardness of Heart*, 114)

Cảm giác hành động như là một động lực mạnh mẽ đối với ý muốn, từ giờ phút ra đời, và bảo đảm sự ứng thuận và hành động của ý muốn để đạt được sự hài lòng của nó, trước khi lý luận được phát triển đầy đủ. Như vậy ý muốn đầu phục sự thoả mãn của cảm giác và sự thèm khát, khi ý tưởng của những bốn phạm đạo đức được phát triển¹⁰.

Kết quả của thói quen lúc trước này là sự lựa chọn của việc nuông chiều bản ngã. Ông nói, “Sự lựa chọn ích kỷ này là tấm lòng gian ác - khuynh hướng về tội lỗi – gây ra điều thường gọi là sự phạm pháp thực sự”¹¹.

Một biến thể hiện đại của thuyết phát triển nhấn mạnh nhu cầu của trẻ con về sự tự do như là trường hợp của sự “sa ngã”. L. Harold DeWolf nói, “Trước khi đứa trẻ có sự lựa chọn đạo đức, nó phải đánh thức đến khả năng tạo ra nó, nghĩa là, nó phải khám phá sự tự do của mình”¹². Nhưng nó chỉ có thể khám phá điều này bằng sự khẳng định mình, và vì sự hiểu biết của nó tụt lại phía sau sức mạnh của ý muốn của mình, nên nó sẽ xác nhận sự phản nghịch của mình quá độ, điều này được gọi là tội lỗi. DeWolf nói, “Trong sự tiến hoá của tội lỗi trong cá nhân và xã hội lớn hoặc nhỏ, sự hiểu sai về tự do vì không có điều kiện, hoàn toàn tự lập như thể không có tạo vật hữu hạn nào có thể có được một phần quan trọng”¹³. Thuyết này tương tự với thuyết hữu hạn, ngoại trừ nó giải thích tiến trình của sự phát triển tự nhiên của một đứa trẻ – từ hành vi theo bản năng như tạo vật sống theo giác quan, đến sự khám phá một nửa đạo

¹⁰ Finney's *Lectures on Systematic Theology* (tái bản, Grand Rapids: William B. Eerdmans Publishing Co., 1951), 253

¹¹ *Sách đã dẫn*, trang 254.

¹² *A Theology of the Living Church*, 195

¹³ *Sách đã dẫn*.

đức của những khả năng của sự tự do, đến sự khẳng định không đạo đức của ý riêng.

Về căn bản đây là sự giải thích về tội lỗi theo thuyết quyết định giống như thuyết hữu hạn. Vì trong bất kỳ trường hợp nào một sự tự do thực sự của sự lựa chọn đều bị bác bỏ. Nếu cấu trúc của sự sống được trang bị quá đầy đủ đến nỗi một người không thể biết đủ để khóa cửa nhà kho cho đến khi con ngựa chạy ra ngoài, rồi tìm cách làm thế nào để tránh việc mất ngựa? Nơi nào có những kết quả có thể đoán được từ những điều kiện được cho trước, và khi những điều kiện này được quyết định cách khách quan cho chúng ta, thì rõ ràng không có sự lựa chọn thực sự, và không có sự lựa chọn thì sự tự do chỉ là ảo tưởng. Hơn nữa, tính phổ quát của tội lỗi ở đây cũng được qui cho sự lộn xộn trong sự tạo dựng – nói cách khác, tội lỗi là lỗi của Đức Chúa Trời. Vì Ngài tạo dựng một loài phụ thuộc vào loại sinh sôi nảy nở và phát triển: thơ ấu tiến lên con trẻ, và con trẻ tiến lên người lớn. Nếu hệ thống này chỉ gây ra tội lỗi trong mỗi cá nhân, thì tự bản thân hệ thống phải sai trật rồi.

Hơn nữa, không giả thuyết nào, thuyết môi trường, thuyết hữu hạn hoặc thuyết phát triển, có thể tránh được phần phê bình chống lại giáo lý về tội lỗi kế thừa. Sự khác nhau thực sự giữa sự xuất hiện của tội lỗi trong cá nhân phải được truy nguyên từ khuynh hướng bên trong con người thừa kế từ A-đam và cùng tội lỗi đó có được những nhà tâm lý học, vật lý học hoặc môi trường học truy nguyên không? Trong bất kỳ trường hợp nào nguồn gốc của tội lỗi là *có trước ý chí* [prevolitional] và vì vậy *có trước đạo đức* [premoral].

D. **THUYẾT CỦA AUGUSTINE** (Augustinianism)

Từ ngữ này chỉ về hệ thống chung của giáo lý do Aurelius Augustine (A.D. 354-430), giám mục ở Hippo ở Bắc Phi châu đề xướng. Dấu vết của thuyết này được tìm thấy trong Giáo

Hội Công Giáo, trường phái Lutheran, trường phái Calvin và trường phái Arminian. Ảnh hưởng này được công bố trong hamartiology (?)¹⁴. Theo những hình thức của thuyết của Augustine, sự giải thích duy nhất và đầy đủ cho tính phổ quát của tội lỗi là sự chuyển giao tội lỗi từ A-đam cho hậu tự của ông. Không một đứa trẻ nào có mặt trên trần gian này có bản chất đạo đức hoặc là tốt hoặc trung tính, nhưng đều có một bản chất khiếm khuyết. Bản chất khiếm khuyết này có nghĩa tiêu cực (sự yếu đuối) và nghĩa tích cực (khuynh hướng mạnh mẽ về điều ác). Tình trạng này được gọi là tội nguyên thủy.

Bản mô tả của Luther: “Mọi người... đều sinh ra trong tội lỗi, nghĩa là, không có sự kính sợ Đức Chúa Trời, không tin cậy Ngài, và có sự thèm khát về xác thịt”¹⁵. Lời công bố của Anh quốc giáo là:

Tội nguyên thủy là... sự sai trật và bại hoại của bản chất của mỗi người, tự nhiên nó lưu truyền từ A-đam, từ đó con người đi xa cách sự công bình nguyên thủy và do bản chất riêng con người hướng về điều ác¹⁶.

Khi John Wesley tóm tắt tín điều của Anh quốc giáo vào Những Tín Lý của Hội Giám Lý, 1784, ông sao lại lời nói trên, theo đúng nguyên văn, ngoại trừ thêm vào “và cứ tiếp tục”.

Năm Tín Lý của Arminian, 1610, nói về “đòng đôi loài người sa ngã và tội lỗi”. Bản Xưng Nhận Wesminster, 1647, đặc biệt công bố rằng, “từ sự bại hoại nguyên thủy này, chúng ta hoàn toàn không đủ khả năng, bất lực và chống đối mọi điều

¹⁴ Muốn tìm hiểu thêm về giáo lý của Augustine, xin xem ECH, 2:87-108

¹⁵ Augburg Confession. A.D. 1530

¹⁶ Điều Thứ Ba Mươi Chín của Giáo Hội ở Anh Quốc, 1563 (Latin), 1571 (tiếng Anh), nhuận chánh 1801.

tốt lành, và hoàn toàn nghiêng về điều ác, tiến đến sự phạm pháp thực sự”.

Hình thức sau đây là phần phỏng theo rõ ràng của tín lý của Anh quốc giáo và Hội Giám Lý:

Chúng tôi tin rằng tội lỗi nguyên thủy hay sự bại hoại, là sự phá hỏng bản chất của tất cả hậu tự của Adam, do đó mọi người hoàn toàn xa cách sự công bình nguyên thủy tức là tình trạng vô tội của thủy tổ của chúng ta khi họ được tạo dựng; tội lỗi làm con người thù nghịch với Đức Chúa Trời, không có đời sống thuộc linh và nghiêng về điều ác và cứ thế tiếp diễn mãi¹⁷.

Điều giả định về triết học của tất cả những lời phát biểu của giáo lý của Augustine về tội lỗi ấy là đằng sau của sự hiện hữu là *esse*, nghĩa là *trở thành* [becoming], có nguồn gốc ở chữ *hiện hữu* [being], và *những mối quan hệ* [relationships] không những ảnh hưởng đến *tình trạng* của chúng ta nhưng còn phản ánh nó nữa.

Không phải Augustine “sáng tác” ra giáo lý tội nguyên thủy. Ý niệm tội lỗi từ khi sinh ra hoặc sự bại hoại kế thừa phát xuất từ hệ thống tư tưởng của Origen, Tertullian, Irenaeus, truy nguyên đến Sứ đồ Phao lô¹⁸. Nhưng Augustine đã triển khai thành lời phát biểu hoàn hảo và có hệ thống hơn. Mặc dù tự bản thân tội lỗi là sự cố ý không vâng lời, nhưng Augustine nhìn thấy kết quả của tội lỗi cố ý của A-đam như là một sự

¹⁷ CẨM NANG, Hội Thánh Tin Lành Nazarene, 1980. Tín lý của Hội Giám Lý Tự Do viết: “Tội lỗi nguyên thủy đứng vững không do sự bất chước theo A-đam, như những người theo Pelagius chủ trương cách vô ích, nhưng là sự bại hoại của bản chất của mỗi người lưu truyền từ hậu tự của A-đam, từ đó con người xa cách sự công bình nguyên thủy và tự bản chất con người nghiêng về điều ấy và cứ tiếp diễn như thế”. Tín lý của Hội Thánh của Wesley cũng tương tự.

¹⁸ Xin xem Otto W. Heick, *A History of Christian Thought* (Philadelphia: Fortress Press, 1965), 1:127-28.

ràng buộc chung của ý muốn, mà chỉ có sức mạnh tối cao của ân điển biến cải mới có thể phá vỡ. Giáo lý của ông không bắt nguồn từ cuộc tranh luận với Pelagius, nhưng cuộc tranh luận này thúc đẩy ông mài giũa giáo điều sắc bén của mình, tinh luyện trong tiến trình ngụ ý triệt để hơn. Có hai điều:

1. Yếu tố của Lỗi Lầm

Con trẻ không những bị bại hoại nhưng cũng đầy lầm lỗi; lầm lỗi thực sự đến nỗi phải chịu ở dưới sự hình phạt đời đời. Chỉ có phép báp têm mới có thể tẩy sạch được lầm lỗi này và bảo đảm cho đứa trẻ được sự cứu rỗi nếu nó chết trước khi đến tuổi biết chịu trách nhiệm về tội lỗi. Khía cạnh gây tò mò này có thể giải thích được dựa trên điều gọi là thuyết thực tế: Vì con người được sinh ra trong A-đam, toàn thể dòng dõi loài người dự phần trong tội lỗi của ông. Vì vậy, mọi người đều phạm tội; tội của A-đam không chỉ là tội của chính ông, nhưng còn là tội của mọi người.

2. Tính Toàn Thể của sự Bất Lực về Đạo Đức

Sự bại hoại kế thừa hoàn hảo đến nỗi không hậu tự nào của A-đam có trong chính mình vết tích nhỏ nào của khuynh hướng hoặc khả năng trở về cùng Đức Chúa Trời. Sự *bất lực* tự nhiên trong việc làm điều tốt kể cả sự ăn năn và tin, và hoàn toàn nghiêng về điều ác, là nguyên tắc bảo vệ tiêu chuẩn của thuyết của Augustine.

Hệ luận hiển nhiên đã được đưa ra - nghĩa là, sự cứu chuộc chỉ có thể là hành động của Đức Chúa Trời trên ý muốn bất lực này, có thể nói rằng, từ “chỗ đen tối này” Đức Chúa Trời *tạo ra* vừa khả năng và khuynh hướng để ăn năn, tin và vâng lời. Vì rõ ràng rằng Đức Chúa Trời đã không làm điều này cách chung chung, không đưa được nhiều tội nhân đến với Chúa chỉ có thể giải thích rằng vì Đức Chúa Trời không chọn lựa họ. Vì thế chúng ta có thuyết tiền định như là một hệ luận

hiển nhiên khác. Tự nhiên phần mở rộng hợp lý sẽ đòi hỏi một sự cứu chuộc hạn chế và sự an ninh không điều kiện của người được chọn. Đây là một hệ thống hoàn toàn hợp lý và chặt chẽ.

Đó là ý niệm của Augustine của tội lỗi và ân điển: ân điển hoàn toàn khách quan và mạnh mẽ, giống như sự cần thiết tương ứng của sự hoàn toàn bại hoại. Vì ân điển rất mạnh mẽ nên không gì có thể chống lại được. Vì sự hoạt động dựa trên ý muốn, nên phép lạ bao gồm việc đưa ý chí đến sự đầu phục. *Chống đối* chỉ có thể chứng minh rằng phép lạ đã không thực hiện được. Vì thế rõ ràng nếu nói ân điển có thể chống cự được sẽ là điều mâu thuẫn trong từ ngữ¹⁹.

Điều này nghịch lại với ý niệm một mặt khép kín của ân điển mà Pelagius phản ứng. Ông nghĩ rằng ông nhìn thấy điều này là nguyên nhân của sự thất bại cho người theo đuổi sự thánh khiết²⁰. Nhiều người kể từ thời Pelagius cảm nhận rằng những giáo lý này về tội lỗi và ân điển đã mang sự mâu thuẫn trong mình²¹.

¹⁹ Điều những người theo Calvin gọi là “ân điển bình thường” [common grace] thì hoàn toàn khác nhau. Đó là loại kiểm chế thiên thượng đối với sự gian ác của con người vì lợi ích chung, thậm chí khuyến khích vài mức độ của sự từ thiện hay sống đạo đức. Nhưng loại ân điển như thế không được dùng để cứu rỗi nhưng chỉ bảo vệ loài người khỏi sự hủy diệt hoàn toàn.

²⁰ Hơn nữa, đối với những người theo thuyết Tự Do [Liberals], những người triệt để đề kháng giáo lý tội nguyên thủy, thì cần phải ghi nhận rằng hình thức của giáo lý của Augustine mà họ phủ nhận bao gồm tội lỗi lưu truyền, sự bất lực không thể cứu chữa, sự lựa chọn bắt buộc và hành động không thể chống cự được của ân điển.

²¹ Giáo lý cho rằng ân điển giải cứu tín hữu khỏi mọi bốn phận và sự cần thiết phải giữ luật pháp.

E. THUYẾT CỦA PELAGIUS

Một linh mục người Anh ở La-mã, tên là Pelagius vào đầu thế kỷ thứ năm đề xướng quan điểm về sự tự do của con người trong mối quan hệ với ân điển. Bức xúc về tình trạng đạo đức suy đồi trong vòng những Cơ đốc nhân, ông nghĩ đến nguyên nhân trong giáo lý về ân điển một mặt, tất cả hoặc không có gì cả của Augustine. Nhiệt tình đạo đức của cá nhân bị người ta hiểu lầm là hồ hững, vì không có gì mang dấu hiệu cho sự cứu chuộc cuối cùng cả. Sự bại hoại của con người nhiều đến nỗi sự lên xuống về đạo đức lại chứng minh cho sự không đầy đủ, mặc dù sự hoạt động của ân điển trên những người được chọn lại quá hiệu quả đến nỗi nó đạt đến sự vô ngộ mà không cần nỗ lực của tội nhân. Vì thế nỗ lực của con người trở thành không cần thiết. Kết quả là làm giảm nhẹ ý nghĩa của trách nhiệm về đạo đức.

Trong thời đại sau, Finney cũng có sự đề kháng về sự mệt mỏi tương tự trong vòng những người theo Calvin ở New England, họ không chịu ăn năn lấy lý do rằng sự bất lực về đạo đức đã quá nhiều đến nỗi họ không thể làm gì được cho đến khi Đức Chúa Trời trong sự lựa chọn thiên thượng đến với họ cách đầy trọn.

Vì vậy, Pelagius thực sự khao khát có một cơ phục hưng về sự công bình chân thật. Ông tìm cách tái xác định ý nghĩa đạo đức trong khuôn khổ sự thánh khiết và tội lỗi bằng cách liên hệ những điều đó với ý chí và trách nhiệm của cá nhân. Ông không thấy cách nào có thể làm được điều này ngoại trừ sự xác định về khả năng của mỗi người trong việc chọn làm điều phải hay điều quấy. Khả năng như thế ngụ ý về sự tự do hoàn toàn, vốn không thể nhất trí được với giáo lý về tội nguyên thủy cho rằng con người mất sự tự do đó. Vì vậy ông phủ nhận giáo lý tội nguyên thủy.

H. W. Johnson giải thích:

Sự chết thuộc linh không phải là kết quả kế thừa của tội của A-đam, nhưng phát xuất từ mỗi cá nhân khi lạm dụng quyền tự do lựa chọn bằng việc chọn sự phạm tội. Mọi người do lý luận và ý chí tự do họ sẽ chọn quyền để tránh sự lựa chọn bất công. Nếu trong việc sử dụng quyền tự do của mình và sự đáp ứng đạo đức con người chọn thì người ấy có thể được sự giúp đỡ thiên thượng theo công trạng của con người²².

Niềm khao khát của Pelagius và những người theo ông là muốn cứu tôn giáo khỏi giáo lý lỗi bịch mà nó hủy phá sự động viên và cắt bỏ trách nhiệm cá nhân. Và thực sự họ chỉ làm sáng tỏ quan điểm về sự tự do và trách nhiệm mà theo truyền thống đã thịnh hành²³. Nhưng họ thiết lập trách nhiệm con người bằng sự bắt chước cả tội lỗi và ân điển. Theo quan điểm của Augustine họ bám vào thuyết nhân bản đạo đức. Họ muốn một tôn giáo đạo đức, nhưng thuyết của họ tạo ra một con người đạo đức từ Đấng Christ như là một Cứu Chúa hoàn toàn cần thiết. Dĩ nhiên, điều này khác xa với Cơ đốc giáo chân chính.

Giống như thuyết của Augustine được lập ra trên vầng đá của thuyết quyết định thực tế, thì thuyết của Pelagius được lập ra trên vầng đá của thuyết toàn vẹn không thực tế. Nó không thực tế vì nó không kể đến tính phổ quát của tội lỗi. Về mặt lý thuyết, một ý chí không định hướng, hưởng thụ sự vô tư của sự tự do bẩm sinh, sẽ chọn phần đúng của thời gian – thậm chí (tính theo toán học) 50 % của thời gian. Cũng có thể có nhiều ví dụ về những người tốt, là những người chọn điều đức hạnh, cũng như những điều ác. Thật ra, thỉnh thoảng, những người

²² Vergillius Ferm, ed. *An Encyclopedia of Religion* (New York: Philosophical Library, 1945), 569-70

²³ Heick, *History of Christian Thought*, 1:195

theo Pelagius cũng thừa nhận rằng “nhiều người ngoại đạo và người Do thái đã sống một cuộc sống trọn vẹn”²⁴.

Nhưng theo Heick, bản thân Pelagius vẫn không thể duy trì lập trường này nhưng đổ lỗi cho “tính phổ quát hiển nhiên của tội lỗi” vào (a) “bản chất của giác quan của con người, dù bản thân nó là vô tội, nhưng đôi lúc nó bị cám dỗ và phạm tội”, và (b) “sự lôi cuốn của những tấm gương gian ác”²⁵. Như vậy chúng ta có những yếu tố của cả hai thuyết *thuyết phát triển* và *thuyết môi trường*. Tại sao những tấm gương gian ác lại qua hấp dẫn đến nỗi không thể giải thích được? Pelagius chỉ kêu gọi sự chú ý vào ảnh hưởng mạnh mẽ và lan rộng của phong tục kết tụ lâu đời – chỉ trốn tránh nan đề bằng cách đẩy lùi về phía sau.

Theo Heick,

Pelagius bị bắt buộc phải công nhận sự cần thiết của việc phạm tội. Đây là sự công nhận có ý nghĩa! Tính phổ quát của tội lỗi được giải thích bằng một tình trạng tội lỗi trong loài người đã đánh bại những sự xác nhận trước kia về tính thiện hảo của bản chất²⁶.

Nhưng nói về “một tình trạng tội lỗi trong loài người” thực sự là đầu hàng!

Dù những người theo Pelagius đã được Hội Thánh coi là tà giáo, nhưng điều này đã tái hiện nhiều lần. Thuyết môi trường, thuyết hữu hạn, thuyết phát triển và tất cả những hình thức của thuyết của Pelagius. Nhiều sách về giáo dục tôn giáo đã theo

²⁴ David Broughton Knox, “Pelagianism”. *Baker's Dictionary of Theology*, 400

²⁵ *History of Christian Thought*, 197-98

²⁶ *Sách đã dẫn*, trang 198.

thuyết của Pelagius trong việc đưa ra tiền đề là bản chất thiện hảo của loài người²⁷.

E. QUAN ĐIỂM CỦA WESLEY – ARMINIUS

Cả Jacob Arminius và John Wesley đều quán triệt quan điểm của Augustine ở những phương diện sau: (a) Dòng dõi loài người nói chung đều bại hoại do hậu quả của A-đam; (b) khả năng của con người ước muốn điều tốt bị suy yếu và cần hành động của ân điển thiên thượng trước khi người ấy có thể quay lại và được cứu²⁸.

1. Lầm Lỗi Và Ân Điển Cho Trước

Về phương diện lầm lỗi kế thừa, thì Wesley chỉ đồng ý một nửa của quan điểm của Augustine. Ông dạy về lầm lỗi của trẻ thơ, nhưng với hai sự khác nhau triệt để và có ý nghĩa:

a. Lầm lỗi thuộc về pháp lý hơn là cá nhân. Nghĩa là, A-đam là đại diện luật pháp (hoặc thống đốc liên bang) của

²⁷ Về phần ngoại lệ xin xem A. Elwood Sanner và A. F. Harper, eds, *Exploring Christian Education* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1978), 105-10, 119-23.

Khuôn mặt mới của thuyết của Pelagius là sự nhấn mạnh về tội lỗi và sự thánh khiết như là mối quan hệ đúng và sự giảm bớt tương ứng của tội lỗi như là tình trạng của bản chất con người (khi sa ngã) và sự thánh khiết như là tình trạng khôi phục của bản chất đó. Đằng sau trường phái tư tưởng này là những chủ đề về thuyết hiện hữu và tiến trình thần học (bắt nguồn từ tiến trình triết học của Whitehead). Theo quan điểm này địa điểm của thực tế không phải là (being) nhưng trở thành (becoming); do đó sự quan tâm là ở sự thay đổi [change] hơn là ở tình trạng [state], trong sự lớn lên [growth] hơn là một tình trạng có thể nhận diện đặc biệt. Thật khó khi kết hợp điều này vào những ý niệm của Wesley như tội lỗi bẩm sinh, “bản chất xác thịt”, sự tẩy sạch lập tức và “những công việc của ân điển”.

²⁸ Xem Năm Tín Lý của Arminius 1610, Art III.

dòng dõi loài người. Khi ông sa ngã, thì cả dòng dõi bị liên can, không phải vì họ phạm tội trong A-đam, nhưng vì họ chia sẻ trách nhiệm pháp lý đối với hậu quả của tội lỗi. Vì thế lầm lỗi không phải là sự phạm tội của cá nhân nhưng là trách nhiệm pháp lý về sự đau khổ và ruồng bỏ. Như vậy, trẻ con bị kết án, không phải những gì chúng nó làm, nhưng vì những gì A-đam đã làm, và vì tình trạng bại hoại đã làm cho chúng không thích hợp với thiên đàng, vì thế chúng không được chấp nhận vào thiên đàng.

b. Nhưng điều khác biệt lớn – được chứng minh là sự khác biệt có biên giới – đó là sự đóng góp của Wesley vào ý niệm về ân điển cho trước. Ông nhìn thấy điều này là câu trả lời toàn bộ vấn đề lầm lỗi. Trẻ con được tha tội do ân điển cho trước, như là đặc quyền không điều kiện và phổ quát của Sự Chuộc Tội. Vì vậy, nếu mọi người đều sinh ra dưới tội lỗi, thì mọi người cũng đều được sinh ra dưới ân điển, từ giây phút được sinh ra trở thành một ảnh hưởng đối lập với khuynh hướng bẩm sinh nghiêng về điều ác.

2. Ảnh Hưởng Cho Phép

Nhưng ân điển cho trước không phải là một ảnh hưởng chắc chắn hay xác định, mà nó chỉ là *ảnh hưởng cho phép* [an enabling influence]. Sự suy giảm khả năng đạo đức trong sự Sa ngã được khôi phục cách đầy đủ để làm cho công cụ tự do một lần nữa được phục hồi. Trong cuộc tranh luận với Perkins, Arminius đã xác nhận (theo lời của Carl Bangs) rằng “hành động tin là một sự lựa chọn của điểm mềm dẻo do ân điển ban cho”²⁹. Những Tín Lý của Arminius về sau xác định rõ ràng rằng ân điển này, mặc dù hoàn toàn cần thiết, và xảy ra trước khi con người đáp ứng, là “điều không cưỡng lại được”. Vì thế,

²⁹ Arminius, *A Study in the Dutch Reformation* (Nashville: Abingdon Press, 1971), 221.

ân điển mà những người theo Augustine nhìn thấy như là *sự tái sinh* tất cả hoặc không gì cả (all-or-nothing), đã được thuyết của Wesley-Arminius nhìn thấy như là sự cáo trách và thức tỉnh. Đây là những công tác chuẩn bị của ân điển và có sự cứu rỗi trọn vẹn là mục tiêu, nhưng không tạo thành sự tái sinh.

Nhìn về căn bệnh tội lỗi, chúng ta có thể tóm tắt:

Thuyết của Pelagius không công nhận bệnh tật và vì vậy họ thấy không cần phép chữa trị tận gốc.

Thuyết của Augustine xác nhận bệnh tật nhưng khước từ khả năng chữa trị trong cuộc đời này.

Thuyết của Wesley (không nhất thiết phải ghi là của Arminius) xác nhận bệnh tật và đồng thời xác nhận khả năng cứu chữa.

Về phương diện giáo lý ân điển, Pelagius khẳng định sự công bình cá nhân, sự tự do lựa chọn, nhưng theo cách ân điển cuối cùng chỉ là phần phụ thuộc. Augustine khẳng định nơi quyền tối cao của ân điển, nhưng theo cách sự công bình cuối cùng là thứ yếu, thậm chí có thể miễn trừ. Những thuyết trên vừa đúng vừa sai. Lẽ thật cần phải nằm trong chìa khóa hài hoà mà không thiên về phía nào cả. Chìa khóa ấy là sự khai triển của Wesley về giáo lý ân điển cho trước.

II. BẢNG CỐ CỦA TỘI LỖI BẨM SINH

A. BẢNG CỐ CỦA KINH THÁNH

Cùng một cuốn Kinh thánh công bố rõ ràng rằng tội nhân phải chịu trách nhiệm về sự phạm tội của mình thì cũng dạy dỗ rằng có một sự bại hoại kế thừa của bản chất xui khiến con người phạm tội. Đây là sự nghịch lý. Thật vậy, sự vấp phạm

này nhiều đến nỗi nhiều người không thể chịu đựng bất kỳ sự chiến đấu rời rạc để từ khước, hoặc ít nhất giảm tối thiểu, bằng cơ Kinh Thánh về điều này. Nhưng khi chúng ta thấy việc thiết lập nguyên hình bản chất đạo đức của tội lỗi là quan trọng, thì chúng ta phải cẩn thận lật ngược sự kiện về tội lỗi kế thừa. Chỉ khi nào làm được điều này thì chúng ta mới có thể nắm vững chiều sâu và tầm xa của ân điển cứu độ.

1. Tân Ước

Như chúng tôi đã nói người ta không thể bài bác được sự thừa nhận của Kinh Thánh về tính phổ quát của tội lỗi. Chúa Jêsus dạy rằng mọi người cần phải sanh lại, vì “hễ gì do xác thịt sinh ra là xác thịt” (Giăng 3:6). Ngài muốn nói rằng bản chất của con người – sinh để từ thế hệ này sang thế hệ khác – là chết về mặt thuộc linh. Cha mẹ không thể sinh đẻ ra những thành viên mới trong vương quốc của Đức Chúa Trời, nhưng những thành viên của dòng dõi sa ngã mà tình trạng kế thừa làm cho họ khó có thể nhận thức những thực tế thuộc linh; vì thế nhu cầu *phổ quát* là được sinh lại từ trên. Rõ ràng là Chúa Jêsus ngụ ý rằng không một cá nhân nào đạt được tình trạng đó, vì họ được tạo dựng do cá nhân phạm tội, nhưng tình trạng bây giờ theo tỉ lệ sinh đẻ của con người và có tính phổ quát.

Khi Phao lô tìm cách giải thích sự lan tràn bùng bình của tội lỗi, ông (a) truy nguyên sự bại hoại của con người tận nguồn gốc A-đam như là nguyên nhân cuối cùng (Rô-ma 5:12-19), sau đó (b) ông tiến tới việc xác định mục tiêu “tội-lỗi-ở-trong-tôi” là nguyên nhân trực tiếp (7:7-23).

Nan đề của ông ấy là: Điều gì làm cho tôi hành động theo cách này, khi lý trí tôi không chấp nhận về điều tôi làm? Trong câu trả lời không qui cho luật pháp, vì luật pháp là “thánh, và công bình và tốt lành” (c. 12). Ông cũng không đổ lỗi cho bản chất con người lúc được tạo dựng, vì lúc ấy không có khiếm

khuyết nào. Nhưng chính bản chất con người bình thường này đã bị “bán cho tội lỗi” và kết quả là trở thành “con người xác thịt” (c. 14).

Bây giờ có một kẻ thù, một sự bất thường từ bên trong, có thể gọi cách đúng là “một luật, khi tôi làm điều lành, thì điều ác lại ở với tôi” (c. 21) – một luật không theo ý nghĩa là một mạng lệnh, nhưng là một nguyên tắc hành động. Ông nhận thấy điều này, ông không tạo ra nó, vì thế ông không chịu trách nhiệm về sự có mặt của nó. Hơn nữa, nó lùi thời gian chịu trách nhiệm về đạo đức, vì ông “đã một lần ông không sống dưới luật pháp” (qua ân điển cho trước lúc ông còn trẻ thơ), nhưng khi mạng lệnh xuất hiện, tính ngoan cố bẩm sinh hoạt động (“tội lỗi chỗi dậy” hoặc nhảy vào cuộc sống), và ông “chết”, nghĩa là ông bị mất sự an toàn của ân điển cho trước (c. 9).

Rõ ràng là Phao lô đang mô tả tình trạng của bản chất con người nghĩa là nguyên nhân thực sự của tội lỗi và sự giải thích thực sự về tính phổ quát của tội lỗi. Đây không phải là một đặc hữu đối với bản chất loài người khi được tạo dựng, nhưng bây giờ là điều bình thường cho bản chất loài người khi sa ngã. Như vậy đó là khuynh hướng *tự nhiên* đối với điều ác nghĩa là đồng thời *không tự nhiên*. Như vậy, nó (a) phụ thuộc vào ý chí và (b) mất tổ chức và suy giảm.

Hơn nữa, khi Phao lô nhắc nhở người Ê-phê-sô rằng “theo tự nhiên” họ là “con cái của sự thanh nộ, cũng như những người khác” (Ê-phê-sô 2:3), thì ông đang nói đến tình trạng phổ quát mà họ được sinh ra. Ngoài ra, “con người mới, mà Đức Chúa Trời tạo dựng trong sự công bình và thánh khiết thật”, là đảo đề của “con người cũ, bại hoại theo dục vọng lừa dối, cần phải loại trừ (4:22-24). Ngôn ngữ này dường như mô tả chính xác về sự biến đổi của bản chất hơn là sự thay đổi về phong cách sống. Chính Chúa Jesus cũng nói về những hình

thức gian ác xuất phát từ lòng (Mác 7:21-22), diễn tả cách mạnh mẽ về tình trạng của tấm lòng nghĩa là trước khi đưa ra sự lựa chọn có ý thức về đạo đức.

2. Cự Ước

Điều giả định của Tân Ước về tính phổ quát của tội lỗi của dòng dõi loài người là do sự sa ngã chỉ là tiếng dội của Cự Ước. Chính tấm lòng người “xấu xa hơn muôn vật và độc ác vô cùng” (Giê-rê-mi 17:9). Đây là phần mô tả chung, không phải nói riêng cho *một số người* đối trá trong lòng. Mặc dù nhiều người tìm cách phủ nhận ý nghĩa của lời tự phân tích của Đa-vít, nhưng thực sự hoàn toàn khó quên được luận đề của ông, ấy là trước khi ông có hành động gian ác thì ông đã có *bản chất* gian ác – “Kìa tôi sinh ra trong sự gian ác, mẹ tôi hoài thai tôi trong tội lỗi” (Thi thiên 51:5). Không phải ông giấu mình sau điều này như là sự biện hộ, nhưng ông hạ mình nhìn nhận tội từ khi sinh ra là phần của sự xưng tội của ông. Khi phê bình điều này, Purkiser nói, “Khuyh hướng và tính khí của tội lỗi phát xuất từ sự ô nhiễm của cả dòng dõi loài người, phần của sự phạm tội của con người xuất phát từ dòng dõi sa ngã”³⁰. Và Đa-vít không những nhìn thấy nhu cầu cần tẩy sạch sâu xa hơn sự tha thứ, nhưng trong đức tin ông dám cầu xin điều đó³¹.

A-rôn đã chẩn đoán chính xác căn bệnh của bản chất con người (kể cả của ông) bằng việc nhắc nhở Môi-se về *khuyh hướng* của dân Y-sơ-ra-ên nghiêng về sự thiếu sót – một *khuyh hướng* thâm căn cố đế đến nỗi trải qua 1400 năm lịch

³⁰ BBC, 3:256

³¹ Giả định rằng Đa-vít ngụ ý rằng mẹ ông hoài thai ông ngoài tình trạng kết hôn chỉ là một sự trốn chạy không tự nhiên; thậm chí có người cho rằng cụm từ ông dùng là một bản cáo trạng cho rằng bản thân của sự kết hợp hôn nhân cũng là tội lỗi; những quan điểm này không hài hoà với quan điểm của Cự Ước về vấn đề tình dục.

sử mới tạo thành một sự bày tỏ không ngừng về điều đó (Xuất Ê-díp-tô ký 32:22; xem thêm Phục truyền 9:6-7, 24, 27; Ô-sê 11:7). Chính khuynh hướng này khiến cho những người sống sót sau cơn Đại hồng thủy đã thách thức Đức Chúa Trời bằng việc xây dựng một cái tháp để tránh khỏi sự đoán phạt trong tương lai bằng nước lụt. Rõ ràng rằng dòng ô nhiễm này đã không được Nô-ê tẩy sạch, mặc dù bản thân ông sống vượt trên bản chất tội lỗi để trở thành người công bình. Những gì bình thường sau cơn Đại hồng thủy lại còn nhiều hơn những gì gây ra cơn Đại hồng thủy – toàn bộ sự bại hoại được mô tả trong lời phán quyết, “tất cả ý tưởng trong lòng đều xấu xa luôn luôn” (Sáng thế ký 6:5).

Vì thế, nếu *môi trường* là điều giải thích trước cơn Đại hồng thủy, thì sau cơn Đại hồng thủy sẽ giải thích như thế nào, khi Nô-ê và toàn thể gia đình ông đi vào một thế giới được thanh tẩy, đẹp đẽ và không dơ bẩn, không thấy bóng dáng của điều ác ở đâu cả? Không – Đức Chúa Trời hiểu rõ; vì lời hứa của Ngài sẽ không hủy diệt thế giới này bằng nước lụt nữa là lời chứng long trọng rằng sự thanh tẩy như thế không giải quyết được nan đề thực sự – vì “ngay lúc tuổi trẻ, loài người đã có khuynh hướng xấu trong lòng” (Sáng thế ký 8:21).

Con vi-rút gian ác được truy nguyên từ thuở ban đầu, từ tính ghen tị của Ca in, là người giết em mình. Sau khi mô tả sự khùng khiếp của hai anh em đánh giết nhau, một phóng viên nêu lên câu hỏi, “Có phải hai anh em đánh nhau là điều tự nhiên không?”, một nhà bình luận cột báo sẽ trả lời, “Hãy xem Ca in và A-bên”. Nhưng sự phản loạn bên trong chúng ta về ý niệm đánh nhau giữa hai anh em coi đó là *điều tự nhiên*. Bản chất khùng khiếp! Mọi vết tích của lý trí chống lại những kẻ giết người, công bố bản chất tự nhiên của tình huynh đệ, và khẳng định rằng khi nào có sự đánh nhau trở thành điều “tự nhiên”, thì tai ương khùng khiếp đó là do bản chất bị biến dạng.

Không, A-đam sinh con trai và con gái “theo hình ảnh của mình” (Sáng thế ký 5:3). Và hình ảnh ấy bây giờ đã bị méo mó. Ngoài trừ Chúa Jêsus, không một em bé nào được sinh ra với bản chất con người trọn vẹn. Mỗi hậu tự đã bị ảnh hưởng méo mó trong sự tạo thành bẩm sinh do A-đam đúc khuôn cho.

Nhưng câu chuyện của Ca in và A-bên há không chỉ rằng chỉ Ca in là người phạm tội? Câu trả lời rõ ràng cho điều này được ghi trong Hê 11:4, tại đây chúng ta đọc thấy rằng A-bên được chứng nhận là công bình vì ông “đã dâng của lễ tốt hơn” bằng “đức tin”. Toàn bộ Kinh Thánh đều đưa ra sự bảo đảm liên quan đến ý nghĩa của điều này. Sự công bình của A-bên không do bản thân ông tự có, nhưng là sự công bình do ân điển đặt trên nền tảng của việc dâng của lễ bằng đức tin. Của lễ ông dâng lên là sự xác nhận của ông về nhu cầu của mình.

B. BẰNG CỐ CỦA KINH NGHIỆM

‡

Tiền đề nhấn mạnh là nếu môi trường không thích hợp cho việc giải thích về sự lan tràn của tội lỗi, thì chúng ta bị buộc phải nhìn vào bên trong con người – mỗi người – để tìm ra nguyên nhân. J. Glenn Gould đưa ra ví dụ về một trong những giáo sư của ông cố gắng tường thuật về một vụ lưỡng gât về chính trị ở thế kỷ 19 tại Âu-châu, sau đó ông đưa ra lời nhận định, “Thần học gia có thể gât bỏ ý tưởng về tội nguyên thủy, nhưng sử gia phải lôi nó ra từ chốn tối tăm để hiểu được tình huống không thể giải thích được”³². Nhưng điều này có thể nói về bất kỳ thời kỳ lịch sử nào kể từ A-đam.

Những người theo phái thần học tự do [theological liberal] có quan điểm lạc quan về bản chất của con người thì đã không thể giải thích tình trạng điên rồ về đạo đức phản ánh hằng

³² *The Whole Counsel of God* (Kansas City: Beacon Hill Press, 1945), 39.

ngày trên nhật báo. Sự ngạc nhiên không ngừng ấy là sự bất lực bề ngoài của những người thông minh muốn suy nghĩ hợp lý về những vấn đề đạo đức. Điều sai được coi là đúng, và điều đúng bị coi là sai. Mức độ về sự ngoại lệ được quyết định hầu như do mức độ mà người ta chịu ảnh hưởng của nền đạo đức Do thái - Cơ Đốc đã thấm nhiễm sâu vào sự suy nghĩ của nền văn minh Phương Tây.

John Henry Newman mô tả cách hùng hồn về nỗi đau khổ không tránh khỏi và tình trạng bức xúc của người bắt đầu với tiền đề về Đức Chúa Trời, rồi nhìn vào thế giới này. Ông nói, “Thế giới dường như chỉ đưa ra lời nói dối về lẽ thật vĩ đại của điều mà toàn thể con người tôi đã chứa đầy”. Sau đó ông đưa ra ẩn dụ về cậu bé được hứa hẹn với nhiều điều tốt đẹp, về sau khi cậu ta thành người lớn thì không bày tỏ những điều tốt đẹp đó. Ông nói:

Tôi có thể kết luận rằng có điều gì kỳ bí liên quan đến lịch sử của cậu bé, và cậu ta là một trong những người, vì lý do này hay lý do khác, cha mẹ cậu rất xấu hổ. Như vậy tôi chỉ có thể tường thuật sự mâu thuẫn giữa lời hứa và tình trạng của người đó. Do vậy tôi có thể nói về thế giới này; nếu có một Đức Chúa Trời, vì hiện có một Đức Chúa Trời, thì loài người bị vướng vào tai họa nghiêm trọng nhất. Đó là nó nằm ngoài mục đích của Đấng Tạo dựng nó. Đó là sự kiện, một sự kiện có thật như sự kiện về sự hiện hữu của nó và như vậy giáo lý về những gì mà thần học gia gọi là tội nguyên thủy đối với tôi trở thành điều chắc chắn như quả đất hiện hữu, và như sự hiện hữu của Đức Chúa Trời³³.

Có vài khía cạnh về bằng cơ kinh nghiệm:

1. Sự Thù Nghịch Phi Lý Đối Với Đức Chúa Trời

³³ *Apologia Pro Vita Sua*; do Olin Alfred Curtis trích dẫn, *The Christian Faith* (Grand Rapids: Kregel Publications, 1956), 190.

Bài tín điều nói rằng theo bản chất loài người *ngịch thù* với Đức Chúa Trời; Phao lô nói, tâm trí xác thịt “thù nghịch với Đức Chúa Trời” (Rô-ma 8:7). Những chữ này mô tả chính xác về những gì người ta có thể quan sát được. Nó được bày tỏ sống động trong việc con người ôm chặt lấy khoa học về vật chất. Tounier nói, “Dịp may (chance) là chữ cuối cùng của bất kỳ sự giải thích khoa học nào về thế giới. Lecomte de Nouy viết, ‘Lý thuyết cổ điển về khoa học chỉ thay thế Đức Chúa Trời bằng dịp may’”³⁴ – mưu chước tuyệt vọng và phi lý của những con người không muốn “nhìn nhận Đức Chúa Trời trong sự hiểu biết của mình” (Rô-ma 1:28). Chúng ta nhìn thấy điều này trong cơn sốt tình cảm của một giáo sư chống Đức Chúa Trời. Soren Kierkegaard nhận thức sự thù địch tự phát trong sự sẵn sàng của những học giả chấp nhận sự phê bình hủy hoại cao hơn³⁵. David A. Redding giải thích điều ông muốn nói:

Ông nói, “Kinh Thánh là cái gương, nhưng thay vì giúp đỡ chúng ta nhìn thấy chính mình trong đó rõ ràng hơn bao giờ hết, thì những sự phê bình có khuynh hướng làm xao lãng chúng ta. Chúng ta làm kiệt quệ năng lực và đam mê do việc ghi ngày tháng cho Kinh Thánh, đo lường Kinh Thánh, đếm những mảnh vụn và bọt bong bóng.... Chúng ta làm nhiều điều cho Kinh Thánh, nhưng chỉ nhìn vào đó và reo lên, “Ha-lê-lu-gia, đó là Ngài”³⁶.

Bằng cố lộ chân tướng là sự cố ý làm xao lãng. Chúng ta chụp lấy “những bằng cớ” chống lại Đức Chúa Trời cách nhiệt tình và lật úp những bằng cớ của thuyết cổ thần cách gương ếp. Chúng ta tìm thấy trong chính mình một sự sẵn sàng đổ lỗi

³⁴ *A Whole Person in a Broken World* (New York: Harper and Row, Publishers, 1964), 33.

³⁵ *For Self Examination* (London: Geoffrey Cumberlege, Oxford University Press, 1946) 50-58.

³⁶ “Neurosis of Defiance”, *Christianity Today*, Jan 15, 1965

cho Đức Chúa Trời, buộc tội Ngài về sự bất công, dựng lên hàng rào cay đắng để loại bỏ Đức Chúa Trời. Sự kiện ấy là Thánh Linh đồng thời tạo sự khao khát trong chúng ta, chứng minh bằng cơ về Đức Chúa Trời. Thánh Linh kéo ngược lại với sức hút của bên trong. Nếu do bản chất chúng ta chống nghịch lại Đức Chúa Trời, thì tại sao lại có sự tranh đấu, và tại sao “Sự Săn Đuổi của Thiên Đàng” cứ tiếp diễn qua quá nhiều năm nay? Trong mỗi tấm lòng của con người có một sự công nhận mà những câu thơ của Francis Thompson đã nói thay:

*Chạy trốn Đức Chúa Trời, tôi ẩn mình trong đêm đen của ngày
Chạy trốn Đức Chúa Trời, tôi đi xuống những vòng khung của năm.
Chạy trốn Đức Chúa Trời tôi đi xuống những con đường chằng chịt
Của tâm trí tôi, và ở giữa những giọt nước mắt
Tôi chạy trốn khỏi Ngài, và đi dưới những tràng cười rã rượi³⁷.*

Điều này luôn luôn ngấm ngấm và thường xuyên đối địch với Đức Chúa Trời, cùng với sự khao khát luôn luôn hiện hữu, mà người ta thường đổ lỗi cho ảnh hưởng ngoại cảnh; đó là tình trạng thật của *bản ngã*. May mắn thay có một số người tin nhận Chúa từ khi còn thơ ấu, và sự rượt đuổi này không phải là bi kịch của nhiều năm; nhưng ngay cả họ nhớ lại những sự tranh chiến sau khi qui đạo với sự thù địch ngấm ngấm vẫn còn đeo bám trong lòng họ, luôn luôn treo lơ lửng, chỉ muốn chờ cơ hội làm phản - cho đến khi họ được Thánh Linh tẩy sạch.

2. Sự Bất Lực Về Đạo Đức

Karl Menninger nói, “Điều làm cho Socrates ngạc nhiên khó xử là ‘con người biết điều gì là thiện, nhưng lại làm điều

³⁷ James Dalton Morrison, ed. *Masterpieces of Religious Verses* (New York: Harper and Brothers, Publishers, 1948), 57.

ác”³⁸. Đây là điều Phao lô nhận thấy, “Tôi chẳng làm điều tốt mình muốn, lại làm điều xấu mình không muốn” (Rô-ma 7:19). Đây là trường hợp nói về loài người. Olin Curtis nói, “Có một ý nghĩa sâu sắc trong đó con người, khi vào trần gian, thì hoàn toàn bại hoại”. Ông giải thích sự bại hoại này như là sự bất lực hoàn toàn để “tổ chức cuộc sống của mình dưới sự đòi hỏi của lương tâm”³⁹. Qua học thức, kỷ luật và huấn luyện có thể đạt được một phẩm chất đạo đức nào đó, nhưng vẫn để lại cho những phần không đặng tới được sự bất lực hoàn toàn. Ông nói thêm:

Sự phát triển cá tính đạo đức lớn chừng nào thì sự bất lực trong việc điều chỉnh để bảo đảm sự lành mạnh và bình an trong con người lại lớn chừng nấy. Đối với tôi sự bại hoại là chính tình trạng vô tổ chức của nền tảng cá nhân con người. Mỗi người đem sự vô tổ chức vào trần gian⁴⁰.

Đây là sự giải thích duy nhất của điều đạo đức xa lạ mà những học viên của thuyết tâm lý phát triển đã khảo sát. Khi nói về sự phát hiện của Hartshorne ở thập niên 20 và của May ở thập niên 30, Gary Collins nói, “Kết quả của phần nghiên cứu cẩn thận là trụ đá bảo vệ. Người ta nhận thấy rằng khi trẻ con lớn lên sự hiểu biết của chúng về điều phải và điều quấy gia tăng, nhưng khuynh hướng của chúng lại bị lừa dối. Thật vậy, không có sự liên kết hỗ tương giữa kiến thức về điều phải và điều quấy với hành vi đạo đức”⁴¹. Hiện tượng này chỉ được giải thích dựa trên nền tảng của bản chất đạo đức tụt lại sau sự

³⁸ *Whatever Became of Sin?* 230

³⁹ *Christian Faith*, 200

⁴⁰ *Sách đã dẫn*.

⁴¹ *Man in Transition* (Carol Stream, Ill.: Creation House, 1971), 62.

phát triển trí tuệ vì tình trạng bệnh hoạn làm hạn chế sự tăng trưởng bình thường⁴².

3. Kết Quả Của Sự “Tự Nhiên”

Nếu bản chất đạo đức của con người hoàn toàn tự nhiên, thì việc đưa trẻ có thể tự nhiên phát triển thành người lớn được đánh dấu bằng sự trưởng thành và toàn vẹn. Ngược lại, nếu sự phát triển như thế xảy ra, thì nó đã trải qua vô số những căng thẳng liên tục của bản chất, áp dụng cả bên trong lẫn bên ngoài. Những nhà tâm lý học hiện đại công nhận sự tức giận và những khuynh hướng của sự bùng bình và phản loạn ngay cả ở những đứa trẻ chưa biết đếm. Chính thiên hướng này, rõ ràng là bẩm sinh, làm cho đứa trẻ hai tuổi có những cơn tam bành, làm cho đứa trẻ lên ba đá vào người khác và giẫy dụa chân tay.

Người ta đã cố gắng gượng ép để gọi hành vi đó là “tự nhiên” dường như đó là giai đoạn cần thiết trong sự trưởng thành của đứa trẻ. Vậy, nếu thế, thì tiến trình này sẽ không bị cản trở bằng bất kỳ sự can thiệp nào. Về mặt lý luận, nếu tiến trình đó được để tự nhiên, thì sự phát triển sẽ kết quả trong sự hình thành cá tính lành mạnh, cân đối, vị tha và hướng về xã hội. Nhưng toàn thể thế giới đều biết điều này không xảy ra; sự trưởng thành chỉ xảy ra suốt cả cuộc đời con người từ thuở ấu thơ trở đi, có sự căng thẳng liên tục, và *huấn luyện* hướng

⁴² Arnold Toynbee gọi điều này là “vực sâu luân lý” [morality gap], mà ông nói, “nó luôn luôn hiện hữu”. Đây là vực sâu giữa “khả năng tài giỏi của con người về khoa học” và khả năng áp dụng cùng sự thông minh đó vào những vấn đề luân lý. Ông nói, “Nguyên nhân của vực sâu này là “con người tập trung vào bản ngã của mình” và ông công bố rằng tất cả tôn giáo đều “chú ý đầu tiên và trước nhất đến việc đắc thắng sự tập trung vào bản ngã”. Từ cuốn *Surviving the Future* (London: Oxford University Press, 1971), được Menninger trích dẫn trong cuốn *Whatever Became of Sin?* 227.

về những khuôn mẫu hành vi vốn không “tự nhiên” nhưng phải học tập.

Mọi xã hội và mọi tôn giáo đều nhìn nhận rằng làm điều ác thì dễ dàng và làm điều thiện thì khó khăn. William Arthur viết, “Con người là loài duy nhất xuất thân trong sự hiểu biết của chúng ta vốn có một bản chất không tự nhiên”⁴³. “Không có một con thú nào ở ngoài đồng có thể tin cậy vào tính tự nhiên của nó và đi theo nó... nhưng đối với con người chúng ta, kẻ thù duy nhất khó bắt phục được là bản chất của mình: nếu nó mạnh khỏe, thì chúng ta sẽ cầm những hoàn cảnh của mình nhẹ như những sợi dây dễ đứt trong tay Sam-sôn, nhưng nó luôn luôn phản bội chúng ta”⁴⁴. Điều khôi hài và chắc thật khi nhớ lại rằng con người không tìm sự giúp đỡ để làm điều xấu, vì điều này dễ dàng và “tự nhiên”; nhưng họ cảm nhận theo bản năng nhu cầu về sự giúp đỡ đặc biệt khi họ quyết định làm điều phải. Và trong sự dạy dỗ con cái chúng ta phải dạy cho chúng sự thành thật, không nói dối; phải giữ sạch sẽ, không làm dơ bẩn; phải tiết kiệm không hoang phí; phải biết kiềm chế, không hùng hổ nóng giận. Điều này sẽ không đúng nếu bản chất không ăn khớp với điều phải.

Theo điều này vầng đá của “tính tự nhiên” bị méo mó của con người đã phá vỡ lý luận của thuyết nhân bản. Thuyết nhân bản tôn vinh tính tự nhiên và với sự lạc quan đầy tin tưởng đã giả định rằng “làm điều gì phát xuất từ sự tự nhiên” là một triết lý xứng đáng của cuộc sống. Vì vậy người ta tán thành sự khoa thân, vì đó là điều tự nhiên, còn mặc quần áo là điều giả tạo. Động cơ sống chung với nhau như vợ chồng (không cưới gả) là điều tự nhiên, vì thế nên tuân theo. Những nhà nhân bản

⁴³ *Tongue of Fire* (London: Epworth Press, J. Alfred Sharp, n.d.) 118.

⁴⁴ *Sách đã dẫn*, trang 115.

còn công bố rằng sự đàn áp không những kiểm chế mà còn hủy diệt.

Nhưng theo mức độ con người tuân theo quan điểm này của thuyết nhân bản và kết quả là hỗn độn. Tiền đề sai trật. Những người theo thuyết nhân bản giả định rằng sự tự nhiên quyết định tính bình thường và như thế nên tuân theo nó là điều an toàn. Thuyết này đã không để ý tới sự kiện là từ khi loài người Sa ngã không điều gì là tự nhiên cả. Tính tự nhiên của sự Sa ngã đã bị bóp méo, vì thế nó trở nên thấp hèn và lệch hướng của điều trước kia là vô tội. Nếu lòng con người là lòng của A-đam và Ê-va trước khi phạm tội, thì sự khỏa thân là điều an toàn, nhưng trong sự hiện diện của tấm lòng tội lỗi thì điều đó không còn là an toàn nữa. Vì cơ tội lỗi, mọi loại hàng rào nội qui và sự cấm kỵ dựng lên để bảo vệ sự văn minh.

4. Khuynh Hướng Suy Đổi

Một du khách đến hỏi người quản gia lớn tuổi, “Ông Parker à, ông ở trong gia đình này được bao lâu?”

“Thưa ông, được ba thế hệ suy đổi”.

Và đó là sự kiện chung. Cải thiện hoàn cảnh vật chất không phát sinh kết quả bình thường trong việc cải thiện những đặc tính đạo đức, thường là kết quả ngược lại. Chỉ có sự cầu nguyện nhiều, kỷ luật và thức canh mới chống lại khuynh hướng này. Một thanh niên phát biểu, “Đối với ông nội tôi, tôn giáo là phong cách sống; đối với cha tôi, nó là truyền thống, còn đối với tôi, đó là việc gây phiền toái”. Không nơi nào là luật của en-tro-pi để quan sát hơn trong đời sống tôn giáo của xã hội. Tại sao thỉnh thoảng có những cơn phục hưng là điều cần thiết? Chỉ vì khuynh hướng phá hoại từ bên trong.

Sức hút của những người tiên phong của “nền luân lý mới”, phong cách sống bi quan, những thói xấu phổ biến, kinh nghiệm dùng thuốc phiện và tình dục buông lung kéo xuống để

biết bao! Chẳng cần phải qua sự thử nghiệm, mà nó là khuynh hướng méo mó của động cơ bất bình thường này. Nó là bản tóm tắt của sự bội nghịch trong Vườn Ê-đen, bây giờ không do con rắn ở bên ngoài cám dỗ nhưng do con rắn từ bên trong⁴⁵. Hơn nữa, đó là sự giống nhau từ bên trong sâu xa với thế giới, không phải trong sự nâng lên nhưng trong sự giảm xuống.

Buồn rầu là một hiện tượng của lý tưởng bị xói mòn. Qua ân điển cho trước những người trẻ thường đi vào tuổi trưởng thành với những giấc mơ phục vụ vị tha – những giấc mơ dần dần phai mờ trước cái nhìn về thực tế. Họ không lập kế hoạch để bị đẩy vào sự tham lam vô độ và tính yếm thế cay đắng, với sự hao mòn đều đều của động cơ phục vụ; nhưng ngoài ảnh hưởng của tôn giáo đây là con đường một chiều phổ biến của những năm trưởng thành. Ít thấy những người không tin Chúa ở tuổi 50 có bóng của những lý tưởng của mình ở tuổi 20.

Con người sớm phát hiện ra nan đề, bên trong con người họ có tính yếu đuối về đạo đức và những khuynh hướng căn bản mà họ ít nghi ngờ nhưng càng ngày càng lớn lên mạnh mẽ với năm tháng. Thay vì phải chế ngự những khuynh hướng này, thì những khuynh hướng này làm chủ họ. Tính bại hoại của động cơ chỉ có thể được giải thích bằng sự mặc nhiên công nhận tội lỗi nguyên thủy⁴⁶.

⁴⁵ Bản tóm tắt này chỉ bị phá vỡ do A-dam Thứ Hai khi Ngài bị cám dỗ.

⁴⁶ Không nơi nào mà khuynh hướng kéo xuống của linh hồn con người mạnh mẽ bằng khuynh hướng tiêu diệt sự thánh khiết. Vị Thẩm Tra Vĩ Đại quả trách Đấng Christ về việc không hiểu rằng con người sẽ bán linh hồn họ để lấy bánh. Đây sẽ là bí mật của Kẻ Địch Lại Đấng Christ: “Nhưng Ngài há không biết vì cơ bánh trần gian, tinh thần của quả đất sẽ vùng dậy chống nghịch Ngài và sẽ tranh chiến với Ngài để đắc thắng Ngài, và tất cả sẽ đi theo hấn kêu lên rằng: “Ai có thể so sánh được với con thú này? Nó sẽ cho chúng ta lửa từ trời” (Fyodor Dostoyevski, *The Brother Karamazov*, trans. Constance Garnett [New York: Modern Library, Random House, n.d], 262.

Tóm lại, dường như khó có thể quan sát sự khốn khổ về đạo đức của nhân loại, vậy hãy nhìn vào chính mình cách thành thật và nhớ lại từ thời thơ ấu, không cần xác nhận rằng nguồn gốc của điều ác phát xuất từ bên trong. Một bảng hiệu trên một chiến dịch tại California nhân Ngày của Quả Đất vài năm trước đây đã ghi dòng chữ, “Chúng ta, con người, là nan đề của môi trường”. Chúng ta cũng vậy. Và nan đề này là nơi chôn nhau cắt rốn.

III. BẢN CHẤT CỦA TỘI LỖI BẨM SINH

Sau đây là những cách tiêu biểu của việc định nghĩa tội lỗi: “một khuynh hướng tích cực của bản chất con người hướng về tội lỗi”⁴⁷; “một tính khí nội tại tích cực hướng về tội lỗi”⁴⁸; “một sự gian ác tích cực... xuất phát từ kết quả của việc đánh mất hình ảnh của Đức Chúa Trời”⁴⁹; “sự bại hoại hoàn toàn của con người, có nghĩa là mặc dù con người không hoàn toàn xấu, những mọi phần của bản chất con người đều bị hoen ố do tội lỗi”⁵⁰; “một phẩm chất, thiên hướng, khuynh hướng, sự méo mó, hoặc tình trạng của cá tính con người từ đó xuất phát mọi sự phạm pháp thực sự và mọi thái độ phi Cơ Đốc như kiêu ngạo, ích kỷ, ý riêng và thù địch với Đức Chúa Trời”⁵¹.

⁴⁷ W. T. Purkiser, ed. *Exploring Our Christian Faith* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1960), 238.

⁴⁸ L. Berkhof, *Systematic Theology* (London: Banner of Truth Trust, 1941; reprint, 1963) 246.

⁴⁹ *Wiley Christian Theology*, 2:124

⁵⁰ Herbert Lockyer, *All the Doctrines of the Bible* (Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1964), 145.

⁵¹ Metz, *Studies in Biblical Holiness*, 85.

A. THUẬT NGỮ

Như chúng ta đã ghi nhận những chữ *asebeia*, sự không tin kính; *anomia*, vô luật pháp; và *adikia*, không công bình ngụ ý không những về hành vi bên ngoài nhưng còn khuynh hướng bên trong. Và chúng tôi đã đề cập ở Chương trước, chữ *hamartia* thường được dùng để chỉ về nguyên tắc tội lỗi, đặc biệt là Phao lô dùng trong Rô-ma 5 – 7. Ngoài ra Kinh Thánh còn dùng những từ ngữ khác như “đơ dáy như giẻ rách” (Ê-xê-chi-ên 36:25; xem thêm 2 Cô-rin-tô 7:1); “tấm lòng cứng cõi” (Ê-xê-chi-ên 36:26); “con người cũ” (Rô-ma 6:6; Ê-phê-sô 4:22; Cô-lô-se 3:9)⁵²; “thân thể tội lỗi” (Rô-ma 6:6); “tội lỗi ngụ trong tôi” (7:17); “thân thể hay chết nầy” (c. 24) “luật của tội lỗi và sự chết” (8:2); “tâm trí xác thịt” (c. 7); “xác thịt” (c. 8-9; 12-13; Ga-la-ti 5:17); “tội lỗi để vấn vương chúng ta” (Hê-bơ-rơ 12:1); “mọi điều ô uế và mọi điều gian ác còn lại” (Gia-cơ 1:21); “anh em là kẻ hai lòng” (4:8)⁵³.

B. TÌNH TRẠNG BẠI HOẠI DO SỰ ĐÁNH MẤT HÌNH ẢNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Đừng nghĩ tội lỗi nguyên thủy là sự hình phạt của bản chất của con người hướng về điều ác, nhưng là sự bại hoại hiển nhiên của bản chất đạo đức là kết quả của việc bị mất Thánh Linh, và qua sự mất mát đó, bị mất hình ảnh của Đức Chúa

⁵² Phải công nhận rằng đôi khi có nhiều người bàn cãi khi đưa ra những đoạn văn nầy. Nhưng về Rô-ma 6:6, Wesley nói, “Đồng thời với bản chất của chúng ta, và xưa như thời sa ngã” (*Explanatory Notes upon the New Testament* [1754, reprint, Naperville, Ill.: Alec R. Allenson, 1958]. J. Kenneth Grider giải thích “người cũ” là *cuộc sống cũ* (*Entire Sanctification: The Distinctive Doctrine of Wesleyanism* [Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City 1980], 131-132).

⁵³ Những lời văn trên thuộc về bản dịch KJV (Bản Kinh Thánh Truyền thống VN), những bản dịch khác lời văn hơi khác.

Trời – hoặc sự thánh khiết nguyên thủy. Khi con người không để Đức Chúa Trời làm trọng tâm đời sống mình thì người ấy đã để bản ngã làm trọng tâm, nhưng bản ngã làm trọng tâm là một sự lệch tâm, vì bản ngã được Đức Chúa Trời tạo dựng cho Đức Chúa Trời để Ngài làm trọng tâm thực sự. Một vòng tròn có trọng tâm sai thì đó là sự lệch tâm, khi có hiện tượng này xảy ra, thì mọi hoạt động của máy móc đều bị méo mó, lệch lạc.

Theo bản chất con người là một loài năng động, tích cực. Hoạt động không đặt trọng tâm vào Đức Chúa Trời sẽ đặt vào chỗ không có Đức Chúa Trời, nên nó làm cho toàn thể cá tính con người sai lệch. Vì thế sự bại hoại là sự đánh mất hình ảnh của Đức Chúa Trời, nó không phải là sự yếu đuối nhưng là sự làm méo mó bánh xe của cuộc sống con người. Wiley nói, “Gắn liền với sự đánh mất hình ảnh của Đức Chúa Trời là sự tích cực làm điều ác”. Sau đó ông trích dẫn phần mô tả của Watson về tình trạng này hoặc điều kiện này như là “sự đánh mất đời sống thuộc linh, tiếp đó là sự xa cách với Đức Chúa Trời, sự bất lực về đạo đức, sự chế ngự của những tham vọng bất thường, và sự cai trị của sự thèm khát, thù ghét, ức chế và thù nghịch với Đức Chúa Trời”⁵⁴.

Mặc dù ân điển cho trước hoạt động hướng về trẻ con sơ sinh, nhưng hành động đó trong đứa trẻ chưa phải là sự tái sinh hay nên thánh, vì thế sự lệch tâm vẫn còn cho dù ở những hình thức chớm nở và tiềm tàng.

C. SỰ BẤT LỰC VÀ CÔNG CỤ TỰ DO

Khi nói đến bản chất sa ngã như là một tình trạng của sự “bất lực đạo đức”, thì Watson chạm vào dây thần kinh của sự nghịch lý hiển nhiên. Làm thế nào để chúng ta giải hoà “sự bất

⁵⁴ *Christian Theology*, 2:124

lực đạo đức” với yêu cầu của công cụ tự do? Công cụ tự do ngụ ý rằng con người được ban cho món quà là công cụ tự do tự động, tự do lựa chọn giữa những vấn đề đạo đức, không bị bắt buộc từ bên ngoài. Tội lỗi không cướp đoạt hoặc thay đổi sự kiện của công cụ tự do nhưng đã làm suy yếu sức mạnh đạo đức của con người trong việc sử dụng sự tự do của mình mà làm điều phải lẽ. Khuynh hướng của con người giờ đây bị thẩm nhiễm điều ác nhiều đến nỗi con người chỉ sử dụng sự tự do để làm điều sai trật. Thậm chí khi ân điển cho trước quấy động để làm điều phải lẽ, thì con người vẫn không đủ sức lực để duy trì quyết định của mình – “làm thế nào để thực hiện điều tốt mà tôi không tìm thấy trong tôi” (Rô-ma 7:18, KJV). Nhưng điều này phát xuất từ bản chất đạo đức bị suy đồi, chứ không phải từ sự giảm bớt hay phá hủy công cụ tự do.

D. VẤN ĐỀ LỖI LẦM

Arminius có khuynh hướng phủ nhận việc gán ghép ý tưởng lỗi lầm vào tội lỗi nguyên thủy. Lập trường như thế không hẳn của trường phái Wesley. Vấn đề được nêu lên trong việc tìm cách giải thích về sự trừng phạt *mọi người* phải chết như là sự hình phạt của tội lỗi (kể cả khả năng của trẻ sơ sinh bị chết) nếu tất cả *mọi người* đều dính líu vào tội lỗi. Như chúng ta đã nói Wesley giải thích là mọi người đều ở trong sợi dây ràng buộc pháp lý của A-đam, như là người đại diện, với dòng dõi mà ông đại diện, giống như một hành động của người chủ gia đình hoặc vị tổng thống của một quốc gia có thể mang toàn bộ tập thể của mình vào chỗ không thể tránh khỏi được. Khi người chồng bào chữa cho việc ông ta lún sâu vào nợ nần, ông nói, “Đây là việc của anh, không phải của em”, thì người vợ yên lặng hỏi, “Nếu anh chết đi, em có chịu trách nhiệm pháp lý về khối nợ này không?” Ông ta lấy tay mình đập vào đầu và nói, “Có chứ”. Chắc chắn có một sự liên kết pháp lý

trong những mối quan hệ con người mà phải đưa vào sự chịu trách nhiệm.

Vậy chắc chắn có trách nhiệm pháp lý có liên quan đến sự đau khổ và những hậu quả của tội lỗi. Tuy nhiên, người ta thường thắc mắc là không biết chữ “lỗi lầm” có phải là chữ đúng cho điều này không. Theo định nghĩa chữ này chỉ về trách nhiệm cho một hành động gian ác. Ở toà án, chữ “plead guilty” (nhận là có tội), có nghĩa là “Tôi đã làm điều đó”. Nhưng chúng ta có thể nhường chỗ cho Wesley và những người khác sử dụng chữ này thích hợp theo ý nghĩa họ muốn nói. Họ muốn nói đến *trách nhiệm pháp lý* [liability], không hoàn toàn là sự trừng phạt, nhưng là (a) chịu khổ về những gì thuộc về tội lỗi của người khác, và (b) chịu khổ về sự khước từ vì tình trạng này⁵⁵.

Wiley nói, “Không thể tách rời ra những hậu quả của hai ý tưởng của sự trách nhiệm về hành động và trách nhiệm về pháp lý”⁵⁶. Vì vậy, rõ ràng là trẻ sơ sinh cũng cần một Cứu Chúa cả về sự công bình và sự nên thánh. Thuyết của Wesley – Arminius không nói rằng trẻ sơ sinh chết thì được cứu vì chúng vô tội, nhưng vì chúng được bao phủ bằng huyết của Đấng Christ qua ân điển cho trước, đây là điều hoàn toàn khác nhau.

E. SỰ BẠI HOẠI VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ PHI LUÂN LÝ

Là một tình trạng đạo đức cốt lõi của tội lỗi nguyên thủy là khuynh hướng kế thừa trong sự tôn bản ngã làm thần tượng, tự bày tỏ mình trong sự vô tín, kiêu ngạo và phản loạn. Nhưng

⁵⁵ Giống như chúng ta không chấp nhận một chỗ bị sứt mẻ vì không thể vừa vận với vị trí đúng của nó.

⁵⁶ *Christian Theology*, 2:126.

vì sự Sa ngã ảnh hưởng đến toàn bộ, nên toàn thể bản chất của con người bị ảnh hưởng lệch lạc. Thân thể “bị rơi xuống” và trở thành con mồi cho những kết quả của tội lỗi của tâm linh. Tâm trí bị mây che mờ, ý chí bị yếu đi, những sở thích bị rối loạn và không quân bình.

1. Định Nghĩa – Hạn Chế Hay Mở Rộng

Một số học giả thánh khiết đã phân biệt giữa tội lỗi nguyên thủy và những dấu sẹo bên ngoài và những hậu quả có thể nói là trung tính về đạo đức. Richard E. Howard nói, “Tội lỗi nguyên thủy là sự bại hoại của con người bề trong - tấm lòng con người”. Con người bề ngoài bị suy đồi – “những khát vọng, tham dục, thèm muốn, và thiên hướng bất thường không thuộc về bản thân tội lỗi nguyên thủy nhưng là kết quả của tội lỗi nguyên thủy”⁵⁷. Ưu điểm của lập trường này là nó phân biệt rõ ràng giữa tội và sự yếu đuối, và không nhầm lẫn giữa tội lỗi với giải pháp sự nên thánh trọn vẹn, với những yếu đuối còn lại dành cho sự sửa trị để lớn lên trong ân điển.

Mặt khác, William Burt Pope định nghĩa tội lỗi nguyên thủy cách rộng rãi, như là sự bại hoại của cá nhân có thể trừ tiệt được, và như là điều kiện chung gây tai họa cho dù được nên thánh⁵⁸. Theo quan điểm này dường như Wiley đồng ý. Ông nói, “Chúng ta đã thấy rằng ‘xác thịt’ theo từ ngữ của Phao lô, bao gồm cả bản chất thuộc linh và thể chất đều ở dưới sự cai trị của tội lỗi. Sự bại hoại lan rộng ra thân thể cũng như linh hồn”⁵⁹. Nhưng ông ngụ ý về một sự phân biệt đạo đức giữa hai hình thức của “sự sa ngã”:

⁵⁷ *Newness of Life* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1975), 42. xem thêm Grider, *Entire Sanctification*, 110-13.

⁵⁸ Xem *Exploring Christian Holiness*, 2:255-67

⁵⁹ *Christian Theology*, 2:140

Tính bại hoại của bản chất thuộc linh này có thể được loại trừ bằng phép báp têm bằng Thánh Linh, nhưng những yếu đuối của xác thịt sẽ được loại trừ trong sự phục sinh và vinh hiển của thân thể. Theo cách chung con người khó phân biệt giữa linh hồn và thân thể, nhưng lần mức phân ranh giới, điểm chính xác giữa thuộc linh và thuộc thể thì không thể nào xác định được. Nếu chúng ta có thể biết được ranh giới phân biệt này ở đâu, thì chắc hẳn chúng ta dễ dàng phân biệt được những biểu hiện của xác thịt mà nó chiếm vị trí cai trị trong linh hồn, và những yếu đuối của thân thể vốn gắn bó với thành phần vật lý vẫn còn ở dưới sự cai trị của tội lỗi... Vì sự căng thẳng tinh thần thường làm yếu sự cấu tạo vật lý, và sự yếu đuối vật lý đến lượt che mờ tâm trí và tâm linh của con người, nên lúc nào cũng cần một tinh thần khoan dung đối với mọi người⁶⁰.

Theo những từ ngữ thực tế, điều này gợi ý rằng một người được hoàn toàn nên thánh, được tẩy sạch khỏi mọi bại hoại đạo đức của tâm linh, có thể bị đau buồn vì những sự thèm muốn và những khuynh hướng bất thường, do bị tiêm nhiễm hoặc kế thừa mà người ấy có thể không biết⁶¹.

Vì vậy, nếu từ ngữ *tội lỗi nguyên thủy* được khai triển rộng bao gồm sự bất bình thường hoặc dưới mức bình thường [ab- or sub-normalities] thì chúng ta phải phân biệt giữa cốt lõi thuộc linh bên trong mà nó có thể trừ diệt được và “những lớp bên ngoài” không thể tiêu diệt được nhưng chỉ được phó cho sự kỷ luật thuộc linh của sự lớn lên trong ân điển. Trái lại nếu mở rộng từ ngữ *tội lỗi nguyên thủy*, thì dường như nó thích hợp hơn việc phân biệt nó với những vết sẹo phi luân lý [amoral] của tội lỗi. Nhưng điều này phải hết sức cẩn thận khi thực hiện, để

⁶⁰ Sách đã dẫn.

⁶¹ Chẳng hạn, có những người được thánh hoá nào lại có thói quen ăn uống quá độ là người chưa ý thức rõ ràng về vấn đề *quản lý* và vấn đề luân lý không?

tránh khỏi việc cho rằng quan điểm của Wesley dung thứ cho tính xác thật – thậm chí sự xác nhận nguy hiểm về “sự tự do” [freedom] tiếp giáp gần gũi với thuyết tự do [libertarianism]. Vì những gì có thể tự bản thân là đúng lại được gọi là phi luân lý vì nó có tiềm năng làm nổ. Kỷ luật khắc khe sẽ là chất thử a-xít của bất kỳ sự nên thánh chân thật nào.

2. Dâm Dục – Thực Chất Hay Phó Phẩm?

Một nhánh của Hội Thánh Cơ Đốc theo truyền thống đã kết hợp tội lỗi nguyên thủy rất gần với thân thể, và từ đó họ bị xúc phạm bởi tư tưởng “loại trừ” được thảo luận ở Tập 2. Chúng ta có thể truy nguyên sự nhấn mạnh này đến thời Augustine, là người trước tiên nhìn thấy tội lỗi là sự kiêu ngạo, rồi ông mở rộng ý niệm của mình về tội lỗi bao gồm – thậm chí nhấn mạnh đến sự dâm dục [concupiscence], theo đó ông muốn nói đến sự bất thường động cơ tình dục. Ông nhìn thấy điều này như là dấu hiệu phổ quát của dòng dõi tội lỗi, chứa đựng trong đó những hạt giống của mọi thói xấu khác⁶². Hầu như ông tập trung chú ý vào điểm này, vì đó là trọng tâm của sự chiến đấu của ông. Về phía ông, quan điểm theo Kinh Thánh và sự lành mạnh về cả tính dục và hôn nhân có thể khôi phục sự quân bình và cứu ông khỏi sự quá độ.

Có thể nói chắc chắn rằng tính dục trở nên tội lỗi (a) khi nó trở thành trọng tâm của đời sống của một người; (b) khi nó không được kiểm soát và quá độ (ngay cả trong hôn nhân); (c) khi nó được nuông chiều trái với mệnh lệnh và những sự hạn chế của Kinh Thánh. Chắc chắn không điều nào trong những điều này tiêu biểu cho sự yếu đuối của loài người sa ngã mà nó quá lan tràn và mạnh mẽ đến nỗi cần sự can thiệp của thiên thượng như sự đoán xét và quả trách hơn bất kỳ hình thức khác

⁶² Xin xem *Exploring Christian Holiness*, 2:93-95, 207-8

của tội lỗi. Hơn nữa, chúng ta không phủ nhận là Sáng thế ký tường thuật sự liên hệ giữa tính dục quá độ và sự Sa Ngã:

A-đam và vợ đều trần truồng, nhưng không hổ thẹn (Sáng thế ký 2:25)

Mất hai người mở ra, biết mình trần truồng, liền kết lá vả che thân (3:7)

Giê-hô-va Đức Chúa Trời lấy da thú kết thành áo dài cho vợ chồng A-đam, và mặc lấy cho (3:21)

Vì thế, rõ ràng mặc dù trong một đoạn văn chúng ta có thể khẳng định rằng tự bản thân tính dục không phải là tội lỗi, nhưng là sự thánh khiết, vì nó được Đức Chúa Trời tạo dựng như là món quà tình yêu cho chồng và vợ và như là phương tiện để sinh sản, nhưng hầu như trong cùng một đoạn văn chúng ta phải dè dặt. Từ khi Sa Ngã tính dục không bao giờ thực sự được tự do. Trong thân thể con người và trong tâm lý con người có một khuynh hướng kích thích và ham thích tính dục và đến nỗi đi quá những gì cho phép nếu sự Sa Ngã không xảy ra. Kết quả là cả Đức Chúa Trời và con người đã hạn chế sự thúc đẩy của tính dục bằng nhiều cách, liên quan đến quần áo, đoan trang trước đám đông, hôn nhân và li dị, những luật lệ liên quan máu mủ và loạn luân, và v.v...như là một điều cần thiết để bảo vệ xã hội và ngăn ngừa sự trác táng.

Hoàn cảnh này liên quan đến tội lỗi của con người, chắc chắn không ai phủ nhận điều này. Vấn đề được nêu lên ấy là có phải sự yếu đuối này (dĩ nhiên nhiều người nghĩ rằng nó nhiều hơn những điều khác) là thực chất của tội lỗi nguyên thủy hoặc là phó phẩm của sự Sa Ngã? Nếu nó là thực chất, thì việc được giải cứu hoàn toàn phải chờ đến khi thân thể được giải thoát, vì thậm chí những người công bố mình có kinh nghiệm nên thánh trọn vẹn cũng thấy mình thỉnh thoảng bị những sự cám dỗ về tính dục bao vây. Phong trào thánh khiết học biết rất sớm rằng (về sau vài bi kịch về luân lý xảy ra do

sự giả định này) sự nên thánh không giảm đi tính dục hoặc của người nam hay người nữ. Và trong ánh sáng của điều này thật dễ hiểu về khuynh hướng của những người không theo Wesley nhận diện nguyên tắc tội lỗi gắn gũi với sự thèm muốn thể xác.

Toàn bộ phần kỹ thuật của Kinh Thánh có khuynh hướng hỗ trợ, không phải cho thuyết của Augustine, nhưng cho thuyết của Wesley, vốn nhìn tội lỗi không phải là vấn đề của thân thể nhưng là sự bại hoại của linh hồn, với thân thể là dịp tiện cho sự cám dỗ và công cụ có tiềm năng phạm tội. Khi Phao lô nói, “Thà cười gả còn hơn để lửa tình un đốt” (1 Cô-rin-tô 7:9), và khi ông khuyên những cặp vợ chồng hãy hoà giải “kéo quỷ Satan thừa khi anh em không thìn mình mà cám dỗ chẳng” (c. 5), nghĩa là, họ phải cảnh giác nếu không sẽ rơi vào sự cám dỗ quá độ – ông không ngụ ý rằng tính dục của họ gắn liền với sự phạm tội. Và dù người Cô-rin-tô được thánh khiết trọn vẹn (trong sạch về đạo đức) bằng việc họ được tẩy sạch “khỏi mọi sự ô uế của xác thịt và tâm linh” (2 Cô-rin-tô 7:1), thì người độc thân không được kể là thánh khiết hơn người có gia đình⁶³, hoặc kinh nghiệm tôn giáo hứa hẹn sẽ làm cho họ được miễn dịch với nguy cơ sa ngã.

Vì vậy kết luận khôn ngoan là nhìn thấy rằng một trong những vết sẹo đồng sinh tồn với tội lỗi nguyên thủy là một cơ quan thèm muốn, nó sở hữu trong mình những tính bất thường đến một mức độ có thể gây tai họa cho trẻ con, thanh niên và người lớn. Những điều này có thể được ân điển kiểm soát nhưng ân điển không tẩy sạch nó được. Vì vậy, chúng ta phải cẩn thận định nghĩa tính xác thịt như Kinh Thánh dạy, như là

⁶³ 1 Cô-rin-tô 7: 32-36 không được giải thích theo mạch văn, nhưng phải giải thích trong ánh sáng của 9:5; Ê-phê-sô 5:22-33; Cô-lô-se 3:8-21; 1 Ti-mô-thê 4:3; 5:14; Hê-bơ-rơ 13:4, v.v...

tình trạng thuộc linh hơn là bản chất thêm muốn. Những Cơ đốc nhân thuộc linh người không “xác thật” vẫn có thể bị cám dỗ bên trong nội dung của tính nhân loại của họ.

F. VẤN ĐỀ DI TRUYỀN HỌC

Mặc dù thực tế và những lý thuyết đại diện cho thấy sự truyền thụ [transmission] tội lỗi có liên quan đến nạn đề *lỗi lầm*, nhưng thuyết di truyền [genetic theory] lại gắn với sự bại hoại từ khi sinh ra. Theo nhận thức bình thường người ta tin rằng có sự truyền thụ tội lỗi, còn những người theo Pelagius lại tin nơi ý niệm của bản chất sinh sản. Nhưng, có thể nói, một người có thể là nhà di truyền học lưu tâm đến bản thân khuynh hướng tội lỗi và đồng thời họ chủ trương giống như những người theo thuyết thực tế lưu tâm đến lỗi lầm, hoặc *không lưu tâm đến điều gì cả*.

Những bản tín điều chính áp dụng thuyết di truyền học. Bản Xưng Nhận Đức Tin của Wesminster nói về “bản chất bại hoại” được lưu truyền sang hậu tự của A-đam do “sự sinh đẻ tự nhiên”. Wiley nói, “Vì vậy, những người theo Arminius cũng nói nhiều về luật di truyền này trong sự giải thích về sự bại hoại bẩm sinh”⁶⁴. Ông còn giải thích thêm, “Vậy, sự bại hoại di truyền là qui luật của sự di truyền, nhưng luật đó hoạt động dưới những hậu quả hình phạt của tội lỗi A-đam”⁶⁵. Chữ thường dùng của bản tín điều ngụ ý về di truyền trong cụm từ “sự bại hoại của bản chất của mọi hậu tự của A-đam”.

1. Những Biến Thể Của Thuyết Di Truyền

Thuyết di truyền tự nhiên ngụ ý về việc linh hồn (kể cả tâm thần) được sinh ra một lượt với thân thể. Những biến thể khác của thuyết này là:

⁶⁴ *Christian Theology*, 2:118

⁶⁵ *Sách đã dẫn*, trang 125.

a) Thuyết tiền hiện hữu [preexistence]. Origen chủ trương quan điểm này và gần đây có Julius Muller, giả định rằng thân thể chỉ là một cơ quan sinh học và được sinh ra, và ngay khi sinh nó được kết hợp với một linh tiền hiện hữu thành nhục thể, để tạo thành con người. Như vậy, tính tội lỗi của linh này được giải thích do sự sa ngã trước khi thành nhục thể hoặc giải thích là vì nó kết hợp với một thân thể tội lỗi. Đây là quan điểm của những người Ngộ giáo [Gnostic].

b) Thuyết tạo dựng [Creationism]. Quan điểm này tương đương như thuyết trên nhấn mạnh về sự hạn chế của sự sinh đẻ vào sinh vật học. Nhưng họ còn giả định rằng Đức Chúa Trời cho thành nhục thể vào cái bào thai một linh được tạo dựng đặc biệt cho thân thể đặc biệt này. Trong trường hợp này bất kỳ tội lỗi thừa kế nào sẽ hoàn toàn thuộc về vật lý và địa điểm của tội lỗi phải là thân thể; *trừ phi* chúng ta giả định rằng Đức Chúa Trời trong sự hình phạt tội lỗi của A-đam phải tạo ra mỗi linh một khuynh hướng tội lỗi. Quan điểm này không đưa ra trách nhiệm đạo đức của một Đức Chúa Trời thánh khiết khi tạo dựng một linh con người tội lỗi. Nếu khía cạnh kia của song đề được chấp nhận - tội lỗi ở trong thân thể - thì một lần nữa chúng ta lại có cơ sở của một thuyết Ngộ giáo phục hưng [a revived Gnosticism].

c) Thuyết Hiện Tượng Phụ [Epiphenomenalism]. Đây là quan điểm của tâm lý học tự nhiên, họ phủ nhận linh hồn, ngoại trừ ý thức về bản ngã [self-consciousness] phát sinh từ cơ quan sinh học và hoàn toàn lệ thuộc vào nó. Nhưng trong trường hợp này con người chỉ là loài vật, và chết là chấm dứt sự hiện hữu. Nhưng nếu linh hồn là một ảo giác, thì “nan đề” tội lỗi cũng là ảo giác⁶⁶.

⁶⁶ Muốn biết sự phân tích hiện thời về khoa học của chức năng của não trong mối quan hệ với bản ngã, xin xem cuốn Brains, Machines, and

2. Không Phản Khoa Học [Not Unscientific]

Giả định rằng thuyết di truyền ngụ ý về một tội lỗi tồn tại trong ý nghĩa của một đồng khối hoặc vật thể có thể đo lường được thì không cần phải suy luận nữa. Kiến thức hiện đại về nhiễm sắc thể, gen và DNA lại xác nhận, chứ không phải phủ nhận, mối quan hệ trực tiếp của mỗi người với A-đam. Vì vô số những đặc tính và những sự sắp xếp của nhiễm sắc thể chỉ dành riêng cho loài người, ngụ ý về sự liên tục lùi về một cặp vợ chồng đầu tiên. Hơn nữa, trong mỗi cái trứng được thụ tinh đã có kế hoạch hoàn hảo về con người mà nó sẽ hình thành. Kế hoạch này bao gồm không những các nét có thể đo lường được, như màu của tóc, mắt, mà còn những điều không thể đo lường được như khả năng và khuynh hướng của bản chất tâm lý. “Luật của sự giống nhau sinh ra sự giống nhau không chỉ về những nét của sinh học của sự hiện hữu của con người, nhưng còn bao gồm những phẩm chất về tâm lý”⁶⁷. Nếu chùn những đặc điểm trí tuệ dần dần phát triển trong đứa trẻ còn trong tế bào, thì sự hiện diện của thực thể mẫu nhiệm đó, linh hồn, trở thành một giả thuyết hợp lý.

Vì thế từ một cái trứng thụ tinh sẽ phát triển những tính tình và những khả năng của một bản chất thuộc linh, bao gồm

Persons, do Donald M. Mackay, giáo sư nghiên cứu về Truyền thông và khoa học thần kinh của Đại học Keele (London: William Collins and Co., 1980 và Grand Rapids: William B. Eerdmans Publishing Co. 1980). Mackay nói, “Mặc dù đối với mọi kinh nghiệm có ý thức hoặc quyết định, thì vẫn có sự liên quan trong hoạt động vật lý của bộ óc chúng ta”. Ông còn nói tiếp, “Theo một số những người theo thuyết vật chất, “Hãy chú ý rằng chúng ta không hiện diện ở đây, thì kinh nghiệm ý thức của tôi giống như một “hiện tượng phụ” của những hoạt động của trí óc tôi, dường như bộ óc vật lý của tôi là một thực thể cứng nhắc và kinh nghiệm của tôi chỉ là điều phụ thuộc tưởng tượng hoặc ma quái” (82-83). Xem trang 190-91).

⁶⁷ *Exploring Our Christian Faith*, 239.

tình cảm, lương tâm và đưa ra quyết định. Kế hoạch không phải là sự định mệnh trong khía cạnh thuộc linh hoặc những mức độ của sự hiện hữu, vì mặc dù nhiễm sắc thể không tránh được sự quyết định cho vài đặc điểm, nhưng chúng không quyết định việc con người lớn lên sẽ sử dụng những đặc điểm ấy như thế nào. Nhiễm sắc thể có thể bao gồm một thiên hướng về âm nhạc nhưng sẽ không quyết định cho cá nhân đó về sau sẽ thành nhạc sĩ. Về tiềm năng cho sự tự do là phần của cơ cấu nguyên thủy. Chức năng thừa kế, đến đúng thời điểm sẽ trở thành quyết định, có thể phát triển thành lòng vị tha hoặc có thể rơi vào ích kỷ và độc ác.

Giáo lý về tội lỗi nguyên thủy nói cách đơn giản là từ khi Sa Ngã, bản kế hoạch đã có trong mình sự khiếm khuyết tạo thành một hậu quả phủ định trong cơ chế tâm lý, tạo thành một khuynh hướng *bất thường* cho sự phát triển tâm lý chung quanh bản ngã. Khoa di truyền học nhìn nhận rõ ràng khả năng của sự biến đổi tạo thành những đặc điểm lưu truyền xuống các thế hệ sau. Vì thế, không có lý luận nào hợp lý để giải thích vì sao sự kế thừa của sự tổn hại về tâm lý đầu tiên dẫn đến những khuynh hướng không mong đợi.

G. TỘI CỦA TRẺ SƠ SINH (A Subethical Sin)

Loại thiếu sót thuộc linh xa lạ này trong bản chất, nhưng lưu truyền bằng ý niệm vật lý qua phương tiện sinh học có thể được gọi là “tội” trong ý nghĩa rất cẩn thận. Đó là sự tương ứng với sự thánh khiết nguyên thủy, vốn là một khuynh hướng tự động đã lưu truyền cho hậu tự của A-đam và Ê-va. Trong mỗi đứa trẻ sơ sinh đều có tình trạng này, vì thế có thể gọi đây là tội bẩm sinh của trẻ sơ sinh. Đây là trường hợp hoặc là thánh khiết nguyên thủy hoặc là tội bẩm sinh, không phải là sản phẩm của ý thức hay những tiến trình đạo đức của ý chí⁶⁸. Tình

⁶⁸ Xem trang 37-39.

trạng của trẻ sơ sinh – không nói đến cái còn phôi thai hay còn nằm trong bào thai – khó có thể gọi là ô uế về đạo đức vì nó sẽ xâm phạm đến ý nghĩa đạo đức của chúng ta.

Nhưng Hội Thánh đã không đồng ý với thuyết bán Pelagius [semi-Pelagianism], vốn công nhận tính bại hoại của bản chất theo ý nghĩa là yếu đuối, nhưng phủ nhận đó là tội. Wiley hỏi, “Nếu sự bại hoại kế thừa không phải là bản chất của tội lỗi, thì làm sao chúng ta có thể hiểu được câu nói Kìa Chiên Con Đức Chúa Trời là Đáng cất tội lỗi thế gian đi?... Làm yếu đi quan điểm của chúng ta về tội cũng làm yếu quan điểm của chúng ta về sự thánh khiết”⁶⁹.

Vậy, có thể gọi tình trạng “ngoại lai” [inorganic] kế thừa (Curtis) là gì? Karl Rahner nói rằng “nó có ý nghĩa tương tự như đặc tính của tội lỗi” vì tại trung tâm điểm, nó “là tình trạng không nên có”⁷⁰. Hơn nữa ông nhắc nhở chúng ta rằng vì trẻ con vào thế gian này không có sự thánh khiết mà Đức Chúa Trời đã dành cho loài người, vì thế tình trạng của nó là không thánh khiết. Nhưng nói *không thánh khiết*, theo một ý nghĩa nào đó, là *tội lỗi*.

Về vấn đề này chúng ta có thể nói thêm: Tình trạng này (a) là một sự lầm lạc nếu cho phép nó phát triển tự nhiên thì sẽ đối kháng lại Đức Chúa Trời, và vì thế (b) tạo ra một tiềm thức có khuynh hướng mạnh mẽ với việc quyết định sai lầm khi đứa trẻ bắt đầu đối diện với sự lựa chọn đạo đức. Do đó tội bẩm sinh là “loại nguyên tắc tối chừng mức mà nó khuynh hướng hay những sự bày tỏ có thực chất sai lầm. Nhưng vì nó hoàn toàn không có tính đạo đức nên chúng ta có thể nói nó là nửa đạo đức [semi-ethical or sub-ethical], theo quan điểm này, có

⁶⁹ *Christian Theology*, 2:121

⁷⁰ *Encyclopedia of Theology* (New York: Seabury Press, 1975) 1152.

thể gọi đó là “tính tội lỗi” [sinfulness] chính xác hơn là chữ “tội lỗi” [sin]⁷¹.

H. VẤN ĐỀ TỒN TẠI TRÁI VỚI VẤN ĐỀ QUAN HỆ

Quan điểm về mối quan hệ [a relational approach] nhìn tội lỗi như là sự xâm phạm những mối quan hệ và tính tội lỗi như là sự xa cách. Nó nhấn mạnh khía cạnh ý chí của tội lỗi. Quan điểm về sự tồn tại [a substantive approach] nhìn tội lỗi không những trong mối quan hệ và những khía cạnh của ý chí, nhưng còn khẳng định rằng đằng sau những điều này có khuynh hướng bản ý chí [subvolitional] của bản chất. Quan điểm này nhìn tội lỗi như là một hành động cố ý nhưng cũng nhìn thấy một tình trạng hay một điều kiện trong con người tạo thành một khuynh hướng bất thường đối với những hành động tội lỗi đó, như đã mô tả sống động trong Rô-ma đoạn 7.

Cho hai quan điểm về mối quan hệ và về sự tồn tại đối lập nhau chỉ là điều ngu dại, vô ích và thậm chí tà giáo. Nó là tà giáo vì phủ nhận khuynh hướng tội lỗi bẩm sinh, không phải sản phẩm của sự lựa chọn nhưng là sản phẩm của sự Sa Ngã, là thuyết của Pelagius, đơn giản, và cần được dán nhãn hiệu như thế. Hơn nữa, chắc chắn điều này không phải là quan điểm của Wesley. Quan điểm của Wesley – Arminius luôn luôn khẳng định rằng trong bản chất sa ngã của con người có tính tội lỗi cần phải được tẩy sạch. Không được loại bỏ hoặc thoả hiệp đá góc nhà của quan điểm của Wesley⁷².

⁷¹ Merne A. Harris and Richard S. Taylor, “The Dual Nature of Sin”, *The Word and the Doctrine* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1965) 112.

⁷² Lời nói cổ điển của Wesley về giáo lý tội lỗi nguyên thủy cho thấy rõ ràng sự liên hệ bên trong giữa những khía cạnh mối quan hệ và “sự tồn tại”: “Con người được tạo dựng để nhìn trực tiếp vào Đức Chúa Trời là mục đích cuối cùng của mình; nhưng, khi rơi vào trong tội lỗi, con người

Đối với những người theo thuyết Wesley hữu danh vô thực đã xếp hàng cùng phía hoặc khác phía và nói, “tôi là người theo quan điểm mối quan hệ, nhưng ông ấy là người theo quan điểm về sự tồn tại” lại có vẻ giả tạo hơn những người ngụ biện thần học. Những khía cạnh mối quan hệ và sự tồn tại của tội lỗi đều bổ sung cho nhau chứ không đối lập nhau. Những mối quan hệ có thể được đúng đắn nhờ sự ăn năn, tha thứ và chấp nhận; nhưng những mối quan hệ đúng đắn có thể được duy trì bằng vài mức độ của sự hạnh phúc hoà hợp nếu con người có liên hệ được chữa lành nội tâm⁷³. Nếu người ấy không được tẩy sạch khỏi sự ích kỷ và bướng bỉnh của mình, thì những mối quan hệ gây đổ sẽ có khuynh hướng lặp lại⁷⁴.

rơi khỏi Đức Chúa Trời, và quay vào chính mình. Bây giờ, điều này đưa đến kết luận là sự bội đạo hoàn toàn và bại hoại phổ quát trong con người, vì mục đích cuối cùng thay đổi, thì không có sự tốt lành thực sự. Đây là trường hợp của mọi người trong tình trạng tự nhiên của họ: Họ không tìm kiếm Đức Chúa Trời, nhưng tìm kiếm chính mình. Từ đó, dù có nhiều miếng vụn nhỏ của tính đạo đức trong vòng loài người, nhưng vẫn không có ai làm điều lành, dầu một người cũng không. Vì dù có một số người “chạy tốt” nhưng họ vẫn chạy xa con đường chính; họ không bao giờ nhắm trúng đích. Dù họ di chuyển đi đâu, họ cũng không thể thoát ra khỏi vòng tròn bản ngã của họ. Họ tìm kiếm chính mình, họ hoạt động cho chính mình, tính tự nhiên, nền văn minh, và những hoạt động tôn giáo của họ, từ những nguồn gốc nào họ đến, đều chảy vào và gặp nhau tại biển chết này” (*Works*, 9:465).

⁷³ Trong tư tưởng của Chúa Jêsus hiện hữu [being] làm cơ sở cho hành động [acting] và phát xuất từ đó - Ma-thi-ơ 7:16-18; xem thêm 12:33-35.

⁷⁴ Chắc chắn tội lỗi trong bản chất con người không tồn tại trong ý nghĩa triết học của loài độc lập; điều này sẽ là thuyết nhị nguyên siêu hình. Lawrence W. Wood nhắc nhở chúng ta, “Theo tư tưởng Cơ Đốc, điều ác luôn luôn là ký sinh; tự nó không hiện hữu. Chỉ có điều tốt mới hiện hữu” (*Pentecostal Grace* [Wilmore, Ky: Francis Asbury Publishing Co., 1980], 162. Wood đã dành tám trang về ý niệm của thực thể [substance] và cung cấp một cuộc thảo luận uyên bác và hữu ích. Điều khôn ngoan cần ghi nhớ và cũng nhắc nhở cho Harold H. Titus là “thực thể ... không phải là vật chất; nó có thể là vật chất hoặc phi vật chất” (*Living Issues*

I. TỘI LỖI BẨM SINH VÀ Ý MUỐN

Tương tự như vấn đề tồn tại khác với vấn đề quan hệ là vấn đề của sự so sánh được đặt ra về bản chất tội lỗi trái với ý muốn.

Mặc dù người ta thường có thói quen nói về ý muốn như là động cơ chính của cả đặc tính và số phận (chẳng hạn, “Cuộc Chiến của Ý Muốn”, trang 137) cách nói này có thể bị dẫn đi sai lạc. Ngôn ngữ ngụ ý về sự nhân cách hoá ý muốn, dường như chúng ta nói đến loại công cụ hoặc thực thể độc lập. Không có thực thể như thế. Là một sự vật, bản thân ý muốn không là gì cả và không làm được gì cả. Trái lại chúng ta nói về ý muốn của con người - hoàn toàn khác nhau. Đó là toàn bộ con người - liên quan đến tình cảm, cảm giác, động cơ, và giá trị - nghĩa là những điều này tạo ra sự quyết định. Trong mối quan hệ với Đức Chúa Trời con người đầu phục hay chống đối Ngài, hoặc có lẽ do dự. Người ấy không thể nói bằng thuật ngữ chính xác, “Dường như tôi không thể đặt ý muốn mình lên bàn thờ”. Điều người ấy có thể nói là “Tại điểm này, tôi không sẵn lòng dâng ý muốn của tôi hoàn toàn cho Đức Chúa Trời”.

Tại sao sự phân biệt này lại quan trọng? Vì, nếu không biết, sự quá nhấn mạnh về ý muốn lại có khuynh hướng thu nhỏ lại, tình trạng đạo đức của bản ngã, nghĩa là bản chất của bản ngã. Tại sao khó khăn trong việc dâng mình cho Đức Chúa Trời? Không phải có gì sai trật trong điều mẫu nhiệm gọi là “ý muốn” này, nhưng vì có gì sai trật trong bản ngã của người muốn lựa chọn. Người ấy thấy khó trong việc quyết định chọn điều đúng vì bản thân người ấy có tội - khuynh hướng (bản chất) trước khi người ấy có hành động phạm tội. Là con người, người ấy chọn đứng về phía ngược với sự lương lực bên trong,

người ấy đặt bản ngã ở vào vị trí mà Thánh Linh có thể thay đổi vị trí sai trật để sự đầu phục hoàn toàn không còn tranh chiến với bản chất của người ấy. Ý muốn này tạo sự khác nhau giữa sự ràng buộc thiên vị và sự tự do hoàn toàn, giữa đôi chân nặng nề và “chơn của con nai cái” (Thi thiên 18:33) trên các nơi cao của sự thánh khiết.

Chính trong sự biến đổi của bản chất (hoặc sự tẩy sạch của tấm lòng) nghĩa là điều kiện tối cần thiết của giáo lý của Wesley về sự nên thánh trọn vẹn (xem thêm trang 161-63).

TÓM TẮT

Mặc dù bản thân tội lỗi có thể định nghĩa là sự sai lầm phải chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời, thì tội lỗi nguyên thủy có thể được định nghĩa là sự sai trật kế thừa và vì thế trong bản chất hoặc tính khí đạo đức không chịu trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời. Tình trạng này trở thành sự chịu trách nhiệm khi phủ nhận hoặc khước từ cách chữa trị nó. Phương cách chữa trị cho căn bệnh tôn bản ngã lên ngai chỉ được tìm thấy trong Đấng Christ. Mặc dù sự sai trật phải chịu trách nhiệm này cần được tha thứ, nhưng tình trạng hoặc điều kiện tội lỗi này phải kêu lên xin sự tẩy sạch. Trọng tâm của sự tẩy sạch nằm trong hành động cứu độ của Đấng Christ trên thập tự giá và trong sự Phục Sinh, và sự áp dụng điều đó là công tác của Thánh Linh. Chúng ta sẽ nghiên cứu kỹ sự cung ứng và sự áp dụng ở Chương kế tiếp.

SỰ CUNG CẤP CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG Đấng CHRIST

Chúa Jêsus Christ là Hi vọng duy nhất của loài người- là phương tiện duy nhất mà con người có thể tránh khỏi đầm lầy của sự bại hoại, bất lực và sự chết của mình. Phi-e-rơ đã xác nhận trước Toà Công Luận xưng công bình riêng, “Chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu” (Công vụ 4:12). Tiền đề này là phần chủ yếu của Cơ đốc giáo.

Vấn nạn vĩ đại, cơ bản, thách thức thế giới và Hội Thánh là: Có phải Jêsus là một Đấng Cứu Thế đầy đủ không? Ngài cứu *trong* tội lỗi [in sin] hay cứu *khỏi* tội lỗi [from sin]? Nếu Ngài cứu *khỏi* tội lỗi, có phải *tất cả* [all] tội lỗi - bây giờ không? Kinh Thánh chép cứu *khỏi* [from] (Ma-thi-ơ 1:21) và công bố khả năng của Đấng Christ là “Ngài có thể cứu toàn vẹn những kẻ nhờ Ngài mà đến gần Đức Chúa Trời” (Ê-phê-sô 7:25).

Nếu chúng ta không công bố cho nhân loại đang mò mẫm biết rằng quyền năng của Đấng Christ có thể chữa lành lòng người, thì Tin Mừng chưa phải là điều tốt. Người ta nói rằng Mahatma Gandhi đã từ chối không tiếp nhận Đấng Christ khi một người bạn người Anh của ông nói rằng Chúa Jêsus không thể cứu con người ra khỏi tội lỗi nhưng Ngài chỉ cứu bằng việc

lấy sự công bình của Ngài qui cho tín hữu. Gandhi muốn được cứu khỏi tội lỗi. Ông thấy không ích gì khi thay đổi một tôn giáo bất lực này sang tôn giáo bất lực khác.

Vậy chúng ta hãy tìm hiểu bản chất của sự cứu chuộc của chúng ta trong Đấng Christ.

I. BIỂU LỘ SỰ THÁNH KHIẾT

A. Đấng CHRIST LÀ TẤM GƯƠNG

1. Thánh khiết có nghĩa gì?

Khi nhìn vào Chúa Jêsus, chúng ta thấy trước mắt mình một mẫu mực của sự thánh khiết Ngài dạy (Tập 1, Chương 3).

a) Đó là sự hiệp nhất với Đức Chúa Cha [oneness with the Father] – một sự hiệp thảo sâu sắc tổng bao hàm. Giữa Chúa Jêsus và những Thành Viên khác của Ba Ngôi Đức Chúa Trời có sự hoàn toàn hài hoà và sự thông công không đổ vỡ. Mặc dù sự Thành Nhục Thể bao gồm cả sự kết hợp siêu hình duy nhất cho Trời - Người, thì tinh thần hiệp nhất được Chúa Jêsus bày tỏ vẫn là tiêu chuẩn cho tất cả. Một động cơ cho lời cầu nguyện của Chúa Jêsus cho sự thánh khiết của những môn đệ Ngài là “để họ cũng được hiệp nhất trong chúng ta” (Giăng 17:21).

b) Sự thánh khiết chúng ta nhìn thấy trong Chúa Jêsus cũng là sự công bình trọn vẹn [complete righteousness] “Trong các người có ai bắt ta thú tội được chăng?” là lời thách thức của Ngài (Giăng 8:46). Điều này không những là sự trọn vẹn bên ngoài nhưng còn là thái độ hoàn toàn ở bên trong - tấm lòng trong sạch để “nhìn thấy Đức Chúa Trời” (Ma-thi-ơ 5:8). Có sự kết hợp chặt chẽ giữa phong cách sống của Ngài với luật pháp của Đức Chúa Trời. Ngài thực hiện điều Ngài phải làm. Điều Ngài cảm thấy, Ngài nói

và hành động đều phù hợp với những gì Ngài cảm nhận là đúng. Không những Ngài có hành động đúng, nhưng động cơ của Ngài cũng đúng nữa. Ngài làm điều đúng cho những lý do đúng.

c) Hơn nữa chúng ta nhìn thấy *sự thánh khiết của Chúa Jêsus là sự bày tỏ tình yêu* [a demonstration of love]. Chỉ khi nào trong tư tưởng chúng ta có thể tách rời điều này khỏi sự hiệp nhất với Đức Chúa Trời hoặc khỏi sự công bình, vì cả hai điều này thuộc về bản chất thật của tình yêu. Đấng Christ yêu Đức Chúa Cha; tình yêu là điều thiết yếu của sự hiệp nhất. Đấng Christ yêu những người bạn của Ngài; tình yêu là điều thiết yếu của sự công bình của Ngài. Vì vậy, điều này khác với luật pháp, khuôn phép bên ngoài của hành động, mà nó là sự tuôn tràn sự quan tâm. Chúa Jêsus thấy đoàn dân đông, thì Ngài “động lòng thương xót, vì họ như chiên không có người chăn: và Ngài bắt đầu dạy dỗ họ nhiều điều” (Mác 6:34)¹.

2. Những Nét Đặc Biệt của Sự Thánh Khiết

Sự thánh khiết Chúa Jêsus bày tỏ là loại thánh khiết thích hợp với loài người là loài thọ tạo. Sự thánh khiết nơi loài người sẽ bao gồm sự đầu phục, khiêm nhường, vâng lời và tôn kính, vì những đặc điểm này thuộc về tình trạng của loài người là loài thọ tạo và thần dân. Trong Đức Chúa Trời, sự thực hành quyền tể trị, kể cả việc rút gươm, đều hoàn toàn phù hợp hoàn toàn với sự thánh khiết của Ngài, vì sự tể trị như thế thuộc về thân vị của Ngài là Đấng Tạo Hoá và Chủ Tể. Việc Đức Chúa Trời muốn ngự trị trên ngai lòng của chúng ta thuộc về sự

¹ Nhưng tình yêu của Ngài không phải là sự yếu đuối, thỏa hiệp cách dung túng; chẳng hạn, Ngài tẩy sạch Đền Thờ và thẳng thắn quở trách người Pha-rĩ-si (Ma-thi-ơ 21:12-13; 23:13-39).

thánh khiết của Ngài, còn việc chúng ta đòi hỏi phải ngồi trên ngai đó thuộc về lỗi lầm của chúng ta².

Vì thế, lời nói của Chúa Jêsus, “Ta có lòng nhu mì, khiêm nhường” (Ma-thi-ơ 11:29) rất có ý nghĩa khi Ngài chỉ về Ngài như là Khuôn Mẫu của chúng ta. Sự thánh khiết là sự Giống Đấng Christ, và sự giống Đấng Christ về tinh thần phải được đánh dấu – cả hai mặt ở trong chúng ta – bằng sự định giá chính mình cách chân thật. Mặc dù không được hạ giá trị mình bằng sự khiêm nhường giả tạo, nhưng chúng ta phải có sự nhận thức sâu xa về sự liên tục lệ thuộc vào Đức Chúa Trời và như vậy bày tỏ sự sẵn sàng học tập và vâng phục.

Khi còn nhỏ Chúa Jêsus đã vâng phục cha mẹ mình vì Ngài biết đây là trật tự thiên thượng. Ngài hạ mình xuống trong việc chịu báp têm công khai để “hoàn thành mọi việc công bình” (Ma-thi-ơ 3:15). Ngài sống cuộc đời cầu nguyện, hoàn toàn lệ thuộc và vâng lời liên tục. “Chính Chúa Cứu Thế cũng không làm thoả lòng mình” (Rô-ma 15:3).

Vực sâu giữa sự thánh khiết mà chúng ta nhìn thấy nơi Chúa Jêsus và tính khí tự nhiên của chúng ta thật quá rõ ràng. Nhưng tiêu chuẩn cũng rõ ràng nữa. Sự thánh khiết của chúng ta không những chấp nhận qui luật của Đức Chúa Trời nhưng còn phải đánh dấu bằng sự điều chỉnh bên trong trọn vẹn đến nỗi chúng ta sung sướng ở trong đó. Nhưng nếu vậy, nguồn gốc của sự thù địch phải được loại trừ. Sự kiêu ngạo phải bị đập tan cho đến khi chúng ta sẵn sàng chấp nhận vị trí thấp hèn và phục vụ Đức Chúa Trời vì sự vinh hiển của Ngài mà thôi (Ma-thi-ơ 6:19-33).

² Xin xem “Some implication in the Holiness of God for the Holiness Preacher”, Richard S. Taylor, *Wesley Theologian Journal*, Spring 1973, 33

3. Hoà hợp sự Thánh khiết với Đời Sống Bình Thường

Chúa Jêsus luôn luôn loại trừ ý niệm cho rằng sự thánh khiết đòi hỏi sự trốn chạy. Trong Ngài chúng ta thấy sự thánh khiết không lệ thuộc vào hoàn cảnh nhưng vào Thánh Linh ở bên trong. Chúa Jêsus là bạn của tội nhân nhưng Ngài không bị họ làm lây nhiễm. Ngài chia sẻ sự rộng lượng với người khá giả cũng như người thấp hèn, và Ngài trộn lẫn với đám đông hằng ngày, nhưng luôn luôn đặc thắng. Nhiều nhân sự Cơ Đốc ra đi với sứ mạng làm thay đổi thế giới nhưng cuối cùng họ bị thế giới thay đổi họ. Nếu là sự giống Đấng Christ thực sự, thì sự thánh khiết là phẩm chất của tâm linh và nguồn gốc thiêng liêng bên trong làm cho người ấy có thể quan hệ nhưng vẫn được biệt riêng – để sống đặc thắng trong cuộc sống thường ngày tại gia đình và nơi làm việc (I Giăng 4:4; xem thêm Rô-ma 8:31-39).

B. THÁNH KHIẾT VÀ BẢN CHẤT CON NGƯỜI

Chúng ta không những thấy Chúa Jêsus là mẫu mực của sự thánh khiết của Cơ đốc nhân, nhưng chúng ta còn thấy sự giống nhau bên trong của nhân tính và sự thánh khiết. Rõ ràng tội lỗi không phải là điều đặc biệt đối với thân thể, vì Chúa Jêsus đã có một thân thể³. Chúa Jêsus đã có bản chất con người, do đó chứng tỏ rằng bản chất của con người không phải là tội lỗi; trái lại, con người không có tội mới thực sự là con người hơn là con người bị ô nhiễm và bị tội lỗi làm méo mó.

Henry Lederer của Đại học Y Dược, Đại học Cincinnati đã nói, “Chúa Jêsus là một con người trưởng

³ Docetism - Chúa Jêsus dường như chỉ có một thân thể vật chất – điều này bị Hội Thánh đầu tiên phản đối, coi đây là tà giáo.

thành trọn vẹn chưa từng có”⁴. Nhưng Ngài là Đấng hoàn toàn không phạm tội. Sự thánh khiết, sự bình thường và sự trưởng thành, mặc dù không đồng nghĩa, nhưng vẫn tương đồng. Tình trạng thánh khiết là tình trạng bình thường và hướng đến sự trưởng thành trong mọi khía cạnh của cá tính. Vì tội lỗi nên mọi đứa trẻ về mặt tâm lý và tất cả tâm lý của lứa tuổi thiếu niên đều là tâm lý không bình thường. Vì vậy rõ ràng là

Sự khao khát của thân thể và tâm trí hướng về sự hiểu biết, tăng trưởng, tình yêu và sự sinh sản tự bản thân không phải là tội... Người ta thường nói, “Sai lầm là do con người”, và thông thường điều này có nghĩa là, “Phạm tội là tính của con người”. Lời nói trên đúng theo nghĩa hạn chế chỉ về con người sa ngã như là lối vẽ biếm họa của bản ngã thật của người đó. Nhưng khi chúng ta nhìn xem Đấng Christ, chúng ta nhận thấy tội lỗi là sự bất bình thường và sự méo mó. Con người thực sự phải là người thánh khiết⁵.

II. THÁNH KHIẾT VÀ THẬP TỰ GIÁ

Mặc dù chúng ta đã học ý nghĩa của sự thánh khiết trong sự dạy dỗ của Chúa Jêsus và từ gương mẫu của Ngài, nhưng tại thập tự giá chúng ta mới tìm thấy quyền năng biến đổi. Chỉ nếu gương mẫu thì chẳng khác gì chiếu ngọn đèn sáng cho người bị đắm nước lụt; người ấy biết chỗ mình đứng, cảnh ngộ

⁴ Bài nói chuyện trong lớp, 1950-51, được Ruth Bassett ghi lại.

⁵ Purkiser, Taylor, và Taylor, *God, Man and Salvation*, 267.

của người được phơi bày, nhưng không nhờ đó mà người ấy được cứu⁶.

A. SỰ NÊN THÁNH TRONG SỰ CHUỘC TỘI

Wesley khẳng định rằng qua một mình công trạng của Đấng Christ “mọi tín hữu đều được cứu: nghĩa là được xưng công bình – được cứu khỏi lỗi lầm; được thánh hóa – được cứu khỏi bản chất của tội lỗi; và được vinh hiển – được đem lên thiên đàng”⁷. Theo quan điểm này ông đã theo đúng Kinh Thánh: Đức Chúa Trời đã làm cho Đấng Christ “là sự khôn ngoan, sự công bình, sự nên thánh và sự cứu chuộc của chúng ta” (I Cô-rin-tô 1:30).

Chính Chúa Jêsus là Đấng công bố Ngài là gạch nối giữa sự chết của Ngài và sự nên thánh của chúng ta: “Con vì họ tự làm nên thánh [qua thập tự giá], hầu cho họ cũng nhờ lễ thật mà được nên thánh vậy [để họ được tách ra khỏi tội lỗi] – là ý nghĩa của lời cầu nguyện của Chúa như thầy tế lễ thượng phẩm cho những môn đồ của Ngài – và cho chúng ta (Giăng 17:17-21).

Có một bản thoả ước *khách quan* giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con trong sự chết của Đấng Christ để thực hiện sự tha thứ và sự giải hoà mà không tạo ra sự thắc mắc nghiêm trọng nào về đạo Tin Lành. Điều thường thường bị bỏ sót ấy là không nhắc đến quyền năng cho sự thánh khiết cá nhân phát

⁶ P. T. Forsyth nói, “Càng giải thích về tính đạo đức của Phúc Âm chừng nào, chúng ta càng tiến càng gần đến sự thánh khiết của Đức Chúa Trời chừng nấy. Và chúng ta càng đi sâu vào vùng đất thánh bao nhiêu thì chúng ta càng thấy mình cần đến (vì từng giây phút của đời sống thuộc linh chúng ta) sự cứu chuộc thực sự và khách quan từ Đức Chúa Trời chí thánh mang đến qua sự thánh khiết hi sinh của Đấng Christ dưới những điều kiện tội lỗi và sự phán xét” (*Preaching and Modern Mind*, 373).

⁷ *Works*, 7:313.

xuất từ Thập tự giá ấy. Theo Leo George Cox, quan điểm của Wesley là, “Tha thứ là “đầu nẩy” của sự chết của Đấng Christ, nhưng “tiêu diệt địa ngục trong con người chúng ta” là “đầu kia”⁸. Và Wesley nhận định rằng một Cơ đốc nhân chân thật cảm thấy không dễ chịu với sự công bình được qui cho nếu người ấy “vẫn còn làm nô lệ cho bản chất bại hoại”. Bất kỳ sự cứu chuộc nào, thậm chí được cứu khỏi sự đe dọa của địa ngục, cũng chỉ mới một phần, trừ phi “Đấng Cứu chuộc ... là Đấng làm báp têm bằng Thánh Linh” – là Nguồn Cội và Đấng Khôi Phục cho nhân loại tình trạng ban đầu mà họ đã đánh mất”⁹.

Có nhiều bằng cớ Kinh Thánh cho thấy Wesley đã nói đúng. Phao lô nói “Người cũ của chúng ta bị đóng đinh với Ngài [để] thân thể của tội lỗi có thể bị tiêu diệt” (Rô-ma 6:6). C.K. Barret nói, “Người cũ là ‘A-đam’ – hoặc chúng ta khi kết hợp với A-đam”¹⁰. Rô-ma 7:14-25 giải thích “thân thể tội lỗi” không phải là thân thể vật lý, nhưng là nguyên tắc tội lỗi bên trong mà Phao lô nói đến như là nan đề cơ bản của con người. Vì thế, lời công bố rõ ràng là không những *tội lỗi [sins]* của chúng ta đã bị đóng đinh với Chúa Jêsus, nhưng *tội [sin]* của chúng ta cũng phải bị đóng đinh nữa. Chúa Jêsus đã chết cho tội của dòng giống loài người [racial sin] để mỗi tâm trí xác thịt cá nhân có thể bị tiêu diệt trong ý thức cá nhân, khi kinh nghiệm của chúng ta trả lời cho tiếng kêu: “Ai sẽ cứu [chúng ta] thoát khỏi thân thể hay chết này?”¹¹

⁸ *John Wesley's Concept of Perfection* (Kansas City: Beacon Hill Press, 1964), 37, trích dẫn trong *Wesley's Works*, 9:459.

⁹ *Works*, 7:512

¹⁰ *The Epistle to the Romans* (New York: Harper and Brothers, Publishers, 1957) 125.

¹¹ Những đoạn văn khác công bố rõ ràng mục đích của sự chết của Đấng Christ là để thánh hóa cũng như để xưng công bình là Rô-ma 8:2-4; Ga-la-ti 2:20; 5:24; 6:14; Ê-phê-sô 5:25; Cô-lô-se 1:22; Tít 2:14; Hê-bơ-rơ

B. NGUYÊN TẮC SỐNG ĐỘNG

Wiley nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta phải xem Sự Chuộc tội “như là phương pháp của Đức Chúa Trời của việc trở thành nội tại trong dòng dõi tội lỗi”¹². Dĩ nhiên, đây là mục tiêu tối hậu của mọi điều khác. Sự cứu chuộc tội lỗi của chúng ta là phương tiện để đạt đến cứu cánh này, nhưng tự nó không phải là cứu cánh. Sự khôi phục Sự Hiện Diện Thiên Thượng nơi con người, trong sự thông công, sự giống như và sự hiệp nhất, đã được thực hiện (a) trong sự Thành Nhục Thể, nhờ đó Đức Chúa Trời có thể trở thành nội tại trong bản chất của con người; (b) trong sự chết của Chúa Jêsus như là của lễ vãn hồi và của lễ chuộc tội, như thế đã cất bỏ những điều ngăn trở về luật pháp và đạo đức; (c) trong sự Phục Sinh, qua đó của lễ hi sinh có giá trị, và Chúa Jêsus trở thành Đấng Tiên Phong đời đời của dòng dõi mới (Hê-bơ-rơ 2:10, BDM); (d) và vì cơ sự Phục Sinh, trong ngày lễ Ngũ Tuần –Thánh Linh của Đức Chúa Trời tái cư ngụ trong loài người. Nhờ sự hiện diện của Thánh Linh con người được đem trở về cùng Đức Chúa Trời từ những bước đi xa khỏi Ngài, và họ trở thành một dòng dõi mới do A-đam Thứ Hai kiến tạo. Đây sẽ là một thao tác “nhanh chóng” giống như sự vinh hiển hầu đến. Bước ngoặt *khách quan* thực sự xảy ra khi Chúa Jêsus phán, “Xong rồi” (Giăng 19:30), và cao điểm *chủ quan* thực sự khi “hết thấy những người đó đều được đầy dẫy Thánh Linh” (Công vụ 2:4). Thánh

2:14; 10:10, 14, 13:12; I Phi-e-rơ 1:2, 2:24; I Giăng 1:7; 3:8. William M. Greathouse nói về câu chốt như sau: Giăng muốn nói rằng Đấng Christ đã đến để tiêu diệt nguyên tắc vô luật pháp [lawlessness – *anomia* – Giăng 3:4] mà đó là công tác chính của ma quỷ trong con người” (trong bài luận văn chưa phát hành với tựa đề “Sanctification and the Christus Victor Motif”)

¹² *Christian Theology*, 2:276

Linh vừa ở cả trong sự nếm trước và bảo đảm cho sự vinh hiển trong tương lai (2 Cô-rin-tô 1:22; 5:5; Ê-phê-sô 1:14).

C. NHỮNG LÝ THUYẾT VỀ SỰ CHUỘC TỘI

Giáo lý Kinh Thánh về sự thánh khiết gắn liền không thể tách rời với giáo lý Kinh Thánh về sự cứu chuộc. Điều này cũng thường bị bỏ qua do những người biện hộ cho sự thánh khiết.

Hai hậu quả của sự sa ngã của A-đam là bị mất sự vinh hiển và bị kết tội về một phương diện, và sự bại hoại và sự chết về phương diện kia. Muốn làm mất hiệu quả hai hậu quả trên thì sự Chuộc tội của A-đam Thứ Hai cũng phải được thực hiện ở hai mặt đó. Giải quyết cho vấn đề thứ nhất thì phải có một sự cứu chuộc cung ứng đầy đủ sự tha thứ và sự khôi phục - nghĩa là sự xưng công bình. Nhưng để giải quyết cho vấn đề thứ hai thì phải có sự tẩy sạch bản chất bại hoại và giải cứu khỏi sự chết, kể cả mọi vết sẹo của tội lỗi - nghĩa là sự nên thánh và sự vinh hiển. Bất kỳ lý thuyết nào về sự chuộc tội cũng thiếu sót trong việc không nhìn thấy điều này như sự *bao hàm* [extensive] cho mọi người và *tập trung sâu* [intensive] cho mọi tội khi nói đến hậu quả của sự Sa Ngã. Tiền đề đầu tiên của Phao lô trong Rô-ma 5:12-19 là A-đam Thứ Hai cung ứng cho sự cứu rỗi không những phù hợp chính xác nhưng còn vượt quá mọi tổn hại của sự sa ngã.

Vì thế lý thuyết nào về sự Chuộc tội dẫn đến một mình sự thánh khiết qui cho mà không nói đến sự chuyển giao sự thánh khiết thì không cân đối và thiếu sót.

Vấn đề trụ cột có liên quan đến *tính khách quan* của sự Chuộc tội. Điều này có nghĩa là mức độ hoặc sự cảm nhận trong đó sự Chuộc tội được nhìn như là bản giao ước giữa Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Quan điểm nhấn mạnh thái quá về tính khách quan nhìn thấy sự cứu rỗi của tín hữu đã hoàn tất

– cách trọn vẹn, dứt điểm và không thể nào bị mất. Đây là quan điểm nhấn mạnh tính khách quan, chẳng hạn, những người theo lý thuyết này sử dụng rộng rãi những cuốn sách nhỏ nói về hai lời công bố rằng Đức Chúa Trời đã tha thứ cho chúng ta [những tín hữu] tất cả tội lỗi của mình, “quá khứ, hiện tại, và tương lai”¹³. Như vậy những tội của tương lai không cần phải đợi đến tương lai mới được tha thứ, nếu chúng ta ăn năn, vì sự ăn năn như thế không có hiệu lực về sự kiện. Tội lỗi đã được tha thứ. Điều này chỉ là sự áp dụng còn thô thiển và nông cạn của quan điểm về sự Chuộc tội vốn nhìn thấy nó như là bản giao ước đã được hoàn tất, không *cung cấp* cho những mục đích cuối cùng nhưng chỉ *hoàn thành* những mục đích ấy.

Quan điểm này phát xuất từ lý thuyết thoả mãn sự hình phạt [penal satisfaction] của sự Chuộc tội (một loại chuyển hoá của thuyết của Anselm qua John Calvin), nhìn sự chết của Đấng Christ như là sự hình phạt chính xác, hoặc đã trả đủ nợ [payment in full] cho tội lỗi của những người được chọn mà thôi, để tất cả tội lỗi của những người được chọn đã được khỏa lấp do sự chết thay thế của Đấng Christ. Quan điểm này bảo đảm sự chiến thắng cuối cùng, vì tội lỗi đã bị hình phạt rồi nên nó không có quyền gì cả.

Theo quan điểm này, sự cứu rỗi cuối cùng hoàn toàn là vấn đề của sự xưng công bình, còn sự thánh khiết là điều được qui cho và không phải là hành động thực sự có tính chủ quan của Thánh Linh. Sự nên thánh chủ quan không phủ nhận điều này, nhưng họ nhìn điều này như là khả năng cầu may, chứ không phải là điều kiện tiên quyết của sự cứu rỗi. Bản thân sự cứu rỗi là vấn đề của ân điển *được công bố* [declarative grace] của Đức Chúa Trời, chứ không phải là ân điển *thực hành* của Đức Chúa Trời [operative grace of God]. Nhưng quan điểm

¹³ Cuốn sách nhỏ do Campus Crusade phát hành.

này đã không hiểu nghiêm túc về 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13, nói rõ rằng sự cứu rỗi độc lập với “công tác nên thánh của Thánh Linh”.

Rõ ràng việc tách rời sự thánh khiết thật với sự cứu rỗi cuối cùng và đặt để *sự bảo đảm* trong sự xưng công bình và sự công bình qui cho đã có trong đó mầm mống của thuyết chống luật pháp ở mặt này và thuyết chống sự thánh khiết ở mặt kia. Dù sự yêu mến Chúa Jêsus có thể tạo ra sự khao khát tránh xa tội lỗi và sống cuộc đời thánh khiết, nhưng khó có thể nói rằng tội lỗi sẽ bày tỏ sự khùng khiếp nào, vì không có sự hình phạt cuối cùng trong đó. Bản chất của con người lúc nào cũng vậy, nuôi dưỡng tính tự phụ và hờ hững đối với tội lỗi thì sẽ nhận lãnh hậu quả đương nhiên của nó.

Mặt khác của đồng bạc là sự chống lại sự thánh khiết. Những người chủ trương sự công bình qui cho làm sự bảo đảm của họ sẽ thù nghịch với sự phủ nhận giá trị và sự đầy đủ của sự qui cho đó. Nền tảng để họ được an ủi sẽ bị tuột mất do giáo lý khẳng định rằng Đấng Christ chịu chết làm cho sự thánh khiết trở nên cần thiết và có thể xảy ra [possible], và sự nên thánh đó sẽ là điều thiết yếu như hai phần nửa của một sự cứu chuộc toàn vẹn (Công vụ 26:18). Adolf Köberle nói về “những mối quan hệ ràng buộc sự xưng công bình và sự nên thánh là những sự liên hệ giữa hai phần chặt chẽ đến nỗi nếu một đầu bị hư hại thì đầu kia cũng bị mất luôn”¹⁴. Nhưng đây là tin xấu cho một số người.

¹⁴ The Quest for Holiness, trans, John C. Mattes (Minneapolis: Augsburg Publishing House, 1938), 253. Về quan điểm của Wesley xin xem *Works*, 8:68, 429. Ở chỗ khác Wesley nói, “Thật thế, một số người đã giả định, khi tôi bắt đầu công bố, ‘Nhờ ân điển chúng ta được cứu qua đức tin’, thì tôi rút lại những gì trước kia tôi xác nhận: ‘Không có sự thánh khiết thì không người nào có thể thấy Đức Chúa Trời’. Nhưng đó là điều hoàn toàn sai lầm. Những câu Kinh Thánh trên đều tương hợp với nhau; ý nghĩa của câu trước rõ ràng như sau – Qua đức tin chúng ta

Quan điểm của Kinh Thánh về sự Chuộc tội là sự chết của Đấng Christ và sự phục sinh làm cho mọi người được cứu rỗi, nhưng hoàn thành sự cứu rỗi thì chưa¹⁵. Nó không phải là “vòng tròn khép kín” của điều gì đó. Đạo đức nội tại đòi hỏi sự thánh khiết thực sự có ý nghĩa kể cả một điều kiện thực sự. Một “sự thánh khiết” là một kết quả khép kín hiển nhiên của loại ân điển không thể chống cự được thì đó không phải là sự thánh khiết chút nào cả. Sự cứu rỗi cuối cùng phải tương hợp với mối quan hệ thánh khiết với Đấng Christ, có liên quan đến sự tin cậy và vâng lời được lựa chọn cách tự nguyện và tiếp tục giữ suốt đời mình.

Giả định rằng điều này chuyển giao sự vinh hiển từ Đức Chúa Trời sang con người hoặc tạo ra một công việc cứu chuộc là điều hoàn toàn sai lầm. Đức Chúa Trời được vinh hiển hơn do sự thánh khiết có thực chứ không phải là sự thánh khiết giả tạo. Và sự vâng lời liên tục khó có thể được gọi là công tác công bình khi nguồn gốc thực sự của nó phát xuất từ sự khởi đầu của Đức Chúa Trời và ân điển cho trước, và khi từng giây phút nó nhìn vào thập tự giá như là mảnh đất xứng đáng của mình.

Nhưng điều này phải là đức tin của tín hữu, sự lựa chọn của tín hữu, sự vâng lời của tín hữu, sự tận hiến của tín hữu và sự chết của tín hữu đối với bản ngã và tội lỗi. Chỉ khi nào con người dự phần tích cực thì giao ước mới có giá trị, giống như hôn nhân đòi hỏi phải có sự tự nguyện của nam và nữ. Thậm chí chú rể chuẩn bị mọi sự và cung ứng mọi sự, nhưng cuộc

được cứu khỏi tội lỗi và được làm nên thánh. Nếu tưởng tượng rằng đức tin thay thế [superside] cho sự thánh khiết, thì đó là phần chính của thuyết Chống lại luật pháp [Antinomianism] (*Works*, 7:317).

¹⁵ Ngoại trừ trẻ sơ sinh và những người không chịu trách nhiệm.

hôn nhân chưa được trọn vẹn nếu không có sự ưng thuận của cô dâu.

Chính vì vài lý do mà vài hình thức của Thuyết Hành Chánh (Governmental Theory) của sự Chuộc tội phù hợp với quan điểm của Kinh Thánh về sự chuộc tội và sự thánh khiết hơn là Thuyết Thoả Mãn sự Hình Phạt¹⁶. Những ghi nhận về *sự làm nguôi cơn giận* [propitiation] và *sự thay thế* [substitution] chân thực là những gì không thể thiếu được. Nhưng thêm vào đó, lý thuyết này nhìn sự chết của Đấng Christ là điều cần thiết không những trong sự thánh khiết của Đức Chúa Trời nhưng còn trong những sự đòi hỏi của cơ chế đạo đức. Nó đòi hỏi phải thoả mãn sự thánh khiết của Đức Chúa Trời và cơ chế đạo đức. Nó bao gồm không phải sự hình phạt đầy đủ và chính xác nhưng là *sự cung ứng thay thế cho sự hình phạt* [a provisional substitute for penalty] – sự chịu đựng thay thế được Đức Chúa Trời chấp nhận có thể cấp miễn phí cho tất cả mọi trường hợp ăn năn và đức tin, chính xác như Lời Đức Chúa Trời phán (Rô-ma 2:4; 3:25-28)¹⁷.

¹⁶ Xem Wiley, *Christian Theology*, 2:241-59, 273-76.

¹⁷ Lý thuyết ảnh hưởng đạo đức [The moral influence theory] rõ ràng bị loại trừ, vì thuyết này xem sự chết của Đấng Christ không phải đặt nền tảng trong sự thánh khiết của Đức Chúa Trời nhưng chỉ đặt nơi sự cứng lòng của con người. Không có sự làm nguôi cơn giận thực sự hoặc sự đền tội, nhưng là sự bày tỏ tình yêu của Đức Chúa Trời để gây ảnh hưởng trên con người hầu cho họ từ bỏ tội lỗi và quay lại yêu mến Đức Chúa Trời.

Gustaf Aulen đã khai triển điều ông gọi là Thuyết Đấng Christ Đấng Đắc Thắng trong sự Chuộc tội [Christus Victor theory of the Atonement]. Thuyết này cung cấp nền tảng cho một giáo lý đúng đắn về sự thánh khiết của Tân Ước, vì thuyết này nhấn mạnh rằng Đấng Christ do sự chết và sự phục sinh của Ngài đã chiến thắng sa-tan, tội lỗi và sự chết, và là Đấng Đắc Thắng Ngài có thể chuyển giao sự đắc thắng của Ngài cho chúng ta. Tuy nhiên, để được trọn vẹn, động cơ của sự đắc thắng này phải thoả mãn những yếu tố của Kinh Thánh về sự thay thế

III. SỰ THÁNH KHIẾT VÀ GIAO ƯỚC MỚI

“Chén này là giao ước mới trong huyết ta”, Chúa Jêsus phán khi Ngài thiết lập Lễ Tiệc Thánh với những môn đồ của Ngài (Lu-ca 22:20, xem thêm I Cô-rin-tô 11:25). Rõ ràng Ngài phán rằng huyết Ngài sẽ là phương tiện để thay thế cho giao ước mới, và như vậy hoàn thành một lời hứa nổi bật trải qua nhiều thế kỷ.

Không điều gì sơ đẳng đối với Cơ đốc giáo bằng điều này, nhưng ý nghĩa thật của nó về vài biểu tượng hoặc sự dạy dỗ trở nên quá thông thường đến nỗi hầu như người ta hoàn toàn đánh mất. Có hàng triệu người tham dự những yếu tố của Tiệc Thánh nhưng hiểu quá ít về giao ước mà những yếu tố này nói lên, hoặc nói cách khác, họ không kinh nghiệm gì về đặc ân và thực tế của giao ước ấy.

A. LUẬT PHÁP CHỦ QUAN HOÁ

Giao ước mới này là chủ đề quan trọng của bức thư gửi cho người Hê-bơ-rơ. Sau khi đặt Đấng Christ ở vị trí cao hơn các thiên sứ và Môi-se, và chức vụ tế lễ của Ngài cao hơn chức vụ của A-rôn, và công bố tính chất nội tại thiết yếu và tính thuộc linh của chức vụ tế lễ của Ngài, thì tác giả viết, “Nhưng thầy tế lễ thượng phẩm chúng ta đã được một chức vụ rất tôn trọng hơn, vì Ngài là Đấng trung bảo của giao ước tốt hơn, mà giao ước ấy lập lên trên lời hứa tốt hơn” (Hê-bơ-rơ 8:6). Những lời hứa thì “tốt hơn” bằng thực chất, chứ không phải bằng sự tin cậy. Sự phát biểu đặc biệt của Cựu Ước về một giao ước được

ủy quyền, sự làm nguôi cơn giận, và sự đền tội theo ý nghĩa của sự chuộc tội, rằng Đức Chúa Trời phải là Đấng xưng công bình cho kẻ công bình (Rô-ma 3:26). Sự chuộc tội đúng theo toà án, liên quan đến thứ nhất là với Đức Chúa Cha và thứ nhì là với sa-tan, phải được áp dụng trước khi chúng ta có thể nói về quyền năng và sự giải cứu.

hứa tốt hơn được sách Hê-bơ-rơ trích dẫn là Giê-rê-mi 31:31-34, cốt lõi của điều này là “Ta sẽ để luật pháp ta trong trí họ và ghi tạc vào lòng; Ta sẽ làm Đức Chúa Trời họ, họ sẽ làm dân ta. Trong vòng họ sẽ chẳng có ai dạy bảo công dân mình và anh em mình, rằng: Hãy nhìn biết Chúa; vì hết thảy trong vòng họ, từ kẻ rất nhỏ cho đến kẻ rất lớn đều sẽ biết ta. Nhân ta sẽ tha sự gian ác của họ, và không nhớ đến tội lỗi họ nữa” (Hê-bơ-rơ 8:10-12)¹⁸.

Mặc dù sự xưng công bình, sự tái sinh và sự tiếp nhận làm con đều có ở đây¹⁹, nhưng điều căn bản mới được bắt đầu trước nhất, “Ta sẽ để luật pháp ta trong trí họ, và ghi tạc [Bản Septuagint nói “khắc”] vào lòng”. Hi vọng và lời hứa về sự thành công nằm ở tại đây. Môi-se đã không thể hoàn tất giao ước, thực thể đầu tiên gồm sự thay đổi bản chất, dựa trên căn bản huyết thú vật, nhưng Đấng Trung bảo Tốt hơn là Chính Đấng Christ, bằng chính huyết của Ngài mới có thể thực hiện giao ước này.

Giao ước Môi-se cũng là giao ước thánh, Luật pháp đạo đức thiết yếu, như đã được tóm tắt trong Mười Điều Răn, cũng giống như hai giao ước²⁰. Cả hai giao ước đều đánh dấu bằng những điều kiện và những lời hứa được nêu lên rõ ràng.

¹⁸ Tác giả sách Hê-bơ-rơ trích dẫn từ Septuagint.

¹⁹ Muốn thảo luận thêm xin xem *Beacon Bible Commentary*, 10:93-100.

²⁰ Theo Bài Giảng Trên Núi, lời công bố của Chúa Jêsus liên quan đến Mười Điều Răn, và vô số những đoạn văn khác chứng tỏ. Cảnh cáo về nguy cơ thiếu hiểu biết về Lời Chúa, “Đấng Christ là cuối cùng của luật pháp” và như vậy rơi vào cạm bẫy của thuyết chống luật pháp, Wesley nói rằng Đấng Christ “đã làm theo mọi điểm của luật đạo đức, và ghép nó vào luật tình yêu” (*Plain Account*, 100).

Chống lại hình thức công bình do việc làm của luật pháp là điều tốt, nhưng người giảng dạy ít khi công bố chống lại sự xưng công bình qua việc làm cho rõ ràng để người nghe hiểu rõ thuyết chống luật pháp.

Tại sao luật pháp làm tại Núi Sinai thất bại? Vì luật pháp được viết trên bảng đá khác với luật pháp được viết trên bảng lòng. Tâm trí của người Y-sơ-ra-ên chấp nhận Mười Điều Răn, nhưng lòng họ trái ngược và chống đối luật pháp. Mười Điều Răn đã đối nghịch với khuynh hướng sâu xa của họ.

Giao ước mới đã thay đổi tận gốc rễ, không phải nơi Mười Điều Răn nhưng nơi tấm lòng con người. Đức Chúa Trời hoạch định qua Đấng Christ kế hoạch chủ quan hoá luật pháp của Ngài, và như vậy hoàn tất lời hứa của Ngài qua Môi-se, “Giê-hô-va Đức Chúa Trời người sẽ cắt sự ô uế khỏi lòng người và khỏi lòng dòng dõi người [sẽ cắt bì lòng các người], để người hết lòng hết ý kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, hầu cho người được sống” (Phục truyền 30:6). Tương tự chúng ta có lời hứa qua sách Ê-xê-chi-ên, “Ta sẽ đặt Thần ta trong các người, và khiến các người noi theo luật lệ ta, thì các người sẽ giữ mạng linh ta và làm theo” (Ê-xê-chi-ên 36:27)²¹.

Người ta thường được nhắc nhở rằng sự tuân giữ luật pháp không cứu họ, nên họ cảm thấy việc giữ luật pháp không thành vấn đề. Sở dĩ có sự lầm lẫn này là người giảng dạy đã không phân biệt giữa “luật pháp” là mạng lệnh thiên thượng về điều phải và điều quấy, và “luật pháp” theo lẽ nghi và của lễ dâng ở thời Cựu Ước không còn ràng buộc gì đối với chúng ta. Những thánh giả của chúng ta cần hiểu rằng đối ngược với luật pháp không phải sự phóng túng mà là đức tin – một loại đức tin không miễn trừ luật pháp đạo đức, nhưng lệ thuộc vào quyền năng của Đấng Christ để làm trọn luật pháp. Những người theo thuyết chống luật pháp giả định rằng nếu việc tuân giữ luật pháp tự nó không *đạt* được sự cứu chuộc, thì việc tuân giữ luật pháp cũng không *duy trì* sự cứu chuộc. Để có sự cân đối lành mạnh, người giảng dạy cần cẩn thận giải thích thuyết chống luật pháp, và cảnh cáo hiểm hoạ của thuyết này khi họ nhiệt tình đề kháng sự tuân giữ luật pháp.

²¹ Định nghĩa về sự cắt bì lòng, Wesley nói, “Chính trong khuynh hướng theo thói quen của linh hồn, mà theo sách thánh, gọi đó bằng từ thánh khiết, và điều này ngụ ý là sự tẩy sạch khỏi tội lỗi, “khỏi mọi điều ô uế của xác thịt và tâm thần”, và kết quả con người ấy được mặc lấy những đức hạnh vốn có trong Đấng Christ, được đổi mới theo hình ảnh của tâm

Sự quan trọng chủ yếu của tất cả điều này không thể nào bỏ qua được. Tân Ước nói về *giao ước mới* và tại trung điểm của giao ước mới là *sự thánh khiết* – một sự thánh khiết không phải qui cho, nhưng hoàn toàn được chuyển giao và hành động. Điều không những có thể hoạt động được nhưng còn hành động nữa. Thần học nào không nói đến sự nên thánh thì không phải là Tin Lành, cho dù họ có nhiệt tình vẫy cờ của mình mạnh mẽ đến bao nhiêu. Thật vậy đó là thần học còn gò bó trong sự hạn chế của giao ước cũ. Thần học đó tin nơi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm nhưng vẫn còn sống trong những hạn chế và những sự không tương xứng của trật tự cũ.

B. ĐƯỢC GIẢI CỨU KHỎI LUẬT PHÁP

Một trong những vấn đề nan giải căn bản của Tân Ước là sự hiện diện của hai khuynh hướng dạy dỗ khác nhau về luật pháp. Đọc sai thì hai khuynh hướng này đối lập nhau, nếu không phải là nghịch lý. Đọc đúng, thì hai khuynh hướng này bổ túc cho nhau. Một mặt chúng ta được dạy dỗ rằng chúng ta được giải cứu khỏi luật pháp, mặt khác thì Chúa mong đợi chúng ta tuân giữ luật pháp.

1. Luật Vật Chất [Material law]

Giải pháp nằm ở chỗ phân biệt được luật vật chất [material law] và luật hình thức [formal law]. Luật vật chất có thể được định nghĩa là những nguyên tắc về những bốn phạm đạo đức phi thời gian. Những nguyên tắc này không bị hủy bỏ hoặc giảm bớt cho những người công bố mình là “tín hữu”. Trái lại, sự chết của Đấng Christ có mục đích chuyển giao quyền năng phạm đạo đức để chúng ta có thể tuân giữ những nguyên tắc này cách dễ chịu và đầy đủ: “hầu cho sự công bình mà luật pháp

trí” để trở nên “trọn vẹn như Cha các người ở trên trời là trọn vẹn” (Works, 11:367; xem thêm 5:203).

buộc phải làm được trọn trong chúng ta, là kẻ chẳng noi theo xác thịt, nhưng noi theo Thánh Linh” (Rô-ma 8:4).

Luật pháp Môi-se không thể đạt được kết quả nầy vì cơ quyền lực cản trở của tội bẩm sinh. Sự chuộc tội của Đấng Christ đã giải quyết tội nầy tận gốc – Ngài “kết án” tội nầy bằng sự thành nhục thể và sự chết hi sinh của Ngài. Kết quả Đức Chúa Trời có thể làm những gì mà luật pháp Môi-se không thể làm – “giải cứu chúng ta ra khỏi luật của tội lỗi và sự chết” (c. 2). Luật của tội lỗi, là nguyên tắc của tội nội trú mà Phao lô thấy nó là kẻ hung ác thực sự (Rô-ma 7), chiến đấu và chặn đứng uy quyền của luật pháp hình thức của Đức Chúa Trời, vốn nói “Người phải làm”, “Người chớ làm”. Vì thế sự công bình thật bị tội lỗi “nội trú trong tôi” phá hỏng (Rô-ma 7:17, 20; tiếng Hi Lạp là “*hè oikousa en emoi harmartia*”). Sự công bình thật có thể thực hiện được không phải do hạ thấp tiêu chuẩn nhưng do sự loại trừ vật cản trở. Điều nầy xảy ra qua sự nên thánh, và sự cung ứng nầy là trọng tâm của sự Chuộc tội.

Cơ đốc nhân đều mong đợi sự công bình thiết yếu nầy, thật vậy, đây là điều đòi hỏi mà khắp mọi nơi trong Tân Ước kể cả thư Ga-la-ti là “Bản Đại Hiến Chương Tự Do của Cơ đốc nhân” (Magna Carta of Christian Liberty). Phao lô thách thức, “Có phải Đấng Christ tiếp tay cho tội lỗi không? [Is Christ an abettor of sin?] (3:21, bản tiếng Anh NEB), Phao lô trả lời “Không, không bao giờ”. Sự tự do không được sử dụng như cơ hội dung túng cho xác thịt, nhưng hãy lấy tình yêu làm đầy tớ phục vụ lẫn nhau (5:13). Sự tự do không phải là tờ giấy phép, trái lại nó là sự giải phóng khỏi xiềng xích tội lỗi ở bên trong và xiềng xích của luật pháp của Môi-se ở bên ngoài. Nhưng *luật vật chất* cũng tương tự: “Vì cả luật pháp chỉ tóm lại trong một lời nầy: Người hãy yêu kẻ lân cận như mình” (c. 14). Tôn giáo mà thiếu tình yêu nầy thì sẽ bị hủy diệt (c. 15).

Sau đó việc làm của xác thịt được liệt kê, 15 loại và mỗi loại đều trái với luật pháp. Thay vì nói Cơ đốc nhân được miễn trừ khỏi những đòi hỏi công bình của luật pháp đạo đức trong bất kỳ loại nào của bản liệt kê này, thì phần kết luận rõ ràng là: “Hễ ai phạm những việc thể ấy thì không được hưởng nước Đức Chúa Trời” (c. 21). Vì thế, trong sự cứu rỗi trong Đấng Christ không có cái gọi là được giải cứu khỏi luật pháp theo bãi bỏ hoặc thay đổi nguyên tắc: “Chớ hề dối mình; Đức Chúa Trời không chịu khinh dể đâu; vì ai gieo giống chi, lại gặt giống ấy. Kẻ gieo cho xác thịt, sẽ bởi xác thịt mà gặt sự hư nát; song kẻ gieo cho Thánh Linh, sẽ bởi Thánh Linh mà gặt sự sống đời đời” (6:7-8).

2. Luật Hình Thức

Luật hình thức có thể được định nghĩa là luật do luật pháp qui định, với uy quyền về luật pháp và được phê chuẩn. Như vậy nó trở thành một hệ thống bên ngoài để kiểm soát hành vi của con người. Rõ ràng trong Đấng Christ chúng ta được giải cứu khỏi hệ thống luật của Môi-se. Luật này đã có uy quyền thiên thượng cho người Y-sơ-ra-ên để phục vụ như là sự kiểm soát cần thiết nhưng tạm thời. (“bị nhốt dưới sự canh giữ của luật pháp” - Ga-la-ti 3:23) cho đến thời điểm do con đường đức tin, luật bên trong có thể được thiết lập được bày tỏ. Phao lô nói, luật này “như thầy giáo của chúng ta cho đến khi Đấng Christ đến” (c. 24).

Những người Giu-đa không những mong muốn ghi nhớ mãi uy quyền và những phụ tùng của hệ thống luật pháp phức tạp này cho chính họ, nhưng họ còn muốn áp đặt những điều này cho Dân Ngoại như là điều cần thiết để được cứu rỗi. Biểu hiện của toàn bộ phương cách đến gần sự sống và đến gần Đức Chúa Trời là sự cắt bì, vì thế, người Giu-đa nói với Dân Ngoại rằng họ cũng phải chịu cắt bì nữa. Nỗ lực này đã xúc phạm cả ân điển của Đấng Christ và hệ thống luật pháp của Môi-se nên

Phao lô đã phủ nhận và bài bác kịch liệt điều này trong Thờ Tín gửi cho người Ga-la-ti.

Hơn nữa phải nhìn hệ thống luật pháp của Môi-se như là toàn bộ mạng lưới của những nội qui và hình phạt, chứ không phải chỉ là luật vật chất tóm tắt trong Mười Điều Răn. Để làm cho vững chắc, hệ thống này còn có thêm những chi tiết rõ ràng, không những về qui luật nhưng còn sự thờ phượng, kể cả toàn bộ hệ thống dâng của lễ. Chẳng hạn, luật giữ ngày Sa-bát ở điều răn thứ tư, không những qui luật này được công bố nhưng còn nêu lên hình phạt ném đá chết cho những người vi phạm. Toàn bộ hệ thống, khi được nhấn mạnh, nó trở nên hình phạt *trói buộc* nhưng không thể *thay đổi*. Chính Phi-e-rơ đã thừa nhận rằng hệ thống này là “cái ách” không ai “mang nổi” (Công vụ 15:10).

Khởi thủy Đức Chúa Trời đã hứa với Áp-ra-ham một sự công bình có thể thực hiện được do đức tin, thì đã được làm sẵn do một trong những hậu tự của Áp-ra-ham (Ga-la-ti 3:6-16). Luật pháp Môi-se, “đã được đặt thêm, vì cớ những sự phạm phép, cho tới chừng nào người dòng dõi đến, là người mà lời hứa đã hứa cho” (Ga-la-ti 3:19). Khi Đấng Christ đến, con đường luật pháp được thay thế bằng con đường đức tin.

3. Luật Pháp Và Ân Điển

Chúng ta hãy suy nghĩ đến nguyên tắc luật pháp như là phương pháp để đạt đến hành vi mong muốn bằng sự cưỡng bách bên ngoài (chẳng hạn, cảnh sát giao thông). Theo phương pháp như thế, hệ thống luật pháp của Môi-se thất bại trong việc đạt đến sự công bình bên trong vì những lý do nêu trên. Vì, “nếu đã ban cho một luật pháp có thể làm cho sống, thì sự công bình chắc bởi luật pháp mà đến” (Ga-la-ti 3:21). Có thể làm cho vững mạnh một đạo luật, nhưng bản thân luật pháp không thể tạo ra thiện chí, điều này phải phát xuất từ bên

trong, được tạo ra do những ảnh hưởng hoặc động cơ khác. Nhưng hãy lưu ý: dù bằng phương pháp nào, thì *sự công bình* phải là mục đích.

Tương phản rõ ràng nhất, nguyên tắc ân điển có thể được định nghĩa như là phương pháp đạt đến hành vi mong muốn (nghĩa là, sự công bình) bằng sự thay đổi bên trong gọi là sự nên thánh (xem thêm 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13). Sự thay đổi này điều chỉnh con người bề trong phù hợp theo tiêu chuẩn để sự căng thẳng bị loại trừ và con người có thể vui hưởng sự hoà hợp – tự nguyện, hạnh phúc và tự nhiên.

Như vậy đi vào nguyên tắc ân điển buông tha chúng ta khỏi sự cần thiết của nguyên tắc luật pháp. Chỉ theo ý nghĩa này thì Cơ đốc nhân mới được buông tha khỏi luật pháp.

Kết quả của nguyên tắc luật pháp đem đến nhiều sự thoải lòng và bền vững, vì dù chúng ta có thể cần luật pháp hướng dẫn, nhưng nó không được ép buộc (hoặc đe dọa chúng ta), vì bây giờ ý định đạo đức của luật pháp có thể thu hút chúng ta thay vì chống đối. Vì kiến thức về những bốn phạm đạo đức có thể vẫn còn thiếu sót, sự hoà hợp bên ngoài thỉnh thoảng có thể còn thiếu sót, nhưng đây không phải là nan đề chính; vì nó không còn là sự nổi loạn của tấm lòng, mà chỉ là sự thiếu hiểu biết của cái đầu.

Vì vậy, “Đấng Christ là sự chấm dứt của cuộc đấu tranh cho sự-công-bình-bởi-Luật-pháp cho mọi người tin Ngài” (Rô-ma 10:4, Phillips). Đấng Christ, qua Thánh Linh, tiếp tục công tác mà luật pháp bỏ dở, và thông công nơi luật pháp thất bại. Nhưng điều này chỉ đạt được nếu chúng ta “bước đi theo Thánh Linh”, khi chúng ta “đã đóng đinh bản tính tội lỗi với các ham muốn, tình dục vào cây thập tự” (Ga-la-ti 5: 16, 24).

Sau hết, có lẽ, giáo phụ người Puritan là Samuel Rutherford (1600-1661 S.C.) đã nói đúng:

Bây giờ tôi đưa ra một câu hỏi mới, hoặc là tôi sẽ yêu Đấng Christ nhiều hơn vì Ngài ban Sự Nền Thánh hoặc sự Xưng Công Bình miễn phí. Và tôi thấy rằng Ngài đáng được yêu nhiều hơn và nhiều nhất vì sự nên thánh. Ở một vài phương diện đó là tình yêu lớn hơn đối với Ngài để được thánh hóa hơn là được xưng công bình; vì Ngài làm cho chúng ta giống như Ngài nhiều hơn trong hình ảnh của Ngài trong sự thánh hóa chúng ta... Nếu có thể được, hãy để cho một tội nhân, nằm ở địa ngục đời đời, nếu Ngài làm cho người đó thực sự thánh khiết; và để người ấy nằm tại đó được đốt nóng trong tình yêu đối với Đức Chúa Trời, vui mừng trong Thánh Linh, bám chặt Đấng Christ trong đức tin và hi vọng – nghĩa là thiên đàng trong tấm lòng và đáy của địa ngục!²²

²² Bức thư 170, được viết vào năm 1637, từ Letters of Samuel Rutherford, ed. Andrew Bonar (Edinburgh and London: Oliphant, Anderson, and Ferrier, 1891), 320. Wesley nói rằng sự thay đổi được kinh nghiệm trong sự nên thánh trọn vẹn là “vĩ đại gấp bội” so với sự thay đổi trong sự xưng công bình (*Plain Account*, 61 [*Works*, 11:402]).

LỄ NGŨ TUẦN VÀ CHỨC VỤ CỦA THÁNH LINH

Vấn đề nền tảng cho cả phương pháp giải nghĩa Kinh Thánh và giáo lý Cơ Đốc đều nói đến sự liên quan của lễ Ngũ Tuần với những hình thức trước kia của đời sống và kinh nghiệm tôn giáo. Việc nghiên cứu về sự thánh khiết theo hệ thống đòi hỏi phải khảo sát kỹ lưỡng về điểm này.

Người ta thường nhất trí, ít nhất theo ý nghĩa, rằng Lễ Ngũ Tuần đánh dấu một bước khởi đầu mới, đó là ngày khai sinh thời đại của Thánh Linh. Nét cơ bản của thời đại này là những hoạt động cứu chuộc của Đức Chúa Trời Ba Ngôi bắt đầu vào Lễ Ngũ Tuần được Thánh Linh hành động theo cách mới. Nhưng chúng ta nghĩ ngay đến các câu hỏi: Sự tươi mới này có nguồn gốc như thế nào và bản chất thực sự của nó là gì? Có sự gián đoạn nào giữa Lễ Ngũ Tuần và những đặc ân cứu chuộc trước kia không? Có phải mối quan hệ của con người với Đức Chúa Trời chỉ là hình thức và bề ngoài, hay là sự chủ động và kinh nghiệm không? Có phải nếp sống tôn giáo trước Lễ Ngũ Tuần được dán nhãn hiệu không những là tiền-Cơ đốc nhân [pre-Christian] nhưng còn là thuộc về - Cơ đốc nhân [sub-Christian] không? Có phải nếp sống tôn giáo trước Lễ Ngũ Tuần là thiếu sự tái sinh và không được tham dự vào vương quốc của Đấng Christ không?

Khẳng định về sự thiếu liên tục là hạ giá ân điển cứu độ của Đức Chúa Trời đã vận hành trước Lễ Ngũ Tuần. Trái lại, theo Laurence W. Wood, giả định về sự liên tục là “trọng tâm của sự rao giảng của các sứ đồ”¹.

I. NHỮNG ĐẶC ÂN CỨU CHUỘC TRƯỚC NGÀY LỄ NGŨ TUẦN

A. THẬP TỰ GIÁ

Lễ Ngũ Tuần khởi đầu không phải là mối quan hệ cá nhân với Đức Chúa Trời dựa vào sự chuộc tội, đức tin và sự vâng lời. Kinh nghiệm cứu chuộc được đặt nền tảng tại biến cố Thập tự giá-Lễ Phục sinh, chứ không phải Lễ Ngũ Tuần. Willard H. Taylor viết, “Một trong những vấn đề có ý nghĩa theo Kinh Thánh có liên quan đến trọng tâm của biến cố thập tự giá – lễ phục sinh theo tư tưởng của Kinh Thánh và trong kinh nghiệm cá nhân. Chúa hằng sống là Đấng mà chúng ta phải đến để tiếp xúc – bây giờ và bây giờ”. Vì vậy ông không tin rằng phần ký thuật của Kinh Thánh hỗ trợ cho ý niệm rằng các môn đồ trước Lễ Ngũ Tuần là “ở trong tình trạng thuộc về Cơ đốc nhân [sub-Christian]”².

Chắc chắn có một sự khác biệt nào đó giữa tín hữu Tân Ước với các thánh đồ Cựu Ước. Có lẽ có sự bào chữa về việc

¹ *Pentecostal Grace*, 23. Ông nói, “Sách Công vụ các Sứ đồ phản ánh theo cách gần gũi nhất về sự liên hệ giữa lịch sử của Chúa Giêsu và lịch sử của dân Y-sơ-ra-ên. Mối quan hệ này nối kết chặt chẽ đến nỗi các sứ đồ nhìn thấy trong *keryma* của họ điều đã được nói trong *credo* cổ xưa. Sự thờ phượng, lễ nghi, sự giảng dạy của họ đến chỉ về mối quan hệ trực tiếp với lịch sử của người Y-sơ-ra-ên. Bản chất của mối quan hệ đó là lời hứa cho Áp-ra-ham nay đã được ứng nghiệm trong Chúa Giêsu” (22).

² Trích dẫn từ một bức thư gởi cho tác giả.

gọi những môn đồ là Cơ đốc nhân hơn là gọi họ là những người thờ phượng thời Cựu Ước, vì đức tin của những người sau không đặt vào Đấng Christ nhưng đặt vào Đức Chúa Trời là Đấng giải cứu họ khỏi Ai-cập và là Đấng hứa ban cho họ một Cứu Chúa trong tương lai. Tuy nhiên, đức tin của các môn đồ được nhấn mạnh vào chính Cứu Chúa này, là Đấng mà họ gọi là “Đấng Christ Con Đức Chúa Trời hằng sống” (Ma-thi-ơ 16:16; xem thêm Giăng 6:68; 1:19-34). Và vì điều này đòi hỏi Lễ Ngũ Tuần chứng thực sự hiểu biết của họ về thân vị và công tác cứu độ của Đấng Christ, nên có thể thừa nhận rằng Lễ Ngũ Tuần cần thiết để làm cho đức tin của họ trở nên “Cơ đốc nhân” trọn vẹn. Tuy nhiên, điều này không phủ nhận thực tế của tình trạng môn đồ của họ trước ngày Lễ Ngũ Tuần hoặc hàm ý rằng họ “trở nên Cơ đốc nhân” vào ngày Lễ Ngũ Tuần (xem trang 132-133).

Vì quyền năng cứu độ của Thập tự giá là vô hạn, thậm chí bao phủ cho các thánh đồ đức tin của Hê-bơ-rơ đoạn 11 là những người có sự hiểu biết về đường lối cứu chuộc của Đức Chúa Trời rất mơ hồ và mờ nhạt. Điều có ý nghĩa cao độ là cả hai thơ Rô-ma và Ga-la-ti đều chỉ về Áp-ra-ham là ông tổ của sự xưng công bình bởi đức tin³. Và mặc dù luật pháp Môi-se, trong sự phức tạp của lễ nghi, phục vụ như là thầy giáo trong việc chuẩn bị con người tiếp nhận Đấng Christ (Ga-la-ti 3:23), và mặc dù huyết của con vật không có sức mạnh đủ để loại trừ tội lỗi ngoại trừ ý nghĩa tượng trưng và ý nghĩa tiên tri (Hê-bơ-rơ 10:4), nhưng nhiều người Hê-bơ-rơ nhiệt thành đã học biết cách yêu mến Đức Chúa Trời và luật pháp của Ngài, và họ đã

³ J. Kenneth Grider nói, “Đường như Phao lô không biết gì về thuyết thời đại vốn tách riêng những người trước Lễ Ngũ Tuần khỏi sự xưng công bình bởi đức tin, vì ông dùng Áp-ra-ham như là ví dụ điển hình về cách một người được xưng công bình là thế nào” (*Entire Sanctification*. 54).

“làm điều chánh trực, yêu mến sự thương xót và bước đi cách khiêm nhường” với Đức Chúa Trời mình (Mi-chê 6:8). Sự nhiệt thành của họ không phải là sự công bình riêng bị ghê tởm cách mãnh liệt trong cả hai Giao Ước nhưng là một biện pháp của ân điển của Thập tự giá và ở chừng mực nào đó có sự giúp đỡ của Thánh Linh. John A. Knight nói, “Vì Thánh Linh là thân vị, nên hoạt động của Ngài không thể nào bị hạn chế trong một kỷ nguyên đặc biệt nào”. Và ông trích dẫn lời của John Fletcher, “Cựu Ước và Tân Ước chứng minh đầy đủ rằng ảnh hưởng đặc biệt của Thánh Linh phổ quát đến nỗi những người trung tín trong mọi thời đại đều kinh nghiệm được”⁴.

Phần nhận định của Phao lô trong thư Rô-ma không bao giờ hàm ý về tính không thực tế hoặc không có khả năng của điều này nhưng nói đến ảo tưởng cho rằng có thể đạt được sự công bình ngoài Đấng Christ bằng cách tự họ giữ theo nền đạo đức ngoại giáo hoặc giữ theo luật pháp Do thái.

B. CÓ PHẢI ĐÓ LÀ SỰ TÁI SANH?

Có phải mối quan hệ của Áp-ra-ham, hoặc của Nô-ê, Gióp, Ê-sai và Giê-rê-mi nơi Đức Chúa Trời, sự nhận biết nhanh chóng nơi bề trong của họ, có thể được gọi là sự tái sinh không? Áp-ra-ham được xưng công bình bởi đức tin và được gọi là “Bạn của Đức Chúa Trời” (Gia cơ 2:23). Đức Chúa Trời đã ban cho Sau-lơ “một tấm lòng khác” (I Sa-mu-ên 10:9) – dù sau đó ông thối lui. Đa-vít diễn tả đời sống tôn giáo bằng những từ ngữ như tha thứ, niềm vui của sự cứu chuộc, và sự tươi mới sâu sắc (xem *Exploring Christian Holiness*, 1:53-60). Ê-sai kinh nghiệm được sự tẩy sạch những sự vi phạm của ông. Sự liên tục của ân điển, của bản chất và nhu cầu của con

⁴ John Allen Knight, *The Holiness Pilgrimage* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1973), 69.

người, và của những nguyên tắc vận hành của thiên thượng, đều minh chứng rằng những người này đã kinh nghiệm sự thay đổi bên trong.

Thật khó tin rằng sự thay đổi bên trong như thế đã tạo thành điều mà Chúa Giêsu phán với Ni-cô-đem về sự tái sinh do Thánh Linh. Cũng khó khi giả định rằng sự tái sinh khác với sự tha thứ tội lỗi (và chắc chắn là sự thay đổi tấm lòng) mà vô số người kinh nghiệm khi họ ăn năn và được Giảng Báp Tít làm báp têm để tin nơi Đấng sẽ đến. Mặc dù có một người nông cạn, nhưng không hẳn hết thấy mọi người đều như vậy. Có nhiều lý do để khẳng định rằng những môn đồ qui tụ chung quanh Chúa Giêsu đã là những người được thay đổi, dù chắc chắn họ không phải là những người thánh hoàn toàn. Dù sự hiểu biết của họ về nội dung của sự cứu chuộc và bản chất của chức vụ của Đấng Mê-si còn thiếu sót, nhưng đức tin của họ là thực sự và đời sống họ được biến đổi.

Cũng có thể thích hợp khi đưa ra câu hỏi về câu chuyện của Chúa Giêsu với Ni-cô-đem là điều nói trước hoặc có thể áp dụng ngay. Phải chăng Chúa Giêsu nói với Ni-cô-đem “Người phải được sanh lại – nhưng người không thể được sanh lại bây giờ, mà phải đợi đến Lễ Ngũ Tuần” không? Phần gợi ý này lại phát sinh những câu hỏi nghiêm trọng, vì Chúa Giêsu đã làm cho sự tái sinh hoàn toàn cần thiết khi đi vào vương quốc Đức Chúa Trời; và nếu những gì Chúa Giêsu phán về sự tái sinh không có sẵn trước ngày lễ Ngũ Tuần – nếu tất cả những hình thức của thời kỳ tiền Ngũ Tuần của kinh nghiệm tôn giáo là khác loại và thiếu tiêu chuẩn của sự tái sinh thật – thì *không có người nào* ở trong Vương quốc trước ngày Lễ Ngũ Tuần cả. Trong trường hợp đó, các thánh đồ Cựu Ước là những thánh đồ bị tước quyền lợi, là những tội tở của Đức Chúa Trời nhưng

không được ở trong vương quốc của Đức Chúa Trời – một tình trạng công tác hơi quái dị⁵.

Vì thế, chúng ta có thể nói rằng, quyền năng cứu độ của Đấng Christ đã đụng chạm ngược lại thời A-đam và tiến về Giê-ru-sa-lem mới. Chiều sâu của ân điển của Đức Chúa Trời không thể bị giới hạn vào thời đại của Thánh Linh. Mặc dù Lễ Ngũ Tuần giới thiệu một mức độ mới của đặc ân và một phương pháp mới, và mặc dù giao ước mới thay thế cho giao ước cũ (Hê-bơ-rơ 8:13), thì Lễ Ngũ Tuần hoặc giao ước mới vẫn không thể làm mất giá trị của kinh nghiệm tôn giáo của

⁵ Trong bài giảng “Con Đường đến Vương quốc”, John Wesley nói, “Hễ khi nào Đức Chúa Trời phán với lòng bạn, ‘Hãy vui mừng đi, tội lỗi con đã được tha’, thì vương quốc của Ngài đến rồi. Bạn đã có “sự công bình, bình an và niềm vui trong Thánh Linh” (*Works*, 5:85).

Nhưng một số người sẽ hiểu Ma-thi-ơ 11:11 (xem thêm Lu-ca 7:28) hàm ý rằng Giảng Báp Tít không ở trong Vương quốc – như vậy có sự không liên tục giữa Vương quốc và những đặc ân của thời Cựu Ước. Nhưng rõ ràng điều này không có ý nghĩa đó. Hãy so sánh lời nhận định của John Wesley về Ma-thi-ơ 11:11 với lời nhận định khác của ông về Lu-ca 7:28. Ralph Earle nói, “Hiển nhiên Đấng Christ muốn nói rằng “Cơ đốc nhân” nhỏ nhất vẫn ‘lớn hơn’ về đặc ân hơn Giảng là người thực sự thuộc về thể chế Cựu Ước hơn (*Beacon Bible Commentary*, 6:115).

Có lẽ cách giải quyết tốt nhất về vấn nạn này ấy là nhìn xem sự khác biệt giữa vương quốc của Đức Chúa Trời là một thực thể không bị giới hạn bởi thời gian, bao gồm mọi thời đại, và giai đoạn Mê-si của vương quốc, vốn lệ thuộc vào sự hiện đến của Đấng Christ. Vương quốc nhấn mạnh về thân vị của Đấng Christ và phương pháp cứu chuộc trở nên phương tiện nhờ đó có thể tiếp cận được vương quốc của Đức Chúa Trời rộng lớn hơn. Đối với con người – vì sự hiện đến của Chúa Jê-sus - vương quốc của Đức Chúa Trời là vương quốc của Đấng Christ (I Cô-rin-tô 15:24). Xin xem John Deschner, *Wesley's Christology*, cũng xem thêm *God, Man and Salvation*, 614-23.

thể chế cũ. Tóm lại, Lễ Ngũ Tuần là sự mở rộng của lịch sử cứu chuộc. Tiền đề này sẽ nhấn mạnh những gì chúng ta khảo sát bây giờ.

II. THUYẾT THỜI ĐẠI CỦA WESLEY VÀ FLETCHER

Phần giải thích hữu ích của đề tài này đã được đưa ra trong phần lịch sử của loạt bài về thánh khiết (xin xem *Exploring Christian Holiness*, 2:237-40).

Chữ “thời đại” [dispensation – sự phân phối, hệ thống tôn giáo] được bản dịch King James Version dịch từ chữ *oikonomia*, có nghĩa là, cai quản hay điều hành công việc của một gia đình. Ngày nay có lẽ chữ này chuyển thành chữ, *economy*, cho dễ hiểu. Kinh tế tư bản là những loại khác nhau về hàng hoá, lao động và hệ thống tiền bạc khác với kinh tế cộng sản. Vì thế, *sự phân phối* [dispensation] là “một kiểu mua bán, một loại xếp đặt hoặc điều hành công việc”⁶. Ý nghĩa này sẽ giúp chúng ta hiểu được thuyết thời đại của Wesley và Fletcher. Ý niệm này, kết hợp với giáo lý của họ về ân điển cho trước, cung ứng một sự hợp lý về những đòi hỏi khác nhau của Đức Chúa Trời trong những thời đại khác nhau và với những loại người khác nhau⁷. John Allen Knight nói,

⁶ Vine, *Expository Dictionary*, 1:320. Dĩ nhiên ý nghĩa ban đầu không loại trừ khả năng của ý nghĩa thứ hai tạm thời. Theo lịch sử, thời đại của Thánh Linh bắt đầu vào Lễ Ngũ Tuần Cơ Đốc đầu tiên và sẽ tiếp tục đến Sự Tái Lâm của Chúa Giêsu.

⁷ Mặc dù thỉnh thoảng Wesley nói về sự khác nhau trong những thời đại, nhưng chính Fletcher mới tái định nghĩa và triển khai giáo lý. Ông đã thực hiện điều này trong cuốn *Essay on Truth*, mà Timothy Smith gọi là đó là tác phẩm thần học hay nhất của Fletcher. Do đó người ta không nghi ngờ gì về việc Wesley tán thành sự giải thích của Fletcher. Ông

Fletcher kết luận rằng nếu Đấng Christ nếm mùi sự chết cho hết thảy mọi người, như Kinh Thánh dạy, thì chắc chắn có một phúc âm cho mọi người. Vậy, một “phúc âm chung” được bày tỏ cho mọi người, rõ ràng hơn hoặc mờ mịt hơn theo thời đại mà họ đang sống⁸.

A. BA THỜI ĐẠI

Trong sơ đồ của Fletcher, có ba thời đại: thời đại của Đức Chúa Cha, thời đại của Đức Chúa Con và thời đại của Đức Thánh Linh. Dĩ nhiên ba thời đại xảy ra theo thứ tự thời gian cũng như theo sự khác nhau về cơ chế. Thời đại của Đức Chúa Cha kéo dài đến sự Thành Nhục Thể, rồi sau đó mở đường [Giăng Báp Tít là gạch nối giữa hai thời đại] cho thời đại của Đức Chúa Con. Tiếp theo sau thời đại này là thời đại của Thánh Linh vào ngày Lễ Ngũ Tuần.

Nhưng mặc dù tính theo thứ tự thời gian, điều ghi nhận rõ ràng hơn là mỗi thời đại đều mang đặc tính khác nhau khi tiếp cận với Đức Chúa Trời và mức độ khác nhau về sự hiểu biết về Đức Chúa Trời. Sự cứu chuộc đời đời dành sẵn cho mỗi thời đại, nếu mỗi người bước đi theo sự hiểu biết mà thời đại đó cung cấp. Chỉ có sự hiểu biết theo nền tảng này, thì những người Do thái nhiệt thành dưới thời Môi-se đều kinh nghiệm

nói, “Fletcher đã cho chúng ta một cái nhìn kỳ diệu về những thời đại khác nhau mà chúng ta hiện hữu. Tôi tin rằng trước đây đề tài khó này chưa từng được làm rõ ràng như thế. Dường như Đức Chúa Trời đã đẩy ông ta lên để làm điều này –

Để bình vực Sự Quan Phòng đời đời

Và bày tỏ đường lối của Đức Chúa Trời cho loài người” (*Works*, 13:55).

⁸ *Holiness Pilgrimage*, 65.

được sự cứu rỗi, và thậm chí [ít nhất theo giả thuyết] những người Ngoại bang nhiệt thành cũng kinh nghiệm được điều đó.

Nhìn theo phương diện lịch sử và theo thứ tự thời gian, mỗi thời đại đều có sự chuẩn bị và lời hứa cho thời đại kế tiếp. John Allen Knight giải thích:

Trong mỗi thời đại đều có động cơ của sự *Ứng nghiệm và Lời Hứa, sự Thánh Khiết và Hi vọng*. Nghĩa là, ở mỗi giai đoạn đều có sự hiểu biết về Đức Chúa Trời ở mức độ nào đó, nhưng luôn luôn có lời hứa về sự hiểu biết tốt hơn về thời đại sắp đến. Chẳng hạn, thời đại của Đức Chúa Cha có lời hứa về sự hiện đến của Con Ngài để cứu chuộc tội nhân; thời đại của Đức Chúa Con có lời hứa về ân tứ Thánh Linh cho sự nên thánh trọn vẹn cho tín hữu; và thời đại Thánh Linh có lời hứa về sự Tái lâm của Đấng Christ cho sự vinh hiển của các thánh đồ của Ngài⁹.

B. CÁ NHÂN CŨNG NHƯ LỊCH SỬ

Ông Knight nói rằng, “Fletcher nhận thức rằng cuộc hành trình thuộc linh của mỗi cá nhân trong mỗi thời đại là bản tóm tắt hoặc bản thu nhỏ của cách Đức Chúa Trời hành động trong toàn thể lịch sử”¹⁰. Một tội nhân được thức tỉnh khi thấy chính

⁹ *Sách đã dẫn* tr. 72. Chắc chắn thời đại của Thánh Linh là một giai đoạn cao hơn trong sự mạc khải và đặc ân cứu chuộc, và những người đầy tớ Thánh Linh kinh nghiệm mức độ cao hơn về ân điển so với những người chỉ quen biết với thời đại của Đức Chúa Cha và thời đại của Đức Chúa Con. Nhưng đừng hiểu lệch lạc rằng Thánh Linh là vĩ đại hơn Đức Chúa Con hoặc hiểu là phương pháp của Thánh Linh đối với sự cứu chuộc là đối chọi với phương pháp của Đấng Christ. Không có sự thù địch hoặc sự ghen tỵ nào ở bên trong Ba Ngôi khi bất kỳ Ngôi nào được tôn trọng cách đặc biệt. Đức Chúa Con được tôn trọng khi một người được đầy tớ Thánh Linh, vì sứ mạng của Thánh Linh là làm cho linh hồn hiểu rõ Đấng Christ và đưa linh hồn đến với Đấng Christ.

¹⁰ *Sách đã dẫn* tr. 66.

mình vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời và ở dưới sự thanh nộ của Đức Chúa Trời và tấm lòng người đó phát sinh sự kính sợ Đức Chúa Trời và muốn làm đẹp lòng Ngài là bước bắt đầu trước tiên của tôn giáo chân thật. Sự hiểu biết về Đức Chúa Jêsus Christ đem người ấy vào thời đại của Đức Chúa Con, tại đây người ấy học cách tìm sự tha thứ và sự phục hồi. Đặc điểm của thời đại này là sự tái sanh. Vì ánh sáng thuộc linh cứ tiến lên, Đức Chúa Trời trong sự thành tín của Ngài sẽ dẫn người thờ phượng chân thật đến sự hiểu biết về Đức Chúa Con, và người tin nơi Đức Chúa Con sẽ được dẫn đến ánh sáng đầy đủ và những đặc ân rộng mở của thời đại Thánh Linh.

Tuy nhiên, một tín hữu chân thành qua đời khi người ấy chỉ biết thời đại của Đức Chúa Cha vẫn có thể được cứu, vì người ấy ở dưới những đòi hỏi và phương thức của thời đại ấy, được tóm tắt theo lời nói của Sa-mu-ên: “Chỉ hãy kính sợ Đức Giê-hô-va, lấy hết lòng trung tín phục sự Ngài ... Nhưng nếu các người cứ làm ác, thì các người và vua các người chắc sẽ bị diệt vong” (I Sa-mu-ên 12:24-25)¹¹.

Tiền đề cho rằng cuộc hành trình thuộc linh của một cá nhân phải trải qua những thời đại, ngụ ý rằng mặc dù theo ý nghĩa lịch sử thì thế giới đang ở trong thời đại Thánh Linh, nhưng một số người có thể không kinh nghiệm thời đại này cách cá nhân. Một số người có lẽ đang ở thời đại của Đức Chúa Cha, không biết gì hơn điều đó; trong khi một số người khác có thể ở dưới thời đại của Đức Chúa Con, đã tiếp nhận Đấng Christ làm Cứu Chúa của mình như không được biết rằng Đấng Christ khao khát muốn làm báp têm cho họ bằng Thánh

¹¹ Wesley quan niệm rằng “đối với những người ở dưới thời đại Cơ đốc nhân” sống đạo đức mà không tái sanh thì không được gì cả, nhưng ông phủ nhận việc công bố rằng nguyên tắc tương tự chi phối sự phán xét của Đức Chúa Trời trên người ngoại đạo (*Works*, 7:353; xem thêm 506; 8:387; phần phê bình của Adam Clarke về Công vụ 10:35).

Linh. Mặc dù biết về phép báp têm của Giăng, và thậm chí biết về Thập tự giá và sự Phục sinh, nhưng họ vẫn còn ở trong bóng tối và sự không chắc chắn của thời trước Lễ Ngũ Tuần, chính xác như những môn đồ trước Lễ Ngũ Tuần đầu tiên. Sự kiện này nhắc nhở cho công tác giảng dạy của Mục sư. Ông ta phải biết hội chúng mình đang ở thời đại nào, không phải để xác nhận họ nhưng để dẫn họ từ bước thấp lên bước cao hơn.

Giáo lý về những thời đại đặt nền tảng không những trên giáo lý về ân điển cho trước nhưng còn trên sự tin quyết nơi một Đức Chúa Trời công bằng và thương xót sẽ liên kết chính mình Ngài với con người đạo đức trên mức độ của sự hiểu biết và cơ hội của họ. Mẫu số chung của mọi thời đại là sự chân thành vâng lời theo mức độ ánh sáng mà một người chiếm hữu. Chỉ có trên nền tảng này mà Kinh Thánh có thể gọi những người nam, người nữ là công bình và thánh khiết dù sự hiểu biết của họ về Đức Chúa Trời còn lơ mờ và đạo đức của họ còn thấp kém so với những tiêu chuẩn của Cơ đốc nhân.

Điều này cũng có nghĩa là những gì được gọi là thánh khiết và tương tự những gì có thể gọi là tội lỗi, đều tiến lên, luôn luôn đi đúng bước với mức độ cao nhất của sự khai thị thiên thượng cho cá nhân đó. Điều mà ngày hôm qua gọi là vô tội có thể gọi nó là tội lỗi ngay hôm nay. Một người có thể gọi cách chính xác là thánh nhân ngày hôm qua, ngày hôm nay không thể gọi là thánh, nếu sự vâng lời tự nguyện của người ấy bắt đầu tụt lại đằng sau giai đoạn của sự hiểu biết của mình¹².

C. KHÔNG CHỌN LỰA CŨNG KHÔNG LOẠI BỎ

Không ai có thể chọn chỗ đứng của mình ở thời đại thấp hơn khi mình đang đối diện với khả năng để tiến cao hơn. Điều

¹² Knight nói, "Tin hữu thật tiến lên cách sẵn lòng và vui mừng "từ đức tin đến đức tin". Những người phủ nhận sự lừa dối chính mình thì không được Đức Chúa Trời chấp nhận" (*Holiness Pilgrimage*, 76).

này có thể phản bội sự thiếu thành thật vốn có thể phá hủy bất cứ lời công bố nào để được Đức Chúa Trời chấp nhận. Mildred Bangs Wynkoop rất tinh tế khi ông nói, “Trong Kinh Thánh mức độ thấp nhất của sự vâng lời cho phép là khả năng cao nhất cho loài người ở bất kỳ thời điểm nào được đưa ra”¹³. Và Knight giải thích, “Theo giáo lý về thời đại của mình, Fletcher không nói rằng con người có thể tiếp nhận và vâng theo ở mức độ hiểu biết nào mình chọn”¹⁴. Chẳng hạn người Do thái, đã chạm trán với Thánh Linh với Jêsus người Nazarét và đã từ khước Ngài, thì khó có thể tiếp tục tìm được sự chấp nhận thiên thượng trong Do thái giáo. Và toàn thể Thư Tín gửi cho người Hê-bơ-rơ là một lời cảnh cáo dài rằng khi đã tin nơi Đấng Christ, họ khó có thể quay lại với Môi-se. Cùng một dấu hiệu như vậy đối với Cơ đốc nhân được tái sanh, đã nhìn thấy Đất Hứa của đặc ân và quyền năng của Lễ Ngũ Tuần, thì không thể nào chọn lựa việc định cư ở trong đồng vắng mà không bị thiệt hại nào. Sự đáp ứng của chúng ta đối với Ca-đe luôn luôn là sự đáp ứng sống-chết¹⁵.

III. LỄ NGŨ TUẦN LÀ MỘT SỰ KIỆN CỦA HỘI THÁNH

Vì vậy, đề tài trọng tâm về Lễ Ngũ Tuần không phải là sự bắt đầu của những đặc ân cứu chuộc, mà đó là sự ban quyền năng cho Hội Thánh để thực hiện sứ mạng. Lễ Ngũ Tuần không dành cho tội nhân nhưng dành cho tín hữu. Đúng vậy, nó là dấu hiệu cho một sự khai phóng mới và nâng cao mức độ

¹³ Mildred Bangs Wynkoop, *A Theology of Love* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1972), 181.

¹⁴ *Holiness Pilgrimage*, 77.

¹⁵ Giống như lời xác nhận nghiêm túc trong Hê-bơ-rơ 10:26-31.

của sự giúp đỡ cho người không tin Chúa, nhưng điều này được thực hiện qua việc Ngài đổ quyền năng trên Hội Thánh và thực hiện qua Hội Thánh. Chúa Jêsus đã hứa, “Ta sẽ sai Ngài đến với các ngươi”. Rồi, khi “Ngài đến, Ngài sẽ cáo trách thế gian” (Giăng 16:7-8).

A. DỮ KIỆN CỦA KINH THÁNH

Hội Thánh nhấn mạnh về Lễ Ngũ Tuần được xác nhận bằng mọi điều Chúa Jêsus phán liên quan đến biến cố sắp xảy ra (Lu-ca 24:45-53; Giăng 14:15-26; 15:26-27; 16:5-15; Công vụ 1:4-8). Chính Hội Thánh đã được giao cho sứ mạng truyền giáo thế giới; Lễ Ngũ Tuần là phương tiện Đức Chúa Trời hứa ban để trang bị cho Hội Thánh hoàn thành sứ mạng này. “Nhưng khi Đức Thánh Linh giáng trên các ngươi, thì các ngươi sẽ nhận lấy quyền phép, và làm chứng về ta” (Công vụ 1:8). Hơn nữa Lễ Ngũ Tuần là sự ứng nghiệm những lời hứa dành độc quyền cho Hội Thánh – là những người tin cậy và vâng lời Đức Chúa Trời. Ngoài ra, Lễ Ngũ Tuần thực sự xảy ra cho Hội Thánh và chỉ cho Hội Thánh mà thôi: cho 120 môn đồ tin cậy, vâng lời, và cầu nguyện, là những người chờ đợi tại Phòng Cao.

Vô số người bị bỏ tù do sự khám phá về những gì đã xảy ra, nhưng họ không phải là những người tham gia trực tiếp. Quyền năng của sự thông công mới đã bày tỏ trên họ, nhưng họ vẫn còn là những người ngoài cuộc cho đến khi do việc trở nên tín hữu họ trở thành những người ở bên trong. Điều này chỉ có thể xảy ra qua việc ăn năn và tiếp nhận Jêsus người Naxarét bị đóng đinh làm Đấng Mê-si và Cứu Chúa của họ, và chứng minh sự thay đổi tận gốc bằng việc chịu báp têm công khai. Lúc bấy giờ họ mới đủ tư cách để nhận được cùng sự xúc dầu của Thánh Linh đã giáng trên 120 người. Nhưng một đức tin và sự ăn năn đủ chỉ sâu đủ để chứng thực sự tha thứ, và sự xưng nhận bằng báp têm công khai mới đem họ vào Hội

Thánh. Như vậy, là phần của Hội Thánh, họ đủ tư cách để nhận Món Quà Vĩ Đại cho Hội Thánh – sự đầy đầy Thánh Linh¹⁶.

B. PHÉP BÁP TÊM BẰNG THÁNH LINH CỦA HỘI THÁNH

Vậy, Lễ Ngũ Tuần là “kinh nghiệm của một Cộng Đồng Tín Hữu và mang theo nó ý nghĩa đặc biệt cho việc ban quyền năng cho Hội Thánh do Thánh Linh dân chủ hoá tẩy sạch tín hữu cách trọn vẹn”¹⁷. Nhưng điều này hàm ý nhu cầu trong việc lập kế hoạch, mà không định phẩm chất, Lễ Ngũ Tuần như là ngày khai sinh của Hội Thánh. Đặc điểm của Hội Thánh Tân Ước như là dân Y-sơ-ra-ên mới bắt đầu được nhìn trong việc biệt riêng¹⁸ Mười Hai người, rồi Bảy Mười, Đấng Christ gọi họ là “bầy nhỏ” (Lu-ca 12:32), và bản tuyên ngôn của Ngài cho nền tảng của Hội Thánh là sự xưng nhận thần tánh của Ngài – Ta sẽ lập Hội Thánh Ta trên đá này (Ma-thi-ơ 18:20).

¹⁶ Quan điểm cuối cùng của Wesley và Fletcher là 3000 người được tái sanh trong Lễ Ngũ Tuần chưa nhận được sự đầy đầy hoặc phép báp têm bằng Thánh Linh cho đến một thời gian sau. Câu chuyện về sự tác động qua lại của họ tại điểm này đã được Timothy L. Smith truy nguyên cẩn thận trong cuốn “How John Fletcher Became the Theologian of Wesleyan Perfectionism”, *Wesleyan Theological Journal* 15, no. 1 (Spring, 1980): 68. Quan điểm cứng rắn này được giải thích trong cuốn *Last Check* của Fletcher trong một phần gọi là “An Address to Imperfect Believers. Trong bài trả lời, Wesley viết cho Fletcher vào ngày 1 Tháng Tám, 1775, “Bây giờ tôi đã nhận đầy đủ những bài viết của ông và đây đó tôi đưa ra vài sự thay đổi nhỏ... Tôi không nhận thấy rằng ông đã ban cho quá nhiều, hoặc có bất kỳ sự khác nhau nào giữa chúng ta” Smith trích dẫn từ *Letters*, 6:174-75.

¹⁷ Trong một bức thư của Willard H. Taylor gửi cho tác giả.

¹⁸ *Ekklesia*, “một hội chúng”, phát xuất từ chữ *ekkaleo*, “triệu tập”. Chữ này được dùng cho Hội Thánh, xuất hiện 120 lần trong Tân Ước.

Bản chất của Hội Thánh được định nghĩa rõ ở Ma-thi-ơ 18:20 hơn là ở Công vụ 2:4; thực tế, Công vụ 2:4 không thể xảy ra nếu sự nhóm lại thông công không có sẵn ở đó.

Những dấu hiệu không thể giảm được của Hội Thánh chân thật là những dấu hiệu của những môn đồ của Đấng Christ trước ngày Lễ Ngũ Tuần. Họ đã ăn năn, họ được tha thứ, và họ đã chịu báp têm¹⁹. Họ đã từ bỏ tất cả để theo Chúa Jêsus. Họ được Chúa Jêsus tuyên bố là “muối” và “sự sáng của thế gian” (Ma-thi-ơ 5:13-14). Họ đã ở trong Đấng Christ như là những nhánh nho sống của Gốc Nho ban-sự-sống (Giăng 15:1-8). Họ đã được gọi là “sạch” qua Lời của Đấng Christ phán với họ (c. 3). Họ ‘không thuộc về thế gian’ như Đấng Christ không thuộc về thế gian (17:14). Họ đã biết ở chừng mực nào đó về quyền năng của Thánh Linh, vì Ngài ở với họ, mặc dù Ngài chưa ở trong họ theo ý nghĩa của lời hứa được ứng nghiệm. Nếu tất cả những dấu hiệu này được qui cho một nhóm tín hữu ngày nay, thì có thần học gia Tin Lành nào dám phủ nhận rằng họ thật sự là những chi thể của Đấng Christ, và là thành viên của Hội Thánh của Ngài không?

Thật vậy, sự hiệp nhất của họ với Đấng Christ đã bị méo mó do sự cứng lòng, những động cơ ích kỷ, tinh thần không giống như Đấng Christ và hổ thẹn khi bị dồn nén. *Nhưng đó là lý do họ cần đến Lễ Ngũ Tuần. Và đó là những gì thôi thúc Chúa Jêsus cầu nguyện cho họ được nên thánh*²⁰.

¹⁹ Mặc dù Hội Thánh đầu tiên không thắc mắc gì về vấn đề làm báp têm bằng nước, nhưng lễ nghi vật chất tự nó không phải là một sự đòi hỏi tuyệt đối cho việc tham gia vào Thân Thể của Đấng Christ, giống như những người Quakers hoặc Salvation Army đã chứng tỏ.

²⁰ Theo Charles Carter quan sát, thay vì nói Lễ Ngũ Tuần là ngày “khai sinh” của Hội Thánh, thì chúng ta phải nói đó là ngày *dâng hiến, đầu phục và bắt đầu* của Hội Thánh của Đấng Christ” (*The Person and*

Mặc dù không chính xác khi nói rằng Lễ Ngũ Tuần là ngày khai sinh của Hội Thánh, nhưng ý niệm này vẫn diễn đạt một lễ thật quan trọng. Lễ thật đó là lần đầu tiên Hội Thánh trở thành những gì nó được dự kiến: một tổ chức thuộc linh trong đó tín hữu được ràng buộc với nhau và với Cái Đầu hằng sống của họ theo một cách mới. Chính tại Lễ Ngũ Tuần các môn đồ lần đầu tiên kinh nghiệm sự hiệp nhất trọn vẹn mà Chúa Jêsus đã cầu nguyện cho họ (Giăng 17:21-23).

Vậy, chúng ta có thể nói rằng Lễ Ngũ Tuần là sự hoàn thành sự thành lập Hội Thánh, không như một tổ chức (mà nó đòi hỏi phải thực hiện từng bước) nhưng như là Thân Thể của Đấng Christ. Một điều hàm ý ở đây là mặc dù ngày nay nhiều người được gia nhập vào Hội Thánh qua sự tái sanh, nhưng phải đợi đến khi họ được đầy dẫy Thánh Linh họ mới kinh nghiệm được chiều sâu của sợi dây liên kết với họ.

Nói về sự hình thành của Hội Thánh vào ngày Lễ Ngũ Tuần, H. Orton Wiley nói,

Giống như một thân thể tự nhiên chiếm hữu một sự sống bình thường vốn buộc chặt những chi thể với nhau trong một cơ chế bình thường; thì cũng vậy Thánh Linh sẽ đặt những chi thể trong thân thể thuộc linh khi nó làm đẹp ý Ngài, kết hợp họ vào một bộ phận trong Đấng Christ vốn là Cái Đầu hằng sống của họ. Đức Chúa Trời không tạo dựng con người như là một chuỗi cột lại những linh hồn đơn độc, nhưng như là một hợp đoàn của những cá nhân lệ thuộc vào nhau và tác động lẫn nhau; và mục đích của Đấng Christ không phải đem sự cứu chuộc đến riêng cho người nào, nhưng Ngài xây

dựng một tổ chức thuộc linh gồm những người được chuộc liên kết với nhau²¹.

IV. LỄ NGŨ TUẦN TRONG SỰ TƯỚI MỚI TRIỆT ĐỂ

Mặc dù những ảnh hưởng cứu chuộc của Thánh Linh không bắt đầu vào Lễ Ngũ Tuần, và mặc dù Lễ Ngũ Tuần duy trì sự liên hệ nào đó với lịch sử cứu chuộc, nhưng theo vài khía cạnh nó không tạo thành một sự biến đổi triệt để về trật tự cũ.

A. TƯƠNG PHẢN VỚI THỜI GIAN CHÚA JÊ-SUS SỐNG TRÊN ĐẤT

Trong Bài Giảng Tại Phòng Cao, Chúa Jêsus nêu lên sự tương phản của thời đại của Thánh Linh với thời gian Ngài sống trên đất. Mặc dù chức vụ của Thánh Linh sẽ nối tiếp hoặc

²¹ *Christian Theology*, 2:329-30. Wiley nói thêm, “Vì thế Thánh Linh không những là sợi dây ràng buộc những linh hồn riêng rẽ vào Đấng Christ trong một mối quan hệ sống động và thánh khiết, nhưng Ngài còn là sợi dây bình thường kết hợp những chi thể của thân thể với nhau và với Cái Đầu hằng sống của họ. Thánh Linh là sự sống của thân thể và vì Ngài khởi đầu vào ngày Lễ Ngũ Tuần, nên Ngài “kiểm soát” Hội Thánh.... Trước ngày Lễ Ngũ Tuần những giọt sương của Thánh Linh đã giáng trên dân Y-sơ-ra-ên theo giọt của ân điển cứu độ, nhưng theo cách của ma-na để mỗi người ra đi thu lượm cho chính mình. Điều này cứ tiếp tục cho đến khi Đấng Christ Thành Nhục Thể, khi Đấng Christ gom lại vào Thân Vị Ngài trọn dòng sông của Thánh Linh dành cho hết thấy chúng ta.... Khi những ống dẫn đức tin được hoàn thành và mọi trở ngại bị loại trừ, thì Thánh Linh vào ngày Lễ Ngũ Tuần giáng xuống ào ào qua những ống dẫn đã được nối kết vào lòng của mỗi tín hữu. Trước kia có sự riêng biệt, mỗi người cho riêng mình; bây giờ là sự hiệp nhất của tất cả những chi thể vào một thân thể ở dưới một Cái Đầu. Đây là sự khác biệt giữa những ngày trước Lễ Ngũ Tuần và những ngày sau Lễ Ngũ Tuần” (Ghi chú: Mặc dù Wiley trình bày trong *Christian Theology*, 2:329 rằng Lễ Ngũ Tuần là ngày khai sinh của Hội Thánh, nhưng sau đó ông chọn quan điểm đối lập trong 3:185-86).

mở rộng chức vụ của Đấng Christ, nhưng cách làm việc mới của Thánh Linh sẽ có những lợi ích riêng biệt. Chúa Jêsus đã ở với họ trong thời gian ngắn; còn Thánh Linh thì ở trong họ. Chúa Jêsus đã ở với họ bằng thân thể vật lý và ở bên ngoài; còn Thánh Linh sẽ ở với họ về mặt thuộc linh và ở bên trong. Chúa Jêsus ở với họ theo tập thể nhóm người; còn Thánh Linh không những sẽ đến ở với họ theo tập thể, nhưng Ngài còn ở trong mỗi cá nhân nữa, trong từng đời sống cũng như cả hội chúng.

Chúa Jêsus đã nói chuyện bằng ngôn ngữ chung của thời đại ấy, và sự thông công này có thể bị đổ vỡ; nhưng Thánh Linh sẽ soi sáng cho họ từ bên trong (Giăng 16:14). Vì ba năm Chúa Jêsus đã không vào bên trong họ, nhưng Thánh Linh sẽ vào bên trong để thánh hóa họ toàn bộ.

Đây là những lý do mà Chúa Jêsus có thể nói với họ: “Ta đi là ích lợi cho các con, vì nếu Ta không đi, Đấng An ủi sẽ không đến với các con. Khi Ta đi, Ta sẽ sai Ngài đến” (Giăng 16:7). Nhiều người Tin Lành sợ rằng nếu tôn trọng Thánh Linh thì sẽ không tôn trọng Đấng Christ. Đó không phải là cách mà Chúa Jêsus nhìn vấn đề. Ở đây Ngài thực sự nói với các môn đồ Ngài rằng Ngài không có mặt với họ (về thân thể vật lý) là điều tốt cho họ vì Thánh Linh có thể ở với họ, hơn là Ngài ở với họ mà Thánh Linh không ở với họ. Khi Thánh Linh được tôn trọng, thì Đấng Christ cũng được tôn trọng nữa, theo mức độ lớn hơn và vinh diệu hơn.

B. TƯƠI MỚI VỀ ĐẶC ÂN

“Những bước đột phá” đặc biệt nào cho Cơ đốc nhân? Lễ Ngũ Tuần khởi đầu ít nhất bốn cuộc cải cách triệt để.

1. Phương Cách Mới trong nếp Sống Tôn Giáo

Về một phương diện, lễ nghi tể mĩ của sự thờ phượng thời Cựu Ước cần thiết cho những người yếu đuối để động viên về

bên trong và lại thiếu đi sự sống thuộc linh chân thật. Khi chức vụ bên trong của Thánh Linh bị hạn chế, thì đời sống thuộc linh cần phải có những cấu trúc xã hội mạnh mẽ để thiết lập những thói quen, truyền thống và khuôn mẫu hành vi. Luật pháp thông báo cho tâm trí họ những điều phải điều quấy, mặc dù luật pháp Môi-se không những động viên sự nhậy bén về đạo đức và sự phán xét đạo đức nhưng cũng nuôi dưỡng sự nhận biết sâu sắc về sự oai nghi của Đức Chúa Trời và tầm quan trọng của sự thờ phượng.

Để làm cho tôn giáo sống động, những hình thức và bốn phận thường trực phải mang sức nặng to lớn để bù trừ cho độ nhẹ hời hợt của động lực thuộc linh bên trong. Sự mạng của Thánh Linh là làm đảo lộn sức nặng đòi hỏi của bên ngoài trong mối quan hệ với bên trong. Sự thay đổi này có ý nghĩa khi một người kinh nghiệm sự tái sinh thực sự, nhưng khi người ấy được đầy đầy Thánh Linh thì kinh nghiệm ấy mới đập mạnh và hoàn tất! Bây giờ người ấy làm cho linh hồn mình rộn ràng lên bằng tình yêu của Đức Chúa Trời và làm cho thế gian thuộc linh không thấy được bên trong trở thành thực sự mà không cần dùng màu sắc, tiếng động và cảnh hào nhoáng. Trong trật tự mới những hình thức tối thiểu nhất cũng đủ để tạo ra sự vui mừng của sự thờ phượng.

Chúa Jêsus nói với người đàn bà ở giếng nước. “Hỡi người đàn bà, hãy tin ta, giờ đến, khi các người thờ lạy Cha, chẳng tại trên hòn núi này, cũng chẳng tại thành Giê-ru-sa-lem... Nhưng giờ hầu đến, và đã đến rồi, khi những kẻ thờ phượng thật lấy tâm thần và lẽ thật mà thờ phượng Cha: Ấy đó là những kẻ thờ phượng mà Cha ưa thích vậy” (Giăng 4:21,23). Vào ngày Lễ Ngũ Tuần 120 người bắt đầu theo cách mới để học tập ý nghĩa của loại thờ phượng này, chạy thẳng từ tấm lòng và được Thánh Linh cảm thúc để Đức Chúa Cha đẹp lòng mà không cần đến vị trí hay hoàn cảnh.

Các môn đồ đã nói, “Xin dạy chúng tôi cầu nguyện” (Lu-ca 11:1) và Chúa Jêsus đã ban lời khuyên về sự cầu nguyện và dạy họ khuôn mẫu cầu nguyện. Nhưng mãi đến khi họ được đầy đầy Thánh Linh thì sự cầu nguyện này mới thực sự có ý nghĩa cho họ giống như có ý nghĩa trong đời sống của Chúa Jêsus – một sự thông công cá nhân và thực sự với Đức Chúa Trời và một nguồn động lực để hướng dẫn và ban quyền năng.

Phạm vi của sự triệt hạ tận gốc rễ với nghi thức cổ truyền hàm ý trong Lễ Ngũ Tuần không thể nào hiểu ngay lập tức, ngay cả các sứ đồ. Nhưng phần ký thuật trong sách Công vụ cho thấy sự thay đổi dần dần và không thể đảo ngược lại của đời sống tôn giáo từ lễ nghi của Đền Thờ đến phượng thờ phượng của Cơ đốc nhân, mang đặc điểm của sự ca hát, rao giảng, và dạy dỗ, Lễ Bẻ Bánh, cầu nguyện tự do và chia sẻ qua những ân tứ của Thánh Linh. Các Sứ đồ, không phải là thầy tế lễ trở thành trung tâm. Từ ngày Lễ Ngũ Tuần người ta thấy điều này rõ ràng (Công vụ 2:41-47).

2. Phương Cách Mới trong Sự Tiếp Xúc với sự Đầy Dẫy của Đức Chúa Trời

Có thể sai lầm khi nói rằng Đức Chúa Trời luôn luôn ở tách biệt với con người hoặc Ngài không sẵn sàng đón tiếp những người nhiệt thành tìm kiếm Ngài. Nhưng hàng rào của tấm lòng tội lỗi và tâm trí đen tối, thiếu hiểu biết và mê tín, đã quá dày đến nỗi chỉ có vài người vượt ra khỏi môi trường của họ để hiểu biết Đức Chúa Trời theo mức độ nào đó. Hê-nóc “đồng đi cùng Đức Chúa Trời” (Sáng thế ký 5:22, 24) mà không có Kinh Thánh và không có nhà thờ. Nhưng ông ta phải trả giá như thế nào thì chúng ta không biết. Theo bản chất của trường hợp này, Đức Chúa Trời có thể đã bày tỏ chính Ngài trong sự mờ nhạt và thì thầm, không bao giờ rõ ràng cho đến khi Con Ngài hiện đến. Con người đã dùng đức tin nắm lấy bàn tay vô hình và thờ phượng Đấng mà họ chỉ nhận thức cách mơ

hồ. Kinh nghiệm về ân điển bắt đầu có hình thức rõ nét hơn qua sự thờ phượng do Môi-se thiết lập, và rồi điều này rõ ràng hơn qua chức vụ của các tiên tri.

Về mức độ giám hộ đặc biệt và ban quyền năng của Thánh Linh chỉ dành cho một số người đặc biệt. Điều này đôi khi trong hình thức của ân tứ, như trong trường hợp của Bê-sa-li-ên (Xuất Ê-díp-tô ký 31:1-2). Trong hình thức xúc dầu trên các vị quan xét và các vị vua; thậm chí đặc biệt hơn trong sự hiểu biết thuộc linh và sự cảm thúc ban cho các tiên tri để nói ra hoặc viết ra. Nhưng khi sự Thành Nhục Thể xé đôi dòng lịch sử, và bức màn bị xé rách khi Đấng Christ chịu chết và sự sống lại của Chúa kết hợp với Đức Chúa Cha trong Thánh Linh không bị gò bó, thì thành linh tia nước nhỏ trở thành dòng suối phun trào. Bề rộng của dòng nước ấy trở nên rộng như nhân loại. Chắc chắn phải có tiếng vang lớn khi Phi-e-rơ “cất tiếng” và công bố những gì được tiên tri Giô-ên nói lúc trước:

*Đức Chúa Trời phán: Trong những ngày sau rốt,
ta sẽ đổ Thần ta khắp trên mọi xác thịt;*

*Con trai và con gái các ngươi đều sẽ nói lời tiên tri,
Bọn trai trẻ sẽ thấy chiêm la,*

Và các người già cả sẽ có chiêm bao.

*Phải, trong những ngày đó, ta sẽ đổ Thần ta khắp trên
các đầy tớ trai và gái ta,*

Họ đều nói lời tiên tri” (Công vụ 2:14, 16-18)

Từ đó không còn phân biệt phái tính, tuổi tác hoặc giai cấp trong xã hội khi tiếp cận với sự đầy đầy Thánh Linh. Người nô lệ cũng được “đầy đầy Thánh Linh” như một vị sứ đồ. Trong số 120 người gồm cả hai giới tính, chắc chắn trẻ cũng như già, người có học và người ít học. Một số người có lẽ rất nghèo, và có thể có một số người trước kia là nô lệ, hoặc ít ra là tội tở. Nhưng tất cả đều được đầy đầy Thánh Linh như nhau và được

ban cho quyền năng như nhau để sống đắc thắng và hoàn thành sự kêu gọi cao quý của mình trong những ngày tiếp theo.

Sự tuân theo cách phổ quát vừa là sự kiện vừa là tiên tri. Với 120 người, đó là một kinh nghiệm biết rõ; với vô số người và những thế hệ kế tiếp đó là lời hứa có khả năng thực hiện được. Vì lời hứa “thuộc về các người, con cái các người, và thuộc về hết thảy mọi người ở xa, tức là bao nhiêu người mà Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta sẽ gọi” (Công vụ 2:39). Và ngày nay tín hữu thấp hèn nhất cũng có thể được mạnh mẽ trong Thánh Linh. Người ấy có thể đứng cao hơn và nhìn thấy xa hơn là học giả sáng chói nhất mà không có Thánh Linh.

3. Một Sự Năng Động Mới của sự Phát Triển Tôn Giáo

Người Do thái có thể đem nhiều người gia nhập Do thái giáo; Cơ đốc nhân bằng quyền năng Thánh Linh có thể đem nhiều người đến với Chúa Jêsus. Phương pháp có thể là sự rao giảng và dạy dỗ dưới sự ban cho thiên thượng. Hoặc riêng tư hoặc nơi công cộng, có kỹ năng hoặc không có kỹ năng, trong mọi trường hợp thì điều thiết yếu phải là Thánh Linh.

Sự ban cho quyền năng (xem thêm Công vụ 1:8) là hoạt động của thiên thượng trong và qua những Cơ đốc nhân đi ra làm chứng vốn đem lại sức thuyết phục. Thánh Linh sẽ chuyển đổi sự thông công bằng lời nói thành ra tia chớp của sự khám phá, sự kích động, sự khải thị và sự hiểu biết. Tự bản thân những lời nói không hiệu quả sẽ trở thành luồng điện gây chấn động, đụng chạm vào lương tâm và thu hút tâm trí. Những mũi tên tình cờ bắn đi được dẫn dắt để bắn trúng vào lương tâm. Bằng cố, và sự bày tỏ đầu tiên của sự truyền giảng đầy quyền năng là sự qui đạo của 3000 người vào ngày đầu tiên, như vậy ứng nghiệm lời hứa của Chúa Jêsus, “kể nào tin ta, cũng sẽ làm việc ta làm; lại cũng làm việc lớn hơn nữa, vì ta đi về cùng Cha” (Giăng 14:12).

Tất cả những sự nhấn mạnh hiện thời về hội thánh tăng trưởng là những việc làm không hiệu quả trừ phi những người tham gia ghi nhớ những thành phần của sự tăng trưởng – sự đánh thức, sự cáo trách, sự qui đạo và sự nên thánh – là những biến cố mà chỉ một mình Thánh Linh có thể tác động. Không có những biến cố này thì sự “tăng trưởng” sẽ không là gì cả ngoại trừ sự tụ tập của những tội nhân gần nhất. Những phương pháp của con người có thể xây dựng những hội chúng; chúng ta có thể chinh phục người ta qua tình bè bạn; chúng ta có thể bao bọc người ta trong tổ chức hội thánh qua “sự chăm sóc” – nhưng tất cả những điều này, trong nơi sâu thẳm của lòng họ, không mang họ vào sự diện kiến đối mặt với Đức Chúa Jêsu Christ.

4. Một Qui Tắc Mới của Kinh Nghiệm Tôn Giáo

Chính qui tắc mới của kinh nghiệm làm cho 3 đặc điểm đầu có thể xảy ra và có ý nghĩa. Sự hiểu biết cơ bản đó là qui tắc mới này không phải sự tái sanh nhưng là sự đẩy dẩy Thánh Linh (xem *Exploring Christian Holiness*, 2:303-18). Khả năng của sự thay đổi thực sự khởi đầu từ bên trong, cũng như ở bên ngoài, vượt qua hàng rào của thời đại. Vì có sự hiểu biết rõ hơn về nền tảng của sự cứu chuộc (sự chết và sự sống lại của Chúa Jêsu) bây giờ được những sứ đồ vào Lễ Ngũ Tuần chuyển giao và sau đó, những người mới qui đạo được đặt nền móng vững vàng. Theo ý nghĩa hình thức giáo lý này, những người mới qui đạo là những “Cơ đốc nhân” hoàn hảo hơn. Thậm chí những sứ đồ, khi được đẩy dẩy Thánh Linh, lập tức mới có cái nhìn rõ ràng hơn về những gì thuộc về đức tin của họ. Nhưng sự kiện này lại không có giá trị gì đối với thế hệ trước họ. Có phải có nhiều người đã tiếp nhận Đấng Christ thực sự nhưng lại có đức tin nhầm lẫn, rồi sau đó họ mới hiểu rõ về Thập tự giá không?

“Lời hứa của Đức Chúa Cha” trong Cựu Ước, được Giảng Báp Tít phát biểu, và được Chúa Jêsus tái xác nhận có liên quan với phép báp têm đặc biệt bằng hoặc với Thánh Linh, đã được những người vâng lời Đức Chúa Trời kinh nghiệm. Cả Wesley và Fletcher hiểu Giảng 7:39 không nói về sự khởi đầu của công tác của Thánh Linh nhưng nói đến sự tuôn đổ Thánh Linh cách đặc biệt trong ngày Lễ Ngũ Tuần, một Quà Tặng cho Hội Thánh về sự thánh khiết và quyền năng để làm cho lời hứa “dòng sông sự sống” trở thành một thực tế trong đời sống của tín hữu²².

Hơn nữa, chính ngày Lễ Ngũ Tuần đã hoàn thành giao ước mới như là một thực thể kinh nghiệm được. Mặc dù giao ước mới được Đấng Christ khởi đầu bằng hành động cứu độ trên Thập tự giá và mặc dù Chúa Jêsus đã thành lập lễ kỷ niệm trước đó 50 ngày, nhưng chính vai trò của Thánh Linh là thực hiện sự cung cấp trọng tâm được hứa qua việc viết luật pháp của Đức Chúa Trời vào lòng và tâm trí của những môn đồ đang chờ đợi. Giống như sự thánh khiết là trọng tâm đối với Núi Si-na-i, thì cũng vậy sự thánh khiết là trọng tâm đối với Lễ Ngũ Tuần. Và giống như lễ Vượt Qua đầu tiên đánh dấu sự giải cứu của người Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai-cập và đồng thời cho họ để đủ tư cách để vào hiệp ước Si-na-i với Đức Chúa Trời, thì cũng vậy Đấng Christ lễ Vượt Qua của chúng ta sẽ giải cứu chúng ta khỏi xứ Ai-cập tội lỗi và cho chúng ta đủ tư cách để tham gia đầy đủ vào công tác thánh hóa của Thánh Linh, đưa Hội Thánh trở về tình trạng của Lễ Ngũ Tuần của Cơ đốc nhân đầu tiên²³.

²² Xem Timothy L. Smith, “How John Fletcher Became the Theologian of Wesleyan Perfectionism, 1770-1776,” *Wesleyan Theological Journal* 15, no 1 (Spring 1980); 75-76, 80.

²³ Truyền thống Do thái hiểu việc ban luật pháp tại Núi Si-na-i để thành lập Lễ Ngũ Tuần đầu tiên. xem thêm Clarke, Matthew Henry, *Beacon Bible Commentary*, và *Wesleyan Bible Commentary* on Exodus 19.

C. LỄ NGŨ TUẦN VÀ VƯƠNG QUỐC

Nhiều người đã nỗ lực định nghĩa ý niệm Vương quốc của Tân Ước, và liên hệ điều này với Hội Thánh, với Lễ Ngũ Tuần và với thuyết mạt thế [eschatology]. Sách này sẽ không bàn sâu về những sự nghiên cứu này. Tuy nhiên, chúng tôi sẽ đưa ra ba quan điểm nền tảng sau.

Trước hết, đoạn văn Tân Ước chủ yếu về sự thánh khiết là Ma-thi-ơ 6:33: “Hãy tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình Ngài”. Vương quốc của Đức Chúa Cha và “sự công bình của Ngài” không thể tách rời nhau. Trong phần định nghĩa sơ đẳng nhất, Vương quốc là sự cai trị của Đức Chúa Trời, trong khi sự công bình là sự công bình chuẩn bị sẵn cho loài người qua Đức Chúa Jêsus Christ. Đó là sự công bình không những bao gồm sự xưng công bình nhưng còn sự nên thánh. Dấu hiệu của sự nên thánh này được hoà hợp cách trọn vẹn với qui luật không nhượng bộ của Đức Chúa Trời trong đời sống của một người. Như vậy Vương quốc sẽ được thành lập bên trong. Ý niệm Vương quốc như thế được Phao lô nói đến, “Vì nước Đức Chúa Trời chẳng tại sự ăn uống, nhưng tại sự công bình, bình an, vui vẻ bởi Đức Thánh Linh vậy” (Rô-ma 14:17).

Vì thế, sự nhấn mạnh không phải là đất đai nhưng là con người. Vương quốc là một lãnh vực không có biên giới địa lý, nhưng là một thực thể thực sự, bao gồm một dòng dõi mới – hai lần sinh ra. Trước khi Đấng Christ đến người ta đã nhận thức cách mơ hồ về bản chất của vương quốc này, nhưng khi Ngài bày tỏ điều này trong thân vị Ngài thì Ngài nói rõ ràng cho mọi người biết. Trong toàn bộ những sự dạy dỗ trong Tân Ước đều nêu rõ Vương quốc, nhưng bản chất thuộc linh và sự nhấn mạnh của điều này đều đặt trọng tâm nơi Đấng Christ (Lu-ca 17:21 – “vì này, nước Đức Chúa Trời ở trong các người”).

Thứ hai, do sự hàm ý chúng ta có thể nói rằng Lễ Ngũ Tuần không còn đánh dấu là sự khởi đầu của Vương quốc mà là ngày khai sinh của Hội Thánh. Một số người đã xem Lễ Ngũ Tuần là sự ứng nghiệm của Mác 9:1 "Ta cho các con biết, một vài người đang đứng đây sẽ còn sống cho đến khi nhìn thấy Nước Trời thiết lập với uy quyền vĩ đại!" Nếu điều này liên quan đến Lễ Ngũ Tuần thì sẽ gây ra sự tranh luận, nhưng nếu thế thì sự nhấn mạnh sẽ là chữ "uy quyền vĩ đại"²⁴. Lễ Ngũ Tuần là bước đột phá cho Vương quốc, theo ý nghĩa đó, bây giờ vương quốc được tràn lan khắp đất với một sự năng động mới. Nó là sự tăng cường sức mạnh của dòng điện từ 1000 watt lên đến 100.000 watt. Dòng chảy "đến" từ trước; nhưng bây giờ nó "đến" với sức mạnh phi thường.

Thứ ba, một người có thể kinh nghiệm cách cá nhân ở trong Vương quốc qua sự tái sinh và có Vương quốc ở bên trong mình, vừa có luật pháp và có Vị Vua, nhưng vẫn còn thiếu hụt sự thánh khiết trọn vẹn, mà mức độ đầy đủ của sự công bình bên trong qua đó Vương quốc được định nghĩa trọn vẹn hơn. Như Wood nói,

Về một phương diện, trở nên thành viên của Vương quốc phải qua việc tín hữu được sáp nhập vào Hội Thánh do đức tin xứng công bình; về một phương diện khác, vương quốc của Đức Chúa Trời được thiết lập trong mỗi tín hữu trong Đấng Christ qua sự nên thánh của Thánh Linh²⁵.

²⁴ Fletcher nói rằng vào ngày Lễ Ngũ Tuần vương quốc của Đức Chúa Trời "khởi đầu với quyền năng mới".

²⁵ *Pentecostal Grace*, 39. Một chỗ khác (41) Wood nói, "Như vậy đời sống Cơ đốc nhân được hình thành qua hai giai đoạn - tín hữu được sáp nhập vào vương quốc của Đấng Christ (sự xứng công bình) và vương quốc của Đấng Christ được thiết lập trong lòng của tín hữu (sự nên thánh).

Vì thế, Cơ đốc nhân xác thật, là người chưa kinh nghiệm Lễ Ngũ Tuần, thì lời cầu nguyện này phải là điều khẩn cấp theo cách cá nhân –

Lạy Cha yêu quý trên trời,
Danh Cha được tôn thánh khắp nơi!
Xin Nước Cha sớm đến,
Ý muốn Cha thực hiện dưới đất
Như đã từng thực hiện trên trời. (Ma-thi-ơ 6:9-10).

ĐƯỢC THÁNH LINH SINH RA: SỰ NÊN THÁNH KHỞI ĐẦU

Chúa Jêsus đã đưa ra lời công bố khởi đầu cho Ni-cô-đem rằng trước khi một người có thể “nhìn thấy” (bước vào, gia nhập) vương quốc của Đức Chúa Trời, thì phải có một biến cố xảy ra, mà Ngài gọi đó là sự sinh ra thuộc linh (Giăng 3:1-8). Ni-cô-đem đã được sinh ra về mặt vật lý vào quốc gia Y-sơ-ra-ên, nhưng nước Y-sơ-ra-ên không tạo thành Vương quốc. Đây là một thực thể hoàn toàn khác biệt mà muốn vào đó phải có một loại sinh ra khác. Sự sinh ra này “từ trên” đến và do Thánh Linh sinh ra.

Sự sinh ra này xảy ra trong tâm linh của con người. Vì có biến cố Sa ngã, linh của con người xa cách khỏi Đức Chúa Trời và bị nằm bất động về mặt thuộc linh, không thể nào “nắm chặt” những thực tế thuộc linh. Sự sinh lại là sự sống lại về mặt tâm linh, để nó thành linh nhận biết cách sống động về những thực tế thuộc linh. “Người thiên nhiên không nhận biết những điều của Thánh Linh Đức Chúa Trời... vì họ không có sự phân biệt thuộc linh” (I Cô-rin-tô 2:14). Không có sự tái sanh con người là một tạo vật yếu ớt có hai chiều hướng (ngang và dọc); sự tái sanh khôi phục chiều hướng thứ ba (chiều cao), chiều hướng của Đức Chúa Trời và lãnh vực vô hình của Vương quốc của Ngài.

I. NHỮNG ĐIỀU TIÊN QUYẾT CỦA SỰ TÁI SANH

A. SỰ THỨC TỈNH

George Smeaton trung thành với thuyết của Calvin trong việc nhận định rằng quyền năng cáo trách của Thánh Linh tương đương với sự qui đạo và sự bảo đảm cho sự an ninh đời đời của người được chọn, vì Ngài chỉ cáo trách tội lỗi những người Ngài định cứu. Điều này giải thích vì sao trường phái này tin rằng sự kiện đầu tiên trong cuộc hành trình thuộc linh của một người là *sự tái sinh*¹.

Một nhà truyền giảng giải thích về động cơ của sự qui đạo như sau: “Bạn đang đi bộ trên đường phố, không suy nghĩ điều gì đặc biệt, thành linh bạn cảm nhận có người vỗ vai mình, bạn quay lưng lại và thấy bạn mình. Cuộc đời của bạn cũng vậy. Bạn đang đi trên các lối đi của cuộc sống rồi thành linh bạn cảm nhận có người vỗ vai. Bạn quay lưng lại và Chúa Jêsus đang đứng đấy. Đó là sự qui đạo”. Không, đó mới chỉ là sự thức tỉnh. Đó mới chỉ là “sự kêu gọi của Phúc Âm”. Không có sự ép buộc trong cái vỗ vai ấy. Dừng lại là việc không chủ tâm, và quay lại để nhìn người ấy là ai là phản xạ tự nhiên. Nhưng sau đó mới đi đến quyết định, hoặc là chúng ta sẽ quay lại và đi với Chúa Jêsus, hoặc chúng ta tiếp tục đi trên đường mình chọn.

Trước hết linh hồn được thức tỉnh để nhìn nhận nhu cầu, lương tâm được quấy động mãnh liệt hơn, đó là giai đoạn đầu của ân điển cho trước. Tác nhân là Thánh Linh. Phương tiện là lẽ thật, những biến cố thiêng liêng và những ảnh hưởng con người kêu gọi sự chú ý, có lẽ là một bài giảng hoặc một bài

¹ *The Doctrine of the Holy Spirit* (reprint, London, Banner of Truth, 1961), 173-89.

thánh ca hoặc một lời làm chứng, tại một ngã tư quan trọng trong đời sống một người.

Nếu không có Lời Chúa, thì việc nghe giảng, đọc sách không đem đến sự cáo trách nào. Nó chỉ là một sự khó chịu mơ hồ, một cảm giác kinh hãi hoặc có lẽ một tai nạn sắp treo lơ lửng; hoặc là một cảm giác về sự chưa hoàn hảo và chưa hoàn tất công việc. Sự rao giảng Lời Đức Chúa Trời sẽ cho phép Thánh Linh kết tinh sự khó chịu thành sự cáo trách tội lỗi, và đồng thời đánh thức hi vọng bằng cách hướng dẫn sự chú ý của người ấy vào Chúa Jêsus thay vì vào chính mình và người khác.

Người nào càng cảm thấy đau đớn về lỗi lầm trong kinh nghiệm thức tỉnh này chừng nào, thì người ấy sẽ thành thật trong sự ăn năn và khuynh hướng tôn giáo trong người ấy sẽ sẵn sàng đáp ứng với sự thánh khiết chừng này. Sự qui đạo dựa vào cảm giác nồng nặc về tội lỗi sẽ khó tái lập sự khao khát sâu xa về sự thánh khiết. Những sự khác nhau này sẽ phản ánh những động cơ của việc truyền giảng mà một người được giới thiệu để tin vào Đấng Christ.

B. SỰ ĂN NĂN.

Ngoại trừ Chúa Jêsus giảng rằng loài người "Phải ăn năn tội lỗi và tin nhận Phúc âm!" (Mác 1:15), còn Giảng Báp Tít, Phao lô, Phi-e-rơ và những người khác đều giảng về sự ăn năn.

1. Trận Chiến với Ý Chí

Dự kiến của Thánh Linh trong sự đánh thức thuộc linh là để thúc giục sự ăn năn. Thánh Linh "ban cho" sự ăn năn theo ý nghĩa phát sinh khuynh hướng và khả năng hạ mình. Nhưng khuynh hướng này lại phải chiến đấu với lực khác chống lại – sự kiêu ngạo, sự uể oải lười biếng, sợ loài người, yếu mền tội lỗi; vì vậy, con người vẫn không thể ăn năn. Theo lời dạy của

Luther, tội nhân không tạo ra sự đói khát trong lòng mình, nhưng người ấy có thể kháng cự lại sự đói khát ấy; con người không thể tự cứu mình, nhưng người ấy có thể làm cho mình chìm đắm sâu hơn. Adolf Köberle viết, “Chúng ta không thể cảm động Đức Chúa Trời để kêu gọi chúng ta, nhưng chúng ta có thể bịt tai lại với tiếng kêu gọi của Ngài khi tiếng ấy đến với chúng ta”².

Vì sự ăn năn là điều đau đớn, liên quan đến việc chuyển hướng triệt để và sự đặt lại vấn đề về mục tiêu và những giá trị, nên có sự cám dỗ để phấn khởi khi tiếp nhận Đấng Christ nhưng chỉ ăn năn qua loa thôi. Con người có khuynh hướng chấp nhận sự cung ứng của sự tha thứ mà không cần phải tranh chiến cách khốn khổ với những vấn đề đạo đức liên quan với nó (xin xem Ma-thi-ơ 13:5-6, 20-21).

Tại đây cũng đòi hỏi bầu không khí truyền giảng nữa. Sự giảng dạy chỉ nói nhiều đến phước hạnh nhưng nói ít về sự thánh khiết, nói mạnh về đức tin nhưng nói ít về sự ăn năn, sẽ tạo ra “hình dạng” kinh nghiệm tôn giáo này. Rất dễ dàng hướng dẫn người ta đến với Chúa Jêsus là Đấng giải quyết những nan đề của họ hơn là hướng dẫn người ta đến với Cứu Chúa để được cứu khỏi tội lỗi. Nhưng sự ăn năn nông cạn sẽ tạo ra một nền tảng sơ sài cho nếp sống đạo đức sau này. Curtis nói rằng đức tin thật “thấm sâu vào sự say mê đạo đức” [a true faith ‘steep in moral passion’]³. Bất kỳ sự ăn năn hời hợt nào sẽ là lớp mỏng bên ngoài nếu nó không phát xuất từ sự đau đớn về tội lỗi của mình. Có câu phương ngôn nói rằng sự thánh khiết sống động có nguồn gốc ở sự ăn năn sống động⁴.

² *Quest for Holiness*, 143.

³ *Christian Faith*, 87; cf. 124.

⁴ Hiểm họa của sự nhấn mạnh *sola fide* (chỉ một mình đức tin mà thôi) khi nói đến ăn năn được thấy trong thời kỳ Cải cách, và cực tuyệt mạnh mẽ Công Thức của Concord của Luther [Lutheran Formula of Concord,

2. Tôn Giáo Hảo Huyền hay Để Non?

Không phải lúc nào cũng hiểu được sự nông cạn của một số tân tín hữu và thấy họ dễ dàng quay lại với thế gian. Trong vài trường hợp đó là nan đề của việc ý chí không đầu phục hoàn toàn nên họ thiếu hiểu biết, hoặc sự hiểu biết của họ chỉ nằm dưới lớp đá sỏi của ý thức. Niềm vui phấn khởi của cảm xúc và sự nhiệt tình đầu phục xem như hứa hẹn lắm, nhưng sau đó họ nguôi đi, bỏ đạo và thất vọng.

Ở những trường hợp khác, có kinh nghiệm tôn giáo nhưng thiếu đi sự tái sinh thật. Những người này trở thành những người theo tôn giáo, nhưng sự sống mới của họ chỉ là sự thay đổi từ ngữ, môi trường và phong cách sống, nhưng năng lực của xác thịt vẫn như xưa. Đây là những trường hợp “qui đạo” vì lý do sai trật; khi những linh hồn đáp ứng theo sự săn sóc yêu thương của những Cơ đốc nhân và bám víu vào *con người* hơn là vào Đấng Christ. Hoặc là qui đạo theo động cơ lợi dụng, một chàng thanh niên muốn được cứu để anh ta có thể bỏ rượu và muốn chinh phục được một cô gái nào đó trong Hội Thánh. Hoặc giống như một người cha nói, “Chúng tôi bị bệnh tật nhiều và có nhiều điều khác nữa, tôi nghĩ rằng, nếu tôi trở thành Cơ đốc nhân thì mọi việc sẽ dễ dàng hơn”. Sau ba năm bị thử thách, trong khi nợ nần và gánh nặng không biến mất thì anh ta đã bỏ đạo.

1576): “Nhưng chúng ta đừng tưởng tượng bất kỳ đức tin xưng công bình đó có thể hiện hữu và chống đỡ được mục đích của điều ác, nghĩa là: phạm tội và hành động trái với lương tâm”. Con người có thể “gánh chịu sự kết tội, không phải do niềm tin của người Epicure liên quan đến đức tin tốt hơn là niềm tin của người Pha-ri-si và hệ thống Giáo hoàng tin quyết nơi việc làm và công đức”. Duy trì sự tránh phạm tội cũng được xác nhận mạnh mẽ: “Hơn nữa, chúng ta không thừa nhận và kết án giáo điều nào cho rằng đức tin nơi Đấng Christ không bị mất, và thậm chí ở một người cố tình phạm tội, nhưng Thánh Linh vẫn cứ ở trong người đó”.

Tuy nhiên, chúng ta không được hạ giá trị của sự qui đạo, cho rằng điều đó sẽ không kéo dài. Mặc dù chúng ta không thể đưa ẩn dụ về sự sinh ra đời quá xa, nhưng phải nhìn nhận rằng có một số trẻ sơ sinh ra đời quá yếu ớt và bệnh hoạn, do đó cũng có những con đẻ thuộc linh giống như vậy. Đức Chúa Trời biết tấm lòng và sẽ động viên và đánh thức những tấm lòng chân thành đến với Chúa Jêsus, thậm chí có khi có những động cơ ban đầu không đúng và sự ăn năn không sâu sắc như đáng phải có. Trong những trường hợp như thế công tác thực sự của ân điển vẫn thực hiện, Thánh Linh vẫn đưa người ấy đi xa hơn để đến điểm người ấy sẵn sàng.

Nhưng sự qui đạo như thế sẽ dễ dàng bị kéo lùi vào nếp sống cũ. Chỉ có sự nuôi dưỡng cẩn thận sẽ giúp cho người ấy đứng vững trên chân mình cho đến khi Thánh Linh có thể làm cho sự ăn năn của người ấy trở nên sâu xa, rồi dẫn dắt người ấy đến sự cứu chuộc trọn vẹn. Những bốn phạm về sự thánh khiết phải luôn luôn đặt trước những người ấy, nhưng đừng để họ thất vọng - chắc chắn không theo cách làm cho họ không theo Chúa nữa - nhưng theo cách vừa thách thức vừa thu hút họ.

II. NHỮNG SỰ KIỆN XẢY RA ĐỒNG THỜI VỚI SỰ TÁI SANH

Sự tái sanh, công tác đầu tiên của ân điển cứu độ, là một kinh nghiệm bao gồm sự xưng công bình, sự tái sanh, sự nhận làm con nuôi, và sự nên thánh khởi đầu. Những điều này được gọi là những sự kiện xảy ra đồng thời, theo ý nghĩa là mặc dù đây là những sự kiện riêng biệt rõ ràng, nhưng chúng không thể tách rời để kinh nghiệm từng sự kiện một. Không người nào được xưng công bình mà lại không được tái sanh, không được tiếp nhận vào gia đình của Đức Chúa Trời và không được nên thánh khởi đầu.

A. *SỰ XƯNG CÔNG BÌNH, SỰ TÁI SANH, SỰ NHẬN LÀM CON NUÔI*

Sự xưng công bình có hai mặt liên quan đến sự tha thứ tội lỗi và sự phục hoà với Đức Chúa Trời. *Sự tái sanh* là công tác của Thánh Linh làm cho một người được sống lại về mặt thuộc linh. *Sự nhận làm con nuôi* là sự thay đổi chỗ đứng và mối quan hệ luật pháp từ thế gian sang gia đình của Đức Chúa Trời và từ vương quốc của sự tối tăm “sang vương quốc của Đức Chúa Con mà Ngài yêu mến” (Cô-lô-se 1:13). Thánh Linh làm chứng cho mối quan hệ mới của chúng ta là con cái – chính Thánh Linh “làm chứng cho tâm linh chúng ta rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời” (Rô-ma 8:16). Đây là cảm nhận bình an và bảo đảm mà Đức Chúa Trời ban cho chúng ta. Đối với chúng ta “tiếp nhận” Đấng Christ là Cứu Chúa của mình là một phương diện, còn biết Ngài đã tiếp nhận chúng ta là phương diện khác.

Sự kiện xảy ra đồng thời thứ tư, *sự nên thánh khởi đầu*, cần sự khảo sát đặc biệt.

B. *SỰ NÊN THÁNH KHỞI ĐẦU*

I. *Những Sự Thay Đổi Tương Đối và Thật Sự*

Những sự thay đổi tương đối trong sự cứu rỗi là *sự xưng công bình, sự nhận làm con nuôi và sự nên thánh trong địa vị*. Những điều này có nghĩa tương đối vì chúng thay đổi mối quan hệ, không phải là những sự thay đổi chủ quan trong con người. Sự xưng công bình là sự thay đổi chỗ đứng trước luật pháp và Đấng ban luật pháp. Kẻ phạm pháp không bị buộc tội, người ấy được tha thứ, có vị trí thay đổi trong xã hội. Về mặt luật pháp người ấy có *vị trí đúng* trong xã hội. Xã hội không còn có cơ sở để bỏ tù người ấy. Nhưng bên trong người ấy có thể không thay đổi. Trong trường hợp này sự thay đổi chỉ thuộc về

luật pháp, nghĩa là tương đối đối với luật pháp, nhưng không thực sự, nghĩa là bên trong người ấy. Sự nhận làm con nuôi cũng là sự thay đổi tương đối, từ gia đình này sang gia đình khác; chúng ta không bao giờ là con cái theo cách Chúa Jê-sus là Con của Đức Chúa Trời.

Sự nên thánh trong địa vị là sự nên thánh của chúng ta rút ra từ việc chúng ta được Đức Chúa Trời thánh tiếp nhận. Đây là sự kết hợp của sự thánh khiết vốn có ở trong những gì *dâng hiến* cho Đức Chúa Trời, và sự thánh khiết vì *mối quan hệ* với Đức Chúa Trời. Ngày thánh, nơi chốn và đồ vật cũng như con người có thể được thánh khiết theo ý nghĩa này. Con cái Y-sơ-ra-ên được gọi là một dân tộc thánh vì họ được Đức Chúa Trời chọn lựa, và vì họ là tài sản đặc biệt của Đức Chúa Trời, cho dù thỉnh thoảng họ sống xa cách sự thánh khiết của Ngài. Về phương diện này mọi Cơ đốc nhân đều là thánh, cho dù lắm khi họ sống xác thịt, điều này giải thích tại sao trong các Thư Tín họ được gọi là thánh đồ (nghĩa đen, “những người thánh”)⁵. Họ được thánh trong địa vị do việc họ “ở trong Đấng Christ”.

Những sự thay đổi thực sự là *sự tái sanh*, *sự tẩy sạch khỏi sự bại hoại do mình gây ra* [acquired depravity] (trong sự nên thánh khởi đầu) và *sự nên thánh trọn vẹn*. Những điều này là thực sự vì nó tạo ra sự thay đổi bên trong người đó. Ở sự tái sanh một người được sống lại về mặt thuộc linh. Trong sự nên thánh trọn vẹn một người được tẩy sạch (tiêu cực) khỏi những gì còn sót lại của tội lỗi nguyên thủy, và (tích cực) được đổ đầy tình yêu trọn vẹn và được hài hoà trọn vẹn với Đấng Christ.

2. Những Thành Tố trong sự Nên Thánh Khởi Đầu

Sự nên thánh bắt đầu trong công tác đầu tiên của ân điển ở bốn khía cạnh. (a) Có sự nên thánh *trong địa vị* như đã nói ở

⁵ Khoảng 58 lần, xem I Cô-rin-tô 1:2; 6:11.

trên. (b) Có *sự đầu phục* vào sự thánh khiết đạo đức, liên quan đến sự ăn năn. Theo ý nghĩa đúng đắn, một Cơ đốc nhân chân chính là người có ý định sống một cuộc đời thánh khiết – dù phải nhìn nhận rằng ý niệm này có thể còn mơ hồ so với những điều tạo ra đời sống thánh khiết. (c) Sau đó có sự nền thánh khởi đầu theo ý nghĩa là một *động lực hướng về sự thánh khiết*, đó là bản chất thiết yếu của sự sống mới trong Đấng Christ. Sự sống thuộc linh mới của sự tái sinh tự bản chất là sự thánh khiết và tạo ra sự khao khát để được thánh khiết.

Nhưng (d) là điều đặc biệt đối với sự nền thánh khởi đầu là sự tẩy sạch khỏi *sự bại hoại do mình gây ra* [acquired depravity]. Sự bại hoại do mình gây ra và sự bại hoại kế thừa [inherited depravity] là hai điều khác nhau rõ ràng. Có sự sa đoạ tích lũy trong bản chất dần dần xảy ra như là kết quả trực tiếp của sự phạm tội của cá nhân. Mỗi một tội đều bỏ lại đằng sau dấu vết của mình – trong ý chí yếu đuối, thói xấu và sự suy nghĩ méo mó. Một tội nhân ở tuổi 20 thì bại hoại hơn lúc anh ta 10 tuổi, và có thể anh ta sẽ bại hoại nhiều hơn nữa lúc 40 tuổi. Sự kiện là sự bại hoại của anh ta có thể không phát triển thành hàng dài những điều độc ác, và qua sự kỷ luật cá nhân và văn hóa người ấy có thể duy trì những đặc tính đáng tôn trọng, nhưng vẫn không xóa bỏ được điều này. Vì sự bại hoại tiến triển mà chúng ta có trong tâm trí nên nó đã tạo ra sự cứng lòng và thói quen không tin kính. Nếu sự bại hoại do mình gây ra không phải là một hiện tượng có thật, thì sẽ không có lời giải thích nào về khuynh hướng đi xuống khi người ta già hơn.

Không gì đáng ngạc nhiên hơn sự tẩy sạch thực sự của lớp này sau lớp khác của những tạp chất rác rưởi có thể quan sát được ở những người qui đạo. Khuôn mặt rạng rỡ hơn, những thói hư bị bỏ đi, những từ ngữ thay đổi, cách suy nghĩ trước kia cũng đảo lại. Đây là sự qui đạo nhờ đó những tội nhân ương ngạnh được trở nên những đứa trẻ ngây thơ trở lại (Ma-thi-ơ

18:3). J. Kenneth Grider nói rằng nếu “khuyh hướng sự bại hoại do mình gây ra” này không được tẩy sạch trong sự tái sanh, thì “chúng ta không thể sống một đời sống Cơ đốc nhân”⁶.

Phải công nhận rằng sự thay đổi bên ngoài không xảy ra lập tức, nhưng sự thay đổi bên trong là sự lập tức và chẳng bao lâu nó sẽ hành động ra bên ngoài, đụng chạm vào từng khía cạnh của cá tính và phong cách sống. Rất tiếc, sự thay đổi này có thể bị cản trở một phần do sự cản trở đối nghịch của tâm trí xác thịt. Nhưng sự căng thẳng chân thật sẽ dẫn vào sự tự khám phá và vào sự khao khát tốt bậc muốn sống thánh khiết. Nếu một tín hữu bắt đầu cung cấp sự lương lực cho tâm trí xác thịt, thì sẽ có sự bế tắc, rồi cuối cùng rơi vào sự thối lui tai hại⁷.

III. TOÀN BỘ NHƯNG TỪNG PHẦN

A. TOÀN BỘ [Holistic]

Những sự thay đổi thực sự và tương đối trong hai công tác của ân điển không thể tách rời ra. Về mặt tư tưởng, sự xưng công bình mang trọng lượng của sự cứu chuộc cuối cùng của chúng ta, theo một ý nghĩa người được xưng công bình sẽ lên thiên đàng.⁸ Nhưng trong kinh nghiệm, sự xưng công bình

⁶ *Entire Sanctification*, 138. Cf. bài thảo luận xuất sắc của ông về ý niệm bại hoại giành được.

⁷ Xem Wiley, *Christian Theology*, 2:476.

⁸ Thật vậy, nếu sự chết xảy ra sau khi một người được tha thứ tội lỗi, thì linh hồn đó có thể được cứu. Tại điểm này chúng ta nhìn nhận sự công bình qui cho của Kinh Thánh. (Toàn thể “cái gói” được đặt vào “trương mục” của tín hữu, hơi giống như tiền đặt cọc ở chính sách bảo hiểm lập tức tạo ra tài sản có giá trị. Nhưng sự thanh toán tiền bạc này có điều kiện dựa vào sự duy trì những kỳ hạn của bản hợp đồng).

Điều này không có nghĩa là sự công bình qui cho luôn luôn miễn giảm cho tín hữu khỏi được tẩy sạch khỏi tội lỗi nguyên thủy trước khi

không thể *hiện hữu* ngoài tái sinh và sự nền thánh khởi đầu. Nó không thể *tiếp tục* mà không có đức tin để vâng lời và vâng lời để tin (Ma-thi-ơ 7:20-22). Từ khước ánh sáng có nghĩa là chết về mặt thuộc linh và bị tước mất sự xưng công bình. Như Bonhoeffer nói, “Chỉ có người nào tin là vâng lời, chỉ có người vâng lời là người tin” (ông cho in nghiêng)⁹.

Sự sai lầm nguy hiểm ở vài hình thức phổ biến của thuyết của Calvin là nỗ lực tách rời những sự thay đổi tương đối khỏi sự thay đổi thực sự (*địa vị sang tình trạng; ân điển công bố sang ân điển hoạt động*) theo cách mà những sự thay đổi tương đối có thể đứng một mình. Mặc dù sự xưng công bình bảo đảm cho một người lên thiên đàng nếu người đó chết trong giờ đó, nhưng sự xưng công bình – sự thay đổi tương đối – sẽ không thể tách rời khỏi những sự thay đổi thực sự vốn thuộc về sự cứu chuộc trọn vẹn khi con người nhận thấy trong kinh nghiệm của cuộc sống mình (xin xem trang 108-09, sách *Exploring Christian Holiness*, tập 3).

B. TỪNG PHẦN (Partial)

Về một phương diện, sự cứu chuộc trọn vẹn được ban cho lúc qui đạo và lệ thuộc vào điều được truyền thụ cho, nhưng con người chưa ý thức đầy đủ lúc nắm biết ân điển cứu độ. Tại điểm này từ ngữ *sự tái sinh* đòi hỏi cái nhìn thứ hai. Thỉnh thoảng Wesley mở rộng ý niệm này bao gồm toàn bộ những sự thay đổi có thể xảy ra trong cuộc đời này, kể cả sự nền thánh trọn vẹn. Mặc dù phủ nhận nhiều sự sai lầm của những người theo Hội Giám Lý được viết trên sách nhỏ tựa đề *A Brief*

vào thiên đàng. Trái lại nó có nghĩa là sự tẩy sạch như thế sẽ được Thánh Linh thực hiện, trong trường hợp chết bất ngờ mà không theo tiến trình bình thường. Muốn hiểu thêm về ý niệm của Kinh Thánh về sự công bình qui cho, xin xem E. P. Ellyson, *Bible Holiness* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1972, 63-64).

⁹ *The Cost of Discipleship* (New York: Macmillan Co, 1963) 69.

History of the Principles of Methodism của Mr. Tucker, nhưng Wesley lại nhất trí với bản tóm tắt của Tucker về mối quan hệ của công tác đầu tiên của ân điển với công tác thứ hai, bao gồm điều này:

Sự nên thánh, tình trạng cuối cùng và cao nhất của sự trọn vẹn trong cuộc đời này. Vì đó là những người trung tín được sanh lại trong ý nghĩa đầy đủ và trọn vẹn. Vậy có phải những người đó được ban cho tấm lòng mới và trong sạch không, và sự tranh chiến giữa con người cũ và con người mới đã chấm dứt¹⁰.

Nhưng những lần khác Wesley cẩn thận hạn chế chữ *tái sanh* cho sự bắt đầu đời sống thuộc linh¹¹. Khi ông sử dụng chữ *sự cứu chuộc đầy trọn* hoặc *sự cứu chuộc vĩ đại*, ông luôn luôn chỉ về “phước hạnh thứ hai” của sự nên thánh trọn vẹn.

Trung thành hơn khi chúng ta sử dụng ẩn dụ sinh ra để hạn chế từ ngữ *sinh lại* vào sự tái sanh, với những sự xảy ra đồng thời bằng việc tin rằng tội nhân được đem vào lãnh vực của sự cứu rỗi cá nhân. Sự “sinh ra” chỉ là khởi đầu của những điều sẽ xảy ra kế tiếp. Dùng chữ *sinh lại*, và trở nên con cái Đức Chúa Trời, chúng ta “nhìn thấy” Vương quốc, nghĩa là, chúng ta *bước vào* (Giăng 3:3,5).

Hơn nữa, mở rộng chữ “sự qui đạo” hoặc “sự sinh lại” bao gồm sự cứu chuộc đầy trọn thường có khuynh hướng cản trở sự phân biệt triệt để giữa công tác thứ nhất là sự *sinh ra* và công tác thứ hai của ân điển là *sự sửa sai* và *khôi phục*. Tương tự với sự nên thánh trọn vẹn không phải là sự sinh ra, nhưng là sự cất

¹⁰ *Works*, 8:373-74. Theo cách tương tự, E. Stanley Jones đôi khi sử dụng chữ “qui đạo” bao gồm toàn bộ sự thay đổi của sự xưng công bình và sự nên thánh.

¹¹ *Sách đã dẫn* 5:150-51; 7:205; 8:48-49; xem thêm *Exploring Christian Holiness*, 2:208-11.

bì (Phục truyền 30:6). Sự cất bì liên quan đến sự sinh ra (và là điều đòi hỏi để trở nên thành viên *đầy đủ* trong Y-sơ-ra-ên) nhưng riêng biệt và tiếp theo sau đó. Wiley cảnh cáo sự quá tải của sự tái sanh. Ông nói, chúng ta “đừng suy luận vì sự sống mới là một sự sống thánh khiết, và sự tăng trưởng đơn giản và lộ ra trong đời này sẽ ‘mang linh hồn vào sự nền thánh trọn vẹn’”.

Không phân biệt được điểm này sẽ không tránh khỏi việc dẫn đến “thuyết tăng trưởng” về sự nền thánh. Sự nền thánh là một hành động tẩy sạch và nếu tội lỗi bẩm sinh không được loại trừ ở đây, thì không thể nào có sự sống đầy đủ, không có sự trọn vẹn trong tình yêu. Theo một ý nghĩa hạn hẹp, sự tái sanh không phải là sự thanh tẩy¹².

Ông khẳng định rằng thật hiểu lầm khi giả định rằng sự nền thánh ‘không phải là điều mới, nhưng là sự làm cho trọn vẹn những gì chúng ta đã chiếm hữu’.

Thật vậy, có một *lớp nền* [substratum] chung cho sự tái sanh và sự nền thánh, nghĩa là, một đời sống có tình yêu đạo đức. Nhưng sự tái sanh là sự chuyển giao về cuộc sống của tình yêu, còn sự nền thánh là sự thanh tẩy tấm lòng khi nó làm cho tình yêu trở nên tối cao và trọn vẹn trong kinh nghiệm. Hai công tác này là tách rời và riêng biệt, và kết quả là công tác sau là điều gì cao quý hơn sự đụng chạm của công tác đầu¹³.

IV. ĐƯỢC THÁNH LINH SINH RA

Những nhà tâm lý học tôn giáo đã lúng túng khi mô tả và giải thích dựa vào nền tảng tự nhiên và tâm lý về sự thay đổi xảy ra trong sự tái sanh. Cách giải thích của Kinh Thánh là sự

¹² *Christian Theology*, 2:476.

¹³ *Sách đã dẫn*.

thay đổi ấy là hành động tức thì của Thánh Linh trên tâm linh con người. Nó liên quan đến một sự thay đổi trong chúng ta và một sự hiện diện trong chúng ta.

A. SỰ HIỆN DIỆN KHỞI ĐẦU

Thánh Linh trở thành Đấng nội trú khi chúng ta được tái sanh. Đó là sự sinh ra “bởi Thánh Linh” (*ek tou pneumatos*, theo ý nghĩa của sự khởi thủy và tác nhân). Ngài bước vào đời sống như là một tác nhân tích cực trong sự bày tỏ Đấng Christ, tiếp tục làm cho con người nhận thức về sự công bình và về tội lỗi, và dẫn dắt đến sự thánh khiết đầy đủ. Vì vậy, người ta cảm nhận rằng Thánh Linh được truyền thụ vào trong biến cố thứ nhất. “Nếu ai không có Linh của Đấng Christ, người ấy không thuộc về Đấng Christ”, và “những ai được Linh của Đức Chúa Trời dẫn dắt là con cái của Đức Chúa Trời” (Rô-ma 8: 9, 14).

B. NHƯNG THÁNH LINH CHƯA CHIẾM HỮU TRỌN VẸN

Là kinh nghiệm khởi đầu, sự tái sanh không tạo ra đặc ân của ân điển làm tiêu chuẩn của thời đại Thánh Linh¹⁴. Những môn đồ trước Lễ Ngũ Tuần đều được đóng dấu bằng sự sanh lại nhưng họ không được đầy dẫy Thánh Linh. Theo như định nghĩa về mối quan hệ với Thánh Linh thì Thánh Linh ở với [with] họ chứ chưa ở trong [in] họ (Giăng 14:17). Chúa Jêsus chỉ về sự giới hạn của Thánh Linh vào thời điểm đó.

Nhưng có phải mối quan hệ của Cơ đốc nhân được tái sanh với Thánh Linh về cơ bản có khác trong thời đại sau Lễ Ngũ Tuần không? Đối với những môn đồ trước Lễ Ngũ Tuần, sự chú ý được nhấn mạnh vào Chúa Jêsus chứ chưa nhấn mạnh

¹⁴ Công vụ 6:3 hàm ý rằng không phải tất cả tín hữu đều được đầy dẫy Thánh Linh, trong số họ có những người “được tiếng tốt” hoặc đầy “sự khôn ngoan”.

vào Thánh Linh là một thân vị trong quyền hạn của riêng Ngài. Nếu tín hữu nào được đầy đầy Thánh Linh, thì họ phải chọn việc tiếp nhận Thánh Linh trong công tác làm nên thánh của Ngài¹⁵.

Hơn nữa, việc thế gian (những người không được tái sanh) không thể nhận lãnh Thánh Linh là Đấng An Ủi trên nền tảng là họ không có mối quan hệ với Ngài, có thể áp dụng như nhau cho những người chưa được tái sanh sau Lễ Ngũ Tuần. Chân lý muôn thuở là “người xác thịt không thể nhận lãnh những điều thuộc về Linh của Đức Chúa Trời” (I Cô-rin-tô 2:14). Sự thức tỉnh thuộc linh phải xảy ra trước khi một người có thể bước vào mối quan hệ với Linh trong sự cao cả và quyền năng của Ngài.

Phi-e-rơ khuyên bảo thánh giả của ông điều nầy vào ngày Lễ Ngũ Tuần (Công vụ 2:38). Ông bảo họ là phải nhanh chóng công khai nhìn nhận Jêsus nầy mà họ vừa mới đóng đinh, làm Chúa và Cứu Chúa, và nhìn nhận họ là những môn đồ của Ngài và kinh nghiệm sự tha thứ tội lỗi; tóm lại, họ phải được sanh lại. Chỉ có điều đó mới khiến cho họ có đủ tư cách để nhận sự tuôn đổ đặc biệt của Thánh Linh thích hợp với thời đại mới. Hơn nữa chỉ có người được tái sanh mới có thể cầu xin sự ban cho của Thánh Linh với mức độ hiểu biết về bản chất thật của lời yêu cầu của mình; như Chúa Jêsus đã làm cho “sự ban cho” lệ thuộc vào lời cầu xin như thế (Lu-ca 11:13).

¹⁵ Thật vậy, chúng ta đang ở trong sự mầu nhiệm của Ba Ngôi và ở trong sự nguy hiểm của thuyết Ba Ngôi. Wiley nói về Linh như là “sự hiện diện của Bản Ngã khác của Cứu Chúa chúng ta” (2:311). Điều nầy có thể ứng nghiệm lời hứa của Ngài: “Ta không để các con mồ côi đâu, Ta sẽ đến cùng các con” (Giăng 14:18). Nhưng sự phân biệt nầy không thể hoàn toàn bị tẩy sạch. Trong bài giảng ngày Lễ Ngũ Tuần Phi-e-rơ đã đề cập đến Đức Chúa Trời-Người ở trên trời (Công vụ 2:33-34; xem thêm 3:21; 7:56; 9:5; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:16; v.v...) Hiểu Tân Ước cách nghiêm túc sẽ giúp người ta tránh được lưỡi dao của thuyết Ba Ngôi.

C. QUÀ TẶNG HAI MẶT

Một tội nhân ăn năn và tin cậy khi tiếp nhận Chúa Jêsus, cũng kinh nghiệm Thánh Linh, dù người ấy không biết Ngài là ai. Bây giờ khi được làm cho sống, người ấy có khả năng cân nhắc trong việc *cầu xin* và *tiếp nhận* Thánh Linh với sự khao khát rằng chính Thánh Linh sẽ chịu trách nhiệm trong sự thánh hóa và ban quyền năng. Vì thế, có thể nói rằng Quà tặng Thánh Linh có hai mặt, với một mức độ thực sự trong sự tái sanh, nhưng với mức độ sâu hơn và ý thức hơn trong phép báp têm bằng Thánh Linh. Cùng là một Thân Vị, nhưng mối quan hệ khác nhau (xem *Exploring Christian Holiness*, 2:313-15 theo quan điểm của Daniel Steele).

V. BÊN KIA SỰ TÁI SANH

A. BIẾN CỐ VÀ SỰ DIỄN TIẾN

Theo thơ Hê-bơ-rơ, dân sự Đức Chúa Trời “phải kiên trì chạy theo cuộc đua đã bày ra” cho họ (12:1). Cơ đốc nhân đang ở trên một cuộc hành trình đi xa mà thiên đàng là đích đến của họ. Toàn bộ kế hoạch có thể được mô tả như một tiến trình trong đó có những sự kiện chính và những sự kiện nhỏ. Đối với hầu hết mọi người mua một căn nhà là một tiến trình lâu dài, mà bước đầu phải có hai sự kiện: đặt cọc bao gồm việc ký hợp đồng và một thời gian sau thì kết thúc hợp đồng. Nhưng chưa phải là chấm dứt, khi một người được nhắc nhở cách đột ngột từ tháng đầu của hợp đồng trả tiền đặt cọc¹⁶.

¹⁶ Sự so sánh tương đồng này không có dụng ý là chúng ta “mua” sự cứu chuộc trên kế hoạch trả dần dần. Nhưng nó chỉ dùng để minh họa cho ý nghĩa trong đó sự kiện và tiến trình là những ý niệm tương hợp.

Trong kinh nghiệm của Cơ đốc nhân thường có tiến trình của những biến cố và những kinh nghiệm thuộc linh. Có thể nói là những điều đó bắt đầu bằng sự thức tỉnh, sự cáo trách, và ăn năn, cao điểm trong sự xưng công bình như là sự thay đổi chủ yếu đầu tiên. Tiếp đó là sự tăng trưởng và khám phá, gặp những trở ngại và thất vọng. Thỉnh thoảng có sự nhận thức đau đớn về tội lỗi bên trong, lên đến tột điểm trong giai đoạn nhận thức cách mới về sự cáo trách, thường kèm theo bằng sự lay động và bị cám dỗ để tuyệt vọng. Tại điểm này, thường có những nỗ lực để giải quyết nhu cầu thuộc linh bằng sức lực riêng của một người qua sự tự kỷ luật (như vậy tạo ra một tiếng dội của Rô-ma đoạn 7). Nhưng khi sự khao khát tăng cao hơn sẽ tạo thành một biến cố gặp gỡ Đức Chúa Trời, kết quả là người ấy hoàn toàn đầu phục và nhận lãnh sự đổ đầy của Thánh Linh. Điều này sẽ là sự thay đổi thứ hai. Tiếp theo sau sự kiện này người ấy sẽ nhận được quyền năng và sự tự do, tiến bộ nhanh hơn, học tập được nhiều điều mới và có những khám phá mới, sức lực, sự hiểu biết và sự hữu dụng được tăng cường. Nhưng đồng thời cũng có những cám dỗ và thử thách đặc biệt, kể cả vài đường hầm tăm tối. Có thể đó là những sự thối lui nho nhỏ. Nhưng nói chung, nếp sống thánh khiết của chúng ta cứ tiến về phía trước và tiến cao hơn cho đến cổng Thành phố đang ở trên cao, rồi đóng cửa lại sau chúng ta cho đến đời đời.

Sau sự kiện chủ yếu thứ hai, đời sống thuộc linh sẽ ở trên bình diện cao hơn, và tiến độ sẽ nhanh hơn và kiên định hơn. J. Edwin Orr hỏi, “Có sự trỗi sụt trong đời sống thánh khiết không?” và ông trả lời khẳng định, “Vậy có sự khác biệt nào giữa sự trỗi sụt trong đời sống thánh khiết so với sự trỗi sụt trong đời sống trước khi được thánh khiết không?” Orr trả lời, “Một loại giống như việc lên đồi xuống dốc của một xa lộ dọc theo thung lũng; sau đó chúng ta uốn khúc để lên bình nguyên

cao hơn. Con đường vẫn có vài chỗ trũng và chỗ queo, nhưng những chỗ dốc và chỗ queo này là ở trên mức độ cao”¹⁷.

B. THẦN HỌC VỀ SỰ KIỆN THỨ HAI

Tại sao lại có hai công tác riêng biệt của ân điển? Nói cách đơn giản vì có hai nan đề cần giải quyết: (1) tội lỗi mà chúng ta đã phạm, chúng ta phải chịu trách nhiệm về những tội lỗi đó, và chúng ta cần được tha thứ; và (2) bản chất tội lỗi bên trong, mà chúng ta không chịu trách nhiệm, nhưng chúng cũng cần được tẩy sạch. Có hai tiến trình và hai giai đoạn hoặc hai mức độ của sự đạt được. Hơn nữa, sự kiện đầu tiên [sự qui đạo] là điều kiện tiên quyết cho sự kiện thứ hai (sự nên thánh). John Wesley nói rằng ông ta và anh của ông đã sớm học biết rằng con người được xưng công bình trước khi họ được nên thánh, nghĩa là được hoàn toàn¹⁸.

1. Tội Lỗi trong Tín Hữu

Khi chúng ta nói về tội lỗi trong tín hữu thì chúng ta không nói rằng “tội lỗi trong tư tưởng, lời nói và việc làm mỗi ngày”. Đó là một bức tranh biếm họa đáng xấu hổ của đời sống Cơ đốc nhân. Như chúng ta đã biết, thừa nhận tội biết rõ được loại trừ do (a) bản chất của sự ăn năn; và (b) bản chất của đời sống mới do tái sinh. Lời tuyên bố của Kinh Thánh là “Ai được Đức Chúa Trời sinh ra thì không tiếp tục phạm tội, vì bản chất của Ngài ở trong người ấy. Người ấy không thể phạm tội vì đã được Đức Chúa Trời sinh ra” (I Giăng 3:9). Điều này không phải việc “có thể không phạm tội” và việc “không được phép phạm tội” (mặc dù cả hai đều đúng) mà sự tái sinh không thể nào đồng hiện hữu với sự cố ý tiếp tục phạm tội.

¹⁷ Full Surrender (London: Marshall, Morgan and Scott, 1957), 79.

¹⁸ Works, 8: 300; xem thêm 6:43ff.

Nhưng mặc dù sự cố ý phạm tội bị loại trừ do những điều kiện thiết yếu về đạo đức của đời sống Cơ đốc nhân, nhưng tội lỗi nguyên thủy vẫn còn đó. Tính cố chấp của *tâm trí khác* ở bên trong được xác định trong những bài tín điều căn bản. Đại diện cho những hội thánh thánh khiết là lời văn sau: “Chúng tôi tin rằng tội lỗi nguyên thủy vẫn tiếp tục với đời sống mới của sự tái sinh cho đến khi nó được tiêu diệt tận gốc bằng báp têm bằng Thánh Linh”¹⁹.

Nếu tội lỗi nguyên thủy tiếp tục “tồn tại”, chúng ta bị bắt buộc phải thừa nhận sự hiện diện của một bản chất khác loại với bản chất của sự tái sinh. Chúng ta có thể từ chối cách mãnh liệt về thuyết “hai bản chất” này, nhưng chúng ta hoàn toàn không thể tránh khỏi nó (xin xem Phần Phụ Lục ở sau). Những gì chúng ta có thể phản đối không phải là sự kiện tạm thời của “hai lòng” (Gia cơ 1:8; 4:8, nghĩa đen, hai tâm lý), nhưng sự dạy dỗ cho rằng hai tâm trí hay hai bản chất phải tồn tại cho đến khi chết, mỗi loại không ảnh hưởng đến loại kia. Trái lại, mỗi loại đều ảnh hưởng đến loại kia, điều này giải thích về trận chiến thuộc linh bên trong tín hữu chưa được thánh hóa, một trận chiến dưới áp lực của Thánh Linh nhằm mục đích chinh phục toàn bộ chứ không phải chung sống cách hoà bình. Mục tiêu ấy là thống nhất linh hồn, loại trừ tính ương ngạnh, và đem toàn bộ đời sống tâm lý vào dưới sự cai quản của Thánh Linh và hoà hợp với sự thánh khiết của Cơ đốc nhân.

Ăn năn và sự tái sinh là những sự thay đổi thực sự xảy ra ra trong lãnh vực tâm lý của ý thức và ý chí, và nó triệt để trong bản chất khi xoay ngược hướng đi và khuynh hướng của

¹⁹ “Tín Điều”, *Manual, Church of the Nazarene*. Sự hiện diện tiếp tục của tội lỗi bẩm sinh trong tín hữu được trình bày do những tập thể khác nhấn mạnh về sự thánh khiết như Free Methodist Church of North America, The Wesleyan Church and the Evangelical Church of North America.

đời sống. Nhưng dù sự thay đổi này có ý nghĩa như thế nào, thì thiên hướng về hình tượng bản ngã bắt đầu ngấm ngấm ở bên dưới sự hiểu biết đầy đủ sẽ tạo ra một sức mạnh chống đối hoặc làm chậm lại khuynh hướng mới và sự sống mới. Đây là sự không hài hoà sâu sắc trong bản ngã, một thiên hướng trong bản ngã nhưng chưa tái hình thành. Harold Ockenga nhận định:

Vài Cơ đốc nhân ý thức rằng sự hiện diện của bản chất bại hoại này tại thời điểm của sự qui đạo, vì họ quan tâm đến niềm vui của sự sống mới của việc được tha thứ, của sự loại trừ lỗi lầm và của việc được nhận làm con nuôi trong gia đình Đức Chúa Trời. Nhưng cuối cùng vấn đề này vẫn phát sinh gây tai hoạ cho Cơ đốc nhân. Niềm vui, sự bình an và phần khởi đầu tiên của kinh nghiệm tái sinh sẽ chạy xa và cuộc chiến với bản ngã sẽ vùng dậy²⁰.

Những người Puritan nói, “Tấm lòng trong sạch là mọi bánh xe của linh hồn quay về cùng một hướng”. Nhưng trong đời sống của Cơ đốc nhân chưa được tái sinh thì điều này không có. Người ấy giống như chiếc xe có những cặp thắng. Hai lực lượng đối địch đang tạo ra sự mâu thuẫn bất thường, máy thì đòi phải tiến lên phía trước, còn cái thắng thì kéo ghì lại, kết quả là mất quyền năng và sự tự do. Mỗi tín hữu nào đang chiến đấu thì rất đau đớn khi biết rằng tội lỗi còn trong đời sống mình công bố, “Đây chính xác là bức tranh của tôi!”.

Tính tội lỗi làm thiệt hại cho đời sống Cơ đốc nhân là bản chất mà người ấy đem vào thế gian khi người ấy còn nhỏ, nó tập trung trong bản chất, nhưng với vô số biểu hiện. Vì thế nỗ lực loại trừ điều này hoặc tính tình nọ chẳng khác gì xóa đi những bóng đen trong từng phần nhưng không đụng chạm được

²⁰ Harold John Ockenga, *Power through Pentecost* (Grand Rapids: William B. Eerdmans Publishing Co. 1959), 22. xem thêm sự mô tả của Wesley về sự thức tỉnh của tín hữu đối với nhu cầu sâu xa hơn trong *Plain Account*, 32.

đến gốc rễ của nan đề, mà nó chính là bản ngã bên trong chưa được thánh hóa. Cần phải tẩy sạch những sự méo mó khỏi tấm lòng. Tình cảm cần được neo chặt nơi Đức Chúa Trời. Nhưng hai điều này là hai khía cạnh của một công việc, nếu nhu cầu của điều này được đáp ứng thì điều kia cũng được đáp ứng.

Những bày tỏ của bản ngã chưa được thánh hóa thường ở hình thức tội lỗi của tâm linh: kiêu ngạo, ghen tị, đố kỵ, cay đắng, hay giận dữ, cứng lòng, nghi ngờ bất thường, tham lam, hâm hằm, tâm trí yêu mến thế gian. Sau đó có thể có sự tranh cãi, căng thẳng giữa những cá nhân, ương ngạnh, nói hành và làm những điều ác. Đối với Đức Chúa Trời tội lỗi có thể ở dưới hình thức của sự kháng cự lại lời công bố uy quyền tối cao của Đức Chúa Trời, thích trả giá với Chúa để có lợi cho mình. Khuynh hướng này có thể bị giảm xuống trong giờ tỉnh ngộ, giống như điều của Robert Robinson viết: Lạy Chúa, con cảm thấy có khuynh hướng đi lang thang / Khuynh hướng xa rời Đức Chúa Trời mà con yêu mến”.

Tất cả những tính tình này đều thấy trong Mười Một môn đồ trước Lễ Ngũ Tuần (chứ không phải sau Lễ Ngũ Tuần), trong Hội Thánh ở tại Cô-rin-tô²¹, trong A-na-nia và Sa-phia-ra, Ê-đê-ma, Ê-đê-trô-phê, trong những Cơ đốc nhân người Hê-bơ-rơ (“Hỡi anh em, hãy giữ lấy, kéo ai trong anh em có lòng dữ và chẳng tin mà trái bỏ Đức Chúa Trời hằng sống chẳng” - Hê-bơ-rơ 3:12), và trong đám đông Gia cơ đã quở trách họ gay gắt: “Nhưng nếu anh chị em ganh ghét cay đắng, tranh cạnh

²¹ Phao lô không chê trách sự qui đạo của người Cô-rin-tô, nhưng tình trạng xác thịt của họ làm cản trở sự phát triển (I Cô-rin-tô 3:1-3). Họ vẫn còn là “con đỏ trong Đấng Christ”, rõ ràng là chỉ về sự tái sanh. Hiển nhiên Cơ đốc nhân có thể ở trong tình trạng bất thường của hai loại vốn ngăn trở sự sống thuộc linh. Wesley nói rằng phần lớn tín hữu, chưa được trọn vẹn trong tình yêu thương, “cảm thấy trong chính mình sự kiêu ngạo, sự giận dữ, ý riêng, tấm lòng có khuynh hướng thoái lui” (*Works*, 11:423).

trong lòng thì đừng khoe khoang và nói dối trái với sự thật. Sự khôn ngoan này không phải từ thiên thượng xuống, nhưng từ trần gian, từ bản tính tự nhiên và ác quỷ. Nơi nào có ganh ghét, tranh cạnh thì chỉ có rối loạn và đủ mọi hành động bất lương” (Gia cơ 3:14-16). Chúng ta thấy sự mâu thuẫn không thể dung hoà được khi chúng ta đặt đoạn văn trên bên cạnh dòng chữ ngay ngắn này: “Nhưng sự khôn ngoan thiên thượng trước hết là trong sạch, rồi hòa hiếu, tiết độ, thuận phục, đầy đầy lòng thương xót và quả tốt lành, không thiên vị cũng chẳng đạo đức giả” (c. 17)²².

Chính tội nguyên thủy được mang sang đời sống tái sinh nên tạo ra nhu cầu của công tác thứ hai của ân điển. Hơn nữa, chính sự tẩy sạch của tình trạng này đã định nghĩa được mục đích và bản chất của sự nên thánh trọn vẹn. Phủ nhận tội nguyên thủy trong tín hữu là phủ nhận sự tẩy sạch thực sự khỏi điều đó. Bất kỳ “biến cố thứ hai” nào còn lại sẽ trở thành một giai đoạn trong cuộc hành trình thuộc linh của một người, mà nó có thể được giải thích theo từ ngữ của tâm lý học phát triển.

2. Nhu Cầu của sự Chọn Lọc Đạo Đức

Lời Chúa phán, “Hãy hiến chính mình anh chị em cho Đức Chúa Trời như một người từ chết sống lại” (Rô-ma 6:13). Chỉ có những người được sống về mặt thuộc linh mới có khả năng đầu phục. Nếu tín hữu được khuyến giục dâng thân thể mình làm “sinh tế sống” để được chấp nhận, thì nó phải là thánh, theo ý nghĩa không còn lỗi lầm hay ô uế (Rô-ma 12:1)²³.

²² Muốn hiểu thêm phần thảo luận về tội lỗi ở trong tín hữu, xin xem sách của Purkiser, Taylor và Taylor, *God, Man and Salvation*, 473-74. Cf. Grider, *Entire Sanctification*, 105-13.

²³ Trong Cựu Ước, những con vật được dâng làm của lễ thiêu, không phải để chúng trở thành vật giải cứu con người khỏi sự ô uế; nhưng những con vật ấy phải không ô uế theo như điều kiện của con vật được dâng lên.

Một chỗ khác, vấn đề này được diễn tả như sau:

Tội lỗi cá nhân và sự bại hoại do mình gây ra của tội nhân, vì người đó phải chịu trách nhiệm, phải được tẩy sạch trước khi nói đến vấn đề sâu xa hơn là thừa kế tính tình (xem thêm Ma-thi-ơ 18:3). Sự khôi phục đời sống thuộc linh và quyền làm con cái, liên quan đến sự chấm dứt thái độ thù nghịch và phản loạn, là điều kiện đầu tiên cho sự sửa chữa những sai lầm, sai lầm mà bản thân tội nhân không làm; nhưng đó là sự kế thừa từ A-đam (Công vụ 2:38). Hai giai đoạn của sự cứu chuộc có sẵn trong đời này, sự xưng công bình và sự nên thánh trọn vẹn – sự tha thứ tội lỗi của cá nhân và sự tẩy sạch tội lỗi kế thừa – là hai điều trọng yếu và khác nhau sâu sắc, và sự hoàn thành hai điều này ở trong một kinh nghiệm tôn giáo sẽ khó xảy ra vì đó là qui tắc trong kế hoạch thiên thượng²⁴.

Hơn nữa, mặc dù đó là dấu hiệu của tâm trí xác thịt thích tiến trình dần dần rồi đến bước ngoặt²⁵, nhưng sự dần dần không phù hợp với (a) bản chất thống nhất của tội nội trú đòi hỏi hành động chính xác; (b) hoặc ý muốn của Đức Chúa Trời là chúng ta phải thánh khiết bây giờ hoặc quyền năng của Đức Chúa Trời làm cho chúng ta thánh khiết bây giờ; (c) bản chất của đức tin, vốn là yếu tố điều kiện của sự nên thánh của chúng ta; (d) sự đói và khát về sự công bình mà một tín hữu kinh nghiệm, người ấy mong muốn được giải cứu ngay bây giờ; (e) sự thách thức và mong đợi về sự lập tức đã lan toả trong Tân Ước.

Với sự qui đạo không có sự dần dần hoặc sự lập tức xảy ra phù hợp với nhu cầu đạo đức của tín hữu vì không những họ

²⁴ Richard S. Taylor, *Life in the Spirit* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1966) 85-86.

²⁵ Những tín hữu có sự nhận thức hời hợt về nhu cầu thường thích trả giá với Đức Chúa Trời. Nhưng sự thành thật và sự nhạy cảm sẽ đem họ đến một bước ngoặt cho dù họ muốn hay không muốn.

nhìn thấy những điều còn lại của tội lỗi bên trong nhưng cũng còn công bố sự đoán phạt trên nó. Theo Wesley nhận định, người ấy phải nhìn thấy “mảnh đất lòng của mình” – sự bại hoại và lừa dối của nó. Isaiah Reid nói về một vị quản nhiệm Trường Chúa Nhật là người dường như một mẫu mực của người tin kính nhưng ông không công nhận “công tác thứ hai”; trái lại ông công bố rằng ông “đã nhận tất cả trong một lần rồi”. Một buổi nhóm cầu nguyện tối Mục sư Reid đưa ra một phân đoạn Kinh Thánh, rồi gợi ý rằng mỗi người nên quỳ gối xuống trong sự cầu nguyện yên lặng, mỗi người cầu xin Thánh Linh dò xét bên trong mình. Sau vài phút ông nghe vị quản nhiệm Trường Chúa Nhật khóc lên. Khi lại gần, ông nghe ông ấy cầu nguyện: “Lạy Đức Chúa Trời, lòng con! lòng con! Ông ta ngỡ ngàng khi khám phá về những gì thực sự bên trong mình, dưới bề mặt đạo đức của nếp sống Cơ Đốc bên ngoài.

Nhưng khi đã nhìn thấy nhu cầu của mình, bây giờ người ấy không còn ở cửa giữa hoặc thoái thác. Tội bẩm sinh mà ông không chịu trách nhiệm khi trước vào thời điểm này trở thành trách nhiệm của ông. Bây giờ ông phải xưng ra, từ bỏ và đầu phục. Như vậy nhu cầu của sự kiện thứ hai thuộc về thần học bao gồm nhu cầu đạo đức của một tội nhân được tha thứ từ bỏ cơ nghiệp của A-đam và công bố sự giải cứu khỏi điều đó dựa trên sự cung cấp của Đấng Christ về sự nên thánh và quyền năng hứa ban của Thánh Linh²⁶.

²⁶ “Bản chất đạo đức của sự thánh khiết chân chính đòi hỏi sự cộng tác của con người. Một trong những sự phản đối mà người không tin đưa ra trong kinh nghiệm của bước ngoặt là, “Bản chất đạo đức có thể được truyền thụ do một cú đập của Đấng toàn năng không?” Chắc chắn không phải do sự ép buộc của một phía. Đức Chúa Trời chỉ truyền thụ sự thánh khiết với mức độ mà một người sẵn sàng tiếp nhận sự thánh khiết.

Những phước hạnh của sự cứu rỗi không đổ xuống trên người không cộng tác... Đức Chúa Trời đòi hỏi chúng ta cầu xin nếu chúng ta muốn nhận và rằng chúng ta thực hành đức tin nếu chúng ta muốn kinh

PHỤ LỤC: HAI BẢN CHẤT

Toàn thể chủ đề “bản chất” cần được xem xét và làm sáng tỏ. Về phương diện tâm lý, giống như chữ *esse* (being – hữu thể) phải được phân biệt với chữ *existence* (relation – mối quan hệ), thì chữ *thực thể* (entity) cần phải được phân biệt với bản chất của nó. Bản chất (nature) có thể được định nghĩa là những đặc tính riêng biệt qui cho một loài hữu thể, như là bản chất của con chó, của hoa hồng, hoặc của con người. Theo nghĩa này bản chất không thể tách rời với thực thể, thậm chí phân biệt trong tư tưởng; vì theo tự nhiên những định nghĩa về con chó, hoa hồng hay con người khác nhau theo hình thức hoặc thể loại. Tính chất của loài chó tạo thành “loài chó” khác biệt với tính chất của “loài cây” hoặc “loài hoa hồng”. Tại điểm này thực thể và bản chất bổ túc cho nhau và không thể thay đổi.

Nhưng vấn đề được đưa vào những sự phức tạp và tiềm năng mới khi chúng ta nói về bản chất của con người. Có bản chất của nhiễm sắc thể, nếu thay đổi, thì nó sẽ chuyển thành loài khác chứ không phải loài người. Nhưng bản chất của nhiễm sắc thể của loài người bao gồm những đặc tính khác biệt mà không hiện hữu nơi những loài hữu thể khác, chẳng hạn, nhân tính, lương tâm và tính dễ bảo. Khả năng để trở thành phức tạp và dễ thay đổi về đạo đức là đặc hữu đối với bản chất con người²⁷. Sự kiện này thúc giục chúng ta sử dụng chữ *bản*

nhịệm. Đây là những hành động có cân nhắc, ý thức, liên quan đến sự cảm nhận nhu cầu, đến sự khao khát sâu xa, và cân nhắc trong sự lựa chọn và quyết định. Như vậy, công cụ đạo đức của con người là tôn trọng trong từng bước của sự cứu chuộc cá nhân sống động” (*Life in the Spirit*, 86).

²⁷ Michael L. Peterson nhận định, “Phần kỹ thuật cổ điển của bản chất bao gồm không những tính chất thiết yếu của vật chất, nhưng còn tính tình của chúng, tức là những khả năng năng động để hành động và phản ứng theo những hoàn cảnh thích hợp... Từ đó tâm lý học vật chất, hiểu đúng, có thể thuật lại sự thay đổi và hoạt động thực sự trên thế giới: thay đổi

chất cho phù hợp với cách dùng thứ hai, qua đó chúng ta có thể nói bản chất của nhiễm sắc thể trở thành bản chất riêng biệt của cá nhân. Nhưng điều có ý nghĩa hơn ấy là nhu cầu của sự thừa nhận rằng cá nhân hoặc con người có thể mang nhiều hơn một bản chất. Một ví dụ về văn học cổ điển là tác phẩm *Dr. Jekyll and Mr. Hyde* của Robert Louis Stevenson.

Trường hợp thần học quan trọng nhất là trường hợp của Đấng Christ, Đấng được xác nhận là có một Thân vị nhưng hai bản chất. Phủ nhận một thực thể con người hiện hữu với hai bản chất là không thừa nhận toàn thể Cơ đốc luận của Hội nghị Chalcedon [Chalcedonian Christology]. Nan đề về hai bản chất trong tín hữu hầu như không chính xác như trong công thức Cơ Đốc luận, vì ở đây chúng ta có sự hiệp nhất của hai bản chất của nhiễm sắc thể, nhiễm sắc thể của Đức Chúa Trời Ba ngôi và nhiễm sắc thể của loài người.

Tuy nhiên, trong Cơ đốc nhân tình trạng liên quan không phải ở bản chất của nhiễm sắc thể nhưng là những bản chất đạo đức. Giáo lý về tội nguyên thủy còn lại ở trong tín hữu đòi hỏi phải có một nhị nguyên đạo đức ở trong một con người, gồm có hai khuynh hướng đối lập, hoàn toàn trái ngược trong tâm linh, mỗi khuynh hướng đều đấu tranh để giành quyền tối cao. Tính tình của bản ngã làm trung tâm có thể gọi cách chính xác là bản chất. Nhưng tính tình mới hướng về sự tập trung vào Đấng Christ cũng có thể gọi cách tương tự là một bản chất. Bản ngã tự thấy mình bị chia xé – hay ít ra bất mãn – vì những động lực, sự trung thành và tình cảm trái ngược này.

Không ích lợi gì khi phản đối từ ngữ *bản chất* vì *tâm trí* xác thật ngược lại với *tâm trí* của Đấng Christ. Vì *phronema*

xảy ra và qua những vật hơi vững vàng” (“Orthodox Christianity, Wesleyanism, and Process Theology”, *Wesleyan Theological Journal*, Fall 1980, 57).

khác hơn là thái độ bề mặt, nó là khuynh hướng sâu xa mà tự bản thân nó là bản chất. Phải công nhận điều nghịch lý khi giả định rằng hai khuynh hướng đều sâu xa nhưng trái ngược có thể đồng tồn tại: nhưng phải chăng hiện tượng của những Cơ đốc nhân xác thịt không mâu thuẫn? Điều có thể thừa nhận là hai bản chất này không chiếm ưu thế như nhau, và cuối cùng một bản chất phải bị bản chất kia tiêu diệt. Đúng ra trong tình trạng bình thường hai bản chất này không thể hiện diện trong cùng một lúc để khởi đầu cho đời sống thuộc linh khoẻ mạnh.

Cũng phải nói rằng chữ *tồn tại* [exist] khi nói đến tội nguyên thủy còn ở trong tín hữu không có nghĩa là một thực thể riêng biệt hoặc một cơ quan tâm lý tồn tại *cùng với* bản chất của con người. Trái lại, nó là một loại khuynh hướng ở trong mỗi cá nhân con người. Đây là số mang sang từ tình trạng chưa tái sinh và của A-đam tạo ra một sức mạnh đạo đức chống lại sự thay đổi trong bản chất cá nhân khi người ấy được tái sinh. Vì vậy bản chất xác thịt có thể được định nghĩa là một phức cảm của khuynh hướng tâm lý hướng về sự vô tín và bướng bỉnh trong Cơ đốc nhân, nó không chế ngự nhưng thách thức những quyết định và phương hướng có ý thức.

Cũng cần phải nhấn mạnh rằng chúng ta không thể nói về bản chất xác thịt trong người được tái sinh như chúng ta bị buộc phải nói về điều đó trong người chưa được tái sinh. Trong người chưa được tái sinh, bản chất xác thịt chế ngự hoàn toàn (ngoại trừ ân điển cho trước) và xác định cá tính của một người. Trong phức cảm tâm trí hướng về xác thịt, thì từ ngữ “thù nghịch với Đức Chúa Trời” không thay đổi. Tuy nhiên, trong Cơ đốc nhân, qua quyền năng của Thánh Linh bản chất tái sinh chế ngự. Nó không còn thù nghịch với Đức Chúa Trời nữa mà định rõ tấm lòng của tín hữu - bản ngã thực sự của người ấy - nhưng là tình yêu. Bản chất xác thịt còn lại trong tín hữu theo ý nghĩa là tín hữu này nhận biết rằng bản ngã không

yêu cách trọn vẹn nữa. Tuy “khuynh hướng quay lại xứ Ai-cập” bị chế ngự, nhưng nó vẫn khéo léo trong việc kéo chúng ta hướng về sự thoả hiệp. Vì vậy, bản chất xác thật trong tín hữu chỉ mới bắt đầu “thù nghịch cùng Đức Chúa Trời”, vì bản chất không còn định rõ là bản ngã bên trong theo cách trước kia. Nếu người này cho phép sự thù nghịch cùng Đức Chúa Trời di chuyển vào trung tâm, thì người ấy thối lui hoặc ít nhất trên đường thối lui²⁸.

²⁸ Cf. Grider, *Entire Sanctification*, 107.

BÁP TÊM BẰNG THÁNH LINH: SỰ NÊN THÁNH TRỌN VẸN

Trong sự khảo sát về Lễ Ngũ Tuần, trọng tâm của điều có thể gọi cách chính xác là báp têm bằng Thánh Linh là điều khó hiểu rõ. Lời công bố của Giảng Báp Tít rằng Chúa Jêsus sẽ làm báp têm bằng Thánh Linh (được tìm thấy trong 4 sách Phúc Âm) và lời hứa của Đấng Christ về Đấng An Ủi được Chúa Jêsus cột lại vào ngày Lễ Ngũ Tuần: “ít ngày nữa, các con sẽ được báp-têm bằng Đức Thánh Linh” (Công vụ 1:4-5). Hơn nữa, về sau Phi-e-rơ đồng nhất sự kiện Lễ Ngũ Tuần với báp têm bằng Thánh Linh, và gán sự kiện này là “quà tặng” đã hứa (11:16-17; xem *Exploring Christian Holiness*, 1:123-25).

Vì thế, chúng ta có thể nói rằng vào ngày Lễ Ngũ Tuần 120 người tin được báp têm bằng Thánh Linh. Hơn nữa, khi đọc cẩn thận bài giảng này sẽ thấy rõ đây là chủ đề đầu tiên của bài giảng của Phi-e-rơ. Bài giảng của ông về Đấng Christ là phương tiện để giải thích sự kiện này: “Ngài được đưa lên bên phải Đức Chúa Trời, nhận lãnh Thánh Linh từ Cha, như đã hứa, và đổ Thánh Linh ra như quý vị đang nghe thấy” (Công vụ 2:33). Ngoài ra, ông khuyên mọi người qui phục Đấng Christ để có được điều này (c. 38-39). Còn điểm nữa là, điều này được nhận diện là *Lời Hứa*, nghĩa là dấu hiệu đặc biệt của toàn thể thời đại, chứ không phải là ngày đầu tiên của thời đại. Có thể nói rằng phép báp têm bằng Thánh Linh là sự cung ứng và

kế hoạch thiên thượng cho Cơ đốc nhân khắp toàn thể thời đại Hội Thánh¹.

I. NGÔN NGỮ VÀ THUẬT NGỮ

A. THUẬT NGỮ VỀ PHÉP BÁP TÊM

Nói đến phép báp têm người ta thường nói đến “báp têm bằng Thánh Linh”. Điều này được chấp nhận nếu chúng ta muốn nói đến phép báp têm có liên quan đến Thánh Linh thay vì thuộc về chủ thể (phép báp têm của Thánh Linh). Vì nói cách chính xác, đó không phải là phép báp têm của Thánh Linh nhưng là của Đấng Christ. Theo Giăng Báp Tít (và Phi-e-rơ, Công vụ 2:33), Ngài chính là Đấng làm báp têm cho môn đệ Ngài bằng Thánh Linh. Hơn nữa, trong mọi trường hợp (6 trường hợp) giới từ được dùng là *en*, có thể dịch là *trong* [in] hay *bằng* [with]². Nếu người ta thích dùng chữ “trong”, thì ý

¹ Ở đây chúng ta không bàn luận về những từ ngữ chỉ về kinh nghiệm này trong những tác phẩm văn chương của Tân Ước.

Lời diễn đạt tiêu biểu của mối quan hệ của sự nên thánh trọn vẹn với báp têm bằng Thánh Linh là: “Điều này được thực hiện bằng phép báp têm bằng Thánh Linh, và được hiểu là một kinh nghiệm của sự tẩy sạch tấm lòng khỏi tội lỗi và sự hiện diện nội trú của Thánh Linh, ban quyền năng để tín hữu sống và phục vụ” (*Manual, Church of the Nazarene*). Hội Thánh của Wesley phát biểu: “Sự nên thánh trọn vẹn là kết quả của báp têm bằng Thánh Linh vốn tẩy sạch lòng của con cái Đức Chúa Trời khỏi tội lỗi bẩm sinh, nhờ đó tín hữu đầu phục trọn vẹn, dựa vào đức tin nơi huyết chuộc tội của Đấng Christ, được tẩy sạch trong giờ phút ấy khỏi mọi tội bên trong và ban quyền năng cho sự phục vụ”. Hội thánh Tin Lành Bắc Mỹ [The Evangelical Church of North America] và những ập thể khác theo Wesley cũng có những lời công bố tương tự.

² Hoặc là *bởi* [by] như trong I Cô-rin-tô 12:13, có thể là phần tham khảo thứ bảy. Ý nghĩa của phép báp têm liên hệ với Thánh Linh ở đây thì không rõ và dễ dàng tạo ra sự tranh luận (xem *Exploring Christian*

nghĩa truyền đạt sẽ là tín hữu được hoàn toàn chìm mình trong sự hiện diện và quyền năng và ở trong lãnh vực của Thánh Linh. Nếu thích dùng chữ “bằng”, theo ý nghĩa là dụng cụ (xin xem Khải huyền 2:16, thì ý nghĩa sẽ là Đấng Christ đang thực hiện phép báp têm thuộc linh bằng phương tiện là Thánh Linh.

Những động từ mô tả khác (và trong ý nghĩa dứt khoát) về sự kiện dường như đưa ra tình trạng nguy hiểm cho chữ “bằng” [with]. Vì đó là *sự đổ đầy* [infilling] (Công vụ 2:4), gợi ý về sự bao phủ toàn thể con người bằng Linh. Đó là *sự tuôn đổ ra* [outpouring] (c. 17, 33) và *sự giáng trên* [coming upon] (8:16). Những ẩn dụ này gợi ý về *tính xác định* của sự hiện đến của Thánh Linh, *nguồn gốc* từ trời và thiên thượng của sự hiện đến của Ngài, *mức độ phong phú* của sự hiện diện của Ngài và sự *xúc dầu* của Ngài để phục vụ. Trong những khía cạnh này Lễ Ngũ Tuần là một bản sao của phép báp têm bằng Thánh Linh của chính Chúa chúng ta, vì Giăng chứng thực, “Phần tôi, tôi vốn không biết Ngài là ai, nhưng Đấng sai tôi đến làm phép báp-têm bằng nước có phán dặn tôi: Hễ con thấy Thánh Linh giáng xuống đậu trên ai, đó chính là Đấng sẽ làm phép báp-têm bằng Thánh Linh” (Giăng 1:33). Phải có *sự giáng xuống* với ý định là *ở trong* – khác hẳn với hành động thỉnh thoảng và tạm thời của Thánh Linh giáng trên các tiên tri và những người khác trong thời Cựu Ước³.

Holiness, 1:159). Khi nói đến chữ *en*, William Douglas Chamberlain nói, “Ý nghĩa chính xác của giới từ này chỉ có thể hiểu được trong nội dung của nó” (An Exegetical Grammar of the Greek New Testament [New York: Macmillan Co. 1960], 119. Cf. *Exploring Christian Holiness*, 1:106, n. 5. Cf. grider, *Entire Sanctification*, 141.

³ Thực sự chủ ngữ “báp têm bằng Thánh Linh” là sự điều tiết cần thiết của ngôn ngữ, vì chỉ những động từ mới được dùng trong sáu đoạn văn thích hợp.

Những chữ làm *báp têm* [baptize] hoặc *phép báp têm* [baptism] có thể chỉ về hành động vật lý như trong Lu-ca 7:29 – “toàn thể những người đã chịu báp-têm bởi Giăng”. Hoặc có thể là những ẩn dụ về kinh nghiệm thuộc linh, như lời phán của Chúa Jêsus về sự đau đớn của Ngài – “Có một phép báp-têm mà Ta phải chịu” (12:50). Tương tự, “phép báp têm” là một ẩn dụ về cách gọi của Lễ Ngũ Tuần. Như vậy ý nghĩa chính xác không thể là điều cứng nhắc nhưng phải là sự mềm dẻo phong phú và vĩ đại. Nó tiêu biểu cho một sự bước vào đời sống đầy đầy Thánh Linh, một sự tẩy sạch do Thánh Linh, và một sự chết thuộc linh. Những ý niệm trái ngược này trở thành sự gắn bó chặt chẽ trong chữ *phép báp têm* đa dạng này⁴.

B. NHỮNG TỪ NGỮ TƯƠNG TỰ

Ian Ramsey⁵, một học giả người Anh đã kêu gọi chúng ta chú ý đến hiểm họa của sự bỏ quên những từ ngữ thần học không được “mô tả thông suốt”, như sự cứu chuộc. Trái lại những từ ngữ này chuyển tải “sự-tương-tự-với-một-sự-khác-biệt” [similarity-with-a-difference]. Sự cẩn thận đòi hỏi sự bổ nghĩa. chẳng hạn, Cha *Thiên Thượng* – và chúng ta có thể thêm, “sự thánh khiết của *Cơ đốc nhân*”. Vì lý do này ông gợi ý rằng có thể nghĩ về từ ngữ như là những điều tương tự

⁴ Có thể tìm thấy phần phân tích hữu ích về những cách khác nhau mà Thánh Linh hành động trong Tân Ước trong mối quan hệ với hai công tác của ân điển trong sách của Leslie D. Wilcox, *Be Ye Holy* (Cincinnati: Revivalist Press, 1965), 53-65. Cf. *God, Man and Salvation*, 405-6.

⁵ Nolloth Giáo sư Triết học của Christian Religion at Oxford và Giám Mục của Durham. Alden Aikens đã thảo luận về ý niệm “điều tương tự” [model] trong bài báo, “Wesleyan Theology and the Use of Models”, *Wesleyan Theological Journal*, Fall 1979, 64. Tác phẩm của Ramsey trích dẫn kể cả *Models and Mystery* (London: Oxford University Press, 1964), 6, và *Christian Discourse* (London: Oxford University Press, 1965, 44).

[model]⁶. Điều này cho phép từ ngữ nói lên sự thật mà không cần “đọc rõ ràng” để sự phân tích tỉ mỉ. Nó cũng cho phép sử dụng những hình thức khác nhau của từ ngữ, mỗi hình thức đều có một điều tương tự làm cho nó đóng góp vào sự hiểu biết của chúng ta về lẽ thật.

Ý niệm “điều tương tự” sẽ giới thiệu vài khoảng trống để chúng ta sử dụng từ ngữ thánh khiết, như *phép báp têm*, *sự tẩy sạch*, *sự thánh hóa*, *sự tiêu diệt* và *sự trừ diệt*. Mỗi từ ngữ có vài điều giá trị và vài điều quan trọng về những đặc ân của ân điển, nhưng không từ nào có thể diễn tả đầy đủ, và những từ ngữ về sự cứu chuộc được sử dụng phải được xem là một bức tranh ghép lại, chứ không phải là những thành phần cạnh tranh. Và không một từ ngữ nào bị thúc đẩy để chống lại mọi sự phản đối khả dĩ đối với nó⁷.

⁶ Có sự khác nhau giữa chữ “điều tương tự” [model] và loại [type], biểu tượng [symbol] hoặc ẩn dụ [metaphor], dù chữ “điều tương tự” có ý nghĩa gần với chữ chốt nhiều nhất.

⁷ Trong bài báo của mình Alden Aiken đưa ra sự kiện là Wesley là một “lãnh tụ có nhiều người bao quanh” [ring leader] của loạt “những nhà tư tưởng về đồ vật” [thing thinkers]. Ông dùng những cụm từ như “những di tích của tội lỗi” bị “loại trừ”, mọi tội bị “tiêu diệt cả rễ và cành”, v.v.... Nhưng Aiken khẳng định rằng khi những nhà phê bình như E. H. Sugden đọc những từ ngữ này ông suy luận rằng Wesley thực sự nghĩ về tội bẩm sinh như “bệnh ung thư hoặc cái răng mục”, họ đã hiểu lầm ông. Đây là những cụm từ có nghĩa bóng mà Wesley muốn đưa ra để người khác nắm bắt được thực tế của tình trạng. Aiken bình luận, “Tội lỗi có thực và có ảnh hưởng sâu xa trên con người đến nỗi có thể trò chuyện với thực tế của nó, về một phương diện, chúng ta không cần phải ‘suy nghĩ về nó như đồ vật’! Chúng ta phải dùng từ ngữ có thể gợi ý ‘tính sự vật’ của tội lỗi nhưng ý thức rằng khi chúng ta sử dụng điều tương tự, những chữ chỉ về “sự-tương-tự-với-một-sự-khác-biệt”. Chúng ta là loài người, và đến bây giờ ít ra chúng ta gắn chặt với thế giới kinh nghiệm, và điều tương tự cho phép chúng ta đến với sự bộc lộ có ý nghĩa về những thực tế thuộc linh. Và chúng ta nhìn thấy rằng ân điển của Đức Chúa Trời rất

Từ ngữ *báp têm* cũng là một điều tương tự. Theo ý nghĩa này bất kỳ sự tuân đổ nào của Thánh Linh, ngay cả ở lúc qui đạo, có thể được gọi là “báp têm bằng (hay của) Thánh Linh”, giống như chúng ta nói về “phép báp têm của sự chịu khổ”. Nhưng Tân Ước không bao giờ lầm lẫn loại báp têm này với *báp têm lời hứa* bằng “Thánh Linh và lửa” được người ta kinh nghiệm vào Ngày Lễ Ngũ Tuần và những ngày sau đó. Và mặc dù sự tái sinh có thể được gọi là một phép báp têm, nhưng cố gắng làm cho Tân Ước nhận diện sự sinh ra này với phép báp têm vốn là đặc ân đặc biệt của thời đại này chỉ là sự thuyết phục có tính luận bình không hơn không kém. Vì vậy sự mềm dẻo không giới hạn này không ở trong trật tự rồi. Thậm chí khi dùng biến cố thuộc linh thứ hai này, “phép báp têm” là một điều tương tự theo ý nghĩa là nó tiêu biểu “sự-tương-tự-với-một-sự-khác-biệt” cho ý tưởng căn cứ trên kinh nghiệm, một sự trẫm mình về mặt vật lý.

II. NHỮNG PHƯƠNG DIỆN CỦA SỰ ĐẦY DẪY THÁNH LINH

Phần thảo luận ở trên có thể giúp chúng ta hiểu đầy đủ hơn về bề rộng hợp lý của quan điểm nói về giáo lý thánh khiết.

Người ta cũng dùng những từ ngữ khác để bày tỏ kinh nghiệm này ở những giai đoạn khác nhau, chẳng hạn, “sự trọn vẹn của Cơ đốc nhân”, “tình yêu trọn vẹn”, “tắm lòng trong

hiệu quả trong việc giải quyết những nhu cầu sâu xa của con người, và khi nó được xử lý, thì có điều gì đó như cái rễ được nhổ lên hoặc như một điều ác bị tiêu diệt, ân điển của Đức Chúa Trời rất hiệu quả và mạnh mẽ vô cùng”. Laurence Wood ủng hộ điều này: cf. phần thảo luận của ông trong *Pentecostal Grace*, 168; cf. Grider, *Entire Sanctification*, 28.

sạch”, “báp têm bằng Thánh Linh”, “sự đẩy đẩy phước hạnh”, và “sự thánh khiết của Cơ đốc nhân”⁸.

A. SỰ TRỌN VẸN CỦA CƠ ĐỐC NHÂN

Cơ bản và không thể thiếu được trong đức tin Cơ Đốc, ý niệm về sự trọn vẹn là một ghi nhận trọng tâm vốn chưa bao giờ hoàn toàn vắng bóng khỏi Hội Thánh. Người ta không thể không biết rằng từ ngữ này thường được sử dụng và rất có ý nghĩa trong Kinh Thánh⁹. Trong Tân Ước những ý tưởng về sự hoàn thành, hoàn tất, và chu toàn nhiệm vụ thường nổi bật¹⁰. Những chữ khác nhau này quay quanh tư tưởng về “cứu cánh” hoặc mục đích. Sách giáo lý vấn đáp hỏi: “*Cứu cánh* chính của loài người là gì?” và câu trả lời là “Làm vinh hiển Đức Chúa Trời...” Cuộc sống làm vinh hiển Đức Chúa Trời là cuộc sống trọn vẹn, vì nó hoàn thành số phận của mình; giống như sự trọn vẹn của cái đồng hồ đeo tay, không phải kiểu dáng nhưng ở sự vận hành của máy có đúng thì giờ không. Nó có thể trọn vẹn như người canh giữ thì giờ nhưng nếu không hoàn tất công việc thì nó lại bị bỏ vào kho trong tình trạng hư hỏng.

Như vậy, sự trọn vẹn của Cơ đốc nhân là vấn đề của tấm lòng – “công việc” bên trong của tấm lòng - chứ không phải do sự khéo léo của bàn tay hoặc sự phán đoán của cái đầu. Như Wesley luôn luôn khẳng định, sự trọn vẹn của Cơ đốc nhân là sự hết lòng, hết linh hồn, hết trí mà yêu mến Đức Chúa Trời và

⁸ *Manual, Church of the Nazarene*. Phần trình bày giáo lý (Điều X) tựa đề không phải là “báp têm bằng Thánh Linh”, nhưng là “Sự Nền thánh Trọn Vẹn”.

⁹ *Telos* và những chữ cùng nguồn gốc xuất hiện gần 150 lần, ngoài ra còn chữ *katartizō*, cũng được dịch là “trọn vẹn”

¹⁰ Cf. Bài báo của Dellinger, *Theological Dictionary of the New Testament*, ed. Gerard Friedrich, trans. Geoffrey W. Bromiley (Grand Rapids: William B. Eerdmans Publishing Co., 1972) 8:67-68.

yêu kẻ lân cận như mình. Sự trọn vẹn như thế không tương hợp với vô số những yếu đuối của tâm trí và thân thể, quấy động những lỗi lầm trong sự xét đoán và hành vi¹¹. Ông cũng dùng từ ngữ này như là chữ đồng nghĩa với sự nên thánh trọn vẹn, và như vậy giải thích Hê-bơ-rơ 6:1 – “Vì thế, chúng ta hãy rời bỏ những nguyên tắc của giáo lý của Đấng Christ mà tiến lên sự trọn vẹn” (KJV). Ông hiểu điều này là lời thỉnh cầu để chuyển ngay lập tức sang mức độ kinh nghiệm có thể đạt được. Sự trọn vẹn của Cơ đốc nhân không phải là một giấc mơ không thực tế nhưng là một đặc ân và bổn phận của hiện tại¹².

Phép báp têm bằng Thánh Linh dẫn dắt những môn đồ đầu tiên vào mức độ của sự hoàn thành nhiệm vụ này. Bây giờ họ đạt đến điều mà Đấng Christ đã có quyền mong đợi về họ trong tình yêu, sự hi sinh, trong sạch trong động cơ, nhiệt tình thánh và sự sôi nổi thuộc linh không gì đánh đổ được. Họ đã minh họa “sự trọn vẹn của Cơ đốc nhân”.

“Cơ đốc nhân”, người đủ phẩm chất, là một sự nhắc nhở rằng kinh nghiệm này chưa phải là sự trọn vẹn tuyệt đối vốn thuộc về một mình Đức Chúa Trời. Đó không phải là sự trọn vẹn của A-đam, bao gồm sự trọn vẹn về tâm trí và thân thể bị đánh mất khi ông ta sa ngã và không thể tái giành được trong đời này. Đó cũng không phải là sự trọn vẹn của thiên sứ; hoặc vì vấn đề đó, thậm chí không phải là sự trọn vẹn của loài người, theo ý nghĩa trở nên một loài trọn vẹn về mọi phương diện của nhân tính – mà chỉ có Chúa Jêsus mới là người đó. Trái lại, đó là sự trọn vẹn có thể mang đặc tính của chúng ta bây giờ, sống như một loài yếu đuối, lầm lỗi ở trong thế giới bị đổ vỡ và méo mó này. Nhưng sự trọn vẹn này, mặc dù không định nghĩa bằng sự hoàn thành nhiệm vụ bên ngoài, nhưng

¹¹ *Works*, 11:394-95.

¹² *Sách đã dẫn*, 6:411-12

được định nghĩa bằng mối quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời – một mối quan hệ của tình yêu và sự vâng lời, mà trong mọi khía cạnh là sự thỏa lòng.

Về một phương diện, sự trọn vẹn phải đánh dấu mọi giai đoạn của cuộc hành trình của chúng ta. Mặc dù chữ *sự trọn vẹn của Cơ đốc nhân* về mặt kỹ thuật là sự mô tả về tình trạng của ân điển của những người đã được báp têm bằng Thánh Linh, nhưng nó còn lệ thuộc vào sự ăn năn trọn vẹn, sự dâng hiến trọn vẹn, đức tin trọn vẹn và được duy trì bằng sự vâng lời trọn vẹn. Đây là điều Đức Chúa Trời mong đợi nơi chúng ta, bằng ân điển thiên thượng, điều này ở trong tầm tay của mỗi người. Chúa Jêsus “trở nên nguồn cứu rỗi đời đời cho tất cả những người vâng phục Ngài” (Hê-bơ-rơ 5:9). Nhưng bây giờ chúng ta đang dùng ý nghĩa khác của chữ *teleios*, “trọn vẹn”. Sự ăn năn, sự dâng hiến và vâng lời của chúng ta phải *trọn vẹn*. Tại sao không?

B. TÌNH YÊU TRỌN VẸN

Từ ngữ này diễn tả nội dung thiết yếu của sự trọn vẹn của Cơ đốc nhân. Đó là sự trọn vẹn hoặc sự toàn hảo của tình yêu. Khi đọc lời phán trong Ma-thi-ơ 5:48, “Các con hãy toàn hảo, như Cha các con ở trên trời là Đấng toàn hảo” nằm trong nội dung của phần thảo luận về tình yêu của Đức Chúa Cha, thì chúng ta hãy chấm dứt việc lập ra một chứng cứ vằng vặc mặt ngu xuẩn, và sẽ không lúng túng về câu này nữa. Đây không phải là lệnh truyền chúng ta phải trọn vẹn như Đức Chúa Trời trong mọi khía cạnh, nhưng chỉ giống như Ngài ở một điểm - toàn hảo và trọn vẹn trong tình yêu của chúng ta, như Đức Chúa Trời là tình yêu. Tình yêu của chúng ta không toàn hảo trừ phi nó bao gồm việc yêu thương kẻ thù như là bạn hữu, vì chỉ lúc ấy tình yêu mới giống như Đức Chúa Trời. Nhưng chữ tình yêu toàn hảo cũng là một điều tương tự, theo ý nghĩa rằng “phước

hạnh thứ hai” (một điều tương tự khác) có thể được mô tả theo cách này, không công bố rằng từ ngữ này là sự toàn diện của phước hạnh thứ hai, hoặc phải bị ép buộc để mang trọng lượng nhiều hơn dự kiến. Khi chúng ta cố gắng giải thích từ ngữ này quá xa, chúng ta sẽ rơi vào nan đề, như chúng ta sẽ thấy ở Chương kế tiếp.

C. SỰ TUÔN ĐỔ QUYỀN NĂNG

Chính Chúa Jêsus đã kết hợp sự ban quyền năng với báp têm bằng Thánh Linh – “Nhưng các con sẽ nhận lãnh quyền năng khi Đức Thánh Linh đến trên các con” (Công vụ 1:8; xem thêm Lu-ca 24:49). Liên từ đối lập “nhưng” đưa ra sự tương phản giữa loại quyền năng mà họ sắp nhận với giấc mơ về quyền lực chính trị trong tâm trí các môn đồ, hàm ý trong câu hỏi, “Lạy Chúa, có phải đây là lúc Chúa khôi phục vương quốc cho Y-sơ-ra-ên không?” (c. 6). Câu trả lời của Chúa Jêsus là sự khôi phục nước Y-sơ-ra-ên có thể thấy được nằm ở trong kế hoạch của Đức Chúa Trời, điều đó không phù hợp với nhu cầu cấp thiết của họ, hoặc phép báp têm mà Ngài vừa mới hứa. Sự mạng của Thánh Linh sẽ là thiết lập vương quốc của Đấng Christ trong lòng con người, từng người một, và ban cho môn đồ của Đấng Christ quyền năng thuộc linh để làm những dụng cụ của Ngài hầu hoàn thành điều này.

Vì thế, mục đích của quyền năng là trang bị cho họ chức năng làm những nhân chứng của Đấng Christ – “các con sẽ làm nhân chứng cho Ta”. Ý nghĩa đầu tiên của chữ *martus*, “nhân chứng” được sử dụng ở đây, là sự thông công bằng lời nói. Sự mạng của Hội Thánh là làm chứng về sự sống, sự chết và sự phục sinh của Chúa Jêsus, không những bằng sự kiện lịch sử nhưng còn trong sự giải thích về ý nghĩa của sự cứu chuộc. Tôn giáo của Cơ đốc nhân là tôn giáo truyền đạt bằng lời nói, nó

được truyền bá không bằng gươm giáo nhưng bằng lời nói từ môi miệng.

Quyền năng được hứa ban liên quan với công tác này theo hai cách. Trước hết, đó là *quyền năng đạo đức để làm điều đó*, điều này được Phi-e-rơ bày tỏ trước đám đông. Bây giờ ông đã có những lời nói về lẽ thật và nói thẳng những lời quả trách tại nơi mà người khác sợ hãi để chối bỏ. Thứ hai, đó là *sự tác động siêu nhiên của lời nói* trên người nghe. Sự tác động đó được giải thích là hành động của Thánh Linh trong và qua họ chứ không phải do tài hùng biện hoặc sức thuyết phục của lời nói. Đây là sự xúc dầu cần thiết để làm “cho người giảng giảng mạnh mẽ” và nâng những lời nói vấp vấp của lời chứng đơn sơ thành ra những mức độ ảnh hưởng không ngờ.

Trong Hội Thánh Đầu Tiên chữ *martus* [nhân chứng] cũng trở thành *martyr* [người tuận đạo], người làm chứng cho Đấng Christ nếu cần thì phó chính mạng sống mình¹³. Theo Phao lô sự tuận đạo nếu không có tình yêu chỉ là một khả năng giả thuyết (I Cô-rin-tô 13:3). Nhưng những gì ông đã chứng kiến trong người tuận đạo đầu tiên Ê-tiên khác xa điều này quá nhiều năm-ánh-sáng [light-years]. Đó là quyền năng không thể tin được khi đối diện với sự chết bằng sự vinh hiển của Đức Chúa Trời trên khuôn mặt của người ấy, sự thẳng bằng trọn vẹn trong tấm lòng, và lời cầu nguyện trên môi xin tha thứ kẻ giết mình. Chắc chắn sự bày tỏ quyền năng như thế chứng minh đó là thời điểm Đức Chúa Trời thả bom vào linh hồn thống khổ của chàng trai Sau-lơ.

Ê-tiên chứng minh một điều gợi ý xa hơn. Sự làm chứng có hiệu quả không những là vấn đề của lời nói và sự chết, nhưng còn là sự sống. Đó không phải là “ơn để chết” [dying grace]

¹³ H. Strathmann trong cuốn *Theological Dictionary of the New Testament*, 4:504, đã truy tìm tiến trình từ chữ *martus* trở thành “*martyr*”.

mà Ê-tiên đã nhận sau cùng, nhưng là sản phẩm kết thúc của ơn để sống [living grace]. Lớn hơn quyền năng làm phép lạ xảy ra trong Lễ Ngũ Tuần là quyền năng biến đổi những người nam và người nữ. Quyền năng thực sự của Lễ Ngũ Tuần đã và hiện đang bày tỏ trong quyền năng làm nên thánh ở giữa chỗ ô uế, chịu đựng sự khốn khó không những cách can đảm nhưng còn đắc thắng, và vui mừng vì được “kể là xứng đáng chịu khổ vì Danh Chúa” (Công vụ 5:41; xem thêm Ê-phê-sô 5:18-21).

Mặc dù, “các sứ đồ làm nhiều dấu kỳ và phép lạ” (Công vụ 5:12) là điều đúng, nhưng không có bằng cứ nào cho thấy đây là tiêu chuẩn ở giữa 120 người hoặc quyền năng làm phép lạ được nhận diện là bằng cứ của việc được báp têm bằng Thánh Linh. Vì dấu xác nhận của thời đại mới không phải là những ân tứ [charismata] (quyền năng như thế đã được Chúa Jêsus ban cho các môn đồ trước ngày Lễ Ngũ Tuần - Ma-thi-ơ 10:1), mà là quyền năng để sống thánh khiết và làm chứng hiệu quả¹⁴.

D. TẮM LÒNG TRONG SẠCH

Tắm lòng trong sạch là tình trạng được giải thoát khỏi những yếu tố bị cấm hoặc ghê tởm và xa cách. Vì thế sự trong sạch của tắm lòng phải là tình trạng của tắm lòng được giải cứu khỏi tội lỗi. Vì Chúa Jêsus định vị nguồn gốc của tội lỗi (một điều tương tự khác) ở trong tấm lòng, nên rõ ràng là nếu con người muốn hưởng phước hạnh của tắm lòng trong sạch để được “nhìn thấy Đức Chúa Trời” (Ma-thi-ơ 5:8), thì tấm lòng họ phải được ân điển thanh tẩy. Tại đây chúng ta cũng phải

¹⁴ Sự nhấn mạnh về quyền năng trong loại giảng dạy về báp têm bằng Thánh Linh của Keswick và Moody không có gì sai trật trừ phi họ nhấn mạnh về sự tẩy sạch lòng. Xin xem tác phẩm của R. A. Torrey *Why God used D. L. Moody*, (tái bản 1973 do Department of Evangelism, Asbury Theological Seminary, Wilmore, Ky.)

cảnh giác kéo bị rập bầy do hai định nghĩa hạn hẹp¹⁵. Chữ *tấm lòng* [heart] (ở vài ngôn ngữ người ta dùng chữ “gan” [liver] để chỉ về chức năng này) là một điều tương tự, tiêu biểu cho con người bề trong trong mối quan hệ đạo đức. Sự nhấn mạnh có thể khác nhau về ý định, đời sống tư tưởng, lương tâm hoặc tình cảm sâu xa đang kiểm soát. “Tấm lòng” không phải là yếu tố tạo thành bản chất con người, nhưng là chữ mô tả hàm ý về phẩm chất bên trong thực sự của đời sống bản ngã.

Vì vậy, sự trong sạch của tấm lòng là tình trạng bên trong làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Nhưng nếu thế, thì “tấm lòng” phải được tẩy sạch khỏi sự xấu xa, ô uế và khuynh hướng thiên về việc để bản ngã cai trị. Người ta có thể quan sát hành động, nghe được lời nói, nhưng không ai biết được động cơ và ý định thực sự ẩn giấu trong lòng. Vì vậy, Phi-e-rơ công bố rằng trong phép báp têm bằng Thánh Linh, tấm lòng được tẩy sạch của họ sẽ có ý nghĩa cao cả (Công vụ 15:9), và “lòng trong sạch” có thể được nhìn thấy như là một điều tương tự để giúp chúng ta hiểu được tình trạng phát sinh từ phép báp têm bằng Thánh Linh¹⁶. Nó không có ý nghĩa nào khác ngoại trừ sự loại bỏ tội bầm sinh.

¹⁵ Chúa Jêsus định vị những điều ô uế trong lòng trái với bao tử là điều rất ý nghĩa. Khi Ngài phủ nhận sức mạnh làm ô uế do những gì đi vào bao tử và đi ra khỏi thân thể, thì Ngài bày tỏ một vực sâu đạo đức giữa thân thể là một cơ quan sinh vật và con người bề trong biết suy nghĩ và chọn lựa. Ngài đang muốn nói, “Nan để tạo ra sự ô uế không phải ở đó, mà là ở đây”. Và Ngài chuyển cách dùng chữ cách chính xác từ *bao tử*, có nghĩa là bộ phận tiêu hoá, sang trái tim – không có nghĩa là bộ phận bơm máu. Như vậy Ngài dùng chữ “trái tim” [tấm lòng] là một điều tương tự của tâm linh, và như vậy chuyển từ nghĩa đen sang nghĩa bóng.

¹⁶ Một số người hạn chế sự tẩy sạch lòng trong lời chứng của Phi-e-rơ (Công vụ 15:8-9) vào sự tha thứ tội lỗi, hoặc sự “thanh tẩy” của sự chuộc tội, trên cơ sở là từ ngữ này ở phân từ bất định [aorist participle] và vì vậy có nghĩa là “do đức tin lòng họ được tẩy sạch”. Cần thận luận

Sách Công vụ có dồi dào bằng cơ trong đời sống của những sứ đồ và những ai kinh nghiệm phép báp têm này, kinh nghiệm về những động cơ được thanh tẩy và tình cảm được tẩy sạch. Có thể nói rằng mỗi người đều có “tâm trí chú mục về Đức Chúa Trời” [one-track mind for God]. Sự thù nghịch cũ, tìm kiếm tư lợi và “bảo vệ bản ngã” đã ra đi. Đó là lý do mà Đại Mạng Lịnh được hoàn tất. Họ “nhiệt tình làm điều thiện” vì họ biết bằng kinh nghiệm mục đích của Đấng Christ là “tẩy sạch để biến chúng ta thành một dân tộc thuộc riêng về Ngài” (Tít 2:14). Họ đã được tẩy sạch khỏi phần còn sót lại của sự kháng cự quyền Chủ tể của Đấng Christ, mà đó là tai họa cho những Cơ đốc nhân hai lòng.

Juji Nakada, cùng với Charles Cowman, đồng sáng lập Oriental Missionary Society mô tả cách sống động mối quan hệ của sự thanh tẩy với quyền năng, và mối quan hệ của hai điều này với báp têm bằng Thánh Linh. Ông viết,

Tôi đã không thấy sự thoả lòng bên trong dù tôi rất nhiệt tình tìm kiếm “Phép báp têm bằng Thánh Linh”. Trong khi tôi tìm kiếm điều này tôi thấy rằng động cơ của tôi bị

giải nhiều phân từ bất định trong sách Công vụ là điều không thể thiếu được đối với sự giải kinh thuần chánh – và càng nên làm nhiều nữa. Nhưng trong trường hợp này tiền trí từ tạm thời không áp dụng vì chữ *trụ cột ban cho* [giving] (ban Thánh Linh Ngài cho họ) cũng là phân từ bất định. Vì thế, sự nhấn mạnh của thì ở trong trường hợp này sẽ là, “Đức Chúa Trời là Đấng biết lòng, chứng tỏ rằng Ngài chấp nhận họ, đã ban cho [having given] họ Thánh Linh, và không phân biệt họ và chúng tôi, đã tẩy sạch [having purified] lòng họ bởi đức tin”. Như vậy sự tẩy sạch và sự ban cho Thánh Linh vẫn đồng thời với nhau. Sự tẩy sạch là sự trả lời cho lời hứa của Giảng Báp Tít về phép báp têm tiêu biểu bằng lửa tẩy sạch. Biểu hiện của lưới bằng lửa đậu trên mỗi một người trong ngày Lễ Ngũ Tuần trọng đại mà Phi-e-rơ nhìn thấy như là vật mẫu đầu tiên của phước hạnh này. Khi nói đến sự tha thứ tội lỗi, giả thuyết cho rằng mãi đến ngày Lễ Ngũ Tuần các môn đồ mới được tha thứ sẽ khó hỗ trợ cho trạng thái quá thừa thãi của bằng cơ trái ngược.

đặt vấn đề, tôi tìm kiếm điều này vì tôi muốn trở thành nhà truyền giảng tuyệt vời. “Ban quyền năng để phục vụ” đã là tiếng vang tốt cho tôi. Qua Kinh Thánh tôi dần dần học biết rằng điều tôi cần nhất không phải là *quyền năng* mà là *sự tẩy sạch*. Tôi thấy lòng tôi chưa được trong sạch trước mặt Đức Chúa Trời... Khi tôi bắt đầu tìm kiếm sự Thánh khiết thì nhiều người phản đối tôi, họ nói rằng “hễ chúng ta còn sống ở trần gian này chừng nào thì chúng ta không thể nào thoát khỏi bản chất gian ác”. Nhưng tôi nghĩ rằng nếu Đức Chúa Trời không thể thay đổi tính tình của chúng ta, thì Cơ đốc giáo khác với những tôn giáo khác ở chỗ nào? Thậm chí Phật giáo cũng dạy chúng ta *trấn áp* bản ngã cũ. Những gì tôi tìm kiếm không phải là một phương pháp khác để *trấn áp*, nhưng tìm cách được giải thoát khỏi Tội, bản chất xác thịt thù nghịch Đức Chúa Trời... Khi tôi hoàn toàn đầu phục Ngài, Ngài đã nhậm lời tôi cách rõ ràng và đã làm “báp têm cho tôi trong Thánh Linh”¹⁷.

E. SỰ NỀN THÁNH TRỌN VẸN

Là một điều tương tự, từ ngữ này đóng góp cho sự hiểu biết toàn bộ của chúng ta về đặc ân trong Đấng Christ. Điều này gợi ý rằng có một khía cạnh của sự nền thánh có thể được hoàn tất, cũng như có một khía cạnh còn đang tiến lên. Có một tình trạng ân điển trong đó chúng ta có thể đến được, trong một

¹⁷ *OMS Outreach* (Greenwood, Ind.) June, 1979. Khi nói đến quyền năng để tẩy sạch, J. Paul Taylor nhận định cách danh thiếp, “Chắc hẳn Simon Magus đã hoàn toàn chết đối với Simon Magus trước khi ông nhận được quà tặng quyền năng cách an toàn. Con người bất khiết cố gắng sử dụng quyền năng để mở rộng mục đích của mình; còn người thánh thì được quyền năng sử dụng để bảo đảm mục đích của Đức Chúa Trời. Thánh Linh hiện đến trong sự đầy đủ của Ngài để sử dụng chúng ta chứ không phải để chúng ta sử dụng Ngài” (*Holiness, the Finished Foundation*, 108). Toàn thể Chương này là phần thảo luận xuất sắc về mối quan hệ của quyền năng với sự tẩy sạch và về mối quan hệ của nó với tình yêu.

kinh nghiệm rõ ràng, mà chúng ta có thể chắc chắn, và chúng ta có thể khiêm tốn làm chứng. Luôn luôn có nguy cơ là lương tâm có thể bị ru ngủ vào ảo giác của sự nhiệt tình bằng lập trường khao khát, ham muốn và ngay cả một loại tìm kiếm. Những người như thế lãng phí trong nguyện vọng, nhưng khi ai đó công bố họ đã ý thức được kinh nghiệm, thì họ bị kích thích cao độ. Người ta cũng thường chú trọng cảm giác khao khát sự thánh khiết thay cho kinh nghiệm.

1. Bên Kia Sự Nên Thánh Khởi Đầu

Hơn nữa, từ ngữ *nên thánh trọn vẹn* ngụ ý có tình trạng đầu tiên của sự nên thánh chưa hoàn tất, mà như chúng ta đã thấy, chính xác là sự nên thánh khởi đầu. Sự nên thánh có thật nhưng mới phần đầu được Phao lô nói đến trong lời khuyên những người ở Cô-rin-tô: “Anh chị em yêu dấu, vì chúng ta có những lời hứa như thế, hãy thanh tẩy chính mình cho sạch những điều ô uế về phần thân thể lẫn tâm linh, hãy hoàn thành sự thánh hóa trong niềm kính sợ Đức Chúa Trời” (2 Cô-rin-tô 7:1). Người Cô-rin-tô được mệnh danh là “ở trong Đấng Christ”, nhưng còn xác thịt – không thuộc linh (I Cô-rin-tô 3:1-3). Điều này được ngụ ý khi Phao lô nhiệt tình mong muốn những tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca được nên thánh “hoàn toàn” [through and through] (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:23). Sự nên thánh “hoàn toàn” có thể khó gọi hơn là “trọn vẹn” [entire]. Và Phao lô gắn vào lời bảo đảm rằng Đức Chúa Trời là Đấng kêu gọi họ “là thành tín và Ngài sẽ làm điều đó”.

2. Lời Cầu Nguyện của Chúa

Nhưng Phao lô không phải là người đầu tiên khao khát sự nên thánh trọn vẹn của môn đồ. Thánh Linh đã hướng dẫn Phao lô noi theo gương của Chúa, là Đấng đã cầu nguyện cho họ và chúng ta để họ và chúng ta có thể được “nên thánh thực sự” [truly sanctified] (Giăng 17:19; xem thêm 17-20). Sự nên

thánh một phần trước kia của họ được chứng thực bằng lời công bố của Chúa Jêsus rằng họ “không thuộc về trần gian, cũng như Con không thuộc về trần gian” (c. 16). Trước kia Ngài đã phán, “Các con đã được trong sạch”, và “Ta là Gốc Nho, các con là nhánh” (15:3, 5). Có nhiều bằng cứ giống như thế¹⁸.

Có phải lời cầu xin của Chúa vô ích không? Lời cầu nguyện đó có được nhậm không? Nếu vậy, khi nào và ở đâu? Chắc chắn một tâm trí cởi mở khi đọc Kinh Thánh sẽ có câu trả lời - Lễ Ngũ Tuần. Về một phương diện, vị trí kế nhau của lời cầu nguyện của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm này với lời giới thiệu về sự hiện đến của Thánh Linh, Đấng An Ủi, Đấng có thể làm nhiều điều cho họ, thì điều này khó có thể là sự tình cờ hoặc vô nghĩa. Có thể khó giả định rằng không có sự liên hệ nào giữa những gì Chúa Jêsus hứa liên quan đến Thánh Linh và những gì Ngài hiện đang cầu nguyện liên quan với sự nên thánh của họ. Nhưng vượt qua điều này, sự thay đổi trong họ khi họ được đầy dẫy Thánh Linh phù hợp hoàn toàn với lời cầu nguyện đã tiên đoán trước là lời giải đáp.

“Nên thánh” (*hagiazō* - to make holy, làm cho thánh khiết) là chữ có ý nghĩa vững chắc, căn bản là biệt riêng cho Đức Chúa Trời, hoặc cho công tác thánh, và suy luận là tách mình khỏi tội lỗi. Trong trường hợp các môn đồ, tội chủ yếu rõ ràng mà họ cần phải tách ra là tìm kiếm tư lợi, bày tỏ trong sự cứng lòng, nhút nhát, cãi nhau và vô tín. Nếu không có sự đoạn

¹⁸ Rudolf Steir, một học giả người Anh, nói về sự nên thánh một phần của các môn đồ: “Thật vậy, tới chừng mức họ đã được trong sạch qua Lời Chúa ban cho họ (15:3) và Đấng Christ sống trong họ qua đức tin chối bỏ thế gian, họ đã được thánh hóa trong ý nghĩa của I Cô-rin-tô 6:11 – nhưng điều đó chưa đủ cho *hagiason* để dự trữ, mà phải giải thích theo 2 Cô-rin-tô 7:1; Công vụ 26:18; và 20:32” (*The Words of the Lord Jesus* [Edinburgh: T and T. Clark, 1863], 486)

tuyệt với những điều ác ở trong họ, thì công tác truyền giáo của họ sẽ sụp đổ và Hội Thánh sẽ héo úa thành một nhánh yếu đuối của Do thái giáo – nếu nó được phục hưng. Nhưng may mắn thay (cho chúng ta cũng như cho họ) loại tẩy sạch này xảy ra chính xác cho họ vào Ngày Lễ Ngũ Tuần. Vì thế, khó có thể tách rời sự nên thánh trọn vẹn với báp têm bằng Thánh Linh. Hơn nữa, sự nên thánh trọn vẹn của chúng ta ngày nay lệ thuộc vào hành động lập tức triệt để của Thánh Linh giống như trường hợp của họ ngày xưa. Đây là một động lực bên trong, kinh nghiệm thực sự của sự nên thánh trọn vẹn chủ yếu đến nỗi những thắc mắc của những sự phân biệt trước Lễ Ngũ Tuần hoặc sau Lễ Ngũ Tuần trở thành không thích hợp (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13).

3. *Dâng Hiến và Thanh Tẩy*

Thỉnh thoảng từ ngữ “thánh hóa” tương đương với “dâng hiến”, chẳng hạn, Đấng Christ dùng chữ tương tự để chỉ về những gì Ngài tự nguyện để hình thành sự nên thánh cho họ. Mặc dù Chúa Jêsus tự làm mình nên thánh, nhưng Ngài cầu xin *Đức Chúa Cha* khiến *môn đồ* của Ngài nên thánh. Sự thánh hóa của Đức Chúa Trời là sự tẩy sạch *đến chỗ* dâng hiến trọn vẹn để đáp ứng cho sự đầu phục của chúng ta *để* được tẩy sạch *đến chỗ* đời sống dâng hiến. Sự dâng hiến *trọn vẹn* là điều khó có thể xảy ra cho đến khi sự thành thật quyết định dâng hiến của chúng ta được trả lời bằng sự thanh tẩy trọn vẹn của thiên thượng. “Sự dâng hiến trọn vẹn sẽ là sự thánh khiết hoàn toàn và tuyệt đối. Không có sự trong sạch nào thiếu động cơ, không có sự nâng lên nào thiếu về tính tình, của người tận hiến cho Chúa là Đức Chúa Trời của mình, với ‘hết lòng, hết linh hồn, hết tâm trí, và hết sức lực của mình’”¹⁹.

¹⁹ *Great Texts of the Bible*, ed. James Hastings (Grand Rapids: William B. Eerdmans Publishing Co., n.d.) 12:294-95

Vì thế, chúng ta phải nhận thức sự dâng hiến của mình bằng việc tự tẩy sạch về phần mình như chúng ta biết và có thể (2 Cô-rin-tô 7:1; Gia cơ 4:8; I Giăng 3:1), nhưng ngoài ra điều đó phải được làm nên trọn vẹn nhờ công tác thánh hóa của Thánh Linh (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13; I Phi-e-rơ 1:2).

Hầu như không phải nói rằng nếu bạn biệt riêng một người hoặc một đồ vật để phục vụ một Đức Chúa Trời thánh khiết tuyệt đối, thì điều gì làm ô uế người hoặc vật nghĩa là nó không thích hợp cho việc để Đức Chúa Trời sử dụng, và như vậy, dù ý nghĩa của chữ này bị loại trừ, thì theo Tổng Giám mục Trench... nó vẫn “giành được một ý nghĩa đạo đức”, như vậy tư tưởng của sự thanh tẩy được thêm vào ý tưởng của sự biệt riêng. Nếu tôi muốn dâng một cái tách để phục vụ Đức Chúa Trời, và cái tách ấy bị ô uế, tôi không được để riêng nó ra sử dụng cho Đức Chúa Trời, tôi phải loại bỏ đồ dơ bẩn trong tách... Nếu tôi muốn được biệt riêng cho Đức Chúa Trời và được thánh hóa cho sự phục vụ của Đức Chúa Trời, điều đó chưa đủ để tôi được biệt riêng mà không có liên hệ gì với đặc tính cố hữu của tôi. Bản thân của đặc tính phải được thanh tẩy khỏi sự ô uế của nó thì mới thích hợp cho sự phục vụ thánh... (2 Ti-mô-thê 2:21). Như vậy chúng ta thấy rằng tư tưởng sâu sắc của cuộc cải cách thuộc linh và đạo đức theo sau sẽ chấm dứt vào ý nghĩa lớn đầu tiên của sự phân rẽ, và thực sự phát xuất từ nó mà ra²⁰.

²⁰ Sách đã dẫn tr. 301. Vì thế khuynh hướng của vài người cho sự dâng hiến và sự nên thánh ngang bằng nhau “chạy thẳng ngang qua bảng đen” [straight across the board] vừa là sai và nguy hiểm, vì nó giảm sự nên thánh vào một hành động của tín hữu mà không đưa ra sự nhìn nhận sự nên thánh là hành động của Đức Chúa Trời trong và trên tín hữu. Cf. preface of RSV (1952) viii.

4. Trọn Vẹn – Vừa Phẩm Chất và Không Phẩm Chất

Vậy, ý nghĩa nhỏ nhất của “trọn vẹn”, biểu thị của sự nên thánh có thể xảy ra bây giờ, phải được hoàn toàn tẩy sạch khỏi tâm trí xác thịt để cuộc sống dâng hiến tiếp theo của chúng ta sẽ được chấp nhận, không vết nhơ và không thoả hiệp do sự không nhất quán. Nhưng ý nghĩa nhỏ này cũng phải bao gồm toàn thể con người như Phao lô nói. “Nguyên tâm linh, tâm hồn và thân thể anh chị em được gìn giữ trọn vẹn, không có gì đáng trách trong ngày Đức Chúa Jêsus Christ. Hoặc như Weymouth nói, “Nguyên chính Đức Chúa Trời, Đấng ban sự bình an, làm cho anh em được thánh hóa hoàn toàn; và nguyên tâm linh, linh hồn và thân thể anh em được bảo vệ trọn vẹn và không chỗ trách được khi Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta tái lâm”. Bằng sự hàm ý, điều này bao gồm sự đầu phục hoàn toàn, tin cậy hoàn toàn, sẵn sàng hoàn toàn, vâng lời hoàn toàn. Nhưng nó chỉ mở rộng đến vị trí *không chỗ trách được*, có nghĩa là được giải cứu khỏi lý do thực sự để bị kết án. Điều đó không phải là hoàn toàn không có lỗi lầm nào, hoặc hoàn toàn hiểu biết, hoặc hoàn toàn trưởng thành, hoặc hoàn toàn tinh tường về những điều của Đức Chúa Trời. Không phải là sự hoàn toàn giống như Đấng Christ về cá tính hoặc nền văn hóa bên ngoài. Nhưng còn cần phải có sự luyện lọc và thay đổi xa hơn, nghĩa là trong ý nghĩa rộng nhất của chữ, tiến trình thánh hóa vẫn tiếp tục.

TÂM LÒNG

KINH NGHIỆM SỰ THÁNH KHIẾT

Mạng lịnh “phải đầy dẫy Thánh Linh” (Ê-phê-sô 5:18), dù ngụ ý về một cuộc sống đầy dẫy Thánh Linh, nhưng còn áp dụng cho một sự khởi đầu. A. W. Tozer nhận định, “Hầu hết mọi Cơ đốc nhân đều muốn được *đầy* Thánh Linh [full of the Spirit], nhưng vài người muốn được *đầy dẫy* Thánh Linh [be filled with the Spirit]”¹. Đây là khuynh hướng của con người chỉ muốn kết quả mà không cần đáp ứng những điều kiện và đối diện với những thách thức. Nhưng phải có một thời điểm con người cần tiếp nhận sự đầy dẫy Thánh Linh, nói cách khác, phải kinh nghiệm “báp têm bằng Thánh Linh”.

I. ĐÁP ỨNG NHỮNG ĐIỀU KIỆN

Tân Ước nhấn mạnh sự tiếp nhận quà tặng đổ đầy Thánh Linh thánh hóa bằng đức tin đơn sơ. Tuy nhiên, điều này sẽ là sự sai lầm nghiêm trọng khi giả định rằng vì cơ phước hạnh là một quà tặng nên không cần phải đáp ứng bằng những điều kiện của con người. Kinh Thánh dạy rằng, “hãy phó chính mình cho Đức Chúa Trời” (Rô-ma 6:13), hãy “dâng thân thể mình” (12:1), hãy “làm sạch mình khỏi những điều làm ô uế” (2 Cô-

¹ *Keys to the Deeper Life* (Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1957), 26

rin-tô 7:1), và “người hai lòng hãy tẩy thanh lòng dạ” (Gia cơ 4:8; xem thêm I Giăng 3:3), tất cả đều là những lời khuyên cho những tín hữu và tất cả đều có liên quan đến sự nên thánh của chúng ta. Vì vậy, khi giả định rằng không có phương pháp học trong Tân Ước là điều sai lầm.

Thậm chí Chúa Jêsus còn đưa ra những lời khuyên chính xác cho những môn đồ. Chúa bảo họ “hãy chờ đợi trong thành cho đến khi được mặc lấy quyền phép từ trên cao” (Lu-ca 24:49). Phi-e-rơ vào ngày Lễ Ngũ Tuần cũng đưa ra những lời khuyên chính xác để những người khao khát có đủ tư cách nhận lãnh cùng lời hứa về Thánh Linh (Công vụ 2:38).

Tuy nhiên, sách Công vụ không gợi ý rằng 10 ngày chờ đợi trước Lễ Ngũ Tuần là tiêu chuẩn cho thời kỳ sau Lễ Ngũ Tuần. Việc Thánh Linh đổ đầy trên những tín hữu ở Sa-ma-ri, ở nhà Cọt-nây và những người bạn của ông, và những tín hữu ở Ê-phê-sô được kết hợp với lời khuyên, sự cầu nguyện và sự đặt tay. Kết quả dường như đơn giản và trực tiếp. Thánh Linh đã đổ xuống theo thời đại, bây giờ, Ngài sẵn sàng đổ đầy cho bất kỳ cá nhân nào. Nhưng yếu tố sẵn sàng thuộc linh để nhận được phước hạnh cần có điều kiện. Cần phải mất thời gian dài hơn những gì được ghi lại để vào sự tranh chiến thuộc linh. Thậm chí sự sẵn sàng của Cọt-nây đã có nền tảng từ sự cầu nguyện, sự bố thí và vâng lời trước kia. Ông ta ở trong tình trạng có đức tin, và Đức Chúa Trời “biết lòng” (*kardiagnostès*) đã đáp ứng bằng việc ban cho ông ân tứ làm nên thánh của Thánh Linh².

Những bản hướng dẫn thuộc linh có ý nghĩa đã đưa ra những lời khuyên đặc biệt, bản danh sách này có những điểm tương tự đáng lưu ý, hoặc của Keswick, của Wesley hoặc A.

² Xem *Exploring Christian Holiness*, 1:123-25. Muốn biết thêm về sự sẵn sàng thuộc linh của Cọt-nây, xin xem *Entire Sanctification*, 48-52.

W. Tozer: (a) Đầu phục (Rô-ma 12:1-2); (b) Cầu xin (Lu-ca 11:13); (c) Vâng lời (Công vụ 5:32); (d) Tin (Ga-la-ti 3:2)³. Harold Ockenga liệt kê những bước sau đây: (a) Xưng nhận tình trạng xác thịt của mình. (b) Dâng hiến, (c) Cầu nguyện, (d) Đức tin, (e) Vâng lời⁴. J. A. Wood, trong tác phẩm cổ điển của ông, *Perfect Love*, tóm tắt những bước chuẩn bị hướng về đức tin bằng những câu hỏi sau đây:

1. Tôi có nhìn thấy rõ *tội bẩm sinh* của tôi, và thấy nhu cầu cần được thánh khiết không?
2. Tôi có *muốn, khao khát và kiên quyết* để đạt được điều đó không?
3. Tôi có sẵn sàng giao phó mọi sự cho Đức Chúa Trời - bản thân, gia đình, tài sản, danh vọng, thì giờ, khả năng, và mọi sự - để những điều đó thuộc về Ngài, để Ngài sử dụng cho Ngài, giao phó hết thảy, và không bao giờ giữ lại hoặc lấy lại từ tay Ngài không?
4. Tôi có tin không?⁵

A. TÍN HỮU PHẢI ĂN NĂN

Wesley nhấn mạnh nhiều về sự ăn năn sâu xa trong tín hữu nếu đức tin nắm giữ điều thiết yếu (dù chữ *ăn năn* trong trường hợp này phù hợp, nhưng đòi hỏi sự thách thức). Ông nói,

³ *Keys to Deeper Life*, 22-24. Cũng có sự tương tự nổi bật trong kinh nghiệm thực sự của việc tìm kiếm “phước hạnh” giữa những người theo Calvin và Arminius; cf. V. Raymond Edman, *They Found the Secret* (Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1968).

⁴ *Power Through Pentecost*, 22-24.

⁵ Rev and enl. Ed (Chicago: Christian Witness Co, 1880) 98. Eldon Fuhrman gợi ý về những bước sau: *Biết* - về nhu cầu; *Nhận biết* - về nhu cầu; *Cầu xin* - phước hạnh; *Loại bỏ* - tất cả những gì còn lại của ý riêng; *Chiếm hữu* - bằng đức tin; *Xác nhận* - bằng lời chứng công khai. Từ một bài giảng ghi tại lớp, không được in ra, Wesley Biblical Seminary.

sự ăn năn này “khác rất xa” với sự ăn năn dẫn đến sự qui đạo, vì nó “ngụ ý về việc không lỗi lầm, không bị kết án, không có ý thức nào về sự thanh ngộ của Đức Chúa Trời”. Trái lại, nó là sự ý thức sâu sắc về nhu cầu.

Chính Thánh Linh thực hiện sự cáo trách về tội lỗi *vẫn còn nằm ở trong lòng chúng ta... tâm trí xác thịt*, mà (theo điều Hội Thánh chúng ta tin) “nó vẫn còn lại ngay cả trong những người được tái sanh”, nhưng nó không còn *cai trị*, bây giờ nó không còn quyền thống trị trên họ nữa. Đó là sự cáo trách khuynh hướng nghiêng về điều ác, tấm lòng có chiều hướng thoái lui, khuynh hướng xác thịt vẫn còn nghịch với linh [*sic*]... Đó là sự cáo trách về khuynh hướng của lòng chúng ta hướng về ý riêng, về vô thần, về thần tượng; và trên tất cả, là vô tín, bởi đó, qua hàng ngàn cách, hàng ngàn khuynh hướng dưới hàng ngàn điều giả bộ, không nhiều thì ít, chúng ta muốn rời khỏi Đức Chúa Trời hằng sống⁶.

Không phải chúng ta được thánh hóa do “sự ăn năn” này, đặc biệt nếu nó bế tắc đi vào chỗ tự trừng trị [self-castigation]. Bản ngã bị hạ bệ là điều lành mạnh chỉ khi nào nó dẫn đến đức tin phó mình vào sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời để được thanh tẩy hoàn toàn giống như đã được tha thứ hoàn toàn.

B. ĐẦU TIÊN LÀ CẦU NGUYỆN

Ngoại trừ những người Ê-phê-sô (Công vụ 19:1-6), còn những trường hợp khác về phép báp têm bằng Thánh Linh hoặc sự tái đổ đầy được ghi lại trong sách Công vụ đều có liên

⁶ *Works*, 6:50. Điều Wesley mô tả có thể gọi là “sự ăn năn” [repentance] theo ý nghĩa là nó đau đớn về việc khám phá ra sự hiện diện của tội lỗi, bẩm sinh, nếu không thực sự, và sự từ bỏ qua sự xưng tội và dâng mình. Tuy nhiên, Grider tin rằng nên dùng chữ “hối lỗi” [penitence], và chữ ăn năn [repentance] nên dùng cho tội nhân khi họ qui đạo. Cf. *Repentance unto Life* (Kansas City: Beacon Hill Press of Kansas City, 1965), 78.

quan đến sự cầu nguyện. Điều này hoà hợp với sự bảo đảm của Chúa Jêsus rằng Đức Chúa Cha sẽ ban Thánh Linh cho “những người xin Ngài” (Lu-ca 11:13). Không xin, không nhận được. Sự cần thiết của sự cầu nguyện hàm ý vài nguyên tắc căn bản. Đó là sự nhận biết rằng sự thánh khiết là công việc của Đức Chúa Trời trong linh hồn; nếu Đức Chúa Trời không hành động, chúng ta sẽ không bao giờ được thánh khiết. Hơn nữa, đó là sự nhìn nhận bản chất của ân tứ / ân điển của sự đầy đầy Thánh Linh. Đây là một kinh nghiệm và một mối quan hệ không do con người lập công trạng, tự sức mình giành được, nhưng do Cội Nguồn là Đức Chúa Trời Ba Ngôi ban cho.

Hơn nữa, sự cầu nguyện hàm ý rằng con người phải có bước khởi đầu. Không phải con người mệt mỏi trong sự tiếp nhận, hoặc nói rằng nếu Chúa muốn thì Ngài ban cho – trong khi không làm gì cả. Đây là Món quà quý báu và cao cả chỉ sẵn dành cho những khao khát để cầu xin điều ấy, đặc biệt là cầu xin trong sự chân thành và kiên trì.

C. KHAO KHÁT MÃNH LIỆT

Lời hứa về sự đầy đầy và công bố về phước hạnh có liên quan không những đến việc tội nhân “đói và khát” [Ma-thi-ơ 5:6] về sự công bình của sự xưng nghĩa, nhưng còn dành cho những tín hữu đói và khát về sự ngay thẳng bên trong của sự thánh khiết. Trong bản chất của trường hợp này, vì sự tái sanh tự bản thân đã truyền thụ sự yêu mến thánh khiết và thiết lập bên trong sự theo đuổi sự thánh khiết còn lại, mà nó dần dần trở thành nỗi đau khổ khi chưa đạt được điều ấy. Nếu Cơ đốc nhân bươn tới mục tiêu và bước đi gần gũi với Đức Chúa Trời, và đạt được sự chiến thắng ở mức độ lớn hơn, thì người ấy càng ghê tởm sự bại hoại bên trong con người mình. Cuối cùng người ấy sẽ đạt tới tình trạng tuyệt vọng của linh hồn về sự thánh khiết đến nỗi không chịu tiến lên nếu không được tẩy

sạch. Sự khao khát cao độ này thúc giục người ấy nhiệt tình tìm kiếm.

Chỉ có sự khao khát mãnh liệt ấy mới vượt qua được sự uể oải có khuynh hướng làm cho một người buông trôi và chần chừ. Nó sẽ xua tan sự sợ người khác chế giễu, hoặc làm tê liệt sự kiêu ngạo vốn muốn bảo vệ chỗ đứng trong tôn giáo hoặc nghề nghiệp. Hơn nữa, chỉ có bước khao khát sâu xa này mới đắc thắng thành kiến về thần học, đẩy lùi những thắc mắc “của trí tuệ” và chặn đứng sự giả hình của một người.

Người ta thường lo sợ rằng sự thoả hiệp và tinh thần yếu mềm thế gian sẽ làm giảm đi sự nhiệt thành ấy. Kết quả hoặc là hoàn toàn thối lui và rơi vào tình trạng yếu đuối về thuộc linh, không tăng trưởng phần tâm linh nữa. Để tránh bức tranh khốn khổ của tôn giáo Cơ Đốc, cần phải thúc giục tận tín hữu vun trồng sự nhạy bén với sức kéo của Thánh Linh tiến về chân trời mới của đặc ân và lẽ thật.

D. DÂNG MÌNH

Đây là sự quyết định dâng bản ngã mình cho Đức Chúa Trời làm của lễ hi sinh hoặc phục vụ, theo Rô-ma 12:1-2.

1. Sự Tận Hiến

Tận hiến là một hành động, thực hiện trong sự cân nhắc cẩn thận, trong sự nhận biết về những mối quan hệ, và không giữ lại điều gì. Đó là sự rõ ràng, dứt khoát và chấm hết. Nó bao gồm sự phó mình để Đức Chúa Trời triển khai và sử dụng. Đó là sự thuận phục để vâng lời không hạn chế – đến điểm “vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên cây thập tự” (Phi-líp 2:5-8). Đó là sự đầu phục Đức Chúa Trời trong mọi lời công bố của đời sống một người. Nó có nghĩa là “đặt mọi sự lên bàn thờ”, hoàn cảnh hiện tại và tương lai của chúng ta – hôn nhân, kinh tế, giáo hội và xã hội – với sự hoàn toàn đầu phục để

được thánh khiết cho dù phải trả bất cứ giá nào hoặc bất kỳ sự đau đớn nào.

Hơn nữa, sự tận hiến chấp nhận sự đòi hỏi sự quản lý trọn vẹn – không phải là tôi có quyền sở hữu nhưng là quyền sở hữu của Đức Chúa Trời, không phải sự vinh hiển của tôi, mà là sự vinh hiển của Ngài; không phải lợi ích của tôi, bèn là sự phát triển Hội Thánh, không phải tôi “sử dụng” Đức Chúa Trời, nhưng là Ngài sử dụng tôi. Một người tận hiến vẫn tranh chiến với Đức Chúa Trời trong việc dâng một phần mười.

Ngoài ra, có sự tận hiến chủ động cũng như thụ động. Không những “ý muốn Ngài được nên” *trong* tôi và *cho* tôi nhưng *do* tôi và *qua* tôi. Đối với mục tiêu này, người dâng mình sẽ *tích cực* tham gia trong việc tìm kiếm ý muốn Đức Chúa Trời, *tích cực* tham gia trong sự phát triển khả năng của mình để được hữu hiệu hơn, và *tích cực* tham gia *bây giờ* trong việc chinh phục người hư mất. Người ấy sẽ không là người đứng thụ động quan sát những người khác cầu nguyện, hi sinh và làm việc.

2. Tập Trung

Hơn nữa, sự tận hiến theo bản chất cũng đòi hỏi sự *tập trung*. Người thánh có thể có nhiều sở thích khác nhau, nhưng họ tập trung vào một sở thích tối ưu - Đấng Christ. Những sở thích khác không những thứ yếu, mà còn không cần thiết nữa. Những hoạt động nào không góp phần vào sự vinh hiển của Đức Chúa Trời sẽ bị bỏ qua cách lặng lẽ. Vì không ai có thể làm điều gì vừa chính thức vừa tưởng tượng, nên người ấy phải tập trung vào những điều chính. Được Thánh Linh soi sáng, cảm nhận thuộc linh của người ấy sẽ bảo người ấy điều nào là chính yếu. Người tận hiến là người biết xếp đặt những ưu tiên của mình và giữ chúng theo sự sắp xếp ấy (Ma-thi-ơ 6:33).

Về phương diện thương mại, người tận hiến biết xếp đặt những ưu tiên của mình trên lợi nhuận. Điều đó hàm ý rằng ưu tiên của người ấy là những giá trị thuộc linh hơn là những giá trị vật chất. Vì thế, người ấy đặt nặng vào sự cầu nguyện, học hỏi Lời Đức Chúa Trời, những công việc của nhà Đức Chúa Trời và Hội Thánh Ngài. Những Cơ đốc nhân tận hiến thoải lòng với hậu quả nếu bị mất tiền bạc và chấm dứt khi thấy cái thang bị rung. Những “sự hi sinh” như thế không quấy rầy người ấy gì cả.

3. Sự Chết

Sự tận hiến vẫn còn giả tạo nếu nó không cắt động mạch cổ của bản chất bản ngã. Về truyền thống, những tác giả theo Wesley và Keswick đã nói nhiều về ý niệm đóng đinh bản ngã. Một phần điều này dựa vào sự hiểu biết khi Phao lô làm chứng, “Tôi đã bị đóng đinh vào thập tự giá với Đấng Christ” (Ga-la-ti 3:20), thì ông muốn nói một điều khác hơn là sự đồng nhất về vị trí với Thập tự giá nhờ đó Phao lô nhận được lợi ích. Ông cũng muốn nói về một thực tế chủ quan, qua đó cá nhân ông kinh nghiệm sự đóng đinh. Phần giải thích này được xác nhận bằng những lời kế tiếp, “mà tôi sống, không phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi”.

Phao lô đã “chết” khi nào? Có phải là thời gian 3 ngày ở Đa-mách, trước khi A-na-nia đến, liên quan đến cái chết thực sự với bản ngã không? Trên con đường Đa-mách ông đầu phục Chúa Jêsus là Đấng Mê-si, và hỏi, “Lạy Chúa, tôi phải làm chi?” (Công vụ 22:10). Bây giờ, một mình, ông sắp mặt xuống suy nghĩ việc thừa nhận Đấng Mê-si công khai có nghĩa gì. Ông đã là một hi vọng đáng giá của Toà Công Luận, “cậu bé vàng” của họ. Mọi vinh dự, vị trí quyền hành – ngoại trừ chức vụ tế lễ – đều mở ra cho ông. Khi suy nghĩ về cái giá phải trả ông nhìn thấy tất cả tham vọng của mình, tất cả giấc mơ của một thanh niên Do thái nhiệt thành, uy tín và ảnh hưởng của

chàng trong quốc gia Do thái, mọi sự chàng đã đánh giá cao, thành linh tiêu tan. Nghĩa là, nếu chàng tiến về phía trước thay vì quay lại đằng sau. Có lẽ chàng sẽ nói, “Lạy Chúa, bây giờ con nhìn nhận Ngài là Đấng Mê-si, và con xin hứa sẽ không bắt bớ những môn đồ của Ngài nữa. Nhưng con xin rút lui và ẩn mình trong cái kén của đức tin thầm lặng”. Nhưng Phao lô đã chọn “chết”. Ông đã học biết ý nghĩa của lời phán của Chúa Jê-sus, “Hạt giống lúa mì gieo xuống đất không chết đi thì hạt giống vẫn hoàn hạt giống, còn nếu chết đi thì mới kết quả thêm nhiều!” (Giăng 12:24; xem thêm Phi-líp 3:4-10; Công vụ 20:24).

Người ta thuật lại rằng khi George Mueller ở Bristol được hỏi về bí quyết của sự hữu ích lớn của ông, ông trả lời, “Nếu Đức Chúa Trời đã có thể chọn tôi, vì có một ngày khi tôi còn là thanh niên, tôi đã chết, tôi chết với George Mueller – với những sở thích và kế hoạch của mình. Tôi đã chết với thế gian, với sự ca ngợi hoặc phỉ báng. Tôi đã chết với mọi sự trừ ý muốn của Đức Chúa Trời”.

Bằng đồ thị, Clarence W. Hall truy tìm “con đường chết” của Samuel Logan Brengle. Brengle hoảng sợ khi khám phá “cái tôi” to tướng trong con người ông. Ông nói,

Tôi nhìn thấy sự khiêm nhường của Chúa Jê-sus và sự kiêu ngạo của tôi; sự nhu mì của Chúa Jê-sus và tính nóng nảy của tôi; sự hạ mình của Chúa Jê-sus và tham vọng của tôi; sự trong sạch của Chúa Jê-sus và tấm lòng ô uế của tôi; sự thành tín của Chúa Jê-sus và sự dối trá của lòng tôi; sự vô kỷ của Chúa Jê-sus và sự ích kỷ của tôi; sự tin cậy và đức tin của Chúa Jê-sus và sự nghi ngờ, vô tín của tôi; sự thánh khiết của Chúa Jê-sus và sự bất khiết của tôi. Tôi nhắm mắt đối với

những người khác, chỉ nhìn vào Chúa Jêsus và chính mình, và tôi ghê tởm tôi quá⁷.

Sự tranh đấu tập trung vào tham vọng của Brengle muốn trở thành một diễn giả nổi tiếng. Hall, người viết tiểu sử, viết “Chúng ta hãy nhìn gần vào trận chiến nội tâm này. Hãy chú ý những lý luận của “cái tôi” và thấy thế nào Thánh Linh đã phá vỡ chúng từ từ. Hall tiếp tục,

Brengle tự nhủ mình sẽ là một người giảng hùng danh để ông có thể phản ánh sự vinh hiển về Đức Chúa Trời, và há không phải mục đích chính của loài người là làm vinh hiển Đức Chúa Trời sao? Ánh sáng loé lên, cho ông thấy rằng Đức Chúa Trời chỉ có thể được vinh hiển nhiều nhất qua việc chinh phục linh hồn.

Brengle thừa nhận, càng nhiều linh hồn được cứu thì càng đem lại sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Như vậy, muốn cứu được nhiều người, ông cần phải mở rộng công tác phục vụ của mình. Nhưng một lần nữa Ánh sáng loé lên, và ông nhìn thấy “cái tôi” vẫn còn làm hoen ố mọi nguyện vọng của ông. Brengle đầu hàng: “Lạy Chúa, nếu Chúa muốn thánh hóa con, con sẽ nhận cái hèn tầm thường nhất”.

Đến đây là tốt. Nhưng vẫn còn điều gì đó của “cái tôi” còn sót. Tư tưởng chợt đến, cho dù những người theo ông ít ỏi, ông vẫn còn là người có tài hùng biện, một diễn giả mạnh mẽ, sẽ xây dựng phần nhỏ vương quốc của Đức Chúa Trời qua sức mạnh mỏng manh của thuật hùng biện và giọng trầm bổng của ông. Tuy nhiên, một lần nữa Ánh sáng loé lên, và bây giờ chúng ta thấy cử động cuối cùng làm trống không tay ông, và ông quăng đi phần chót của “cái tôi”. Hãy lắng nghe: “Lạy Chúa, con muốn trở thành một người giảng hùng hồn, nhưng nếu qua sự nói lắp và nói ngập ngừng con

⁷ Samuel Logan Brengle: *Portrait of a Prophet* (New York: National Headquater, the Salvation Army, 1933), 55.

có thể đem lại sự vinh hiển lớn hơn cho Ngài hơn là tài hùng biện của con, thì xin để con nói lấp và nói ngập ngừng”⁸.

Và giấc mơ yêu quý của ông cuối cùng nằm “trên bàn thờ”. Qua chức vụ lớn lao của ông ông đã giáng bằng sự hùng biện; nhưng sự đụng chạm của lửa của Đức Chúa Trời đã ở trên đó vì Brengle đã chết đối với điều đó.

Harold Ockenga phỏng đoán rằng trong những ngày cầu nguyện trước Lễ Ngũ Tuần, chắc hẳn trong vòng những môn đồ đã có sự hoà giải, ăn năn và tận hiến. Ông chọn Phi-e-rơ là người điển hình. Ockenga gợi ý, vào ngày Thứ Năm, tâm trí Phi-e-rơ quay cuồng với nghề nghiệp đánh cá của mình và sự phức tạp của gia đình ông. Ông không thể cầu nguyện “dưới những điều đó hoặc trên những điều đó, hoặc quanh những điều đó, vì những điều đó chiếm vào trọng tâm sự chú ý của ông. Cuối cùng, trong tuyệt vọng, ông giao phó lưới, sở thích đánh cá của ông cho Chúa, và rồi ông có thể cầu nguyện trở lại”. Ngày Thứ Sáu, Chúa xử lý ông về bà gia của ông; ông đã cầu nguyện nhiều cho bà. Ngày Thứ Bảy, ông chiến đấu với tư tưởng rời khỏi vị trí căn nhà nhìn ra Hồ Ga-li-lê rất đẹp. “Cuối cùng, ông cầu nguyện về điều đó, giao phó căn nhà của mình, đồng ý dẫn vợ đi theo, hoặc nghèo khổ hoặc dư dật, làm việc bằng con mắt nhìn xem sự vinh hiển của Đức Chúa Trời”. Vào ngày Chúa Nhật chính tham vọng làm “đầu” của ông phải chết. Vào ngày Thứ Hai, Phi-e-rơ xưng tội về “sự bực mình và khó chịu đối với Gia cơ và Giăng vì họ xin ngồi bên tả và bên hữu của Chúa trong Vương quốc của Ngài; ông xưng tội về sự chối Chúa, sự kém thiếu, sự không xứng đáng của mình và nhìn nhận rằng ông cần sự tẩy sạch và sự ban quyền năng của Thánh Linh. Các sứ đồ khác cũng làm như vậy. Có sự tan vỡ

⁸ Sách đã dẫn tr. 56-57.

lớn...” Và như thế suốt cả tuần⁹. Cuối cùng khi ngày Lễ Ngũ Tuần đến, không những họ “hợp lại tại một chỗ” về mặt vật lý, nhưng còn hiệp nhất về thuộc linh. Họ đã sẵn sàng.

II. ĐỨC TIN LÀ CHẤT XÚC TÁC

A. VỊ TRÍ CỦA ĐỨC TIN

Bằng nhiều cách khác nhau Kinh Thánh cho chúng ta biết việc tiếp nhận Thánh Linh trong quyền năng thánh hóa của Ngài lệ thuộc vào đức tin của chúng ta (Công vụ 15:8-9; 26:18; Ga-la-ti 3:2, 14; Rô-ma 5:2, Ê-phê-sô 3:17; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:10 với 5:23-24). Chúa Jêsus thường xác định sự cần thiết của đức tin để nhận cả phước hạnh thuộc thể cũng như thuộc linh. “Theo như đức tin các người, phải được thành vậy (Ma-thi-ơ 9:29 – Bản Dịch Hiện Đại - “Theo đức tin các con, mắt các con phải được lành!”) là nguyên tắc nền tảng mà Chúa Jêsus thách thức người cha quản trị phải tin dù không thấy “những dấu kỳ và phép lạ” (Giăng 4:48-50), và khen ngợi thầy đội về sự tin cậy nơi lời phán của Ngài (Ma-thi-ơ 8:5-10).

Khi Phi-e-rơ công bố cho hội chúng ở Giê-ru-sa-lem rằng “lòng họ” được “tẩy sạch... bởi đức tin” (Công vụ 15: 8-9), thì ông xác nhận rằng sự tẩy sạch không dựa vào công việc của

⁹ *Power Through Pentecost*, 32-33. Nhiều người giả định rằng trong việc bơm bằng tay vào một cái đàn dương cầm, phần bên dưới sẽ đầy không khí. Thật vậy bơm là làm cho trống phần bên dưới. Rất cần một khoảng trống. Khi đó chỉ cần ấn nhẹ bàn phím để luồng không khí từ những cửa trời vĩ đại của Đức Chúa Trời sẽ làm công việc của mình. Cầu xin Thánh Linh đổ đầy cho chúng ta là nhắm không trúng đích. Công việc của chúng ta là chuẩn bị một chỗ cho Ngài. Điều này có nghĩa là chúng ta không cần cầu nguyện cho việc đổ đầy bằng cầu nguyện cho mình được trống không. Đức tin sẽ ấn phím và nhận Thánh Linh trong chức vụ ngọt ngào của Ngài là thánh hóa, tăng cường sức mạnh, soi sáng và nội trú.

luật pháp của Môi-se (tiêu biểu bằng phép cắt bì). Trái lại, sự tẩy sạch bây giờ có thể thực hiện được bằng đức tin đơn sơ – một đức tin đặt nơi quyền năng của Thánh Linh cho mục tiêu ngay lập tức này. Bằng sự gợi ý, lời chứng của Phi-e-rơ có nghĩa là, giống như việc lấy đức tin tiếp nhận sự xưng công bình được cung cấp do ân điển như một quà tặng, thì cũng vậy cũng phải lấy đức tin tiếp nhận sự nên thánh – không qua phương tiện việc làm, kỷ luật, thì giờ hoặc sự tăng trưởng.

Đức tin, hoặc đức tin để nhận sự xưng công bình hoặc đức tin để nhận sự nên thánh, là một loại thái độ đặc biệt hướng về Đức Chúa Trời. Đó là thái độ: (1) tin rằng Đức Chúa Trời đã phán, tối hậu và cuối cùng trong Con của Ngài, nhưng cũng còn trong Lời thành văn của Ngài, tức là, Kinh Thánh; và rằng Kinh Thánh vẫn là Lời Đức Chúa Trời, nhờ phương tiện đó chúng ta biết được ý muốn của Ngài. Nhưng đức tin cũng là (2) một thái độ hoàn toàn tin quyết nơi sự trọn thành của Đức Chúa Trời – sự thành tín để làm cho Lời Ngài nên tốt lành. Vì lý do này, vô tín là một tội, tội vu khống, và sự vô tín ấy không thể nào làm đẹp lòng Đức Chúa Trời (Hê-bơ-rơ 11:6). Dòng dõi loài người xa cách Đức Chúa Trời qua sự nghi ngờ Lời Ngài. Vì vậy đức tin Cơ Đốc là tin nơi những gì Đức Chúa Trời phán trong Lời của Ngài về Đấng Christ, về Thập tự giá, về Thánh Linh, và về sự thánh khiết; và những gì Ngài đã hứa liên quan đến chúng ta. Với đức tin này chúng ta đến với Đức Chúa Trời trong sự hạ mình để cầu xin sự nên thánh trọn vẹn.

Nhưng Kinh Thánh không dạy rằng chỉ một mình đức tin là hoàn tất sự thánh hóa. Sự nên thánh của chúng ta được thực hiện qua Lời (Giăng 17:17; Công vụ 20:32); qua Huyết của Đấng Christ (Giăng 17:19; Ê-phê-sô 5:25; Hê-bơ-rơ 13:12; Tít 1:2). Những thần học gia thánh khiết gọi ý muốn của Đức Chúa Cha là nguyên nhân *khởi xướng* của sự nên thánh của chúng ta; huyết của Đấng Christ là nguyên nhân *đem đến kết*

quả, Lời Đức Chúa Trời là nguyên nhân làm phương tiện, Thánh Linh là nguyên nhân đem năng lực. Vậy đức tin trở thành nguyên nhân *điều kiện* – sự đáp ứng tự nguyện của sự tin cậy rằng chính Đức Chúa Trời Ba Ngôi sẽ cung cấp và hành động trong lòng chúng ta. Đức tin là điều kiện trong ý nghĩa là Lời, Huyết và Linh sẽ không làm được gì cả nếu chúng ta không tin.

B. SỰ MÃU NHIỆM CỦA ĐỨC TIN

Khó hiểu chính xác mối quan hệ giữa đức tin và kinh nghiệm - đặc biệt là “lời chứng của Thánh Linh”. John Wesley khẳng định rằng chúng ta được nên thánh khi chúng ta tin, nhưng sau đó ông khuyên Cơ đốc nhân ngừng công bố phước hạnh nếu không có sự bảo đảm nào¹⁰. Trong một bức thư gửi bạn ông đưa ra lời nói gây sửng sốt: “Mọi người có thể được phép [may] tin nếu người ấy nhiệt tình duy trì, nhưng người ấy có thể [can] tin khi người ấy muốn tôi hoàn toàn phủ nhận”. Điều này có nghĩa là chỉ khi nào ý muốn tin được Thánh Linh cho phép vì chỉ một mình Ngài là Đấng biết *khi nào* người ấy sẵn sàng. Nhưng Wesley khéo léo thêm vào, “Nhưng luôn luôn có điều gì đó mà chúng ta không thể hiểu hay giải thích hết được”¹¹.

Sự hiểu biết của một người về động năng của đức tin sẽ được xác định đến mức độ nào đó bằng ý niệm của người đó về bản chất của công việc mà đức tin được thực hiện. Nếu người ta chỉ xem sự nên thánh trọn vẹn như là mối quan hệ, thì sự thực hành đức tin trở thành sự tin quyết rằng Đức Chúa Trời

¹⁰ *Works*, 6:52.

¹¹ *Letters of Wesley*, 6:287. John Leland Peters trích dẫn, *Christian, Perfection and American Methodism* (New York: Abindon Press, 1956), 113. Cũng xem Melvin Easterday Dieter, *The Holiness Revival of the Nineteenth Century* (Metuchen, NJ. Scarecrow Press, 1980), 30.

chấp nhận sự phớt lờ của chúng ta – một sự phỏng đoán hơi dễ. Nhưng nếu chúng ta nhận thức về sự nên thánh trọn vẹn (như Wesley đã nhận thức) là một sự thay đổi chủ quan được Thánh Linh thực hiện lập tức – một “sự cắt bì” thuộc linh – thì công việc đức tin trở thành khó hiểu. Vì trong trường hợp này đức tin không phải là quyền năng; mà tác nhân đó chính là Thánh Linh. Trái lại, đức tin là thái độ hay hành động tiếp nhận Thánh Linh để thực hiện sự thay đổi bên trong. Nhưng sự phức tạp lại sâu hơn, vì tại đây cũng có sự phân rẽ:

a) Nếu công việc nên thánh được hiểu là sự thay đổi nơi con người bề trong, nghĩa là, bản chất, bên dưới ý thức, sau đó dựa vào một cơ sở để mạnh dạn công bố phước hạnh dựa vào uy quyền của những lời hứa thiên thượng và sự thành tín của Đức Chúa Trời: “Tôi tin Đức Chúa Trời làm những gì tôi cầu xin, và tôi không quan tâm đến cảm xúc của tôi về vấn đề này”. Charles G. Finney dường như diễn tả quan điểm này khi ông nói, “Tiếp nhận Thánh Linh là nhận Ngài làm Đấng An Ủi [Parakletos], Đấng Hưởng Dẫn và Đấng Chỉ Đạo của chúng ta”¹². Một lần nữa: Không có “phép cắt bì” trong đó con người được đặt vào một chỗ mà họ không thể vào phần còn lại ngay lập tức bằng cách neo đức tin trần trụi nơi lời hứa của Đức Chúa Trời¹³.

b. Mặt khác, nếu sự nên thánh trọn vẹn được tiếp nhận là sự thay đổi cần thiết và cố định kể cả lãnh vực ý thức, thì nỗ lực để tin không còn là một thái độ của sự mong đợi cho đến khi ý thức được bao phủ bằng sự bảo đảm. Một phương pháp nhấn mạnh kiến thức suy diễn rút ra từ sự tin cậy nơi Lời Đức

¹² Timothy L. Smith, *The Promise of the Spirit: Charles G. Finney on Christian Holiness* (Minneapolis: Bethany Fellowship, 1980), 188.

¹³ Sách đã dẫn tr. 209.

Chúa Trời; còn một phương pháp thì nhấn mạnh nơi kiến thức của kinh nghiệm hoặc cảm xúc.

1. Đức Tin Mong Đợi

Phi-e-rơ nói rằng 120 người vào ngày Lễ Ngũ Tuần và những người nhà của Cọt-nây đã được trong sạch “bởi đức tin”. Họ thực hành đức tin nầy như thế nào và khi nào? Đó là loại đức tin gì? Trong hai trường hợp chủ yếu là đức tin vâng lời mà nó phát xuất từ đức tin mong đợi và tiếp nhận. Về mặt tâm lý thật khó cho họ công bố sự đầy đầy Thánh Linh vì họ không có ý tưởng nào về những gì họ công bố. Đối với họ đức tin bảo đảm chỉ có thể xảy ra đồng thời với sự hiện đến bất ngờ, không thể nhầm lẫn của kinh nghiệm có ý thức. Chúa Jê-sus đã truyền lệnh cho họ “hãy chờ đợi cho đến khi”, và họ *đã chờ đợi cho đến khi*. Nhưng đó là sự chờ đợi trong đức tin – tin quyết rằng lời hứa của Chúa Jê-sus sẽ ứng nghiệm. Cọt-nây, cũng vậy, là một ví dụ điển hình của đức tin mong đợi nầy. Ông vâng lời thiên sứ trong việc đi mời Phi-e-rơ, rồi lắng nghe chăm chú trong sự tin quyết rằng Đức Chúa Trời sẽ đáp ứng nhu cầu của ông qua lời nói của Phi-e-rơ. Đức tin mong đợi đồng thời phải là đức tin vâng lời.

Điều Wesley dạy về đức tin hỗ trợ cho đức tin mong đợi, mặc dù ông nhấn mạnh “bây giờ”. Khi trả lời cho câu hỏi, “Chúng ta được nên thánh – được cứu khỏi tội lỗi và sự trơ vạ trong tình yêu – bằng đức tin nào? Wesley phân tích tỉ mỉ bằng bản tóm tắt 4 mặt sau:

- a. “Đó là bằng cớ và sự xác quyết thiên thượng... rằng Đức Chúa Trời đã hứa điều đó trong Kinh Thánh”
- b. “Đó là bằng cớ và sự xác quyết thiên thượng... rằng Đức Chúa Trời đã hứa rằng Ngài có khả năng thực hiện”.

- c. “Đó là.... bằng cố và sự xác quyết thiên thượng rằng Ngài có khả năng và muốn làm điều đó ngay bây giờ”.
- d. “Đối với sự xác quyết này ... cần phải thêm vào một điều nữa – một bằng cố thiên thượng rằng Ngài làm điều đó. Vào giờ đó điều đó được thực hiện.

Ông khẳng định rằng “Có một sự liên hệ không tách rời giữa ba điểm này - mong đợi bằng *đức tin*, mong đợi điều đó *theo con người bạn* [as you are], và mong đợi điều đó *ngay bây giờ*” (ông cho in nghiêng). Nhưng ông không thích dùng chữ “mong đợi” thậm chí với chữ “bây giờ”. Ông không nói “Công bố ngay bây giờ”¹⁴

2. Đức Tin Chiếm Hữu

Đây là sự khẩn thiết cầu xin Thánh Linh đổ đầy trên cơ sở lời hứa thiên thượng. James M. Gray, một mục sư trẻ, người quan niệm rằng phải có một kinh nghiệm tình cảm mãnh liệt mới được đổ đầy Thánh Linh, được nghe James Oliver Buswell, Jr. khuyên rằng đức tin đơn sơ mới là chìa khoá, ông “cầu xin Chúa Jêsus đổ đầy ông bằng Thánh Linh, rồi ông đơn sơ tin rằng Đức Chúa Trời sẽ trọng lời hứa của Ngài”, và ông ra đi “không cần tình cảm đặc biệt nào”. Nhưng chẳng bao lâu những người đồng công với ông nhận thấy có sự đối khác. Họ

¹⁴ Works, 6:52-54. Nhưng ông đi gần đến đức tin của sự chiếm hữu trong bài giảng “On Patience”, Sách đã dẫn tr. 492. Lập lại bốn phương pháp của đức tin, ông nói phương pháp thứ tư như sau. “Bốn là, Tin rằng Ngài không những có thể nhưng còn sẵn lòng làm điều đó *ngay bây giờ*! Không phải đợi cho đến khi bạn qua đời, không phải một khoảng thời gian nào đó; không phải là ngày mai, nhưng *hôm nay*. Ngài sẽ làm cho bạn tin, *điều đó đã được thực hiện*, theo Lời Ngài”. Đối với tín hữu ý muốn phải có sự cho phép của Thánh Linh, một sự cho phép tự nó đổi đức tin thành sự bảo đảm.

nói, “Ông là con người mới... Có một sức mạnh thuộc linh trong chức vụ của ông mà trước kia ông chưa có”¹⁵.

Có một sự vận hành hợp lý ở đây, nếu một người không cẩn thận, thì người ấy có thể hạ giá trị của lời chứng trực tiếp của Thánh Linh. Người ta thường suy luận rằng đức tin chân thật trong một lời làm chứng thì không đòi hỏi lời chứng thứ hai. Nếu đức tin yên nghỉ dứt khoát và vững chắc trên Lời Đức Chúa Trời, thì Lời Đức Chúa Trời trở thành một nhân chứng. Thật vậy, đây là nền tảng vững chắc để có thể xây dựng tiếp. Nhưng sự tin cậy thực sự không phải nơi Lời Đức Chúa Trời như là một sức mạnh độc lập – có thể trở nên sự thờ Kinh Thánh [bibliolatry] – mà là nơi Đức Chúa Trời của Lời Kinh Thánh. Đức tin của chúng ta nơi lời hứa chỉ vì đó là sự xác quyết của Đấng Hứa. Điều này nhìn nhận rằng Kinh Thánh không thể tách rời với hành động của Thánh Linh, là Đấng có thể xác nhận những lời hứa. Chỉ một mình Ngài mới có thể đổi văn tự thành sự sống kinh nghiệm. Vì thế, nhấn mạnh phương pháp dựa vào lời hứa, không quan tâm đến cảm giác, chỉ an toàn nếu “đức tin chiếm hữu” của chúng ta là sự tin quyết rằng Đức Chúa Trời sẽ và thực hiện lời hứa vì Ngài là Đức Chúa Trời thành tín.

Trong kinh nghiệm thực sự, dường như Thánh Linh soi sáng về một lời hứa đặc biệt nào, sau đó trở thành chiếc cầu bảo đảm. Đây là kinh nghiệm của Brengle. Khi ông thực sự “chết”, và cầu nguyện để làm trống không bản ngã, nhưng ông bất mãn vì không thấy điều gì “xảy ra”, ông ta được nhắc nhở trong câu Kinh Thánh I Giăng 1:9, “Nếu chúng ta thú nhận tội lỗi mình thì Ngài vốn là Đấng trung tín và công chính sẽ tha

¹⁵ A *Systematic Theology of the Christian Religion* (Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1963) 2:214-15. Cần phải nhìn nhận rằng quan điểm của Buswell dù giúp ích tại điểm này, nhưng không phải là quan điểm của Wesley.

thứ tội lỗi chúng ta và thanh tẩy chúng ta sạch mọi điều bất chính”. Hall mô tả những gì đã xảy ra:

Những lời này phá vỡ lòng ông giống như một chiếc hoả tiễn, soi sáng cho ông thấy rõ rằng vì Đức Chúa Trời là “Đấng thành tín và công bình”, nên bây giờ bằng đức tin đơn sơ nơi những thuộc tính của Đức Chúa Trời, ông sẽ tiếp nhận phước hạnh ấy. Lập tức Ân điển và sự thành tín của Đức Chúa Trời giáng xuống trên ông, và ông gục đầu trên cánh tay mình và thì thào xác quyết, “Lạy Chúa, con tin điều đó”, một cảm giác bình an tràn ngập linh hồn ông.

Có phải đây là Phước hạnh không? Ông không cần đặt lại câu hỏi này lần thứ hai. Một chữ CÓ to tướng hiện ra, ông tiếp nhận lời này vào mọi ngõ ngách của linh hồn và thân thể ông¹⁶.

Sự bình an nội tâm này phình ra thành những dòng sông phước hạnh và hai ngày sau trở thành phép báp têm của tình yêu mạnh mẽ. Brengle được thánh hóa khi Thánh Linh cho phép ông tin nơi lời hứa. Nhưng quyền năng của lời hứa được khai phóng có hiệu quả khi ông có khả năng thành linh về Đức Chúa Trời là Đấng ông hoàn toàn đáng tin cậy, đang ở đằng sau lời hứa. Yên nghỉ trong *điều đó* sẽ mang linh hồn đến sự yên nghỉ.

3. “Thần Học Bàn Thờ” [The ‘Altar Theology’]

Phương pháp đức-tin-nơi-Lời-Chúa [Faith-in-the-Word-approach] được khai triển thành một hệ thống rõ ràng vào giữa thập niên 1800, chủ yếu do Phoebe Palmer (đôi khi được gọi là Phương Pháp của Palmer). Mặc dù có sự chống đối, nhưng sự dạy dỗ của bà lan toả khắp phong trào thánh khiết cho đến khi

¹⁶ Brengle: *Portrait of a Prophet*, 57. Một số người có thể thắc mắc về sự tương ứng của câu này với công tác thứ hai của ân điển. Nhưng nếu Linh tối cao áp dụng điều này vào trường hợp của Brengle, thì ai có thể tìm thấy lỗi lầm?

chúng trở thành tiêu chuẩn. Nhờ những lời khuyên của bà, hàng ngàn mục sư và tín hữu nòng cốt của nhiều giáo phái đã được giúp đỡ để có sự bảo đảm. Bà khẳng định, vì Chúa Jêsus là bàn thờ của chúng ta, “bàn thờ thánh hóa của lễ” (Ma-thi-ơ 23:19), nên phần của chúng ta là biết chắc mình đã nằm trên bàn thờ, và chấp nhận rằng Đấng Christ là thành tín sẽ thánh hóa chúng ta. Vì thế phải có một *bước* rõ ràng của đức tin trở thành bốn phận đạo đức. Hậu quả, điều này gõ một nốt nhạc mới khẩn cấp, “Nếu bạn trì hoãn trong việc dâng của lễ dù bất kỳ lý do nào, thì bạn phải ăn năn. Đức Chúa Trời đòi hỏi sự thánh khiết hiện tại”¹⁷.

Ngoài việc xây dựng trên nguyên tắc Đấng Christ là bàn thờ của chúng ta, còn có 4 thành phần căn bản nữa trong sự dạy dỗ của bà Palmer. Tất cả những điều này đánh dấu phát triển thánh khiết mà kết quả là một phương pháp mới.

a. Bốn phận để được thánh khiết trọn vẹn là *bây giờ*. Chờ đợi, thậm chí một thái độ chờ đợi, để được làm nên thánh khiết vào thời điểm nào đó trong tương lai, là không có trong Kinh Thánh.

b. Bốn phận để dâng mình trọn vẹn là *bây giờ*. Nếu Đấng Christ là “bàn thờ” của chúng ta thì phần chúng ta là đặt sinh tể trên bàn thờ này ngay lập tức. Nếu không có sự dâng hiến hoàn toàn và có ý thức thì sẽ không có sự nên thánh.

c. Sự ưu tiên của Lời Đức Chúa Trời. Kinh Thánh là Lời của Đức Chúa Trời hằng sống *ngay bây giờ*, nhờ đó mà Ngài tự phó chính mình để làm điều nào đó trong tín hữu và cho tín hữu là những người đáp ứng những điều kiện thuộc linh. Nếu

¹⁷ Phoebe Palmer, *Faith and Its Effects: On Fragments from My Portfolio* (New York: Private printed at 200 Mulberry St. 1854), 104. Quoted by Dieter, *Holiness Revival*, 32.

đáp ứng những điều kiện mà Lời Chúa không ứng nghiệm thì đó là điều không thể suy nghĩ tới.

d. Bản chất bắt buộc của đức tin. Không tin rằng *bây giờ* Đức Chúa Trời không làm những gì Ngài hứa là tội vì đó là sự phủ nhận Lời Đức Chúa Trời. Đức tin yên nghỉ trên lời hứa, và sự thành tín thiên thượng trên những gì đã hứa, không quan tâm đến cảm giác¹⁸. Nhưng đức tin như thế sẽ đem lại cảm giác, giống như đức tin nơi lời bác sĩ nói rằng không có ung thư thì sẽ mang đến cho bệnh nhân cảm giác an ủi và vui mừng. Nếu còn nỗi lo lắng là bày tỏ sự không tin nơi lời nói của bác sĩ. Mặc dù người ta có thể bào chữa cho sự lo lắng kéo dài vì bác sĩ là người yếu đuối, nhưng chúng ta không thể biện hộ khi nói với Đấng Christ như vậy.

Về nền tảng Kinh Thánh, một người không thể phàn nàn về sự nhấn mạnh trên sự ngay lập tức này. Sự nên thánh trọn vẹn vừa là đặc ân vừa là bổn phận của mỗi Cơ đốc nhân vào giây phút người ấy nhìn thấy sự cung ứng của Kinh Thánh. Bà Palmer khẳng định, “Biết là sự cáo trách”¹⁹. Không thể nào có

¹⁸ Chắc bà Palmer đã phủ nhận bức tranh biếm họa về công thức: “Tin rằng bạn đã có điều đó, thì bạn có điều đó” [Believe that you have it and you have it]. Trái lại quan điểm của bà, theo John L. Peters, là sự nhấn mạnh “trên sự dâng mình đầy đủ và trọn vẹn rằng đức tin chỉ là bước kế tiếp và cần thiết” (*Christian Perfection*, 112). Muốn biết thêm phần giải thích cân đối của sự dạy dỗ của bà Palmer và khảo sát ảnh hưởng rộng lớn của sự dạy dỗ ấy, xin xem sách của Peters, 109-13; Dieter, *Holiness Revival*, 26-32; Timothy L. Smith, *Revivalism and Social Reform* (New York: Abingdon Press, 1957), 116-28; và Delbert R. Rose, *A Theology of Christian Experience* (Minneapolis: Bethany Fellowship, 1965) 31-45.

¹⁹ *The Way to Holiness*, ed and abr. Alatheia Coleman Jones (Wilmore, Ky. Christian Outreach, Asbury Theological Seminary, 1981). Muốn biết thêm sự thảo luận hữu ích về tính năng động của đức tin, xin xem Grider, *Entire Sanctification*, 116-18.

sự thách thức khi nhấn mạnh về Lời Đức Chúa Trời là nền tảng chân thật cho sự bảo đảm.

Tuy nhiên, mắt xích yếu trong sợi dây lý luận của bà Palmer là trong việc kéo gần sự tương đương giữa nguyên tắc lễ nghi của sự nên thánh của bàn thờ và sự dạy dỗ của Tân Ước. “Hễ gì đựng ... vào bàn thờ... thì sẽ được thánh khiết” (Xuất Ê-díp-tô ký 29:37) nghĩa là bất kỳ điều gì được đặt trên bàn thờ được chia sẻ sự thánh khiết của bàn thờ. Bàn thờ (có thể nói) “công bố” điều đó dành cho Đức Chúa Trời. Nó trở nên thánh khiết và bất kỳ sự lạm dụng nào đều là mạo phạm Đức Chúa Trời. Nhưng đây là sự thánh khiết do sự kết hợp, chứ không phải do sự tẩy sạch. Đó là sự thánh khiết theo vị trí, và như vậy đó là sự qui cho.

Khi Chúa Jêsus đưa ra điều này (Ma-thi-ơ 23:19) để quở trách thầy thông giáo và người Pha-ri-si, thì Ngài xác nhận nguyên tắc làm nên thánh qua sự dâng hiến theo nội dung lễ nghi của Cựu Ước. Mở rộng điều này là phần mô tả về kiểu mẫu của sự nên thánh của Tân Ước sẽ gây nhiều thắc mắc vì nó mở cửa cho (1) coi sự nên thánh ngang bằng với sự dâng mình (xem Chương 8, ghi chú 20); (2) chỉ hàm ý về sự nên thánh cá nhân, và như vậy (3) là sự thánh khiết qui cho. Không có sự thay đổi cụ thể trong sự “thánh khiết” của việc ở trên bàn thờ, chỉ có *sự thay đổi tương đối*. Nhưng chắc chắn Wesley, và có thể là bà Palmer đã hiểu sự nên thánh trọn vẹn là sự thánh khiết thực sự, chứ không phải là sự thánh hóa qui cho [hallowness].

Trường hợp Kinh Thánh có thể nhìn nhận Chúa Jêsus là bàn thờ của Cơ đốc nhân, như vậy tôn cao tầm quan trọng và sự thích hợp của sự trình dâng đặc biệt của sự dâng mình. Nhưng đó không phải là điều để kết luận rằng sự nên thánh do Đấng Christ là có cùng nền tảng, hoặc khác hơn, sự nên thánh do bàn thờ Cựu Ước. Đấng Christ là bàn thờ của chúng ta

không theo ý nghĩa lễ nghi và nghĩa bóng. Ngài không phải là một vật thể được thánh hóa, nhưng là một Thân Vị, là Đấng vừa thành tín vừa tự do để chấp nhận đức tin và sự dâng mình của chúng ta bằng việc ban quà tặng Thánh Linh thánh hóa của Ngài.

Về một phương diện sự dâng hiến của chúng ta cho Đức Chúa Trời là thánh do bản chất của điều đó. Nếu sự dâng mình bằng đức tin, thì sự dâng hiến đó thuộc về Đức Chúa Trời, và bất kỳ “sự lấy khỏi bàn thờ” hoặc lạm dụng đều là vi phạm hợp đồng và vì thế đó là tội. Nhưng điều thiết yếu của học thuyết của Wesley, và tiêu chuẩn của môn Cứu thế học [Soteriology] của Tân Ước là sự thánh khiết [holiness] khác hơn sự thánh khiết qui cho [hallowness]. Để đáp ứng với của lễ là lửa thiên thượng. Sự thánh khiết không phải là kết quả tự động của mối quan hệ, nhưng là sản phẩm của năng lực thanh tẩy của Thánh Linh. Chỉ có lúc ấy thì lời hứa mới được ứng nghiệm, “Ngài sẽ làm báp têm cho các con bằng Thánh Linh và lửa” (Ma-thi-ơ 3:11; Lu-ca 3:16; xin xem Mác 1:8).

Vậy đức tin quay lùi lại nguyên tắc mà nó bao gồm không những trong lời công bố Đấng Christ là Đấng Thánh Hoá, nhưng còn là sự bảo đảm rằng Ngài sẽ *hoàn tất* công tác này trong chúng ta bởi Thánh Linh Ngài, và *làm điều đó trở nên thực sự trong chúng ta*.

III. NHỮNG BẰNG CỐ CỦA SỰ ĐẦY DẪY THÁNH LINH

A. LỜI CHỨNG CỦA THÁNH LINH

Lời chứng của Linh cho sự nên thánh trọn vẹn của chúng ta là sự bảo đảm thiên thượng bên trong chúng ta rằng công tác

đã được thực hiện. Sự bảo đảm này có thể ở dưới hình thức của một dòng nước lụt của cảm giác ngây ngất, một cảm giác của sự được tẩy sạch, một sự bình an sâu xa, hoặc một sự tuôn đổ tình yêu – hoặc một sự tổng hợp của hết thảy những điều trên. Trong bất kỳ trường hợp nào thì sự khắc khoải cũng tiêu tan, sự chiến đấu qua đi, sự nghi ngờ không còn và tâm trí được yên nghỉ. Người ta không thể diễn tả với Đức Chúa Trời hình thức mà sự bảo đảm xảy đến. Có lẽ qua nhiều năm, thường thường điều này bị quên lãng do những nhận thức sai lầm về những gì mong đợi. Người ta cũng không được đưa kinh nghiệm của người khác làm mẫu mực mà Hội Thánh của Đức Chúa Trời phải tuân theo.

A. W. Tozer nói, “Chứng cứ duy nhất mà Ngài ban là chứng cứ chủ quan, chỉ một mình cá nhân người ấy biết mà thôi. Chính Thánh Linh bày tỏ Chính Ngài ở nơi rất sâu trong tâm linh con người”. Nhưng chứng cứ này không thể thiếu được. Tozer khẳng định rằng không tín hữu nào “đã được đầy đủ Thánh Linh mà không biết rằng mình được đổ đầy”. Cũng như không ai là không biết lúc mình được đổ đầy. Và không ai nhận thấy rằng mình được đổ đầy từ từ (Tozer cho in nghiêng)²⁰.

B. PHẢI CHĂNG NÓI TIẾNG LẠ LÀ BẰNG CỐ

Bất kỳ sự khẳng định nào về tiếng nói hoặc bất cứ sự bày tỏ thể chất nào về bằng cố của sự đổ đầy Thánh Linh là ngớ cụt không thể tuôn tràn dòng quyền năng và làm mất hiệu lực của sự tăng trưởng thuộc linh. Nhìn nhận cái hiện tại gọi là âm tử nói tiếng lạ thì tương đối dễ cho một số loại tính tình. Chấp nhận điều này là bằng cố của kinh nghiệm có giá trị và sâu sắc

²⁰ *Keys to the Deeper Life*, 30-31.

trong Thánh Linh là một ảo tưởng của khuynh hướng rút ngắn sự khao khát sâu hơn về Thánh Linh²¹.

Ngoài sự bày tỏ đó là biểu tượng, nói bằng những ngôn ngữ thiên thượng được ban cho là công cụ thu hút sự chú ý và truyền giảng vào ngày Lễ Ngũ Tuần. Tại Sê-sa-rê và Ê-phê-sô, đó là bằng cớ cho những người Do thái vô tín rằng Thánh Linh ban cho Dân Ngoại ân tứ như nhau. Nhưng giả định rằng điều này hoặc ân tứ khác là điều đồng nhất không thể thiếu được của báp têm bằng Thánh Linh, hoặc là một bằng cớ của tình trạng ân điển sâu sắc, được Phao lô bài bác mạnh mẽ trong phần thảo luận của ông về các ân tứ trong I Cô-rin-tô 12-14²².

C. BẰNG Cớ CỦA SỰ BIẾN ĐỔI

Wesley phân biệt giữa lời chứng của Thánh Linh và lời chứng gián tiếp, nghĩa là lời chứng của tâm linh chúng ta bằng những gì chúng ta nhận thấy sự khác biệt. Như vậy chúng ta có hai lời chứng, một được người khác chứng thực. Nhu cầu của

²¹ Michael Harper, một nhà lãnh tụ nổi tiếng trên khắp thế giới trong phong trào linh ân, đã nói trong một bài phỏng vấn ở trong tờ *New Covenant*, Feb, 1981. "Vài năm trước đây tôi thực sự nghĩ rằng nếu tất cả Cơ đốc nhân đều trở thành những người có ân tứ [charismatics], thì Hội Thánh sẽ được cất lên. Bây giờ tôi nhìn thấy rõ ràng rằng những gì chúng ta cần nhiều nhất là đời sống vâng lời ở dưới sự lãnh đạo của Đấng Christ... Tôi muốn thấy sự đổi mới thay thế chữ "trọn vẹn" [wholeness] bằng chữ "thánh khiết" [holiness]. Hai chữ này khác xa một trời một vực... Hết trang này sang trang khác, những gì Kinh Thánh nói đến là sự thánh khiết... Nhưng người ta đã bỏ qua sự thánh khiết, theo mạng lịnh và lời hứa của điều này để theo đuổi sự trọn vẹn [wholeness]... Tôi nghĩ rằng nhiều người trong phong trào linh ân đã không chịu đóng đinh với Đấng Christ". Đây là sự thừa nhận từ bên trong phong trào linh ân rằng "những ân tứ" ở trong và thuộc về họ, không chứng tỏ một tình trạng ân điển sâu sắc.

²² Muốn hiểu thêm, xin đọc phần thảo luận "Những Ân Tứ của Thánh Linh" trang 196-199.

lời chứng thứ hai nằm ở chỗ người tìm kiếm có thể giải thích kinh nghiệm tình cảm là lời chứng của Thánh Linh. Người ấy cần nhìn thấy sự thay đổi trong con người mình, một sự thay đổi phù hợp với nhu cầu động viên người ấy trước hết tìm kiếm sự thánh khiết của tấm lòng. Một người không thể tìm kiếm cách khôn ngoan nếu không nhận biết nhu cầu. Làm thế nào người ấy yên nghỉ trong “phước hạnh” trừ phi những ngày sau đó người ấy khám phá cách vui mừng vì nhu cầu của mình được đáp ứng, hoặc về “quyền năng” đã hứa nay thuộc về người ấy? Đó là lời chứng gián tiếp mà Sherwood E. Wirt mô tả trong lời chứng sau đây:

Nhưng khi tôi nói với Ngài rằng tôi đã thoát vị cái ngôi của đời sống tôi (nghĩa là, đời sống Cơ đốc nhân); khi tôi nói rằng bản ngã của tôi bị hạ bệ và bị tống khứ làm phu tù, khi tôi cầu xin Ngài đóng đinh tôi, Ngài đã chấp nhận lời thỉnh cầu của tôi và hoàn tất điều đó.

Vào thời điểm của Ngài và lúc thuận tiện vừa ý Ngài Ngài đổ dung môi thiên thượng vào tấm lòng bối rối của tôi. Nó giống như sức nóng của mặt trời đang đốt chảy những lớp băng giá.

Tôi không biết tình yêu đến như thế nào, nhưng tôi biết rằng mọi sự cay đắng với những người khác, sự thù hận người khác – kể cả những gì gần gũi tôi – đều biến mất.

Bạn có thể gọi từng tên theo ý bạn – sự phẫn uất – thù địch – những cảm giác bị tổn thương – tất cả đều được giải quyết. Bị bay hơi.

Tan biến²³.

Ông biết mình đã được đổ đầy Thánh Linh bằng sự thay đổi ông thấy nơi con người mình.

²³ *Afterglow – The Excitement of Being Filled with the Spirit* (Grand Rapids: Zondervan Publishing House, 1975), 19.

Tình yêu cùng với những bông trái kèm với nó, được công bố là bằng cố phổ quát và không thể thiếu được của Thánh Linh (Rô-ma 5:5; I Cô-rin-tô 13; Ga-la-ti 5:22). “Một sự bình an ổn định sâu xa” kết hợp với sự bành trướng và mãnh liệt của tình yêu là kinh nghiệm thông thường nhất. Tâm linh tự nhìn thấy mình được giải cứu khỏi sự độc ác hoặc ý muốn xấu xa, nhìn thấy tấm lòng được tẩy sạch khỏi sự kiêu ngạo và sự cứng lòng, thấy những sự khác nhau bên trong bày tỏ qua tính tình thay đổi. Có một sự giản xã mới và yên tĩnh trong tâm linh, một sự đắc thắng kỳ diệu trong việc chấp nhận sự cung cấp của Đức Chúa Trời và có một khả năng để chịu đựng những phản uất và bất mãn – thậm chí buồn rầu. Người ta thấy khuynh hướng tự phát là nhìn vào Chúa Jêsus trong mọi hoàn cảnh (Hê-bơ-rơ 12:1-2).

Nhưng còn có một sự tự do mới trong sự làm chứng, một sự dạn dĩ thánh (không vô liêm sỉ), một sự xung kích mới trong những việc của Đức Chúa Trời. Ngọn lửa đang bốc cháy. Điều này không có nghĩa là sự hùng biện hoặc khả năng nói trước công chúng. Mà nó có nghĩa là môi miệng được tự do khi nói về Đấng Christ trong mọi hoàn cảnh.

Khi trả lời cho câu hỏi “Bằng bông trái nào của Thánh Linh mà chúng ta biết rằng mình thuộc về Đức Chúa Trời, thậm chí với ý nghĩa cao nhất?” Wesley nói,

Bằng tình yêu, vui mừng, bình an luôn luôn nội trú; bằng sự chịu đựng, kiên nhẫn, cam chịu không thay đổi; bằng sự nhơn từ, chiến thắng mọi sự khiêu khích; bằng sự tốt lành, hoà nhã, ngọt ngào, tinh thần tế nhị; bằng sự trung thực, đơn giản, thành thật; bằng sự nhu mì, yên lặng, điềm đạm, bằng sự tiết

độ, không những trong việc ăn uống và ngủ nghỉ, nhưng còn trong cả những vấn đề thuộc linh và tự nhiên²⁴.

Hơn nữa, Wesley phủ nhận sự tuyên bố của một số người vì thiếu những bằng cứ này. Một số điều thiếu sót mà ông trưng dẫn là:

Một số người thiếu sự tế nhị. Họ chống cự điều ác, thay vì đưa má kia cho người ta vả. Họ không nhận sự quở trách cách nhẹ nhàng; không họ còn cãi bướng. Họ không thể chịu đựng sự mâu thuẫn, ít ra chịu được sự phản uất. Nếu họ bị quở trách dù nhẹ nhàng, thì họ cũng không tiếp nhận cách khéo léo; họ cư xử xa lạ và theo cách không đáng làm như vậy. Nếu họ bị quở trách cách nặng nề, thì họ trả lời lỗ mãng, lớn tiếng và với giọng giận dữ.

Sau vài đoạn văn truy tố như thế, Wesley kết luận, “Bạn không có cái mà tôi gọi là sự trọn vẹn; nếu những người khác gọi như vậy, thì họ cứ gọi. Tuy nhiên, hãy nắm chặt những gì bạn có, và hãy nhiệt tình cầu xin những gì bạn chưa có”²⁵.

Rõ ràng đối với Wesley phẩm chất của tâm linh là tiêu chuẩn thực sự. Có thể có nhiều sự khiếm khuyết về mặt văn

²⁴ *Plain Account*, 89. Một chỗ khác ông nói rằng con người không nên dựa vào những bông trái giả định mà thiếu lời chứng trực tiếp của Thánh Linh để hướng dẫn tội nhân tìm kiếm sự bảo đảm của việc nhận làm con nuôi (*Works*, 5:133-34). Niềm tin của ông về lời chứng trực tiếp cũng là tiêu chuẩn của công tác thứ hai của ân điển nằm ở bản chất của sự suy luận nhiều hơn (Xin xem *Plain Account*, 86-87).

²⁵ *Sách đã dẫn* tr. 92. Dennis Kinlaw hồi tưởng bài giảng của ông về I Cô-rin-tô 13 cho một nhóm giáo sĩ. Một ngày nọ, tại bàn ăn một giáo sĩ lão thành nói, Ông Dennis ơi, phải chăng ông nói với tôi rằng ông nghĩ rằng chúng ta có thể sống được đoạn đó chứ? Ông ta trả lời, “Vâng, tôi đã nói. Đây là Lời Đức Chúa Trời và Kinh Thánh nói rằng nếu chúng ta có mọi sự mà không có tình yêu thì chúng ta thất bại trong mọi sự. Nếu việc làm theo Lời Đức Chúa Trời là sự cần thiết để làm đẹp lòng Ngài, thì chắc chắn phải có một con đường qua đó ân điển của Đức Chúa Trời có thể đến” (bài giảng, Radiant Cassettes, Vancleve, Ky, Jan 1981).

hóa và những kiểu cách của cá tính chưa được điều chỉnh ngay tức khắc vì chúng không phải là biểu hiện của tội tập trung vào bản ngã.

Hiển nhiên đối với Wesley không kinh nghiệm tôn giáo nào có thể đồng nhất với sự trọn vẹn của Cơ đốc nhân hoặc sự nên thánh trọn vẹn nếu nó không sinh ra sự thay đổi trong tính tình. Mặc dù không phải mọi sự được thay đổi có thể cần phải thay đổi, cũng không phải mọi nan đề cá nhân được giải quyết, là sự thay đổi xảy ra tận gốc rễ, sâu xa và kéo dài.

TÓM TẮT

Vài Chương cuối dụng ý giải thích giáo lý về sự thánh khiết như là một đặc ân sẵn có trong Đấng Christ. Chúng tôi đã gắng sức để độc giả có thể hiểu được những vấn đề giáo lý phức tạp. Phần thảo luận có thể không đạt được yêu cầu trừ phi những Chương này giúp cho độc giả biết rõ rằng sự thánh khiết không thể còn lại là sự trừu tượng hoặc chủ đề của chương trình học. Thậm chí hiểu rõ về mặt trí tuệ cũng sẽ ngăn trở người ta khảo sát sự thánh khiết như là một quan sát viên tách rời từng phần, giống như một người khảo sát côn trùng. Vì những vấn đề này liên quan đến con người trong đời sống nội tâm, trong mối quan hệ sâu xa nhất và trong số phận đời đời của họ.

Thực tế của sự thánh khiết có thể kinh nghiệm được; nó không phải là điều chỉ biết bằng môi miệng. Cho dù cách giải thích về sự thánh khiết có đúng Kinh Thánh và chính xác đến bao nhiêu, nếu độc giả không tìm kiếm và kinh nghiệm điều đó cho cá nhân họ, thì sự chính xác về giáo lý cũng vô ích. Nếu những độc giả khi đọc những Chương này được sự giúp đỡ để tìm kiếm sự thánh khiết và được hướng dẫn vào thực tế thoải lòng và “có thể chứng thực được”, thì tác phẩm này hoàn tất

được sử mạng quan trọng rồi – dù cho cõi đời đời sẽ phô bày những thiếu sót trong quan điểm hoặc trong sự trình bày. Vì chắc chắn, ngoài sự thánh khiết “không ai có thể thấy Đức Chúa Trời” (Hê-bơ-rơ 12:14).

NẾP SỐNG THÁNH KHIẾT

Những kinh nghiệm gây ấn tượng dẫn đến tấm lòng thánh sạch đều có mục đích là đời sống thánh khiết. Đây là một đời sống sinh động về mặt thuộc linh, hành vi gương mẫu và hiệu quả trong sự chinh phục linh hồn. Khi Phao lô thức giục tín hữu thành Phi-líp tiếp tục “lấy lòng kính sợ và run rẩy mà hành động để hoàn thành sự cứu rỗi mình” (Phi-líp 2:12-13), thì ông đang nhắc nhở họ rằng những gì Đức Chúa Trời đã hành động và đang hành động trong họ qua ân điển phải được biến đổi thành hành vi đạo đức của nếp sống hằng ngày.

Những người thánh phải hành động như vậy. Hơn nữa, họ phải có trách nhiệm để thấy điều này. Mặc dù ân điển ở bên trong đủ để cho họ hoàn tất điều này, nhưng điều đó không phải là cơ chế nguyên nhân - hậu quả cách tự động. Nếu là kinh nghiệm điều này phải bày tỏ bằng nếp sống đạo đức, nếu là đức tin, điều này phải biến đổi thành sự giống như Đấng Christ hằng ngày, phải có sự chấp nhận về trách nhiệm và sự chú ý có cân nhắc cách hệ thống vào công tác này¹.

¹ Chúng tôi tin rằng có một cột mốc phân biệt giữa tấm lòng trong sạch và tính chất trưởng thành. Tấm lòng trong sạch nhận được ngay lập tức; còn tính chất trưởng thành là kết quả của sự lớn lên trong ân điển.

Chúng tôi tin rằng ân điển của sự thánh khiết trọn vẹn bao gồm động cơ để lớn lên trong ân điển. Tuy nhiên, động cơ này phải được nuôi dưỡng cách có ý thức, cẩn thận chú ý đến những điều kiện và những tiến trình phát triển thuộc linh và sự cải thiện trong sự giống Đấng Christ về tính tình cùng nhân cách đã được đưa ra. Nếu không có sự nhiệt tình nhắm

I. MỘT ĐỜI SỐNG ĐẦY DẪY THÁNH LINH

Ngoài Thánh Linh nỗ lực của con người sẽ nhanh chóng sa lầy xuống chỗ của con người xác thịt bình thường. Sự kiêu ngạo sẽ tôn vinh những phương cách do tự kỷ luật đạt được, và điều này sẽ làm thoả lòng những linh hồn cạn cợt xây nhà trên cát. Nhưng những người có mục tiêu cao hơn chìm trong tuyệt vọng. Những tín hữu biết chịu trách nhiệm sẽ hoàn toàn lệ thuộc vào Thánh Linh là Nguồn Năng Lực của mình. Đây là Thánh Linh, Đấng tăng cường sức mạnh bên trong như là một máy điện thiên thượng (Ê-phê-sô 3:16-19). Vì thế, nếu một đời sống không được đầy đầy Thánh Linh (5:18-21), thì “đời sống thánh khiết” chỉ là một giấc mơ hảo huyền.

A. THÁNH LINH VÀ BẢN NGÃ

1. Ý Niệm Đầy Dẫy

Hai chữ Hi Lạp thường được dùng trong việc diễn tả sự đầy dẫy Thánh Linh là *pimplēmi* (hoặc *plēthō*) và *plērōs* (*plēroō* và *plērōma*). Những chữ này gợi ý về sự đầy tròn, đầy tràn, hoàn toàn chiếm hữu, hoàn toàn ở dưới ảnh hưởng của. Có thể nói rằng được đầy dẫy Thánh Linh là (a) thấy rằng con người chúng ta được chìm ngập trong Ngài, (b) được sự Hiện Diện của Ngài bao phủ, và (c) hoàn toàn ở dưới ảnh hưởng của Ngài.

Ba cặp so sánh tương đồng sau nói rõ ý nghĩa của chữ này. Lu-ca 4:1 nói về Chúa Jêsus “đầy dẫy Thánh Linh”, trong khi 5:12 nói về một người “mắc bệnh phung đầy mình” (đầy bệnh phung). Giống như người bị bệnh phung giao phó chính mình

mục đích như vậy thì lời làm chứng của một người có thể bị phá hỏng và ân điển bị mất tác dụng và cuối cùng người ấy bị chết mất” (CÁM NANG, Hội Thánh Tin Lành Nazarene)

cho bình phong thấm nhiễm, bình phong chiếm hữu hoàn toàn, thì Chúa Jêsus giao phó cho Thánh Linh, “được thấm nhiễm” bằng Thánh Linh, được Thánh Linh chiếm hữu hoàn toàn. Một lần nữa, trong Công vụ 2:4 giống như các môn đồ được “đầy đầy Thánh Linh”, thì trong câu 2 có nói đến tiếng gió “đầy cả căn nhà”². Giống như tiếng gió lan toả và chiếm hữu mọi phần của cái nhà, thì Thánh Linh lan toả và chiếm hữu thân thể, linh hồn và tâm linh – ở dưới lầu và trên lầu. Ngài chiếm hữu sở thích và thói quen, nguyện vọng và mục tiêu, những giá trị và tình cảm, đời sống hướng về loài người cũng như đời sống hướng về Đức Chúa Trời.

Một lần nữa, đầy rượu được so sánh tương phản với đầy Thánh Linh (Ê-phê-sô 5:18)³. Nhân loại chịu đựng khoảng trống vĩ đại, sự trống rỗng bên trong, phát sinh sự hiếu động, khao khát, và tìm kiếm không ngừng. Say rượu tượng trưng cho cách sống của thế gian để làm đầy khoảng trống đó. Người ta tìm kiếm sự thoả mãn trong đồ vật, trong ma túy, trong thú vui nhục dục, trong sự tán dương và quyền lực. Đây là cách của xác thịt. Phao lô nói, “Đừng bắt chước thế gian, nhưng hãy tìm sự hoàn thành của bạn - đổ đầy vào khoảng trống đó – bằng việc để Thánh Linh tiếp tục đổ đầy bạn”. Vì thiếu Ngài thì khoảng trống đó xảy ra lập tức.

Mặc dù có những sự giống nhau giữa đầy bình phong, đầy gió, đầy rượu và đầy Thánh Linh, nhưng sự khác biệt giữa những điều này rất lớn. Về mặt thể chất những sức mạnh vô thân vị tác động mạnh mẽ trên chúng và hủy diệt. Đặc biệt điều này đúng trong trường hợp đầy rượu. Khi một người phó

² Phải thừa nhận rằng, thể bất định của *pleroō* trong câu 2 và thể bất định thụ động của *pimplēmi* trong câu 4, có ý nghĩa như nhau.

³ *Methuskō*, làm cho say sưa, ngụ ý là đầy rượu. Muốn hiểu biết thêm về sự đầy Thánh Linh là phong cách sống, xin xem *Beacon Bible Commentary*, 9:235.

thác mình cho rượu, người ấy đang trao con người mình cho tên độc tài hoá học bề cong ý chí và sự phán đoán và giảm nhân tính con người xuống thành cục bột. Khi đầu phục Thánh Linh, chúng ta đang mời một Thân Vị như một Người Bạn, và Người Giúp Đỡ, Đấng chẳng bao giờ hạ nhân cách chúng ta và chẳng bao giờ nô dịch hoá ý muốn của chúng ta thành bất lực, nhưng động viên và tăng cường mạnh mẽ ý muốn của chúng ta. Không người nào nhờ rượu để làm cho mình trở nên tốt hơn, mà luôn luôn xấu hơn. Rượu làm cho người ta nô lệ; Thánh Linh giải phóng. Khi để Thánh Linh hướng dẫn và điều khiển, con người càng ngày càng tự do và thực sự là con người hơn bao giờ hết.

2. *Một Mối Quan Hệ, Không Phải Là Một Sự Kết Hợp*

Mặc dù ý niệm của Kinh Thánh về sự “đầy dẫy” nhấn mạnh về sự kiểm soát của Thánh Linh, nhưng giáo lý của Chúa Jêsus về Đấng An Ủi [Paraclete] (Giăng 14-16) cứu chúng ta khỏi bất kỳ ý niệm nào về sự tự động hoá. Nói cách nghiêm túc, *paraklêtos* có nghĩa là một người được gọi đến bên cạnh để giúp đỡ. Từ này đã được dịch thành nhiều chữ như Đấng Phát Ngôn, Đấng Biện Hộ, Đấng Khuyên Bảo, Đấng Ban Sức Mạnh, nhưng chưa bao giờ dịch là Đấng Vận Hành [Operator]. Chúa Jêsus mô tả mối quan hệ của Thánh Linh với những môn đồ là Thầy Giáo và Hướng dẫn viên, những mối quan hệ này tự do và tác động qua lại, chứ không phải một sức mạnh cứng như đá áp chế. Thánh Linh sẽ ở trong họ, nhưng như là Người Bạn và Đấng Giúp đỡ, chứ không phải là người điều khiển con rối. “Sự điều khiển trọn vẹn” của Thánh Linh vẫn còn là sự mời Ngài điều khiển. Sự tiếp tục thuận phục của chúng ta là sự tự nguyện, cho dù hoàn toàn và trọn vẹn.

Điều chúng tôi vừa nói ấy là Thánh Linh không hủy diệt bản ngã hoặc nuốt mất bản ngã của con người vào trong bản ngã thiên thượng. Wesley cực lực phản đối sự sai lầm của

thuyết huyền bí này. Được Thánh Linh kiểm soát không có nghĩa là Ngài hành động một mình, và bản ngã con người trở thành hoặc là con rối hoặc là một vật tưởng tượng. Trái lại bản ngã con người hành động, suy nghĩ, chọn lựa nhưng với sự giúp đỡ của Thánh Linh là Đấng liên tục ở đó.

Làm thế nào để một Đấng khác, Đấng vẫn tiếp xúc nhưng riêng biệt, có thể nội trú trong con người là một điều kỳ diệu. Việc ma quỷ chiếm hữu theo cách kinh khủng và người làm nô lệ cho nó là điều Kinh Thánh nói rõ ràng và nhiều người đã từng thấy trường hợp đó. Nếu ma quỷ được phép dùng quyền lực của nó để phá hoại, thì chắc chắn hợp lý khi tin rằng Thánh Linh có thể ngự trong một người với khả năng của Ngài để phục hồi và làm cho con người trở nên cao thượng⁴.

3. Thánh Linh và Trí Óc

Nếu chúng ta suy nghĩ thuần túy theo từ ngữ khoa học, thì chúng ta sẽ đối diện với những gì dường như hoàn toàn vật lý, với bộ óc là một cái máy vi tính phức tạp. Tâm trí sáng suốt hầu như tương đương với một bộ óc khỏe mạnh, hủy hoại bộ óc

⁴ Thật khó nắm được sự kiện là một Thánh Linh có thể hoạt động như nhau trên hàng triệu người. Nhất là làm sao hiểu được việc chúng ta chiếm hữu Thánh Linh nguyên cả thân vị chứ không phải một phần nhỏ của Ngài. Nếu chúng ta bàn về một dòng ảnh hưởng thiên thượng, tuôn chảy từ Đức Chúa Trời Ba Ngôi như dòng ánh sáng từ mặt trời, thì chúng ta có thể dễ dàng hình dung ra mình ở một điểm nào trong dòng sống này. Nhưng sự mầu nhiệm nằm ở khả năng có sự hiện diện của một thân vị riêng biệt, với Ngài chúng ta có thể có mối quan hệ *Tôi - Chúa* mà không bị mất đặc quyền của những tín hữu khác. Rõ ràng Đức Chúa Trời vô hạn, chính Ngài không phụ thuộc vào thứ tự của không gian - thời gian, nhưng là Đấng tạo dựng nên không gian - thời gian có thể đem chính mình Ngài vào mối quan hệ thân thiết với tạo vật, sự toàn tại của Ngài trở thành có vị trí. Nhưng sự kiện này cũng dễ hiểu với hệ thống truyền hình, một bức tranh được truyền đi mọi hướng, và hàng triệu TV đều nhận được cùng bức tranh đó, chứ không phải chỉ nhận được một mảnh nhỏ của bức tranh!

và chức năng của bộ óc là điều không khôi phục được. Giải phẫu bộ óc có thể thay đổi hành vi và sự điềm đạm, với mức độ nào đó, thay đổi về tính tình. Trong vài trường hợp, chất kích thích, ma túy, có thể khôi phục chức năng của bộ óc, kết quả có người có trí nhớ tốt và có khả năng suy nghĩ. Vậy, có phải những điều này có nghĩa là hành vi của con người có thể là vấn đề của hoá học, điện lực và có lẽ tâm lý giải phẫu [psychosurgery] không?

Kết luận như thế không có lý do xác đáng. Không những tình trạng của bộ óc ảnh hưởng đến hành vi, nhưng hành vi được chọn có thể ảnh hưởng tai hại đến bộ óc. Hơn nữa, bộ óc lành mạnh không bảo đảm là những người tốt; sự sắc bén của tâm trí không giải độc tính ích kỷ. Tin cậy nơi khoa thần kinh sinh vật học [neurobiology] và cơ chế nhiễm sắc thể để giải quyết những vấn đề xã hội là niềm tin hư không và hời hợt. Lời hứa đó là bài ca quyến rũ của nhân loại, ru ngủ dòng dõi loài người vào chỗ diệt vong. Vì tội lỗi mà thuốc phiện và ma túy không thể trục ra khỏi sẽ lợi dụng mọi thành tựu trong việc kiểm soát nhiễm sắc thể, cũng như mọi thành tựu khác của khoa học. Vì vậy, Cơ đốc nhân không sợ hãi rằng khoa học sẽ tạo ra những thánh nhân và ma túy sẽ thay thế cho nhu cầu cần Thánh Linh của chúng ta.

Chúng ta không phải là những sản phẩm của chất hoá học. Mặc dù nhiều hoạt động là những phản xạ tự động, và những động cơ mạnh mẽ ngoài lý trí phát sinh hành động ở mức độ ý thức, có đôi lúc xảy ra một loại phản xạ không do chúng ta quyết định nhưng bị thôi thúc bằng vô số lý do. Một bản ngã đang hướng dẫn “sự quay lại” [playback] hoặc cơ cấu chỉ huy của bộ óc, để sự cồng cào của cơ đối có thể được thoả mãn bây giờ hoặc nó dừng lại cho đến bữa trưa; tôi có thể đọc sách này hoặc viết một lá thư; tôi có thể “đếm chiên” hoặc thức dậy và đi dạo. Hễ sự phát triển của cái tôi hợp nhất càng cao, thì

mức độ kiểm soát càng lớn (theo chứng minh của kỹ thuật phản hồi sinh vật [modern bio-feedback technique])⁵.

Thánh Linh thúc giục và tăng cường sức mạnh cho tiến trình kiểm soát này. Chúng ta không biết Ngài làm cách nào. Chúng ta không hiểu điểm tiếp xúc giữa lãnh vực thể chất và thuộc linh hoặc cách làm của hành động của Thánh Linh. Ngày nay người ta vẫn còn tranh luận về sự kiện Thánh Linh ảnh hưởng đến bản ngã cách phổ quát đã được ký thuật trong Kinh Thánh và được Hội Thánh tin theo. Chúng ta có thể phỏng đoán rằng bộ óc là khí cụ đầu tiên của sự truyền thông. Nếu vậy, thì Ngài hành động trên bộ óc cách gián tiếp hoặc trực tiếp. Nếu gián tiếp, thì Ngài tiếp xúc với tâm thần của con người, rồi tác động trong những tế bào của bộ óc làm công cụ đáp ứng. Nếu trực tiếp, thì Ngài hành động trên những tế bào của bộ óc, tạo ra những tư tưởng và động cơ mà tâm thần tán thành hoặc từ khước.

Trên cơ sở của thuyết nhất nguyên nhân chủng học [anthropological monism] hành động của Thánh Linh có thể trực tiếp trên những tế bào của bộ óc và có thể không cưỡng lại được. Nếu không có sự phân biệt, tác nhân độc lập tiếp nhận hay từ chối, thì chúng ta không thể tránh thuyết quyết định ngụ ý [implied determinism]. Điểm khác biệt duy nhất giữa điều này và thuyết quyết định theo hành vi [behavioristic determinism] của Skinner là thay vì tất cả sự kích thích đều

⁵ Tiếc thay, nhiều người sống phần lớn ở mức độ tự động, giống như loài vật hơn là loài người. Họ hoàn toàn chịu ảnh hưởng của các động cơ, sự thèm muốn, trạng thái, sự gợi ý, sự kích thích, và những tư tưởng vẩn vơ. Cái tôi bị cuốn cách vô định theo lượn sóng của những dấu hiệu sinh vật và xã hội học bên trong và bên ngoài. Những người như thế là những đối tượng thụ động, chứ không phải là những công cụ tích cực. Nhưng nếu thông minh họ sẽ suy nghĩ lại, vì sự trôi giạt về hướng nhân tính thu nhỏ [dwarfed personhood] là kết quả của sự thất bại trong sự chọn lựa của họ.

thuần túy thiên nhiên, thì có một số sẽ theo siêu nhiên. Nhưng nếu không kể đến nguồn gốc của sự kích thích, thì những tế bào não hoạt động sẽ chịu trách nhiệm cho toàn thể hoạt động của con người và sẽ không có cơ sở nào để yêu cầu cá nhân phải chịu trách nhiệm cho hành vi của mình. Trong trường hợp đó thì “tội lỗi” hoặc “sự thánh khiết” chỉ là những cái tên cho những hậu quả do rô-bô sinh ra, và như vậy không có giá trị về đạo đức. Nếu chúng ta khẳng định trên sự hiểu biết của một người, một tác nhân, hoặc một cái tôi có thể cộng tác với ấn tượng trên những tế bào não hoặc từ khước nó, thì chúng ta lại quay về giả thuyết nhị nguyên⁶.

4. Những Cách Thánh Linh Hướng Dẫn và Dạy Dỗ

Một khi chúng ta giao cho Thánh Linh trọn quyền điều khiển và tập thói quen hằng ngày tôn vinh Ngài, thì Ngài sẽ bày tỏ sự hiện diện của Ngài cho chúng ta. Ngài sẽ đánh thức

⁶ Điều này thường bị bỏ qua, đặc biệt do những người vướng vào nan đề của tâm trí - thân thể trong giáo lý truyền thống về con người, đó là sự kiện của sức mạnh dễ xúc động của Thánh Linh tự nó là bằng chứng cho thấy thực thể phi vật chất có thể chuyển động một thực thể vật chất. D. Gareth Jones viết, “Nan đề căn bản của thuyết nhị nguyên là tính tiện lợi của một loại thực thể hành động trên một loại thực thể khác” (*Our Fragile Brains* – Downess Grove, Ill.: Intervarsity Press, 1981). Nhưng vật chất lại do Đức Chúa Trời, Đấng vốn phi vật chất, tạo dựng. Mọi phép lạ, kể cả Phép Lạ Do Trinh Nữ sinh ra, là một biểu hiện của quyền năng của thuần túy thuộc linh ảnh hưởng trên vật chất. Vì thế, mặc dù hiện tượng có thể là sự huyền bí, nhưng nó không thể là một nan đề đối với một Cơ đốc nhân Tin Lành. Và thuyết tác động qua lại của tâm thần và thân thể cũng như thuyết tác động qua lại của Thánh Linh và con người trở nên không khó hiểu.

John C. Eccles, triển khai mạnh mẽ trong những từ ngữ của thuyết tác động qua lại trong cuốn *The Human Mystery* (Berlin: Springer International, 1979). Những nhà khoa học thần kinh đã cố gắng khảo sát nhân tính và trách nhiệm trong hai tác phẩm của MacKay, *Brain, Machines, and Persons*; và Jones, *Our Fragile Brains*. Nhưng không có cuốn sách nào thành công trong việc giải quyết những giả định nhị nguyên.

tâm trí, tạo sự khao khát mới về sự hiểu biết, xấu hổ khi lười biếng và thờ ơ, và tạo nên một khuôn mẫu của tâm trí để bảo vệ và dễ vâng lời. Ở đây sự đề kháng sẽ gây trở ngại toàn bộ tiến trình và sẽ hủy phá mối quan hệ của “sự đầy đầy”.

Thánh Linh sẽ khuấy động cái tôi hướng về điều mà Phao lô viết, “tâm trí lành mạnh” (Phi-líp 3:15) mà nó nhiệt tình “bươn tới những điều ở phía trước” (c. 13). Điều này tạo thành sự nhạy bén và nhận biết để chuyển mọi sự kiện thành bài học và mọi hoàn cảnh thành lớp học. Linh hồn hoà nhịp với Thánh Linh và luôn luôn được gây dựng phần lớn bằng Lời Chúa, từ những lời chứng của những người khác, thậm chí qua những bài giảng không hay nữa. Thánh Linh giúp cho toàn thể con người ấy biết xếp đặt những gì từ ngoài vào để trở thành những điều hữu ích và gây dựng. Trên bước sóng của Thánh Linh, Cơ đốc nhân *nhìn thấy* lỗi lầm của chính mình, *nhìn thấy* nhu cầu chung quanh họ, *cảm nhận* sự thúc giục để nói ra hoặc nín lặng, và *hiểu rõ* lẽ thật bằng cái nhìn thuộc linh. Họ rất sống động. Những người như thế học cách nhận biết những dấu hiệu của Thánh Linh và phân biệt chúng với những ý niệm tưởng tượng. Thánh Linh thúc giục, hổ thẹn, nhắc nhở, khuấy động, soi sáng. Bước đi “trong Thánh Linh” (Ga-la-ti 5:25) là “bám sát từng bước với Thánh Linh” trong mọi điều này.

Điều qui định quan trọng nhất là Thánh Linh không bao giờ hướng dẫn hoặc dạy dỗ trái với Kinh Thánh. Ngài sẽ không bao giờ nâng một Cơ đốc nhân lên một trình độ hiểu biết riêng tư vượt trên và cao siêu hơn Kinh Thánh. Ngài sẽ chẳng bao giờ tán thành hành động của một người được thánh hóa đi kết tội những người khác.

Thánh Linh sẽ chẳng dung thứ cho khuynh hướng khinhể thẩm quyền của con người và những giáo sư mà Đức Chúa Trời đã kêu gọi và phong chức. Phao lô hỏi, “Nếu toàn thân thể là mắt cả thì nghe làm sao?” (I Cô-rin-tô 12:17). Những gì

Thánh Linh sẽ làm là cho chúng ta phân biệt trong việc đánh giá những giáo sư và giáo lý của họ.

5. Ảnh Hưởng Luyện Lọc của Thánh Linh

Thánh Linh từ thuở ban đầu là Đấng vận hành trên mặt nước, tạo sự trật tự từ chỗ trống không (Sáng thế ký 1:2), sẽ vận hành trên nhân tính con người. Ngài sẽ thay đổi những hệ thống giá trị của chúng ta, chỉ cho chúng ta thấy điều nào là quan trọng, và cho chúng ta biết những lãnh vực hỗn loạn trong cuộc sống mình. Vì cơ Chúa Jêsus, Ngài sẽ tạo một sự khao khát trong lòng chúng ta hướng về sự tự hoàn thiện.

Thánh Linh sẽ bày tỏ sự ưa thích trong mọi khía cạnh của cuộc sống. Nếu chúng ta *lắng nghe*, Ngài sẽ phát triển trong chúng ta một cảm nhận đúng đắn. Ngài sẽ quở trách và làm cho xấu hổ tính âm ỉ, không tế nhị, thô lỗ, và những tính tình mất trật tự khác. Oswald Chamber nói, “Tính cầu thả luộm thuộm là một sự xúc phạm đến Thánh Linh”. Nhưng khi Ngài tế nhị chỉ cho chúng ta vài lãnh vực cần sửa đổi thì chúng ta phải vâng lời.

6. Tội Nghịch Với Thánh Linh

Tội nghiêm trọng nhất nghịch với Thánh Linh là trực tiếp không vâng lời. Điều này không những làm cho chúng ta không tiếp tục tương giao với Thánh Linh (Công vụ 5:32) mà còn dẫn đến “tội làm cho chết” (I Giăng 5:16). Hai hình thức không vâng lời mà chúng ta thường mắc phải là (a) *dập tắt Thánh Linh* (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:19), và (b) *làm buồn Thánh Linh* (Ê-phê-sô 4:30).

Nghĩa đen của điều thứ nhất, “Đừng làm tắt lửa của Thánh Linh”. Sự thờ phượng công khai phải được đánh dấu bằng sự ấm áp của sự tự do trong Thánh Linh. Đừng để sự tự do này bị hình thức lạnh lùng chết chóc tiêu diệt đi. Những ngọn lửa

phục hưng phải được nhen lên, đừng để những lời chỉ trích và xem thường làm tàn lụi đi. Sự cầu nguyện riêng tư phải được đốt nóng bằng sự quan tâm đến những người khác và những gánh nặng. Đừng để sự lạnh lùng của sự tham lợi riêng làm dập tắt ngọn lửa của Thánh Linh. W. O. Klopfenstein nói, “Nhưng phong trào của Thánh Linh có thể bị dập tắt do chủ nghĩ lễ nghi vốn dùng sự khôn ngoan và sự khéo léo của loài người thay cho tâm trí của Đấng Christ và lễ nghi con người thay cho ý muốn của Đức Chúa Trời”⁷.

Dập tắt Thánh Linh là một cách để làm buồn Thánh Linh, không làm Ngài vui lòng. Những cách khác là những tội cảnh cáo ở những câu trước, thiếu thận trọng với lẽ thật; nung nấu sự giận dữ, lưỡi biếng, ‘lời nói không lành mạnh’ (c. 25-29). Phải tránh những câu chuyện không tốt đẹp, thô lỗ, tục tĩu và chế nhạo những vật thánh như tránh bệnh truyền nhiễm. Đó là những cách làm ô uế linh hồn và đem đời sống thuộc linh của một người đến chỗ lu mờ.

Cách thông thường làm buồn Thánh Linh ấy là không “đối xử với nhau cách nhơn từ” (c. 32). Khi chúng ta cấu kỉnh và bức tức, hoặc để tâm trí suy nghĩ điều tiêu cực; thì chúng ta đã ‘làm buồn Thánh Linh’ rồi. Không đợi đến việc chúng ta dùng nhiều lời nói cay độc mới làm Ngài buồn.

Thánh Linh cũng bị chúng ta làm buồn qua việc chúng ta không chú ý đến sự thúc giục của Ngài. Ngài thúc giục cầu nguyện, kiểm tra lại việc tiêu xài tiền bạc, viết thư cho người bạn có nhu cầu hoặc gửi bài làm chứng cá nhân. Khi chúng ta cảm thấy có sự thúc giục để làm những việc đó, nhưng chúng ta không thực hiện. Không thực hiện là có tội nghịch với Thánh

⁷ Wesley Bible Commentary, ed. Chas. W. Carter (Grand Rapids: William B. Eerdmans Publishing Co. 1965), 5:541. xin xem bản liệt kê những cách con người có thể làm buồn Thánh Linh, *Works*, 11:424.

Linh và có tội với con người (những người) cần chúng ta giúp đỡ⁸. Theo cách đó chúng ta kinh nghiệm sự đụng chạm của Thánh Linh, sự nhắc nhở bên trong: Đừng nói điều đó; đừng đi đến đó; đừng mua đồ đó. Nếu chúng ta bỏ qua những lời kìm hãm đó, có thể chúng ta sẽ gặp nguy hiểm, ít ra chúng ta sẽ có những kinh nghiệm đau buồn và hối tiếc.

Thánh Linh sẽ cho chúng ta biết lúc nào Ngài buồn. Chúng ta thấy mình ở trong sự tối tăm và thất vọng. Sự thông công bị đổ vỡ. Nếu chúng ta hạ mình ăn năn, thì Ngài sẽ khôi phục chúng ta. Nhưng nếu chúng ta coi thường Thánh Linh, đó là điều nghiêm trọng. Ngài là *Thánh* Linh và Ngài sẽ không dung thứ điều gì không tôn vinh Đấng Christ. Ngài rất nhạy bén với sự chống đối và chuyển hướng sang sự cứng cổ ngang ngược.

Những người được thánh hóa ít khi thối lui và chắc hẳn khó rơi vào tình trạng phạm tội trầm trọng vì họ đã trải qua một thời kỳ làm buồn Thánh Linh. Trong những trường hợp khả dĩ Thánh Linh luôn luôn bật đèn cảnh cáo. Điều này bao gồm sự quấy động lương tâm, đánh thức những cảm giác lỗi lầm; dùng Lời Chúa cảnh cáo và đem nhiều sức ép bên trong để cứu người tránh khỏi nguy cơ (xem trang 216, tiếng Anh, Chương 11, Phần A). Tuy nhiên, quyết định cuối cùng vẫn là của chúng ta, giống như trường hợp của A-đam và Ê-va. Nếu chúng ta cứ khẳng khái làm buồn Thánh Linh, thì chúng ta tự tử về mặt thuộc linh, vì “nhờ Ngài chúng ta được đóng ấn cho đến ngày Cứu chuộc” (Ê-phê-sô 4:30). Charles W. Cater nói, “Làm buồn Thánh Linh là phá cái ấn đó và như vậy đánh mất hi vọng và lợi ích của lời hứa về sự cứu chuộc cuối cùng”⁹.

⁸ Tuy nhiên, đừng phỏng đoán rằng mọi sự thúc giục đều đến từ Thánh Linh. Chúng ta phải “thử các linh” (I Giăng 4:1). xin xem Richard S. Taylor, *Life in the Spirit*, 125-26)

⁹ *Wesley Bible Commentary*, 5:417

B. THÁNH LINH VÀ Đấng CHRIST

1. Tôn Giáo Tập Trung vào Đấng Christ

Sống “trong Thánh Linh” không phải là một tôn giáo siêu phàm ở một bước cao hơn “được ở trong Đấng Christ”. Điều mà Francis Schaeffer gọi là siêu thuộc linh [super-spirituality] mới xuất hiện những năm gần đây, dường như giả định rằng được đầy đầy Thánh Linh là xa dần khỏi Đấng Christ. Trái lại, sứ mạng của Thánh Linh là quay sự chú ý hướng về Đấng Christ và cột chúng ta gắn chặt vào Ngài. Chúa Jêsus giải thích, “Ngài sẽ tôn vinh Ta vì Ngài nhận từ Ta và truyền lại cho các con” (Giăng 16:14). Cơ đốc nhân thực sự tôn trọng Thánh Linh sẽ nhận biết nhiều hơn về Đấng Christ và sẽ tôn vinh Đấng Christ trong giờ tỉnh nguyện và học thần học. Vì mặc dù Phao lô nói về hành động của Thánh Linh như là “chính Ngài” (Rô-ma 8:16), nhưng ông cũng có thể nói về thân vị nầy ngang bằng với “Linh của Đức Chúa Trời” và “Linh của Đấng Christ” và lập tức nói tiếp “nếu Đấng Christ ở trong anh em” (c. 10, xem thêm Cô-lô-se 1:27).

2. Phù Hợp với Đấng Christ

Định mệnh thiêng liêng của chúng ta là *giống như* Đấng Christ cũng như thuộc về Ngài, để Ngài có thể là “anh cả giữa nhiều anh em” (Rô-ma 8:29). Vì Chúa Jêsus “Đấng làm cho con người thánh khiết” và “những người được làm nên thánh khiết là những người cùng một gia đình”, Ngài “không hổ thẹn gọi họ là anh em” (Hê-bơ-rơ 2:11).

Đây là sự hiệp nhất không những dựa vào sự xưng công bình nhưng còn dựa vào sự thánh khiết, cùng một dòng máu của họ hàng. Nhưng sự hoà hợp như thế chủ yếu là công tác của Thánh Linh (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13; I Phi-e-rơ 1:2)¹⁰. Chính

¹⁰ Xin xem *Wesley Bible Commentary* về Rô-ma 15:16.

Thánh Linh làm việc nầy trong công tác thứ hai của ân điển. Nhưng Ngài không dừng lại ở đây. Ngài huấn luyện và uốn nắn để người khác có thể nhận biết và nhìn thấy được chúng ta giống như Đấng Christ.

“Thánh Linh Chúa ở đâu thì có sự tự do ở đấy” (2 Cô-rin-tô 3:17) - tự do để “được biến đổi theo hình ảnh Ngài từ vinh quang này đến vinh quang khác nhờ Chúa là Thánh Linh.” (c. 18). Một đời sống sâu nhiệm trong Linh sẽ được phản chiếu ở nét mặt - Một câu ngạn ngữ cổ ghi rằng, “Đức Chúa Trời là Đấng anh em phục vụ sẽ viết tên của Ngài trên khuôn mặt anh em”. Một lần nọ có một nhà truyền giáo hỏi một Cơ đốc nhân làm thế nào để trở thành người thuộc linh. Khi nhận được một câu trả lời buồn, “Được cứu và được thánh hóa”, nhà truyền giáo hỏi, “Vậy sự chiếu sáng ở đâu?” Trái lại, những người khác được sáng chói trong sự thánh khiết của họ, họ rất mềm mại và tế nhị đến nỗi tội nhân nhìn họ thì không thể không nghĩ đến Chúa Jêsus. Họ chưa từng nhìn thấy Ngài, nhưng trực giác họ nhận diện Ngài trên những Cơ đốc nhân giống như Đấng Christ.

C. NHỮNG ÂN TƯ CỦA THÁNH LINH

Chữ *charis* có nhiều ý nghĩa trong Tân Ước, dĩ nhiên, chữ quan trọng nhất là “ân điển” - chữ soi sáng của tôn giáo thánh của chúng ta. Chúng ta được nhắc nhở rằng “nhờ ân điển mà chúng ta được cứu” (Ê-phê-sô 2:5, 8). Nhưng hình thức khác của chữ *charis* là *charisma*, có nghĩa là “ân tứ”.

1. Những Ân Tứ Phục Vụ

Mặc dù chính Thánh Linh là Quà Tặng (Gift) của Đức Chúa Trời, nhưng Thánh Linh cũng ban những quà tặng (gifts - ân tứ) cho Cơ đốc nhân. Đây là những sức mạnh hoặc khả năng đặc biệt để thực hành những chức năng cần thiết cho nếp sống

của Hội Thánh và cho công tác truyền giảng. Những ân tứ này được gọi là “những ân tứ phục vụ”. Trong buổi đầu, sau ngày Lễ Ngũ Tuần, Hội Thánh đã nhận được những ân tứ là sự xác nhận thiên thưởng về chân lý của Phúc Âm (Ê-phê-rơ 2:4).

Là những ân tứ hình thành một đặc điểm thường trực của mô hình hành động của Thánh Linh trong thời đại này, chúng ta phải nghĩ về chúng như những khả năng đặc biệt để làm trọn những trách nhiệm và công tác đặc biệt. Những ân tứ đó có thể kết hợp với những tài năng tự nhiên, nhưng không thể định nghĩa những ân tứ đó là những tài năng tự nhiên. Chúng thuộc về Hội Thánh, và mục đích là xây dựng Hội Thánh trong sự gây dựng và truyền giảng. Cũng có dấu hiệu đặc biệt về siêu nhiên. Cùng nhau chúng tạo thành “biểu hiện của Linh” (I Cô-rin-tô 12:7). Bản liệt kê thông thường nhất là:

“sứ điệp khôn ngoan”

“sứ điệp tri thức”

“đức tin”

“những ân tứ của những sự chữa lành” (tiếng Hi Lạp ở số nhiều, *healings*)

“quyền năng làm dấu kỳ phép lạ”

“nói tiên tri”

“khả năng phân biệt các linh”

khả năng nói những loại khác nhau về tiếng lạ” (hoặc những *ngôn ngữ*)

“giải thích tiếng lạ” (hoặc *ngôn ngữ*) (I Cô-rin-tô 12:8-10)

Thường người ta bỏ qua những ân tứ không sáng chói mà Phao lô đã thêm vào bản liệt kê khi ông bàn cùng đề tài này,

đó là “ân tứ [*charismata*, số nhiều của *charisma*] phục vụ, quản trị” (c. 28, NASB)¹¹.

2. Những Nguyên Tắc Sơ Đẳng

Khi nghiên cứu toàn bộ về vấn đề “ân tứ”, thì chúng ta không khỏi suy nghĩ đến phần tóm tắt những nguyên tắc theo thứ tự: (a) Dù những ân tứ khác nhau theo tên gọi và chức năng, nhưng có “cùng Thánh Linh” (12:4, 8-9, 11). Nếu vậy thì những ân tứ đó phải hài hoà với sự thánh khiết và tất cả đều tôn vinh Đấng Christ. Bất kỳ “ân tứ” giả định nào không nâng vức lời chứng của Cơ đốc nhân và không phát huy sự thánh khiết của Đấng Christ, thì không phải từ Thánh Linh nhưng từ thần cảm giả mạo, và như thế không phải là sự thật. (b) Những ân tứ không phải là ý chợt nảy sinh của tín hữu nhưng là sự ban cho của Thánh Linh theo ý muốn của Ngài (xem thêm Hê-bơ-rơ 2:4). (c) Sự khác biệt và sự phân phối của ân tứ được hiểu theo ẩn dụ của thân thể. Hội Thánh là một cấu trúc, giống như một thân thể, với nhiều chức năng khác nhau, vì vậy cần phải có nhiều khả năng để làm tròn những chức năng khác nhau. (d) Nếu tín hữu có ước muốn mình được ân tứ nào đó, thì người ấy hãy ao ước có được những ân tứ lớn hơn – và những ân tứ này không phải là điều đặc biệt nhất, hoặc những tín hữu ở Cô-rin-tô đánh giá quá cao. (e) Ân tứ đáng được khao khát vì có sự xếp hạng và tên gọi, có thể đem lợi ích đến cho nhiều người và nhiều người được gây dựng, là *nói tiên tri*, vốn là khả năng truyền ra sứ điệp từ Đức Chúa Trời. (f) Ân tứ nhận được không phải vì lợi ích cá nhân để hưởng thụ, nhưng vì “lợi ích chung” (I Cô-rin-tô 12:7). (g) Toàn thể vấn đề chỉ là thứ yếu, đừng để chúng lôi cuốn sự chú ý của Hội Thánh. Có điều nào đó lớn hơn nếu nghiêm túc tiếp nhận tình hoa của ân tứ mà không bị

¹¹ Một bản danh sách ít quen thuộc nhưng vẫn quan trọng như nhau ấy là ở Rô-ma 12:6-8, nói tiên tri, phục vụ, dạy dỗ, khuyên bảo, đóng góp, lãnh đạo, bày tỏ sự thương xót.

mất đi sự hấp dẫn. Phao lô nói, “Tôi sẽ chỉ cho anh em con đường tuyệt vời tối diệu hơn” (c. 31, A. T. Robertson).

Điều này sẽ dẫn đến cái gọi là nguyên tắc xa hơn (*h*): Phao lô, mặc dù không coi thường ân tứ, nhưng ông nêu rõ tầm quan trọng tương đối của ân tứ và nêu bật rõ bằng cố tạm thời của ân tứ, không phải là chiếm hữu ân tứ chứng minh đời sống thuộc linh cao hơn. Không phải vậy. Những Cơ đốc nhân có ân tứ vẫn còn là người xác thịt, và những Cơ đốc nhân thuộc linh có thể có vài ân tứ – ít ra họ là những người không khoe khoang.

3. Thích Ứng Cho Hôm Nay

Trong những năm gần đây mức độ ý thức mới về ân tứ đã bùng nổ trong hiện trường Hội Thánh. Những Cơ đốc nhân xác thịt bị lôi cuốn vào sự trình diễn bên ngoài hơn là sự thánh khiết. Điều đặc ý của họ là thu hút sự chú ý của nhiều người. Không phải vì thiếu sự đói khát về thuộc linh cách chân thật, nhưng vì dễ đạt đến sự kích động về cảm giác và nhìn thấy phép lạ hơn là đạt đến sự thánh khiết ở mức độ tấm lòng.

Về một phương diện, sự thu hút hiện thời đã được bật sáng do phong trào tân - Ngũ Tuần [neo-Pentecostalism], và về phương diện khác do ý niệm sự sống thân thể. Ý niệm sự sống thân thể là một sự hiểu biết về “thời giờ của ai đã đến” [whose time has come] miễn là điều này được nhìn xa. Giá trị của ý niệm này là sự thay đổi từ sự tin cậy nơi tổ chức thuần túy con người sang hoạt động sống động thuộc linh tôn vinh Thánh Linh. Như vậy một số Hội Thánh trở thành tổ chức của Thánh Linh. Không những ý niệm này tạo thành một sức khoẻ thuộc linh mới, nhưng Ông Cơ đốc nhân Trung Bình đã khám phá vai trò sống động của mình, vì ông nhận biết Thánh Linh rất khao khát hoạt động qua người ấy. Sự khám phá như thế nuôi dưỡng sự tăng trưởng thuộc linh và sự phấn khởi mới. Nó xác nhận

cảm nhận trực giác của một người rằng nếu Thánh Linh không điều hành công việc, và nếu Ngài không bày tỏ uy quyền siêu nhiên và quyền năng ở mức độ nào đó, thì Hội Thánh chẳng bao lâu sẽ trở thành hình thức và hoá thạch mất.

Tuy nhiên, khi nhấn mạnh không cân xứng về những ân tứ của Thánh Linh đến nỗi bỏ qua ân điển, và khi bầu không khí phát sinh ra sự theo đuổi nhiệt tình về dấu kỳ và phép lạ, và khi phao hoa tôn giáo không còn chú ý nhu cầu ưu tiên về sự thánh khiết, thì kết quả cuối cùng sẽ là sự chết. Sự kiêu ngạo thuộc linh sẽ nảy mầm thay vì sự khiêm nhường. Điều này đặc biệt đưa đến sự diệt vong khi ý niệm sự sống thân thể ở dưới sự kiểm soát của phong trào linh ân.

Bất kỳ phong trào nào tập trung sự phát triển của mình vào tiếng lạ và sự chữa bệnh, hoặc khuyến khích tìm kiếm những ân tứ như là biểu hiện của quyền năng thuộc linh, thì họ đang trực tiếp chạy vào trạng thái của Hội Thánh mà Phao lô nói đến trong I Cô-rin-tô. Những Cơ đốc nhân nào được khuyến khích để chạy theo những người làm phép lạ sẽ dễ dàng chạy theo những Christ giả và tiên tri giả là những người trong ngày cuối cùng sẽ lợi dụng việc kích động cảm xúc để lường gạt (Ma-thi-ơ 24:24; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:9; Khải huyền 13:13). Điều quan trọng cần nhớ là số phận của con người trước sự phán xét sẽ quay quanh sự thánh khiết, chứ không phải khả năng nói, “Lạy Chúa, chúng tôi chẳng từng nhờn danh Chúa nói tiên tri, chẳng từng nhờn danh Chúa mà trừ quỷ và làm nhiều phép lạ sao? (Ma-thi-ơ 7:22).

Tất cả những bằng cớ gợi ý rằng những loại phép lạ đặc biệt sau ngày lễ Ngũ Tuần đánh dấu chức vụ của một thiểu số người và không trở thành đặc điểm của tín hữu bình thường được đẩy dẩy Thánh Linh. Thậm chí loại bày tỏ này dường như giảm dần trước khi thời đại sứ đồ chấm dứt. Mặc dù Thánh Linh vẫn còn phân phối những ân tứ của Ngài, nhưng Ngài sẽ

nhấn mạnh vào những gì đã bày tỏ trong Kinh Thánh là điều quan trọng nhất. Những phép lạ sẽ xảy ra nhưng không phải theo cách nuôi dưỡng sự lợi dụng để làm tiền do những người hay loè bịp hoặc kích động tham dục xác thịt để tìm kiếm sự kích thích tôn giáo¹².

II. MỘT ĐỜI SỐNG YÊU THƯƠNG

Nói rằng đời sống thánh khiết là một đời sống đầy đầy Thánh Linh thì cũng có thể nói rằng đó là một đời sống yêu thương, vì một người không thể có điều này mà không có điều kia. Phần thảo luận trước nói về những ân tứ của Thánh Linh đưa chúng ta thẳng vào “con đường tối diệu hơn” (I Cô-rin-tô 12:31) – con đường yêu thương, được vị Sử đồ mô tả cách hùng hồn trong đoạn văn nổi tiếng I Cô-rin-tô 13. Nhiều sách đã

¹² Mặc dù ý tưởng phát triển ân tứ của một người phù hợp với sự thảo luận của Phao lô trong Rô-ma 12, nhưng nó không phù hợp với lời phát biểu của ông liên quan đến cùng vấn đề này ở I Cô-rin-tô 12. Ở Rô-ma sự nhấn mạnh nằm ở *chức năng*, dù ít hay nhiều thì sự kêu gọi hoặc nhiệm vụ phải hoàn thành là chức năng đặc biệt của chúng ta. Chẳng hạn, nếu ân tứ của một người là sự dạy dỗ, thì “người ấy phải dạy dỗ”, và tương tự như thế, nếu đó là “sự lãnh đạo, người ấy hãy trung thành quản trị”. Thực sự đoạn văn này là lời khuyên “làm việc với khả năng mà tay chúng ta có thể”. Chúng ta phải chấp nhận vai trò của mình và hoàn thành với sự vui mừng và hiệu quả. Điều này hàm ý vun trồng những kỹ năng cần thiết cũng như thực hành mức độ đặc biệt mà Thánh Linh cho phép. Tuy nhiên, đoạn văn ở Cô-rin-tô cho thấy dường như những ân tứ này không được thực hiện cách thường trực và chỉ thực hiện khi nào Thánh Linh muốn (xem Hê-bơ-rơ 2:4). Đó không phải là ân tứ “khôn ngoan” để nâng người này lên cao hơn người khác, nhưng là một *lời nói khôn ngoan* được ban cho khi có nhu cầu đặc biệt, một lời nói tri thức khi cần sự soi sáng hoặc kiến thức; một ân tứ *đức tin*, khi cần đặt được đức tin; ân tứ *làm những việc quyền năng* khi Phao lô dùng sự mù lòa đập vào thuật sĩ Ê-li-ma (không phải lúc nào Phao lô cũng có thể thực hành quyền năng như thế). Để hiểu thêm về những phần thảo luận về vấn đề ân tứ, xin xem W.T. Purkiser, *The Gifts of the Spirit*, Wesley L. Duwel, *The Holy Spirit and Tongues*.

được viết ra để khai quật quặng vàng quý báu trong đoạn văn này. Nhưng không lượng kiến thức nào về tình yêu có thể đền bù cho sự thiếu sót đó. Ở đây, chìa khoá vẫn là Thánh Linh.

A. BẢN CHẤT CỦA ÂN TƯ TÌNH YÊU

Tình yêu cũng là một ân tứ, thật vậy đó là ân tứ tối ưu. Không có ân tứ này những ân tứ khác đều mờ nhạt đến chỗ vô nghĩa, và thiếu ân tứ yêu thương thì những ân tứ khác trở thành trống rỗng, và chẳng có lợi gì (I Cô-rin-tô 13:1-3). Đây cũng là ân tứ phổ quát của Thánh Linh (Rô-ma 5:5), như vậy chỉ một mình ân tứ này đủ là bằng cơ của sự đầy đầy Thánh Linh. Hầu như lời chứng của những người được đầy đầy Thánh Linh đều nói là họ nhận được phép báp têm tình yêu tràn ngập. Ủy viên Samuel Brengle làm chứng về buổi sáng sau khi ông được nên thánh trọn vẹn:

Tôi đi bộ dọc theo Boston Commons sau bữa điểm tâm, vừa đi vừa khóc vì vui mừng và cảm tạ Đức Chúa Trời. Ô, tình yêu dâng tràn trong tôi! Trong giờ phút ấy tôi biết Chúa Jêsus và tôi yêu Ngài đến nỗi trái tim tôi sắp vỡ ra. Tôi được đổ đầy tình yêu để yêu hết thảy những tạo vật của Ngài. Tôi nghe chim sẻ riu rít, tôi yêu chúng. Tôi nhìn thấy một con sâu rọm đen đũi bò ngang qua đường, tôi dừng lại, tôi không muốn làm tổn thương một con vật sống nào. Tôi yêu con chó, tôi yêu con ngựa, tôi yêu những đứa trẻ lang thang trên đường phố, tôi yêu những khách bộ hành xa lạ đi ngang qua tôi. Tôi yêu thế giới trần tục này – tôi yêu toàn thể thế giới!¹³

Clarene W. Hall hỏi, “Có phải đó là một sự hiện thấy, một sự hoan hỉ chốc lát, mà sau đó lặn xuống trở thành ảo giác không? Mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi năm sau hoặc hơn

¹³ Brengle, *Portrait of a Prophet*, 59

nữa sẽ qua đi, nhưng ông vẫn đưa ra lời chứng không mờ nhạt ấy¹⁴.

Đúng là có một yếu tố ý muốn trong tình yêu. Đó là điều Chúa truyền bảo chúng ta phải làm – “Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết trí, hết sức mà yêu kính Chúa là Đức Chúa Trời người.” Và “Hãy yêu thương người khác như chính mình.” (Mác 12:30-31). Nhưng đối với con người tội lỗi, mạng lệnh của Đức Chúa Trời không những hàm ý việc Ngài cho phép nhưng còn đòi hỏi họ nữa. Đối với con người tự nhiên, hoàn tất được những mạng lệnh này bằng sức riêng của mình thật khó, chẳng khác gì “lo lắng mà làm cho đời mình dài thêm một khắc” (Lu-ca 12:25).

B. NHỮNG KHÍA CẠNH CỦA TÌNH YÊU

Trong cuốn sách *The Four Loves* [Bốn Loại Tình Yêu], C.S. Lewis thảo luận chữ *eros*, tình yêu của người nam và người nữ; *affection*, tình yêu của những người trong gia đình, và *friendship*, tình yêu giữa bạn hữu. Tất cả những điều này là ân tứ của ân điển thông thường dành cho loài người. Nhưng ở một mức độ nào đó, tất cả những điều này đều bị tội lỗi làm méo mó và nó chỉ tìm được sự trọn vẹn chân thật và sự bảo vệ khi nó được chiếu kích thiên thượng thánh hóa - *tình yêu của Đấng Christ* (mà Lewis gọi là *charity* – bác ái). Chỉ có những Cơ đốc nhân biết được tình yêu này, và chỉ có những Cơ đốc nhân được nên thánh trọn vẹn mới kinh nghiệm được niềm vui và quyền năng khi vị thầy điều khiển cuộc sống. William R. Cannon ở Emory University giải thích giáo lý về sự nên thánh của Wesley là “ân điển tẩy sạch bên trong bắt đầu vào thời điểm được xưng công bình và mang con người vào cuộc sống

¹⁴ Sách đã dẫn

thánh khiết hoàn toàn bằng sự giảm đi mọi động cơ của người ấy để chỉ còn một động cơ yêu thương mà thôi”¹⁵.

1. Tình Yêu Loài Người

Bản chất của tình yêu ấy là bốn loại hoặc 4 mức độ của tình yêu có chung những đặc tính. Có một yếu tố thương cảm và thương xót trong sự phục vụ. Cứng lòng và yêu thương là hai sự tương phản đối lập nhau. Cũng vậy tình yêu thấm vào chúng ta, kiểm soát chúng ta, và chế ngự những tư tưởng của chúng ta. (Không một thanh niên bình thường nào phủ nhận điều này). Hơn nữa, sự khao khát tự nhiên là ở với một hoặc nhiều người chúng ta yêu mến. Cuối cùng chúng ta quan tâm cách không ích kỷ về sự thịnh vượng và hạnh phúc của họ. Chúng ta khao khát giúp đỡ họ, chứ không phải làm hại. Tình yêu chân thật không bao giờ thích thú những trò tàn ác. Phao lô nói, “Tình yêu thương không làm hại kẻ lân cận mình” (Rô-ma 13:10). Tất cả những điều này đều đúng về tình yêu của người mẹ đối với con cái mình, tình yêu chân thật của người bạn đối với nhau, và tình yêu của chúng ta đối với Đức Chúa Trời. Chúng ta thường nghĩ về Ngài, muốn được ở với Ngài, và nhiệt tình quan tâm đến danh dự của Danh của Ngài và sự mở mang vương quốc của Ngài.

2. Tình Yêu Ân Điển

Tình yêu của Cơ đốc nhân hành động giống như vậy, nhưng còn cộng thêm ân điển. Nó không phải quá lệ thuộc vào đặc quyền dành cho hai bên, nhưng có thể yêu khi tình yêu không được đáp lại. Điều này không lệ thuộc vào sự thu hút nội tại trong đối tượng của mình, nhưng trái lại do ân điển của Đức Chúa Trời Cơ đốc nhân có thể cảm thấy sự yêu thương ấm áp

¹⁵ *The Journal of Religion* 42, no 3 (July 1962), 227.

và sự thương xót đối với những người không hấp dẫn hoặc không đáng yêu, thậm chí đối với kẻ thù nữa.

Hơn nữa, tình yêu như thế không giới hạn trong màu da, chủng tộc nhưng có khả năng vượt trội để hướng về mọi người, chỉ vì họ được Đức Chúa Trời tạo dựng theo hình ảnh của Ngài và Đấng Christ đã chịu chết vì họ. Đức Chúa Trời yêu thương họ và qua Thánh Linh nội trú chúng ta dự phần vào dòng suối của tình yêu của Ngài. Có thể nói rằng Đức Chúa Trời yêu thương họ qua chúng ta, và chúng ta biết được ánh sáng của tình yêu ấy. Tình yêu này không hạn chế ở không gian gần nhưng toả rộng đến vô số người mà chúng ta chưa từng gặp. Rõ ràng đó là tình yêu siêu nhiên. Không thể dùng sức riêng của con người để đạt đến điều đó ngoại trừ ân điển tạo ra.

3. Động Cơ Cứu Chuộc của Tình Yêu

Là Cơ đốc nhân thực sự, tình yêu của chúng ta sẽ giống như của Đức Chúa Trời trong khuynh hướng cứu chuộc. Giống như Chúa Jêsus, chúng ta nhìn thấy đám đông mà động lòng thương xót, không những nhìn những người đói khát nhưng còn nhìn thấy họ như chiên không có người chăn, họ cần học hỏi nhiều điều (Mác 6:34). Những điều quan tâm chủ yếu của chúng ta sẽ là những vấn đề đạo đức và thuộc linh và sự thịnh vượng đời đời của linh hồn con người. Điều này nằm trong bản chất của tình yêu vốn khao khát điều tốt nhất cho đối tượng của mình; tình yêu của Cơ đốc nhân sẽ nhìn thấy điều tốt nhất là sự cứu chuộc qua Đấng Christ và sẽ không yên nghỉ khi tìm những mục tiêu nhỏ hơn. Khái tượng này không bao giờ tạm thời, không bao giờ là vấn đề thể chất, nhưng là điều thuộc linh sâu xa nhất và vĩnh cửu. Vì vậy, điều này vượt quá tình yêu của con người tự nhiên vì nó chỉ nhìn thấy toàn thể con người và toàn thể nhu cầu. C. E. B. Cranfield nhận định, "Trong ánh sáng của những gì Đấng Christ đã làm cho con người, tình yêu có nghĩa là nhìn, suy nghĩ, và đối xử với người lân cận như là

một người anh em mà Đấng Christ đã chết thay cho”¹⁶ (cf. Rô-ma 14:15; I Cô-rin-tô 8:11)

4. Tam Giác của Tình Yêu Cơ Đốc

Loại tình yêu hướng về con người không bao giờ được tìm thấy – điều này không thể xảy ra được – ngoại trừ đó là sự khôi phục sự tận hiến đầu tiên đối với Đức Chúa Trời. Yêu người lân cận là điều răn thứ hai, không phải điều răn thứ nhất. Tình yêu của chúng ta chủ yếu phải hướng về Đức Chúa Trời chứ không phải vào bên trong con người mình hoặc hướng về những người lân cận. Tình yêu của chúng ta đối với Đức Chúa Trời phải vừa trong sạch vừa kiểm soát tình yêu đối với bản ngã và đối với những người khác. Đức Chúa Trời không muốn mối quan hệ của chúng ta chỉ có hai chiều, nhưng phải là ba chiều, với sự kiểm soát của Đức Chúa Trời ở trung tâm. Khi chúng ta yêu người khác qua tình yêu của Đức Chúa Trời, thì chúng ta sẽ nhìn thấy họ như Đức Chúa Trời nhìn thấy, và tình yêu của chúng ta đối với họ được đúc khuôn bằng tình yêu của chúng ta đối với Đức Chúa Trời. Chỉ lúc đó tình yêu mới được thánh sạch và an toàn. Chúng ta sẽ yêu thương họ không theo điều mình thích, nhưng theo điều Đức Chúa Trời đẹp lòng và ở trong sự hoà hợp trọn vẹn với luật pháp của Ngài.

Điều này truyền thụ cho tình yêu của chúng ta sự nhiệt tình sâu xa và phẩm chất khác biệt. Giây phút chúng ta từ bỏ Đức Chúa Trời để khởi sự yêu người “bằng đường ngang”, nói cách khác, tình yêu của chúng ta rơi xuống hàng ngang thấp kém. Làm đẹp lòng bản ngã trở thành trung tâm điểm và yếu tố kiểm soát, rồi nó sẽ trở thành sự làm đẹp lòng người ta. Tình yêu còn lại sẽ có khuynh hướng ích kỷ và lợi dụng. Điều này đúng với tình yêu phụ mẫu, cho dù hi sinh và thành thật đến

¹⁶ *Theological Word Book of the Bible*, ed. Alan Richardson (New York: Macmilan Co. 1951), 136.

bao nhiêu. Yếu tố thiên thượng này sống động nhất đối với sự thịnh vượng của trẻ con. Một ngày nọ một thiếu phụ đến với Joseph Sizoo, một mục sư ở New York, để hỏi ý kiến. Khi được hỏi lý do, bà ta trả lời rằng, “bà có một em bé 17 tuần tuổi. Bà không muốn đứa bé này mất đi điều mà bà đã đánh mất, và bà tin rằng đó là ý muốn của Đức Chúa Trời”¹⁷

5. Sự Bảo vệ của Mái Ấm

Nếu muốn sống thánh khiết, hãy sống tại gia đình mình. Nếu sự thánh khiết không hoạt động tại đây, thì nó sẽ là bề ngoài và gây xấu hổ tại những chỗ khác. Chỉ có tình yêu phát sinh từ Thánh Linh nội trú mà lắng kính của cuộc sống chiếu ra những quang phổ của nó như vui mừng, bình an, nhin nhục, nhơn từ, hiền lành, trung tín, mềm mại, tiết độ, sẽ xây dựng mái ấm thành sự hiệp nhất không gì đánh đổ được và chống lại những lực lượng gây tan rã gia đình ngày nay.

Về một mặt, tình yêu lãng mạn giữa nam và nữ “rơi” vào sự tạm thời dễ vỡ. Nó tàn héo trước những sự quấy rầy và hiểu lầm của cuộc sống hằng ngày. Một số những sự căng thẳng sẽ là số phận của mọi gia đình. Tình yêu Cơ Đốc sẽ thích sự thánh khiết hơn là hạnh phúc và khao khát tôn vinh Đức Chúa Trời dù phải trả giá. Trên mọi mục tiêu của trần gian, nó muốn giúp cho vợ chồng và con cái lên thiên đàng và như thế có khả năng hấp thụ sự tổn thương và điều chỉnh đến mức độ mà loại tình yêu khác không thể làm được. Tình yêu như thế là “sợi dây liên lạc của sự trọn lành” ở gia đình cũng như ở trong tính tình (Côl 3:14).

Và sự khác biệt này sẽ làm thành những bậc cha mẹ tốt, vì cái nhìn của họ sẽ nhắm vào những sự động viên khác nhau. Họ sẽ không bị lôi cuốn vào sự hư không và kiêu ngạo, hoặc

¹⁷ Preaching Unshamed (New York: Abingdon-Cokesbury Press, 1949) 41.

vui thú cá nhân và ý thích bất chợt, hoặc sự sợ hãi những người láng giềng hoặc bị ghi điểm xấu. Trái lại họ sẽ được động viên bằng trách nhiệm hướng về Đức Chúa Trời Toàn Năng và về những linh hồn bất diệt mà Đức Chúa Trời giao cho họ chăm sóc. Điều này sẽ ban cho cha mẹ một sức mạnh để nói ‘không’ vào những trường hợp dễ dàng nói ‘được’, và cứng rắn sửa trị những không làm xúc phạm con cái. Điều này sẽ giúp họ mạnh dạn nhưng yêu thương, và lúc nào cũng có thể hát “Tôi có nhiệm vụ phải giữ con cái mình”.

6. Động Cơ Phục Vụ

Chỉ có tình yêu nhiệt thành đối với Đức Chúa Trời và con người mới giữ chúng ta tiếp tục trong trách nhiệm phục vụ khi mọi sự động viên khác đều thất bại. Có nhiều động cơ thúc đẩy người ta hành động. Một lương tâm lầm lạc xui khiến một số người “lợi dụng đến tận xương tủy” [work their fingers to the bone], trong khi sự yêu thích ca ngợi và địa vị nâng vức những người khác. Sự kiêu ngạo giữ một số người làm tròn nhiệm vụ, còn những người khác lại tranh đấu để ghi được “điểm” với Đức Chúa Trời. Nhưng không chóng thì chầy những động cơ không đúng đắn sẽ lộ chân tướng. Công việc sẽ trở thành trớ trêu, lạnh nhạt và không được phần thưởng. Khi thiếu sự phấn khởi về vài kế hoạch đặc biệt nào đó, thì công việc của Chúa sẽ không được thực hiện hết lòng. Chỉ có tình yêu mới chiếu sáng và đổi người lao dịch thành người nhiệt thành.

Có một giáo sĩ chia sẻ với người bán hàng rong về Đức Chúa Trời, người đó trả lời lẹ miệng rằng, “Đây là đức chúa trời của tôi” khi anh ta giơ túi tiền mình lên. Khi anh ta cột gói hàng lớn của mình lại và gắng sức vác lên vai, vị giáo sĩ hỏi, “Gói hàng lớn đó há không nặng sao?” Người này nói lại, “Tôi chẳng quan tâm, nếu ông yêu Đức Chúa Trời của ông nhiều như tôi yêu đức chúa trời của tôi, thì ông cũng chẳng quan tâm nó nặng bao nhiêu nữa”. Thành linh vị giáo sĩ hiểu ngay sự

nghèo khó trong chức vụ của mình trải qua nhiều năm nay. Đêm ấy ông đã cầu nguyện thấu đêm cho đến khi được báp têm bằng Thánh Linh – và bằng tình yêu. Một cơn phục hưng bùng lên và lan tràn ra những vùng truyền giáo chung quanh.

C. TÌNH YÊU TRỌN VẸN NHƯNG CÓ GIỚI HẠN

1. Những Dấu Hiệu của Tình Yêu Trọn Vẹn

Khi nào có thể gọi tình yêu là trọn vẹn? Câu trả lời không phải có hoặc không có tình yêu *agapeic* (tình yêu ưu tiên tuyệt đối – the love of supreme preference), vì điều đó có thể tốt hoặc xấu (xem thêm Giăng 3:19; 2 Ti-mô-thê 4:10; I Giăng 2:15). Muốn được trọn vẹn tình yêu Cơ Đốc *agapè* phải có những dấu hiệu không thể thiếu được.

(a) Nó đáp ứng những tiêu chuẩn của mạng lịnh vĩ đại. (b) Nguồn gốc khách quan là Thánh Linh (Rô-ma 5:5); (c) Nguồn gốc chủ quan – hoặc “sự kiểm soát chất lượng” – là tấm lòng trong sạch và lương tâm tốt và đức tin thành thật (I Ti-mô-thê 1:5). (d) Nó phải thực tế, thậm chí phải hi sinh (I Giăng 3:17). (e) Nó là sự thông công với Đức Chúa Trời vốn loại trừ sự sợ xét đoán (4:17-18). (f) Nó được giải cứu khỏi những điều đối lập – ghen ghét, cay đắng, phẫn uất, bất công, đối xử sai lầm, tinh thần không tha thứ (Ga-la-ti 5:13-26). Tình yêu của Cơ Đốc nhân xác thịt hoặc thổi ra nóng hổi hoặc lạnh ngắt, hoặc hâm hẩm, hoặc trộn lẫn tình cảm và thái độ trái ngược với tình yêu. Chính tình trạng này đã đẩy họ đến khám phá đau đớn và làm cho họ nhận thức sâu sắc về nhu cầu “khác hơn nữa”.

Cuối cùng (g) – mao hiểm bất chước – đó là sức mạnh, mạnh đủ để trở thành một lực đẩy của cuộc sống của một người. Nhưng động cơ thứ hai bị nhận chìm dưới tham vọng chủ yếu. Khi sự phục vụ của chúng ta trở thành thần tượng và công việc của Cơ Đốc nhân trở nên nhàm chán, và khi chúng ta

muốn trả lương đầy đủ nhưng chỉ làm việc một nửa, thì có điều gì đó sai trật rồi. Khi chúng ta quan tâm nhiều đến trách nhiệm trình diễn và chinh phục hơn là chính nghĩa, thì tình yêu của chúng ta trở nên hâm hẩm, và không còn trọn vẹn nữa. Những nụ cười gượng gạo do tập luyện, những lời chứng bịa đặt, và cá tính láu lỉnh là những điều thay thế tồi tệ cho khuôn mặt rạng rỡ, những sự ca ngợi tự nhiên và sự phục vụ chân thành đối với Chúa.

2. Những Hạn Chế của Tình Yêu Trọn Vẹn

Những hạn chế rõ ràng nhất là sự hữu hạn của chúng ta¹⁸. Không cần phải có đủ những sự kiện để hành động, tình yêu của chúng ta đôi khi diễn tả không khôn ngoan, thậm chí ngớ ngẩn. Nếu tình yêu của chúng ta không được quân bình bằng ân tứ phân biệt, thì chúng ta có thể cả tin và tin cậy thái quá.

Tình yêu cũng bị giới hạn trong sự diễn tả do năng lực và nguồn tài nguyên nghèo nàn của chúng ta. Chúng ta không thể thực hiện những gì mình đáng phải làm hoặc chúng ta thích làm. Vực sâu ngăn cách giữa nguồn tài nguyên và nhu cầu thường quá lớn đến nỗi chúng ta bị ám ảnh do cảm giác không tương xứng và thất bại của mình. Những người yếu với mức độ ít ỏi không có nan đề về sự căng thẳng khi bỏ lỡ những cơ hội, nhưng những người quan tâm chăm sóc thì vực sâu là nguồn đau khổ thường trực.

Ở vài điểm, Cơ đốc nhân yêu thương phải hoà hợp với sự kiện về sức khoẻ, thì giờ và tiền bạc vốn không đủ để quay vòng. Chúng ta là đor lẻ, chứ không phải số nhiều, và chỉ có thể ở một điểm trong một thời gian. Câu nói, “hai bốn phần không xung đột” có vẻ đúng, và thỉnh thoảng chúng ta phải giao phó cho Đức Chúa Trời những người cần chúng ta mà

¹⁸ Không ai có thể trình bày những sự hạn chế của tình yêu rõ ràng hơn điều Wesley nói trong tác phẩm *Works*, 11:397, 415, 417.

chúng ta không thể giúp gì cho họ được. Nhưng chúng ta cũng tránh việc chấp nhận sự hạn chế của mình đánh mất “sự phát triển” cần thiết cho sức khoẻ thuộc linh. Chúng ta không được ngồi xuống để hưởng cuộc sống tiện nghi mà lẩn trốn sự đau đớn của yêu thương.

D. TÌNH YÊU TĂNG TRƯỞNG

1. Tăng Trưởng Về Bông Trái của Thánh Linh

Không có những dấu hiệu nào của tình yêu trọn vẹn được đề cập ở trên mà không tương hợp với ý niệm của tình yêu tăng trưởng. Tình yêu trong tám mặt (Ga-la-ti 5:22-23) được kinh nghiệm đầu tiên là sự vui mừng và bình an trong người qui đạo. Sau đó dần dần (nhưng tiến lên) dưới công tác uốn nắn và làm nên thánh của Thánh Linh, nó trở thành kiên nhẫn, nhơn từ, và tốt lành (rộng lượng).

Chậm chín nhất là những hình thức của tình yêu được biểu hiện trong sự trung tín, mềm mại và tiết độ, vốn liên quan đến quan điểm riêng tư của chúng ta về thế giới nhỏ bé của mình. Một Cơ đốc nhân đầy dẫy Thánh Linh không phải không trung tín trong những bốn phạm chính của mình, nhưng đôi khi chậm học biết về tầm quan trọng của sự trung tín trong những việc nhỏ. Những điều này có thể bao gồm sự mau lẹ trong những cuộc hẹn, cẩn thận trong sự kín mật, đáng tin trong sự hoàn thành sứ mạng, và thường xuyên giữ giờ tĩnh nguyện cá nhân và gia đình.

Tế nhị (bản dịch KJV là “nhu mì”) ở vài phương diện đó là đức hạnh cao nhất, hầu như giống Đấng Christ là Đấng nói rằng chúng ta phải học theo Ngài là Đấng “có lòng nhu mì và khiêm nhường” (Ma-thi-ơ 11:29, xem thêm 5:5; 21:5; I Phi-e-rơ 3:4; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:7; 2 Ti-mô-thê 2:24). Sự xáo trộn trong gia đình và sự chia rẽ trong Hội Thánh thường bắt nguồn từ sự

thiếu sự nhu mì hơn là những nguyên nhân khác. Vine nói, “Đối với Đức Chúa Trời, nhu mì là tính khí của tâm linh trong đó chúng ta chấp nhận sự xử lý của Ngài đối với chúng ta là tốt lành và vì thế chúng ta không kháng cự hoặc tranh luận”¹⁹.

Nhiều người đầu phục Đức Chúa Trời vẫn thấy bối rối khi trở thành người nhu mì trong những mối quan hệ giữa người với người. Có một sự nhầm lẫn trong việc xếp loại những nan đề về tự đánh giá, những vai trò đúng (như nam và nữ, người chủ và người làm công), và sự tự khẳng định đúng. Thánh Linh sẽ dạy rằng sức mạnh của tư thế và rằng sự bảo đảm của sự tự đánh giá có thể bị lung lay khi những vai trò dường như bị đe dọa. Điều này gia tăng thành vấn đề trong tương lai (điều đó có nghĩa gì?), sự yên lặng trong Chúa (đó là công việc của Ngài!) và sự yêu thương hiểu được tại sao những người khác đối xử xấu với chúng ta. Chỉ có sự nhu mì của tình yêu nồng cháy có thể chịu đựng sự đè bẹp mà không phản ứng lại. Đây là hình thức của tình yêu rất cần nẩy nở trong nhiều người trong chúng ta. “Người nào để trí mình nương dựa nơi Ngài, thì Ngài sẽ gìn giữ người trong sự bình yên trọn vẹn, vì người nhờ cậy Ngài” (Ê-sai 26:3). Điều này bao gồm những lúc chúng ta bị hiểu lầm, bị đè đầu đè cổ và giẫm đạp lên. Bài trắc nghiệm tối ưu của sự trưởng thành là khả năng chấp nhận sự phê bình với tư thế đĩnh đạc và nhìn thấy lợi ích từ điều đó.

Và chúng ta có thể nói gì với sự tiết chế? Thánh Linh sẽ cố vũ sự tiết độ. Ngài sẽ kiên trì mở rộng những lãnh vực để chúng ta thực hành sự tiêu dùng, những trạng thái, việc nói năng, giải trí và tiêu khiển, và vâng, ngay cả sự ăn uống của chúng ta. Một bác sĩ ngoại đạo nói với một nhân sự Cơ Đốc, “Ông mập quá. Nếu ông giảm cân, ông sẽ đạt được uy tín”.

¹⁹ *Expository Dictionary*, 3:55

2. Nhu Cầu về sự Khôn Ngoan

Phao lô cầu nguyện cho những người Phi-líp “để tình yêu của anh em ngày càng gia tăng cùng với sự hiểu biết và tất cả nhận thức, để anh chị em nhận biết điều gì là tốt đẹp nhất” (Phi-líp 1:9-10). Xin lỗi về trò hề của một diễn giả lừng danh, vị tổng quản nhiệm nói cách tế nhị, “Anh em ấy biết nhiều về tôn giáo nhưng ít biết lẽ phải hơn những người mà tôi từng được biết”. Đây không phải là lời nói nước đôi bất thường. Tình yêu chuyển giao thiện chí nhưng không phải là lời phán đoán tốt. Tự nó không tạo ra thông tin hoặc biết cách làm thế nào cho hoà hợp.

Những vị chấp sự đầy dẫy Thánh Linh vẫn chưa đủ, họ còn phải đầy dẫy sự khôn ngoan nữa (Công vụ 6:3). Một người không nhất thiết bảo đảm cho người khác về sự khôn ngoan. Vì thế Phao lô lo lắng cho sự lớn lên của tình yêu của người Phi-líp, không chỉ trong sự hồ hởi về tình cảm, nhưng còn trong sự kiểm soát về chất lượng. Cần phải tăng trưởng về sự hiểu biết và chiều sâu của sự mầu nhiệm. Nếu chúng ta muốn sống một đời sống yêu thương hữu ích, chúng ta phải học để hiểu biết cũng như học cách chăm sóc. Nhờ sự thông minh điều này đưa tình yêu vào sự kỷ luật.

Chỉ có loại tình yêu thông minh ấy mới có thể phân biệt được điều gì tốt trong bất kỳ hoàn cảnh nào xảy ra. Có một tí xíu lẽ thật trong “đạo đức về hoàn cảnh” [situation ethics]. Việc áp dụng chi tiết của luật pháp thiên thượng về một phương diện được quyết định do những điều đặc biệt của hoàn cảnh cụ thể. Joseph Fletcher và những người khác biện hộ về sự *sai lầm* của đạo đức về hoàn cảnh trong trạng thái đương thời ấy là tình yêu là luật pháp duy nhất mà nó cần đến. Điều này khẳng định rằng mọi người đều có khả năng nhìn thấy sự yêu thương trong bất kỳ hoàn cảnh nào đó rồi họ thực hiện điều đó. Điều này vượt trên bề mặt của thực tế khó khăn của

bản chất tội lỗi của con người. Chỉ có tình yêu-ân điển, được người tái sinh kinh nghiệm, và được tín hữu đầy dẫy Thánh Linh tôn lên ngôi mới đủ sức tạo ra tình cảm và lòng thương xót. Nhưng thậm chí tình yêu như thế sẽ bị đánh mất, nếu nó không được Thánh Linh huấn luyện trên những qui luật cơ bản của ý muốn của Đức Chúa Trời và trong sự phán xét đạo đức (Hê-bơ-rơ 5:14).

3. Phong Cách là Quan Trọng

Không những tình yêu của chúng ta phải tăng trưởng về mặt khôn ngoan, nhưng nó còn phải được nền văn hóa cá nhân hỗ trợ. Một tấm lòng yêu thương có thể bị giấu kín do phong cách cục cằn lỗ mãng. Những người không tự kỷ luật, thô lỗ thường xúc phạm người khác bằng phản ứng kỳ dị (thậm chí bất lịch sự), lớn tiếng và huyên náo. Những tiếng cười không kiểm soát ở nơi công cộng, thói quen chặn đứng người đang nói và tính tự liên hệ bản thân cách sống sượng làm những khác khó chịu. Những người khẳng khẳng giữ ý kiến của mình nhanh nhẹn cho những người khác là không đúng hoặc những người thường lấy chuyện bé xé ra to trước mặt người khác đều không được ai ưa. Đức Chúa Trời có thể nhìn thấy tấm lòng bằng vàng, nhưng Ngài muốn những gì đi ngang qua lòng đó phải bày tỏ bằng tình yêu chứ không phải bằng sự cục mịch. Bốn phần của Cơ đốc nhân là trau dồi sự tế nhị, lịch sự và phong cách tốt để làm vinh hiển danh Chúa.

Không nơi nào bày tỏ điều này bằng ở gia đình, đây là nơi không thiếu tình yêu nhưng thiếu sự tế nhị và xem xét cách lịch sự. Thiếu suy nghĩ là thủ phạm. Trên hết mọi sự những người đầy dẫy Thánh Linh phải bày tỏ đời sống đầy dẫy Thánh Linh bằng cách để Thánh Linh dạy họ sự điềm tĩnh và lịch sự. Chắc chắn phải trau dồi tình yêu thực sự là sự thương xót, không phải giúp đỡ cho hàng triệu người đói khổ bên kia bờ

đại dương, nhưng là những con người thật sống chung dưới mái nhà.

Tự bản thân tình yêu có sự cảm nhận về người khác – nhạy bén với những cảm giác của người ấy để bảo vệ và tránh sự quấy rầy không cần thiết trước mặt người khác nữa. Tóm lại, đó là sự tế nhị. Nhưng trong sự hối hả và lảng xảng của cuộc sống bận rộn, phức tạp chúng ta thường quên và gây những tổn thương không cố ý và không cần thiết. Vợ chồng phải cầu nguyện để hiểu người bạn đời của mình vì sao phản ứng như vậy. Họ phải học tập để thích nghi với những điều đó, hơn là cứ đòi hỏi. Loại tôn giáo gia đình này là tôn giáo thánh khiết và phổ biến uy tín cho sự xưng nhận về tình yêu trọn vẹn của chúng ta.

III. MỘT ĐỜI SỐNG CÔNG BÌNH

Phao lô nói rằng vương quốc của Đức Chúa Trời “không phải là vấn đề ăn uống nhưng là sự công chính, bình an và vui mừng trong Thánh Linh” (Rô-ma 14:17). “Ăn uống” tóm tắt những vấn đề nhỏ khác nhau của hành vi mà ông thảo luận ở đoạn 13 và 14. Điều này thuộc về nhân sinh quan, chế độ ăn uống, văn hóa và cá nhân. Nó không được nâng lên vị trí nhất định trong tôn giáo, nhưng phải tôn trọng ý kiến cá nhân và hành vi khác nhau (xem thêm 14:5).

Nhưng đối với sự công bình cơ bản thì không như vậy. Thậm chí nó sơ đẳng hơn sự bình an và vui mừng vì những điều sau đều trở thành ảo tưởng nếu không có điều trước. Ngay cả vấn đề ăn uống vẫn có thể trở thành những vấn đề của nếp sống đạo đức Cơ đốc, nếu lấy ra khỏi nội dung của nhân sinh quan và được đánh giá theo tính tình, sức khỏe, gương mẫu và ảnh hưởng. “Tốt hơn là đừng ăn thịt, uống rượu hoặc làm điều gì gây cho anh chị em mình vấp phạm” (14:21). Như vậy ăn

uống, giảm ở một mức độ, có thể làm cho sống động ở mức độ công bình. Đặc biệt ở mức độ tình yêu, vì chính tình yêu sẵn lòng nhìn thấy sự thể hiện đạo đức của tự do cá nhân và hành động thích hợp của một người.

A. ĐIỀU HÒI HỎI CỦA ĐẠO ĐỨC

Tiêu chuẩn đạo đức đánh dấu hiệu cho nếp sống thánh khiết được tóm tắt ở nhiều đoạn Kinh Thánh, nhưng không đâu dễ hiểu bằng ở Rô-ma 12 và 13²⁰. Mục đích chủ yếu của Mười Điều Răn, “Chớ phạm tội tà dâm”, “Chớ giết người”, “Chớ trộm cắp”, “Chớ tham lam” và những mạng lệnh khác (Rô-ma 13:9-10) là bày tỏ sự phù hợp của những điều này với tình yêu. Vì cơ những hoạt động cấm đoán này gây tai hại cho nạn nhân, và tình yêu là khuynh hướng che chở khỏi những tổn thương đó, tình yêu không gây ra nan đề cho luật pháp. Tình yêu Cơ Đốc không phải là sự giải phóng *khỏi* luật pháp, nhưng là sự giải phóng *bên trong* luật pháp. Tình yêu muốn hoàn thành mọi bổn phận đối với những người láng giềng và tránh mọi thiệt hại. Vì thế, bất kỳ tình yêu tự xưng nào có khuynh hướng bỏ qua luật pháp, và xâm phạm điều phải, công bằng và hợp lý, đều là giả mạo.

Trên hết mọi sự, những giáo sư và những người giảng giải về sự thánh khiết phải là người hoàn toàn không chỗ trách được về những hành vi đạo đức. Điều này bao gồm những mối quan hệ với những người khác phái, phải không chỗ trách được. Sự tự do tạm thời giữa những người khác phái có thể lành mạnh, nhưng nó cũng có thể là bẫy treo lơ lửng rất nguy

²⁰ Bản tóm tắt cô đọng, theo từ ngữ chung là: Ân điển của Đức Chúa Trời dạy chúng ta nói “Không” với tình thần không tin kính và các đam mê phạm tục, phải sống đời này cách tiết độ, công chính và tin kính trong thời đại hiện tại này” (Tít 2:12).

hiếm. Có một ranh giới đẹp đẽ giữa tình bạn thân thiết trong vòng những người bạn vốn thanh khiết và tinh sạch, và sự dễ dãi không thận trọng có thể nhanh chóng hút người ta vào đường cống của sự truy lạc về đạo đức. Cơ đốc nhân nào muốn tránh những tội công khai phải nghiêm nhặt canh giữ tình cảm của mình.

Cũng vậy, trong thương mại, không nên có chỗ cho sự mờ ám. Một chân lý chi phối người thánh khiết trong mọi mối quan hệ thương mại là: *Con người quan trọng hơn lợi nhuận*. Hoặc chúng ta là người mua, người bán, người quản lý, sau sự giao dịch chúng ta nên tìm cách làm chứng về Chúa, hoặc mời thân chủ đến nhà thờ, đừng tạo ra sự khinh thường hoặc sự vấp phạm vì mình là con cái Chúa. Sự thánh khiết giữ lời hứa, trả tiền đúng hẹn, không gian xảo trong việc cân lường. Sự thánh khiết làm cho những gì chúng ta bán hoặc cài đặt đúng như lời chúng ta nói. Sự thánh khiết làm việc đúng giờ. Sự thánh khiết thẳng thắn, không úp mở, không lường gạt và không hai lời.

B. HUẤN LUYỆN LƯƠNG TÂM

1. Vực Sâu Đạo Đức

Mặc dù sự thánh khiết về mặt lý thuyết và thái độ cá nhân không cho phép có nền đạo đức xấu xa, tuy nhiên rủi thay có đôi khi ý nghĩa đạo đức không bắt kịp với kinh nghiệm thuộc linh. Chẳng hạn, một thanh niên mới được thánh khiết làm chứng về kinh nghiệm của mình cho người bạn ngồi bên cạnh anh – trong khi anh lái xe 90 dặm một giờ. Hầu như ai cũng có thể nêu lên những ví dụ của sự không tương hợp mà mình đã quan sát. Bị thử thách, họ cũng phơi bày những hậu quả phá hoại cho những người lảng giềng, bạn cùng làm việc, và đặc biệt là thanh niên thấy được.

Tại sao có vực sâu giữa lời nói và hành động? Nếu không có động cơ mạnh mẽ để sống thánh khiết, thì tấm lòng không

thực sự thánh khiết. Nhưng trong số những người được nên thánh thì vực sâu xảy ra do sự thiếu hiểu biết, và đôi khi do những giới hạn của trí tuệ. Một số hành vi là một phần của cuộc sống lâu đời đến nỗi người ta không nghĩ đó là điều sai trật. Khi khám phá ra điều đó có nhiều người đã ngỡ ngàng.

Điều này có thể đúng trong ngôn ngữ, ăn mặc, thói quen về lái xe, đi nhóm vào Chúa Nhật, tôn trọng lời hứa, đúng giờ, giữ tiền bạc – hàng chục lãnh vực khác nhau. Hơn nữa, đối với những người thông minh, không phải những người chưa tin, vẫn có những thói quen suy nghĩ về những điểm đẹp của hoàn cảnh đạo đức, chẳng hạn, lập hồ sơ thuế, tính toán thu chi, báo cáo tài chánh, giải thích hành động, tường thuật sự kiện. Cộng thêm với những điều này đôi khi là những yếu tố phức tạp của khả năng hạn chế khi làm những sự suy nghĩ thông minh. Sự thánh khiết không cần phải tăng thêm chỉ số thông minh (IQ – intelligence quotient).

2. Lớp Đây Vực Sâu

Bốn phận của Hội Thánh là phải thiết lập những tiêu chuẩn đạo đức và nêu lên vấn đề đạo đức, vì nếu không sẽ giảm đi trách nhiệm dạy dỗ của họ. Bốn phận của người rao giảng là phải thường xuyên giảng dạy rõ ràng về sự thành thật, trong sạch, công bằng, và hành vi gương mẫu. Không có tân tín hữu nào lại không biết đến những vấn đề đạo đức này.

Triết lý hỗ trợ điều này rất đơn giản. Hoặc chúng ta đối xử với trẻ con, thiếu niên, hoặc tân tín hữu, chúng ta phải có thiện chí nêu lên vấn đề, làm như vậy chúng ta mới tập cho người ta có thói quen suy nghĩ đạo đức. Phải nói đến những hành vi sai trật, và phải giải thích những hành vi đúng đắn. Những Cơ đốc nhân được thánh hóa phải nhiệt tình về những sự dạy dỗ đó và sớm điều chỉnh nếp sống của họ. Những Cơ đốc nhân xác thật sẽ nguy hiểm và làm âm ỉ, nhưng thường Thánh Linh có thể dùng tính bất trị của họ để đưa họ vào sự cáo trách.

Nhưng Cơ đốc nhân đầy dẫy Thánh Linh không chỉ lắng nghe lời khuyên dạy, nhưng còn phải học Kinh Thánh để tìm kiếm cách sống phù hợp với sự thánh khiết. Người ấy phải học cách áp dụng những nguyên tắc của Kinh Thánh vào lối sống hằng ngày gồ ghề và trơn trượt của thế kỷ 20, 21 này. *Người ấy phải huấn luyện chính mình suy nghĩ bằng những từ ngữ đạo đức.* Nếu không làm được như thế, người ấy sẽ là đá vấp chân cho những người khác.

Động cơ của điều này sẽ được đào sâu hơn khi Cơ đốc nhân nhìn thấy sự tàn phá phát sinh từ đời sống của những người bị thất bại. Người ấy có thể lên thiên đàng, trong khi những người chịu ảnh hưởng của sự không tương hợp của người ấy có thể bị hư mất. Một cậu thiếu niên mới qui đạo đánh giá cao một người đi nhà thờ lâu năm cho đến một đêm nọ trong một cuộc họp công cộng nó nghe thấy vị anh hùng của mình chọc cho nhóm người cười phá bằng những câu chuyện tục tĩu. Nó nói với người chủ cách bất mãn, “Đây là loại câu chuyện mà tôi vẫn thường kể trước khi tôi tin Chúa”. Cậu ta bị sốc đến nỗi mất sự quân bình về thuộc linh và không còn đi nhà thờ nữa.

Chúng ta phải cảnh giác!

3. *Mối Quan Hệ của Lương Tâm với Tình Yêu và Đức Tin*

Kinh Thánh dạy rằng tình yêu trọn vẹn sẽ khuyến khích sự làm theo lương tâm. Thiếu sự nhạy bén sẽ bác bỏ bất kỳ lời công bố nào về tình yêu trọn vẹn. Hệ luận là đức tin cứu độ bị hủy bỏ khi lương tâm giả hình. Trong I Ti-mô-thê 1:19 đức tin đánh mất do việc ném bỏ lương tâm tốt. Wesley nói về lương tâm tốt, “Nó miễn cưỡng ra đi. Nó luôn luôn nói, ‘Đừng làm tôi tổn thương’. Và những người nào cầm giữ điều này, sẽ không đánh mất đức tin mình”. Sau đó ông long trọng nói thêm, “Vì

vậy, những người đã một lần là tín hữu thật. Nếu họ sa ngã không những họ sống cách gian ác nhưng còn dứt khoát bỏ Chúa²¹.

Phao lô đưa ra hai ví dụ, Hy-mê-nê và A-lếch-xan-đơ. Họ đã tin cách hiển nhiên rằng lương tâm và đức tin cứu độ không liên quan với nhau; rằng đức tin có thể cầm giữ được mà không cần lương tâm tốt. Điều nổi bật là những gì một số người ngày nay người ta gọi là chính thống đã bị Phao lô gọi là lộng ngôn.

C. THÁNH KHIẾT VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Một tấm lòng thánh khiết luôn luôn hướng về phía Đức Chúa Trời trong mọi vấn đề đạo đức, và thực hiện, theo khả năng của mình những gì người ấy nhận biết là ý muốn của Đức Chúa Trời. Một Cơ đốc nhân Tin Lành tin rằng có thể tìm thấy trong Kinh Thánh ý muốn của Đức Chúa Trời về những nan đề hành vi và sự thịnh vượng của con người, vì vậy người ấy tìm cách sống hoà hợp với uy quyền này. Quan tâm sâu sắc về vấn đề đạo đức và tinh thần vâng lời sẽ động viên người ta chú ý đến những chính nghĩa trong xã hội, không phải chỉ do việc bị kích động để dẫn thân vào những gì xảy ra “bên trong” trong giây phút đó. Trong một thế kỷ rưỡi vừa qua những chính nghĩa dành quyền cho người nô lệ, quyền lợi của phụ nữ, nhân quyền và những điều khác được nêu lên làm trọng tâm của sự chú ý của quần chúng theo từng thời điểm khác nhau. Gần đây hơn những vấn đề được chú ý hàng đầu là sự phá thai, đồng tính luyến ái, sự làm chết không đau đớn, nghèo khổ, thịnh vượng, những người thiểu số, chủ nghĩa tư bản, sự phân rẽ trong Hội Thánh và quốc gia và chiến tranh.

Hễ nơi nào Kinh Thánh nói rõ, thì tín hữu được thánh hóa đứng ngay vào chỗ thích hợp. Tuy nhiên, đừng mong rằng

²¹ *Explanatory Notes upon the New Testament.*

những người thánh sẽ luôn luôn dán mắt vào tất cả những vấn đề này, vì mặc dù có một số điều rõ ràng, như phá thai và đồng tính luyến ái, nhưng những điều khác thì rất phức tạp và rất đa dạng. Những người tốt có thể khác quan điểm về những gì thực sự là quan điểm của Kinh Thánh và những gì thuộc về phương pháp và phương tiện để mang lại sự thay đổi. Khuynh hướng của người được thánh hóa sẽ để tâm trí mình tôn trọng Đấng Christ, sự thịnh vượng của Hội Thánh và gia đình, sự thánh hóa của đời sống cá nhân và cá tính con người, và sự cứu rỗi đời đời của linh hồn. Những điều này sẽ là dấu hiệu rõ ràng mà người ấy mang và quyết định hướng đi của người ấy²².

²² Muốn biết thêm phần thảo luận về sự thánh khiết và đạo đức xin xem sách của Richard S. Taylor, *Life in the Spirit*, 169-203; Purkiser, Taylor and Taylor, *God, Man and Salvation*, 527-59.

CUỘC CHIẾN THUỘC LINH

Tấm lòng thánh khiết tạo điều kiện cho một người nhìn cuộc đời qua lăng kính của Kinh Thánh. Cuộc sống được nhìn từ góc độ của đời Gô-gô-tha và từ quan điểm của cõi vĩnh hằng. Đây là một khuynh hướng hoàn toàn đổi mới. Những nhận xét về giá trị, những ưu tiên, những sở thích cá nhân và những mục tiêu đều hoàn toàn ngược lại với những gì thịnh hành trong xã hội đương thời hoặc trong vòng Cơ đốc nhân có danh. Người ấy có quan điểm mới về những thực tế của hoàn cảnh con người.

Chúng ta đang ở trong một cuộc thánh chiến. Đây là một cuộc chiến thực sự, chứ không phải là trận chiến của lính kiểng [a chocolate-soldier-make-believe]. Trong trận chiến này chúng ta không được nghỉ ngơi và giải ngũ cho đến khi chính Đức Chúa Trời đưa chúng ta từ vùng trận địa sang ngai vàng đắc thắng.

Người thánh, là những người có mắt được tẩy sạch và mở rộng để thấy mọi sự rõ ràng thấu suốt. Người ấy không sống trong thiên đàng của kẻ ngu muội. Vì lý do đó người ấy không mong đợi một cuộc sống hạnh phúc hoàn toàn ở trần gian. Thật vậy, những động cơ của người ấy được đưa lên cao hơn mục tiêu này để người ấy không còn chú mục với mục đích hạnh phúc. Mối quan tâm chủ yếu của người ấy là luôn được thánh khiết trước mặt Đức Chúa Trời và đắc thắng trong cuộc thánh chiến. Người ấy sẵn sàng có mặt để phục vụ bất kỳ ở đâu, bất

kỳ lúc nào và nếu cần có thể hi sinh nữa. Những sự tôn trọng về uy tín, địa vị và danh vọng đều không có sức để thu hút họ.

Người thánh của Đức Chúa Trời có thể và sẽ vui mừng, nhưng vui mừng trong Thánh Linh (Rô-ma 14:17; 15:13; Ga-lati 5:22). Người ấy phấn khởi vì người đã tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống, cả cho chính mình và cho người khác. Người ấy được bình an trong lương tâm mình và hòa thuận với Đức Chúa Trời. Nhưng người ấy không sống hòa bình với kẻ thù. Người ấy không thể nghỉ ngơi thoải mái trong một thế giới cướp bóc và hung bạo, đổ máu và trụy lạc; đói kém và bệnh tật. Do đó người ấy sẽ đau khổ theo cách mà những người khác không hiểu thậm chí những Cơ đốc nhân khác cũng không hiểu. Người ấy sẽ không trốn tránh cảm nhận về trách nhiệm và sự quan tâm này.

Điều này sẽ cứ đeo đuổi khi người được thánh hóa ở giữa những linh hồn hư mất và ở nơi đô hội tội ác. Điều làm lòng của Đức Chúa Trời tan vỡ cũng làm cho lòng người ấy tan vỡ. Sự thánh khiết thật sẽ đặt loại sắt này vào dòng máu thuộc linh của một người. Cơ đốc nhân nào không chấp nhận bước vào cuộc chiến thì sẽ tự ý nghỉ phép. Họ sẽ tìm góc xó xinh yên tĩnh nào đó xa khỏi tiền tuyến để có thể sống cuộc đời thoải mái, không bị quấy rầy, và ở trong sự an ổn và an ninh của những mục tiêu ngu dốt của mình.

Con người tự nhiên mơ ước sống cuộc đời điền viên thú vị, nhưng con người thánh khiết ở giữa những khải tượng và sẵn sàng “chịu khổ như một người lính giỏi của Đức Chúa Jêsus Christ” (2 Ti-mô-thê 2:3). Nhiều người trong vòng dân sự Đức Chúa Trời có thể thích sống một cuộc đời hơi yên tĩnh và an ninh, nhưng dù vậy họ cũng phải tham gia vào cuộc thánh chiến qua sự cầu nguyện, dâng hiến, và lao động, và sử dụng hết cả năng lực và nguồn tài nguyên sẵn có của mình.

I. BÊN TRONG BẢN NGÃ

Cuộc *nội chiến* đã qua. Tuy nhiên, nhiều khía cạnh của cuộc chiến chống với kẻ thù chung vẫn tiếp tục và đôi khi còn gây rối bản ngã.

A. SỰ THÁNH KHIẾT VÀ TỘI LỖI

1. Khả Năng của Tội Lỗi

Wesley khẳng định rằng mức độ thấp nhất của ân điển cho trước cũng đủ ban sự đắc thắng tội lỗi¹. Qua đó ông muốn nói rằng sự vi phạm tội biết rõ, theo nghĩa hẹp, là “sự cố ý vi phạm một luật pháp biết trước”². Nhưng ông nhìn nhận rằng những tội bên trong của tâm thần [spirit], như là kiêu ngạo, nóng giận, và đố kỵ, sẽ quấy rầy những điều chưa được trọn vẹn trong tình yêu. Ở bất kỳ mức độ nào qua sự hờ hững và không cẩn trọng đều có thể có sự từ từ chuyển sang việc phạm tội³.

Nguy cơ của sự không cẩn trọng này vẫn hiện diện ngay cả sau khi một người được nên thánh. Ngọn lửa của sự thánh khiết có thể được nuôi dưỡng bằng sự cầu nguyện và đọc Kinh Thánh, bằng sự tham dự những phượng tiện của ân điển, bằng thói quen thức canh và bằng sự liên tục chạy bên với Thánh Linh. Vì bận rộn với cuộc sống, nếu bỏ qua những điều kiện để đắc thắng và lớn lên này thì ngọn lửa sẽ nguội dần. Thay đổi bức tranh: Tiền đồn sẽ bị đào khoét và thành lũy của linh hồn sẽ dễ dàng bị tấn công.

Không bao giờ có tình trạng tội lỗi trở thành bất lực trong cuộc đời này. Giảng viết, “Ta viết cho các con những điều này

¹ *Works*, 6:15 et al.

² *Sách đã dẫn* 11:396.

³ *Sách đã dẫn* 7:341 et al.

để các con không phạm tội”. Sau đó ông thêm, “Nhưng nếu có ai phạm tội, thì chúng ta có Đấng cầu thay với Cha trên trời” (I Giăng 2:1). Chữ *nếu* của sự có thể xảy ra luôn luôn ở đây. Nhưng Đấng Cầu Thay cho chúng ta cũng đồng thời ở bên cạnh với mọi người; Ngài cũng là Đấng Hi sinh chuộc tội cho chúng ta nữa. C. W. Ruth đã có lần trích dẫn I Giăng 1:9 (“Còn nếu chúng ta xưng tội mình, thì Ngài là thành tín và công bình sẽ tha tội cho chúng ta và làm cho chúng ta sạch mọi điều gian ác”, rồi ông công bố, “Điều này cho chúng ta phải không? Há không phải chữ ‘chúng ta’ bao gồm chúng ta bây giờ không?”

Vấn đề tội lỗi đặc biệt chính xác cho người được nên thánh hoàn toàn vì, trên hết mọi sự, họ là người sợ và ghét tội lỗi. Họ chạy trốn với những bóng mờ của sự gian ác mà đối với những người khác dường như không hiện hữu. Lương tâm của họ rất nhạy bén và dễ bị thương tích. Đối với người thánh khiết, khi biết được Thánh Linh buồn, thì họ đối diện với sự thất bại trong sự nghiêm túc và công bố điều đó là tội. Nếu tư cách của họ không hòa hợp với trường hợp này, nếu họ mất kiên nhẫn, nếu sự nói hành thiếu suy nghĩ đem lại sự quả trách bên trong, nếu họ nắm quyền điều khiển Thánh Linh, nếu họ không vâng theo tiếng khuyên giục phải làm chứng, thì họ chẳng bao giờ cứng lòng và lập tức xưng tội ngay. Họ cũng lập tức xin lỗi ai đó và xin Đức Chúa Trời tha thứ cho họ.

2. *Hậu Quả của Tội Lỗi Sau sự Nên Thánh*

Có phải tội lỗi lập tức hủy bỏ sự cứu rỗi hoặc chỉ phá vỡ mối thông công với Đức Chúa Trời? Cũng vậy, một người có thể mất sự nên thánh trọn vẹn mà không mất sự xưng công bình không? Đây là những câu hỏi thông thường đã quấy rầy nhiều người. Những giáo sư dạy về sự thánh khiết đã chia rẽ trong cách trả lời của mình. Chẳng hạn, J. B. Chapman tin rằng một người có thể mất tình yêu trọn vẹn và sự đắc thắng bình thường mà không hoàn toàn thối lui. Những người khác cho

rằng quyết liệt tranh luận rằng tội luôn luôn là miếng mồi ngon về mặt thuộc linh – ở mọi phương diện. Lời khuyên về sự khôi phục cũng khác nhau. Một số người nói rằng có thể có sự khôi phục trọn vẹn ngay lập tức. Những người khác lại khẳng định rằng phải có hai bước ngoặt của ân điển.

Nơi mà những người tốt và có khả năng không đồng ý, thì thuyết giáo điều dường như không thích hợp. Tuy nhiên, có thể tránh được chủ nghĩa giáo điều bằng cách chứng minh rằng không có câu trả lời đúng hay sai. Dĩ nhiên, tội lỗi, “khi nó được trọn thì sinh ra sự chết” (Gia cơ 1:15). Thậm chí một tội nhỏ, không ăn năn và không cầu xin sự tha thứ, có thể làm mất sự cứu rỗi của một người. Và nghiêm trọng hơn, những tội lỗi công khai là bằng chứng mạnh mẽ về tình trạng thối lui.

Nhưng có thể đã có sự cáo trách bên trong trước khi những tội như thế xảy ra, trong thời gian đó có thể có sự quấy động của ân điển. Thánh Linh không rút lui ngay, nhưng Ngài đang chiến đấu để cứu vớt con người sắp đắm trôi (xin xem trang 194, bản tiếng Anh, Chương 10, Phần A, tiểu mục 6). Trong thời gian này có thể có tội thối lui, hờ hững, hoặc bắt đầu theo ý riêng. Có lẽ có sự nẩy mầm của sự phản uất và cay đắng với ai đó, thậm chí với Đức Chúa Trời. Rõ ràng đây là tình trạng của một Cơ đốc nhân bị bệnh. Người ấy khó có thể làm chứng về sự “đầy dẫy phước hạnh”. Nhưng trong lòng người ấy vẫn biết mình còn là con cái Đức Chúa Trời, vì người ấy tiếp tục có đời sống cầu nguyện đầu yếu ớt, và vẫn giữ những bốn phận tôn giáo. Nhưng người ấy là một Cơ đốc nhân thất bại!

Người ta không biết chắc một người có thể tranh chiến trong tình trạng này bao lâu mà không hoàn toàn mất ân điển cứu độ. Nhưng chắc chắn rằng đó chỉ là sự tạm thời. Trận chiến này sẽ được giải quyết bằng cách này hay cách khác. Nếu trong trường hợp đó Cơ đốc nhân yếu đuối này kêu gọi ngưng chiến và dành thì giờ cầu nguyện để được thông suốt, thì

chẳng có lý do nào khiến người đó không được khôi phục và nhận lại sự đầy đầy Thánh Linh.

Đặc biệt điều này đúng khi bóng tối thuộc linh không phát sinh trong thời kỳ thối lui nhưng chỉ là lúc cô đơn, thất bại và người ấy lập tức thấy được và “đem đặt dưới Dòng Huyết”. Cổ tay áo bị căng không cần phải tháo ra hết cái áo để mạng lại. Một người leo núi bị trượt vài bậc không cần phải tuột xuống chân núi để rồi từ đó leo lên lại. Nhưng nếu sự khiếm khuyết đã trở thành công khai và việc quay lại con đường tội lỗi đã trải qua một thời gian lâu, thì điều hợp lý là phải “bắt đầu trở lại” – cả sự ăn năn và sự tận hiến. Ngay cả trường hợp đó thì khó có thể tái công bố trừ phi người đó *nhận thức đầy đủ mọi sự*.⁴

Để hiểu bức tranh đầy đủ chúng ta phải lưu tâm đến đường ranh giới rõ ràng giữa tội lỗi thực sự trước mặt Đức Chúa Trời và sự thất bại của con người. Những Cơ đốc nhân có lương tâm nhưng quá nhạy cảm có thể có cảm giác đau đớn không cần thiết. Nếu kẻ thù không bị ru ngủ, thì nó cứ liên tục đập ngọn roi buộc tội. Ở đây cần sự suy nghĩ kỹ càng. Cứ xưng tội những tội không phải là tội thì không phải là điều đúng, mặc dù dĩ nhiên, lỗi lầm này có thể không bao giờ là những tội đã xưng ra.

B. CHIẾN ĐẤU VỚI SỰ CẢM DỖ

1. Những Thuận Lợi của Người Được Thánh Hóa

Thật sai lầm khi nói rằng sự cảm dỗ đến với người được thánh hóa trọn vẹn “chỉ ở bên ngoài, chứ không bao giờ ở bên

⁴ Nhưng làm thế nào sự tái thánh hóa như thế liên quan đến tội lỗi kế thừa? Nó không có cùng kinh nghiệm giống như lần đầu. Sự bại hoại cần được tẩy sạch là sự tự sinh ra [self-generated] – nhưng cũng hiểm độc như nhau [but equally virulent].

trong”. Mọi cảm dỗ liên quan đến sự khao khát của loại nào đó hoặc sự chiến đấu ở mức độ nào đó có ở *trong* chúng ta (Gia cơ 1:14)⁵. Những tư tưởng và tình cảm của chúng ta đều liên quan. Chính là sự giải quyết *của chúng ta* bị tấn công chứ không phải của những người khác. Nhưng cách nói này có thể là một cách hình dung của việc diễn tả một chân lý nào đó. Những Cơ đốc nhân được thánh hóa hoàn toàn có thể nhận ra sự khác biệt trước và sau khi được thánh hóa, nhưng thường thường hầu như không thể định nghĩa được.

Về một phương diện, có sự khác nhau giữa *loại* cảm dỗ có thể gây ra đau đớn. Những ngọn gió của cảm dỗ hầu hết là những mối quan hệ giữa người với người, những thử thách trong hoàn cảnh, và thậm chí sự hiểu biết chính xác về những hạn chế của chúng ta; còn những cảm dỗ về những giá trị và lạc thú thế gian thì ít hơn. Một số điều trước kia dường như quan trọng đã mất sự hấp dẫn của nó, vì vậy nó không còn tạo ra những đại lộ cảm dỗ nữa. Nó thuộc về quá khứ.

Ngoài ra người ta còn phát hiện sự khác biệt lớn trong cách phản ứng của một người đối với sự cám dỗ. Sự sống động của sự đầu phục Chúa, sự nhiệt tình của tình yêu của chúng ta đối với Đấng Christ, sự khao khát làm đẹp lòng Đức Chúa Trời từ nơi sâu thẳm của lòng chúng ta, sự tha thiết bảo vệ sự vinh hiển Đức Chúa Trời và sự thịnh vượng của Hội Thánh, sự ghê tởm của việc hạ người khác xuống, và viễn cảnh của thiên đàng và cõi đời đời luôn luôn thúc đẩy sự suy nghĩ của chúng ta - tất cả những điều đó là những động cơ mạnh mẽ để chống cự lại sự cám dỗ. Sự làm đẹp lòng Đức Chúa Trời đã thay thế

⁵ Chữ *epithumia* có nghĩa là sự khao khát mạnh mẽ và ở đây không nên dịch là “dục vọng” [lust] dường như một sự khao khát có thể cảm dỗ nhất thiết phải là một sự khao khát gian ác. Xin xem Richard S. Taylor, *Life in the Spirit*, 204-17.

cho việc làm đẹp lòng bản ngã là giá trị tối cao mà một người liên tục nhận thức. Đánh mất sự tin cậy bị coi là điều ghê tởm.

2. Những Đại Lộ Cám Dỗ

Có ba đại lộ chính của sự cám dỗ: lòng ham muốn, bệnh tật và thiên hướng tự nhiên của bản ngã.

a) Lòng ham muốn thường kêu gào âm ỉ, vì vậy phải kiểm chế nó. Phao lô nói, “Nhưng tôi phải áp dụng kỷ luật và khắc phục thân thể tôi, e rằng sau khi giảng dạy người khác, chính tôi lại bị loại chẵn” (1 Cô-rin-tô 9:27).

Giống như những người khác, người được thánh hóa không nhiều thì ít đều biết đến *những thôi thúc của tình dục*. Về một phương diện, đây là điều bình thường, một hoạt động sinh lý vô thức do Đức Chúa Trời tạo dựng, mà nó thách thức mọi nguồn tài nguyên của ân điển. Nhưng về phương diện khác nó là cục châm có sức hút sâu xa và điệu kỳ giữa phái nam và phái nữ, mà nó chỉ có trong lãnh vực tinh thần và trí tuệ của con người cũng như trong lãnh vực sinh học. Đây là cảm giác thấu cảm về khác phái, về sự ngưỡng mộ và sự tương hợp đến một điểm có thể tạo thành những mối quan hệ đẹp đẽ, trong trắng và toàn vẹn.

Đối với người thánh sự cám dỗ sẽ không phát triển trực tiếp qua con đường dục vọng, nhưng bằng con đường tình cảm ấp áp và đánh giá cao đôi bên. Có lẽ sự thân thiết này chỉ là chữ. Nhưng sự thân thiết cũng là động lực. Nó có tiềm năng bùng nổ và phá hủy. Vì thế, để giữ gìn sự thánh khiết, dân sự Đức Chúa Trời cần canh chừng tình cảm của mình và chống lại sự gắn bó quá thân mật và những hoàn cảnh thoả hiệp. Đừng đại dốt chơi với lửa. Chắc chắn họ cũng phải cẩn thận tránh những sự tưởng tượng của tâm trí dù không có ý định theo đuổi trong cuộc sống thực tế.

b) Yếu Ớt về Thể Chất làm chúng ta dễ dàng rơi vào sự cảm dỗ, nhưng trong trường hợp này sự cảm dỗ thường hướng mạnh về lãnh vực tâm linh. Đau đớn quá đỗi hoặc bị tai nạn quá sức có khuynh hướng làm mờ tâm trí. Cuộc sống không còn lạc quan. Thực tế bị méo mó và linh hồn làm mối cho những ấn tượng và sự tưởng tượng giả dối, có thể là ảo giác. Kết quả có thể có những hành động và lời nói vấp vấp.

Chúng ta không có quyền tắt sáng ngọn đèn ở hai đầu cho đến khi có sự sắp xếp lại phương hướng. Thỉnh thoảng có những trường hợp vượt quá sự kiểm soát của chúng ta khiến chúng ta rơi vào một lỗ đen, trong lúc đó tâm linh chúng ta chỉ biết kêu cầu Đức Chúa Trời xin Ngài giúp đỡ. Nhưng chúng ta phải biết chắc chắn rằng những hoàn cảnh đó thực sự bên ngoài sự kiểm soát của chúng ta hơn là do chúng ta tạo ra. Nhiệt thành tự phá hoại không phải là nhiệt thành do Thánh Linh thúc giục.

c) Thiên Hướng Tự Nhiên của Bản Ngã trở thành đại lộ cho sự cảm dỗ. Trong con người chúng ta có bản năng phô bày con người mình và phô bày xã hội mình. Trong mọi bản ngã đều có những cuộc chiến chống lại những trở ngại, sự khao khát để thành đạt, khao khát hiểu biết và khao khát đạt được những kỹ năng cá nhân. Điều tra thăm dò hoặc khao khát để chiếm hữu dường như tự nhiên đối với bản ngã nữa. Tự nhiên là tôi muốn gọi vợ hoặc chồng của tôi, nhà cửa của tôi, việc làm của tôi, cuốn sách hay vật dụng của tôi, và bộ đồ cổ quý hiếm mà tôi có.

Bản ngã tự nhiên khao khát và đòi hỏi tình yêu. Nếu không có điều đó, bản ngã sẽ tàn héo, co rút và xoắn lại thành những hình dạng kỳ dị. Trong bản ngã có nhu cầu được nhìn nhận và chấp nhận. Nó muốn lệ thuộc. Trong một chương trình TV nói về đề tài "Tôi Sợ Điều Gì Nhiều Nhất". Những nhà giáo dục uyên bác và những thương gia nổi tiếng nói về chiến

tranh và những hiểm họa khác nhau của con người hiện đại. Có một người đứng yên lặng cho đến khi được mời phát biểu, ông trầm tĩnh nói, “Điều tôi sợ nhất là không được ai yêu”. Tất cả những điều này là cách để nói rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng trong con người những nhu cầu lớn và sâu xa mà nó chỉ có thể được lấp đầy nếu bản ngã lành mạnh; và điều lớn nhất trong những điều này là tình yêu. Sự thánh khiết không loại bỏ những nhu cầu này nhưng tạo điều kiện để linh hồn tìm được sự thỏa mãn trong ý muốn của Đức Chúa Trời.

Trong những con người được thánh hóa, bản ngã phản ứng cách tự động tiêu cực đối với một số điều, tích cực đối với những điều khác. Nó có phản ứng tiêu cực đối với những kẻ phá hoại, rác rưởi bừa bãi, độc ác, bất công, sự khinh thường luật pháp. Chẳng hạn, nó có thể ghê tởm và khó chịu đối với những tài xế gây nguy hại đến tánh mạng con người bằng cách chạy xe liều lĩnh.

Cũng có lãnh vực cá nhân thân thiết của sở thích tự nhiên hiện hữu trong con người thánh hóa cũng như chưa được thánh hóa. Chúng ta thích thành công hơn thất bại, thích khen ngợi hơn chê trách, thích được hiểu rõ hơn là bị hiểu lầm, thích mạnh khỏe hơn đau yếu, thích vui thú hơn đau khổ, thích tự do hơn bị xiềng xích (Công vụ 26:29); thích hoàn cảnh tiện nghi hơn nghèo khổ dầy vò.

Chúng ta có thể thêm nhiều điều nữa như thích kết hôn hơn sống độc thân, thích ở chỗ với những người thân hơn là đi đến những chỗ xa lạ, thích ăn những món ăn quen thuộc hơn là ăn những món ăn xa lạ⁶. Trong những cách đó và hàng chục

⁶ Không phải chủ nghĩa phân biệt chủng tộc mới có sở thích riêng của cá tính của một người, vì lý do đơn giản là chúng ta có cùng điểm chung khác với những người khác. Tuy nhiên, người được cứu có “cá tính riêng của một người” ở mức độ cơ bản và sâu sắc hơn, không phân biệt chủng tộc, màu da hoặc quốc gia. Vì vậy ân điển có thể vượt quá sở thích tự

loại khác của một bản chất tương tự, bản ngã vẫn còn sống động trong người được thánh hóa cũng như người chưa được thánh hóa. Sự thánh khiết không có nghĩa là chúng ta phải *giống như* mọi sự đến với chúng ta hoặc chúng ta được gọi để làm. Qua ân điển chúng ta có thể vui mừng trong sự hi sinh nhỏ mọn của chúng ta vì Chúa Jêsus, và thậm chí vui mừng trong sự chịu khổ, nhưng đó là qua ân điển, chứ không phải bằng con người tự nhiên của chúng ta. Trong sự trưởng thành thuộc linh, Phao lô có thể làm chứng, “Tôi đã học thoả lòng trong mọi cảnh ngộ” (Phi-líp 4:11).

Và dĩ nhiên chúng ta không thể thiếu sót những bước ngoặt lớn trong cuộc sống. Chúng ta có thể ở trong sự đau đớn và ước ao Đức Chúa Trời chữa lành và khôi phục chúng ta vào trạng thái bình thường. Nhưng có lẽ Ngài đang bảo chúng ta những gì Ngài đã phán với Phao lô, “Ân điển ta đủ cho người rồi” (2 Cô-rin-tô 12:9). Điều đáng thương là một người thân yêu của chúng ta có thể ở trong sự đau đớn và chúng ta biết rằng Ngài có thể chữa lành nếu Ngài muốn. Chúng ta ngạc nhiên tại sao Ngài không làm thế. Và có lẽ điều xấu nhất xảy ra, và cái chết cướp mất người thân yêu của chúng ta. Người thánh cũng phải chịu đau đớn thực sự như những người khác và cũng thực sự đổ nước mắt đau xót. Là người thánh không có nghĩa là chúng ta chỉ hưởng thụ những sự an bình của cuộc sống⁷.

Nhưng mỗi một điều trong những sở thích hoặc điều cần tránh, điều ưa thích hoặc không ưa thích, đều trở thành một đại lộ của sự cám dỗ. Sự cám dỗ có thể xảy ra để chúng ta nghi

nhiên giống nhau về văn hóa và chủng tộc, bằng cách tạo ra một loại ham thích mới.

⁷ Thậm chí Phao lô đã 3 lần cầu nguyện xin Đức Chúa Trời loại bỏ cái gai khỏi ông. Ông chỉ có thể vui mừng trong điều đó khi ông nhận thức rằng đó là phương tiện làm vinh hiển Đức Chúa Trời.

ngờ sự chăm sóc của Đức Chúa Trời, hoặc không tin cậy người khác, hoặc mất niềm tin nơi chính mình, hoặc rơi vào trạng thái ngả lòng rồi tuyệt vọng.

Hoặc chúng ta có thể bị cám dỗ để tránh những kinh nghiệm khó chịu bằng cách tự mình vận dụng sự lo xa, hoặc có lẽ bằng cách trốn chạy những nhiệm vụ không ưa thích. Một mục sư không thích phiếu “không mời” bị cám dỗ để chỉ nói nhẹ những điều không phổ biến. Ông thích cộng đồng này, và căn nhà này và không muốn di chuyển - tất cả đều là những khao khát tự nhiên (không phải thuộc về xác thịt), nhưng vẫn nguy hiểm. Đây là thực tế của đời sống bản ngã mà nó phải bị đặt trên bàn thờ từ ngày nọ sang ngày kia, từ năm này sang năm khác, nếu không muốn nó quay lại chiếm ngôi của Đấng Christ.

C. ĐẮC THẮNG KẺ THÙ

Trận chiến thuộc linh sẽ đơn giản hơn nếu chỉ có bản ngã và môi trường tham gia. Nhưng “chúng ta chiến đấu, không phải chống với loài người, nhưng chống với những giới thống trị, những uy quyền, và những bậc quyền thế của thế giới tối tăm cùng những thần linh gian ác trên các tầng trời” (Ê-phê-sô 6:12). Mục đích của “thuần đức tin” là “dập tắt các tên lửa của kẻ ác” (c. 16). Đây cũng là kẻ ác mà Chúa Jêsus cầu nguyện để các môn đồ Ngài được bảo vệ khỏi kẻ ác này (Giăng 17:15). Đây cũng là kẻ ác mà Phao lô muốn nói đến khi ông nhắc nhở, “Đừng tạo cơ hội cho ác quỷ tiến công” (Ê-phê-sô 4:27). Ông dạy rằng chúng ta phải tập trận thuộc linh để “đứng vững mà chống lại mưu kế của ma quỷ” (6:11, xem thêm 1Giăng 5:19)⁸.

⁸ Hầu hết những trường hợp trong Tân Ước dịch là “ma quỷ” [devil] đều từ chữ *daimonion*, nên dịch là *ác quỷ* [demon]. Ác quỷ là nhiều thiên sứ sa

Phủ nhận kẻ thù là không theo Kinh Thánh; còn không biết nó là kẻ đại. Hai thái cực này đều sai lầm bằng nhau: (1) hành động như là nó không hiện hữu, hoặc (2) luôn luôn bị ma quỷ ám ảnh và sống trong sự sợ hãi. Những lời khuyên trong Tân Ước của Phao lô, Gia cơ và Phi-e-rơ cho chúng ta biết bản chất của kẻ thù và làm thế nào để chống cự nó. Phao lô nói “Chúng ta chẳng phải là không biết quỷ mưu của nó đâu” (2 Cô-rin-tô 2:11), nhưng vấn đề ấy là – phần lớn chúng ta đều không hay biết”⁹.

1. Những Cách Tấn Công của Sa tan

Dường như rõ ràng rằng sa-tan tiếp cận đời sống tư tưởng của chúng ta và như vậy có thể ảnh hưởng đến dòng tư tưởng của chúng ta. Nó hiểu rõ sức mạnh của sự gợi ý. Nó kích động những tư tưởng thương hại mình và phóng đại những bất công mà chúng ta đang chịu khổ. Nó tìm cách làm cho tâm trí của chúng ta gắn chặt với những tổn thương để chúng ta khó có thể chuyển hướng sang những bốn phận thực tế. Nó sẽ làm cho chúng ta miệt mài suy nghĩ cho đến khi nan đề của chúng ta bị thổi phồng xa rời khỏi thực tế.

ngã, chúng hợp thành vương quốc của ác quỷ. Khi Kinh Thánh muốn nói đến quỷ vương [archdemon], sa-tan, thì những chữ *diabolos* và *satan*, *satanas* thường được dùng. “Sa-tan không đơn giản là sự hiện thân của ảnh hưởng gian ác trong lòng, vì nó căm thù Đấng Christ, nhưng trong tấm lòng của Ngài không bao giờ nổi dậy một tư tưởng gian ác (Giăng 14:30, 2 Cô-rin-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15); hơn nữa thân vị tính của nó được cả Cựu Ước và Tân Ước xác nhận, đặc biệt ở Tân Ước, trong khi ngôn ngữ của Cựu Ước dùng ở hình ảnh tượng trưng, thì Tân Ước đã làm điều này thành hiện thực” (Vine, *Expository Dictionary*, 3:320).

⁹ Thực tế của cuộc chiến này và sự xảo quyệt của kẻ thù, cũng như một số phương pháp của nó, được trình bày bằng đồ thị trong cuốn sách của C. S. Lewis, *Screwtape Letters*. Một cuốn khác thảo luận kỹ hơn về cuộc đối đầu của chúng ta với sa-tan do Marion H. Nelson. M.D. *Why Christians Crack Up*, rev. ed (Chicago: Moody Press, 1967), 145-60)

Sa-tan sẽ buộc tội Đức Chúa Trời và buộc tội những người khác, tìm mọi cách để tạo sự nghi ngờ và thiếu sự tin cậy. Nó sẽ tạo những cảm giác của sự thúc đẩy mạnh mẽ để làm việc này hoặc việc khác ngay lập tức. Nó tạo ra một tinh thần sẵn đuổi để sinh ra sự cuồng tín và áp ủ sự ngả lòng về mặt tâm trí. Nó sẽ đẩy những khao khát bình thường thành cơn sốt xúc động. Tất cả những điều này có thể là ảnh hưởng của quyền lực của ma quỷ hoặc sa-tan trên tâm trí chúng ta. Phi-c-rơ hỏi, “Ông A-na-nia, sao Sa-tan đã đẩy đẩy lòng ông đến nỗi ông nói dối với Đức Thánh Linh...?” (Công vụ 5:3).

Điều hiểm họa của mọi hiểm họa là không biết được nguồn gốc của những tư tưởng đó. Nếu chúng ta biết, “ai đang nói”, thì chúng ta sẽ biết cách trả lời. Nhưng dĩ nhiên sa-tan chẳng bao giờ tuyên bố rằng, “Đây là lời nói của sa-tan”. Chúng ta phải phân biệt những gì đang tiếp diễn. Điều nguy hiểm là giả định rằng lý trí của chúng ta đang dẫn dắt chúng ta đi theo dòng tư tưởng hợp lý. Khi chúng ta giả định điều này, thì chúng ta sẽ theo dòng tư tưởng đi vào những thái độ sai lầm và những hành động không khôn ngoan. Gia cơ khuyên bảo, “Hãy chống trả ma quỷ thì nó sẽ lánh xa anh em” (Gia cơ 4:7). Nhưng làm thế nào để chúng ta có thể chống cự kẻ mà chúng ta không nhận diện được?

Nhưng sa-tan tấn công chúng ta không những trong đời sống tư tưởng nhưng còn trong thân thể chúng ta nữa. Chúa Jêsus đi khắp nơi “làm việc phúc đức và chữa lành tất cả những người bị quyền lực quỷ vương áp bức” (Công vụ 10:38). Nhiều chứng bệnh về tinh thần, nói cách khác, nhiều chứng bệnh rất phức tạp đều có nguồn gốc từ sa-tan. Thậm chí những người được đầy dẫy Thánh Linh có thể bị sự áp bức của sa-tan trên tâm linh họ, mà đó là mối nguy hiểm cho linh hồn nếu không sớm nhận diện và chống cự nó. Cũng có thể có những hiện tượng vật lý đặc biệt khiến cho họ không thể phục vụ

Chúa và thậm chí loại trừ họ ra khỏi hình thức hoặc công tác được Đức Chúa Trời kêu gọi.

2. Cách Chiến Đấu của Chúng Ta

Về cơ bản, dĩ nhiên, *đức tin* của chúng ta là cái thuần. Chúng ta phải tin nơi quyền năng và sự đầy đủ của huyết của Đấng Christ, và tin nơi sự kiện là sa-tan là kẻ thù bị đánh bại hoàn toàn. Thậm chí nó còn găm thét nhưng nó đã bị xiềng (như được minh họa trong cuốn *Thiên Lộ Lịch Trình*). Nó không thể đụng chạm *đến bên ngoài* chúng ta trừ phi Đức Chúa Trời cho phép, và cũng không thể đụng chạm *vào trong* chúng ta trừ phi chúng ta cho phép. Chúng ta phải luôn luôn đầu phục Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, không bao giờ lệ thuộc vào những ảnh hưởng xa lạ hoặc những nhà lãnh đạo tôn giáo có vấn đề.

Sự lạm dụng tâm trí và ý chí của con người vào khả năng thu nạp thụ động [passive receptivity] (như là suy gẫm về tiên nghiệm – transcendental meditation) là thủ đoạn của ma quỷ. Tâm trí của chúng ta phải được ý chí được thánh hóa của chúng ta trực tiếp hướng dẫn. Sự không vâng lời Đấng Christ, dù ở mức độ nhỏ như thế nào, sẽ tạo ra kẽ nứt để sa-tan lừa dối. Bất kỳ sự không vâng lời nào sẽ ru ngủ những cảm nhận thuộc linh của chúng ta để chúng ta ít chú ý đến những sự gợi ý từ bản chất của ma quỷ vào tâm trí chúng ta. Chúng ta phải tin cậy, vâng lời và sống trong Lời Đức Chúa Trời thì mới được an toàn.

Rồi chúng ta còn phải hiểu sức mạnh của những vũ khí của chúng ta – Huyết, Lời Đức Chúa Trời, và sự cầu nguyện. Có một câu phương ngôn xưa, “Sa tan chạy xa khi một thánh đồ yếu ớt nhất quì gối”. Hãy tin điều đó! Thật vậy sa-tan thù mình co rúm trước Thập tự giá và không còn sức mạnh để chống cự lại Lời Đức Chúa Trời.

Cùng với điều này hãy tin nơi tầm quan trọng của việc nhìn thấy uy quyền mà chúng ta là những người đầy đầy Thánh Linh có. Đấng Christ đã ban cho chúng ta uy quyền này và chúng ta phải mạnh dạn sử dụng điều đó. Phải dạn dĩ quở trách sa-tan và truyền lệnh cho nó lui đi trong một hoàn cảnh nào đó. Chúng ta phải học tập ý nghĩa của chữ *chống cự*. Khi chúng ta thực hiện sự chống cự trong sự cầu nguyện, trong tấm lòng trong sạch, trong Danh Chúa Jêsus và trong uy quyền của Huyết, và Lời Đức Chúa Trời, thì sa-tan mất quyền lực. Đối với những tâm trí không thuộc linh điều này có thể dường như thái quá, nhưng điều này vẫn xảy ra cho những người đã thực sự tham gia trận chiến với sa-tan và đã nhìn thấy nó thất bại trước uy quyền thuộc linh.

Điều đáng buồn là nhiều Hội Thánh đã bị phân hủy do những quyền lực xa lạ, và nhiều nhân sự Cơ Đốc đã bị tan rã về mặt thể chất và tình cảm vì không tìm được nguyên nhân thích đáng. Nhiều tiềm năng đặc thắng đã bị đánh mất do thiếu hiểu biết, chỉ vì dân sự Đức Chúa Trời “không biết mưu chước của ma quỷ” và không biết cách tham gia trong trận chiến thuộc linh này.

II. TIẾN TỚI SỰ TĂNG TRƯỞNG

Về một phương diện, chúng ta hưởng thụ phước hạnh của sự thánh khiết của tấm lòng bằng đức tin, về phương diện khác chúng ta phải được lập vững vàng ở trong đó. Còn một phương diện khác nữa là chúng ta phải đạt được mức độ tăng trưởng cần thiết để hưởng hạnh phúc và sự hữu ích tối đa. Về mặt lý tưởng, những Cơ đốc nhân đầy đầy Thánh Linh phải quên mình đi và phải chú ý đến những điều khác. Chắc chắn họ không còn để bản ngã làm trọng tâm theo ý nghĩa xác thật. Nhưng nếu sự tăng trưởng xảy ra theo 2 Phi-e-rơ 3:18, thì chúng ta cần chú

ý đến tiến trình này, đặc biệt là những năm đầu ở đất Ca-na-an¹⁰.

A. TRỞ THÀNH NGƯỜI CÓ KỶ LUẬT

Ngay cả một người được thánh hóa thực sự vẫn còn mang vào đời sống thánh khiết nhiều dấu tích của những thói quen quá khứ, dù bản thân những điều đó không có gì gọi là tội lỗi hoặc bằng cớ của tính xác thịt, nhưng nó là những trở ngại để tăng trưởng cách hiệu quả. Sau nhiều năm tốt nghiệp ở viện thần học, một sinh viên viết, “Tôi vừa đến một kết luận rằng hầu hết những thắc mắc của tôi về đề tài [thánh khiết] không phải thuộc về trí tuệ, nhưng là sự hoang mang về kết quả của việc cố gắng sống một đời sống thánh khiết với sự cầu thả về đạo đức. Sự phản loạn không bao giờ là nan đề của tôi – chỉ là sự cầu thả – nhưng là những kết quả phải trả giá”.

Một vị tư vấn chuyên nghiệp cho học sinh trung học, người đã chiến đấu trong 25 năm để được có kinh nghiệm thánh khiết trong lòng, đã nghiên cứu đề tài đôi khi được gọi là phép chữa trị về trách nhiệm [responsibility therapy]. Khi ông áp dụng điều này cho mình vào những công việc hằng ngày, ông khám phá rằng ông đã chưa tuân theo bí quyết để duy trì sự đắc thắng. Về một phương diện, ông bắt đầu thực hiện trách nhiệm về một đời sống cầu nguyện vững vàng, kể cả việc thức dậy sớm để bảo đảm điều đó. Cuộc sống ông được cách mạng và với điều này ảnh hưởng của ông được lan rộng.

¹⁰ Ngay cả John Wesley cũng đã thừa nhận rằng “thật là một điều vượt quá mức bình thường cho những người đã đánh mất phước hạnh của tình yêu trọn vẹn quá một lần, trước khi họ được lập vững chắc ở bên trong” [Plain Account, 94]. Để giúp đỡ những người Giám lý tránh được điều này ông viết bài giảng nổi tiếng “Những Lời Khuyên cho Người Được Thánh Hoá” mà mỗi người cần phải nghiêm túc đọc thường xuyên 2 Phi-e-rơ 3:18 (Plain Account 95-105). Ghi chú: Chữ “nhiệt tình” [enthusiasm], Wesley muốn nói đến sự cuồng tín [fanaticism].

Kỷ luật là vị thống đốc để giữ những bánh xe của cuộc sống không văng ra xa. Nếu không có sự áp dụng công tác bảo vệ sự trật tự, thì sự mất trật tự sẽ xuất hiện. Chúng ta phải tổ chức thì giờ của mình xem có chỗ cho sự cầu nguyện và đọc Kinh Thánh không. Nếu không, thì giờ ấy sẽ chạy xa khỏi chúng ta. Đức Chúa Trời và linh hồn chúng ta sẽ nhạt nhẽo những mảnh thừa, và sự sống động thuộc linh sẽ tàn héo. Chúng ta phải tổ chức công việc của mình, nếu không nó sẽ đè bẹp chúng ta. Chúng ta phải tổ chức sự chi tiêu của mình. Tất cả việc chi tiêu phải ở dưới sự cai quản khéo léo của người quản lý đầu phục. Nếu chúng ta không quản lý tốt, thì sự chi tiêu không tính toán sẽ phá hủy uy tín cũng như lời chứng của chúng ta.

Dấu hiệu rõ ràng của một người có kỷ luật có lẽ ở hai phương diện: (a) khả năng nói không với chính mình; và (b) khả năng làm *những gì* chúng ta đáng phải làm *khi* chúng ta đáng phải làm, bất chấp cảm giác. Thật sai lầm khi giả thuyết rằng vì chúng ta là những người được thánh hóa, thì việc bản thân cố gắng để trở thành một người có kỷ luật như thế là điều không cần thiết.

B. HỌC TẬP ĐỂ THÍCH NGHI

Hầu như người ta nói rằng trong tiến trình thuộc linh có ba mức độ của ân điển: ân điển qui đạo, ân điển tẩy sạch và ân điển thích nghi. Điều cuối cùng là khả năng để chịu đựng “sự nhặt lượm và sàng sảy” [nuts and bolts] của cuộc sống hằng ngày. Người ta thường đánh giá cao về ân điển tẩy sạch trong sự tạo ra những điều kiện thích hợp bên trong để học tập sự thích nghi. Những lời công bố này được chứng thực. Nếu kinh nghiệm của sự nên thánh trọn vẹn không tạo sự khác biệt trong sự chịu đựng những quấy rầy và bức dọc của cuộc sống thường ngày, thì cần phải đặt vấn đề lại giá trị của kinh nghiệm nên

thánh trọn vẹn ấy. Dĩ nhiên sự khác biệt cơ bản đó là sự cai trị của bản ngã đã bị hạ bệ. Phần lớn những sự phiền nhiễu của cuộc sống phát sinh từ việc người khác xen vào đường đi *của chúng ta*, cản trở cuộc sống *của chúng ta*, phá vỡ kế hoạch *của chúng ta*. Hoặc có thể là người nào đó làm gì hoặc nói gì xúc phạm đến sự nhận xét hay hành vi *của chúng ta*. Bản ngã bệnh hoạn sẽ nổi dậy để binh vực mình.

Vì vậy, điều kiện đầu tiên để học tập thích nghi là bảo đảm rằng bản ngã bị “đóng đinh vào Thập tự giá”. Khi được giải cứu khỏi tâm trí phân đôi, khỏi sự nặng nề của một tấm lòng đói khát, khỏi sự căng thẳng của tham vọng xác thịt, khỏi sự đố kỵ, tham lam, độc ác và thù địch, thì không những được thoải mái để yêu mến Đức Chúa Trời và con người nhưng còn được giải cứu khỏi căng thẳng nữa. Bề ngoài, sẽ có bằng cớ càng ngày càng tăng –

Tư thế thoải mái hơn

Tính tình hạnh phúc hơn

Tâm linh khiêm tốn hơn

Quan tâm nhiều hơn đến người khác

Khả năng mới để cảm thông

Người như thế đã chấm dứt nỗ lực để gây ấn tượng và không còn cảm thấy nhu cầu cố gắng để trở thành điều mình không có. Hơn nữa, người ấy có sự nhu mì để đổ dầu trên dòng nước đang. Lời đáp êm nhẹ làm nguôi cơn giận (Châm ngôn 15:1). Bây giờ người ấy có thể học từ những điều vấp vấp của mình, thậm chí sự khiêm tốn của mình, chỉ vì “khi con người hạ mình thì người ấy mới rút kinh nghiệm”¹¹.

¹¹ Helmut Gollwitzer, *The Demand of Freedom* (New York: Harper and Row Publishers, 1965), 71.

1. Thích Nghi với Những Bốn Phận của Cuộc Sống

Lòng thánh khiết không tạo ra một kỹ năng lập tức để thích nghi hoặc với những điều nhỏ mọn hoặc với những biến cố lớn. Nó sẽ bảo đảm cách giải quyết thích hợp với Đức Chúa Trời và giữ cho tâm linh đúng đắn (2 Ti-mô-thê 1:7) và nó sẽ tạo ra sự thuận phục Thánh Linh là Giáo sư của chúng ta. Nhưng nó không lập tức ngăn ngừa vài kinh nghiệm đau đớn của sự căng thẳng tình cảm và sự ngã lòng.

Có khía cạnh con người và khía cạnh ân điển trong cuộc sống và sự phục vụ hiệu quả. Có một số điều phải học tập hằng ngày để thích nghi với chúng. Khả năng để chịu đựng cuộc sống mà không bị thất bại dựa vào sự kết hợp của vài yếu tố: (a) đủ năng lực để làm xong công tác của mình; (b) gánh nặng xứng với sự hiểu biết, kỹ năng và khả năng của chúng ta; và (c) mức độ kiểm soát trên sự kiện và hoàn cảnh.

Khi bất kỳ yếu tố nào bị chạy méo mó, thì sự căng thẳng phát sinh và không thể thực hiện công tác được. Chẳng hạn, vấn đề năng lực. Hầu hết mọi người cố gắng làm việc nhiều nhưng vận dụng năng lực ít. Khi E. Stamley Jones, một vị giáo sĩ trẻ, chịu đựng sự sụp đổ hoàn toàn về phương diện thể chất, ông ta bị áp lực để thừa nhận rằng mình không phải là siêu nhân nhưng được yêu cầu ngủ tám giờ mỗi đêm. Ông khôn ngoan điều chỉnh nếp sống của mình cho phù hợp – điều đó liên quan nhiều đến năng suất liên tục của ông cho đến khi ông qua đời tuổi 83.

Những kỹ năng cần thiết cũng là điều cơ bản. Muốn giải quyết những hoàn cảnh xung đột và khó khăn cách quân bình cần có khả năng tự nhiên cộng với sự giáo dục và huấn luyện, kết hợp với sự khôn ngoan của kinh nghiệm. Nếu chúng ta gặp trường hợp tương tự như hoàn cảnh chúng ta đã gặp, chúng ta có thể dễ dàng giải quyết. Nếu đó là một kinh nghiệm mới, thì chúng ta có thể cảm thấy lúng túng. May mắn thay Thánh Linh

có thể thả phao khi chiếc bình của nguồn tài nguyên của chúng ta sắp chìm. Trong trường hợp đó, nhiều người được thánh hóa thực sự vẫn hơn một lần thất bại trong những công việc của Hội Thánh (có thể nói điều gì đó hoặc làm điều gì đó không khôn ngoan) trước khi khả năng của họ bắt kịp với lòng nhiệt thành của họ.

Không có cách nào để gánh những gánh nặng của cuộc sống mà thỉnh thoảng thấy rằng mình bị “ngập lên đến đầu”. Điều này thường xảy ra cho mục sư trẻ, cho người vợ người mẹ, cho người cha phải lo nuôi sống gia đình, cho tuổi thiếu niên, cho nhân sự có lương tâm gánh vác việc Hội Thánh, cho người có chức nghiệp và thương gia. Nhưng vì cơ lời chứng của mình bốn phận của chúng ta là làm những gì chúng ta có thể để cải thiện khả năng thích nghi của chúng ta. Điều này liên quan đến sự thành thực và sự đánh giá thực tế nhu cầu năng lực của mình, những khả năng và những hạn chế của chúng ta, cộng với nguồn tài nguyên hoàn cảnh của chúng ta. Cùng với điều này chúng ta cần tự nguyện khiêm tốn để đặt sự hứa nguyện của mình dưới những giới hạn này. Nói cách khác, hãy đi từng bước một.

2. Thích Nghi Với Điều Bất Ngờ

Ngay cả khi chúng ta học tập cách thích nghi với công việc và bốn phận hằng ngày, thì chúng ta vẫn phải đối phó với những điều bất ngờ. Làm thế nào để chúng ta phản ứng khi thế giới nhỏ bé của chúng ta đổ sụp xuống trên chúng ta do biến cố bất ngờ xảy đến. Có thể đó là sự chết, một tai nạn hoặc một cuộc hoả hoạn. Có lẽ chúng ta đã chuẩn bị sẵn một chuyến đi nghỉ xả hơi, và vào giờ phút cuối thì một đứa con lâm trọng bệnh, hoặc cái nhà bị trộm bẻ khóa vào lấy đồ đạc, hoặc có người nào đó chạy sầm vào xe, hoặc ông chủ nói, “Chúng tôi có công việc khẩn cấp, xin ông vui lòng dời lại chuyến đi”.

Hoặc có thể bạn của bạn vừa mới tới, hoặc là điện bị cúp khi thít còn trong lò quay chưa chín.

Muốn đắc thắng trong những hoàn cảnh như thế chúng ta cần nắm chặt Rô-ma 8:28, cho dù những điều nhỏ nhặt nhất. Nếu chúng ta coi mình chỉ là một nạn nhân của số phận tàn ác, thì chúng ta có thể bất mãn và phàn nàn. Nếu chúng ta gần gũi và có mối quan hệ mật thiết với Đức Chúa Trời với một đức tin thực sự tin rằng Đức Chúa Trời đang điều khiển mọi sự, thì chúng ta có thể học cách chấp nhận những điều bất ngờ như là *cơ hội* không thành văn.

Ở đây một lần nữa, nếu chúng ta tập trung vào kế hoạch của mình, chúng ta sẽ bất mãn vì bị vỡ kế hoạch; nhưng nếu chúng ta tập trung vào việc để sự quan phòng của Đức Chúa Trời uốn nắn chúng ta, thì chúng ta có thể “vui mừng trong Chúa luôn luôn” (Phi-líp 4:4). Một dấu hiệu của đời sống đầy dẫy Thánh Linh là khả năng “cảm tạ Đức Chúa Trời là Cha về [nghĩa đen, là “trên” hoặc “liên quan đến”] mọi sự, trong Danh của Đức Chúa Jêsus Christ” [Ê-phê-sô 5:20]. Điều này có thể xảy ra khi chúng ta nhìn sự vật từ trên chứ không phải từ dưới. Từ quan điểm của cõi đời đời trong những hoàn cảnh bi thảm nhất, Cơ đốc nhân luôn luôn ca ngợi hơn là buồn rầu cau có.

Điều này không có nghĩa là những phản ứng tình cảm lập tức của chúng ta luôn luôn lý tưởng. Lời hứa là “Người nào để trí mình nương dựa nơi Ngài, Ngài sẽ gìn giữ người trong sự bình an trọn vẹn vì người nhờ cậy Ngài” (Ê-sai 26:3). Điều này sẽ ứng nghiệm theo nghĩa đen nếu chúng ta đáp ứng những điều kiện. Nhưng khi phản ứng đầu tiên của chúng ta làm tổn thương hoặc gây ra mức độ quấy rầy trầm trọng, bấy giờ chúng ta phải chọn hành động theo trách nhiệm, không kể đến những cảm giác của mình.

Nó đòi hỏi cái nhìn trưởng thành để có thể thấy được tai họa ở mối quan hệ rộng hơn. Khi một cô vợ trẻ chiến đấu với

nan đề nước tràn lan khắp nền nhà do mưa lớn ngập nước, cô nóng nảy tuyên bố với mẹ cô, “Mẹ ơi, chúng con cầu nguyện xin Đức Chúa Trời chấm dứt mưa! Tại sao Ngài là cho phép chuyện khó khăn này xảy ra? Người mẹ từng trải cuộc sống đã bình tĩnh trả lời với cô, “Con gái ơi, đây không phải là sự khó khăn, mà chỉ là sự bất tiện một chút thôi”.

Việc học tập sẽ được tốt hơn nếu nó được chống đỡ bằng (a) tinh thần *đầu phục* chân thật thuộc về sự thánh khiết; (b) thực tập ở trong *sự hiện diện* của Đức Chúa Trời và được Anh Lawrence cầu thay¹²; và (c) thói quen *nhìn xem* Đức Chúa Trời trong mọi sự (2 Cô-rin-tô 12:7)¹³.

3. Thích Nghi Với Những Nan Đề Tâm Lý

Tâm trí Cơ đốc nhân, hoặc tâm trí được đổi mới hoàn toàn, luôn luôn khao khát làm đẹp lòng Đấng Christ như là điều cơ bản và động cơ điều hành cuộc sống. Vì vậy, nó đánh giá sự thánh khiết cao hơn hạnh phúc, và sự vâng lời tốt hơn sự tự do. Nhưng điều này coi tâm trí như là một thái độ hay là một “tâm

¹² *Tập Sự Ở Trong Sự Hiện Diện của Đức Chúa Trời*, được nhà xuất bản Peter Pauper Press, New York ấn hành. Anh Lawrence [Brother Lawrence] là Nicolas Herman of Lorraine, người trở thành một anh em trong nhóm chân trần Carmelites ở Paris vào năm 1666.

¹³ Điều này bao gồm sự khải thị rõ ràng của điều quan trọng đối với Đức Chúa Trời. Khi một người vợ của một mục sư ngã lòng trong việc bà bất lực không thể hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian đau ốm, bà cầu nguyện, “Lạy Chúa, con phải giúp đỡ những người khác, thay vì để người khác lúc nào cũng giúp đỡ con. Con phải đi ra ngoài kia để làm việc cho Ngài”. Chúa thì thăm với bà, “Con gái ta ơi, tình yêu và sự tận hiến của con đối với Ta lại quan trọng hơn sự phục vụ của con”. Ông Paul Tournier nhắc nhở chúng ta coi chừng “thần học thành công”, nghĩa là không phải “thần học của Thập tự giá”. Nói về trạng thái của chủ nghĩa vị lợi ngày nay, ông nói, “Ý tưởng của sự hài hoà bên trong đã bị thay thế bằng ý tưởng của những báo cáo đạt được” (*The Whole Person in a Broken World* [New York: Harper and Row, Publishers, 1964], 128 – 129).

tình” (c. Phi-líp 2:5), một *phronèma*. Đó là cách một người tập thói quen suy nghĩ về Đức Chúa Trời và về cuộc sống.

Nhưng một người có thể có tâm tình của Đấng Christ theo ý nghĩa này, nhưng đồng thời lại có tâm trí lo lắng, bối rối hoặc vài mức độ nào đó của bệnh tật về trí não. Bây giờ chúng ta suy nghĩ đến bộ phận công nhận hoặc lý luận nhờ đó chúng ta sử dụng hệ thống thần kinh trong việc gắn liền chúng ta với cuộc sống. Sự nên thánh của “tâm linh, hồn và thân thể” chắc chắn hàm ý về sự tẩy sạch toàn thể con người khỏi mọi tội lỗi; nhưng không phải tất cả những gì cần sửa chữa đều là tội. Nhiều ký ức và sự chấn thương đã bị chôn sâu trong tâm trí và ảnh hưởng trên cách nó hành động như là một cơ cấu của con người. Có những sự ám ảnh sợ hãi - có lẽ sợ chó hoặc ở những nơi đóng kín cửa. Có thể là những phức cảm - những cảm nhận bất thường về những đồ vật, con người hoặc hoàn cảnh nào đó.

Ngoài những nan đề nhỏ nhất có thể tạo ra những trường hợp bệnh lý học của sự không định hướng phát sinh có lẽ từ sự xơ cứng động mạnh hoặc những yếu tố không hoà hợp, hoặc những tính tình thừa kế dần dần phát triển. Kết quả là những người thánh có thể có những điều đáng giễu cợt ngoài mong đợi của cá tính mình, và trong những trường hợp bị bệnh loạn cực độ như vậy có thể xảy ra hành vi không hợp với Cơ đốc nhân. Nhưng tình trạng thuộc linh thực sự trước mặt Đức Chúa Trời phải được thừa nhận cho người ấy trước khi người ấy bị bệnh về tâm trí¹⁴.

¹⁴ Những cuốn sách có thể mang lại sự hữu ích cho sự hiểu biết về một người và những người khác trong khuôn mẫu tâm lý (dù những cuốn sách đó không đạt tiêu chuẩn của quan điểm thánh khiết) là: C. J. Adcock, *Fundamentals of Psychology* (Baltimore: Penguin Books, 1964); Tournier, *The Whole Person in a Broken World*; Nelson, *Why Christians Crack up*; C. B. Eavey, *Principles of Mental Health for Christian Living* (Chicago: Moody Press, 1956); W. Curry Mavis, *The Psychology of*

Trong khi đó, trong lãnh vực của những nan đề nhỏ hơn, chúng ta phải học tập để hiểu chính mình nếu chúng ta có thể thích nghi. Điều này nhấn mạnh nhu cầu phân tích kỹ càng hơn về tính xác thật và con người.

C. TÍNH XÁC THẬT VÀ CON NGƯỜI

Một phương pháp đôi khi đem lại sự hữu ích là dùng mô hình về *triệu chứng* [symptoms]. Mặc dù triệu chứng có thể gợi ý về một bệnh đặc biệt, nhưng tự nó không thể cung cấp đầy đủ bằng cớ cho sự chẩn đoán đúng, vì nó còn kèm với những bệnh khác nữa. Vì vậy, một bác sĩ khôn ngoan giữ lại nhận định của mình cho đến khi thu gom đầy đủ những triệu chứng cộng với những bằng phân tích của phòng thí nghiệm, quang tuyến X cùng những xét nghiệm khác.

Tương tự, khi chẩn đoán tình trạng thuộc linh của chúng ta hoặc của những người khác, thì tốt hơn hết là lưu giữ trong trí những đặc tính nào đó có thể chỉ về tình trạng xác thật, những điều đó không phải là bằng cớ cần thiết, vì bản chất của những điều như thế có thể là những yếu đuối hơn là tội lỗi.

Trước hết, một người phải biết rõ những biểu hiện của tâm trí xác thật mà Kinh Thánh cho thấy. Sau đây là bản liệt kê đó, dù không toàn diện:

Vô tín (Rô-ma 11:20; Hê-bơ-rơ 4:6, 11)

Đố kỵ và tranh đấu (I Cô-rin-tô 3:1-4)

Tâm trí theo thế gian (Rô-ma 8:6; Gia-cơ 4:4; I Giăng 2:15)

Hâm hăm (Khải huyền 3:15)

Tham lam (Lu-ca 12:15; Ê-phê-sô 5:5; Cô-lô-se 3:5; Hê 13:5)

Cay đắng (Ê-phê-sô 4:31; Hê-bơ-rơ 12:15)

Cãi lộn, rầy rà (2 Cô-rin-tô 12:20)

Phản loạn (Giê-rê-mi 5:23; Hê-bơ-rơ 3:7-19)

Ngoài những bằng cứ rõ ràng này còn có những triệu chứng khác:

1. Ương ngạnh

Sự ương ngạnh theo thói quen vượt quá sự bình thường, chỉ vì một người có ác cảm trong việc đầu phục ai đó (Đức Chúa Trời hoặc người khác) chắc chắn là biểu hiện của tinh thần tội lỗi. Một số người có bản ngã bệnh hoạn như thế cho rằng họ “phải là người đúng”. Nhưng từ chối đầu phục về điểm khư khư giữ quan niệm của mình như là sự trung thành can đảm lại là chuyện khác. Đôi khi sự ương ngạnh đó có thể là ngu xuẩn thay vì khôn ngoan, nhưng người ấy không biết đó là tinh thần xấu xa.

Rủi thay, đối với người khác “lỗi lầm” thường lại rõ ràng, tính xác thịt bùng bình. Một nhà truyền giáo tên là William có bà vợ nói rằng, “Khi ông ta qua đời tôi sẽ viết lên mộ ông rằng, “Ý Muốn cứng cõi của tôi cuối cùng phải đầu hàng”. Nhưng những người biết cả hai người này rất rõ biết rằng ông ta là một trong những người nhu mì và khiêm tốn hơn hết, mạnh mẽ như Gibrator chỉ trong những vấn đề có thể đếm được.

2. Thần kinh dễ bị kích thích

Theo tính khí một số người rất dễ bị kích động. Giống như có sự khác nhau về phẩm chất giữa sự lưỡi biếng và nhu nhược (dù đôi khi không dễ gì phân biệt), thì cũng có sự khác nhau về phẩm chất giữa sự nóng giận xấu xa vốn đem lại sự tiêu diệt và ghen ghét, và sự nổi giận của tình cảm ôn hoà trong hoàn cảnh căng thẳng. Không thể nào biện hộ cho sự bức dọc theo thói quen và hay cáu gắt phát sinh từ sự thù địch, tính dễ giận dỗi ích kỷ, và những sự phẫn uất nung nấu. Nhưng những phản

ứng nhanh chóng do thần kinh bệnh hoạn, hoặc do bản chất dễ xúc động của ngựa đua, thì cần phải kiên nhẫn và hiểu biết, chứ không cần kết án. Vị trí tình cảm trong cơn khủng hoảng do sức ép là yêu cầu của sự tăng trưởng, không phải một ân tứ tức thời của ân điển [an instantaneous gift of grace].

3. *Sợ hãi và lo lắng*

Chắc chắn sợ hãi và lo lắng nhiều có nguyên nhân trong sự vô tín và lương tâm bối rối. Nhưng không phải tất cả. Giống như một số người chịu đựng đau đớn ít hơn người khác, thì cũng có một số người ít lo lắng hơn. Tình yêu trọn vẹn cất bỏ sự sợ hãi về Đoán xét, nhưng không nhất thiết là loại bỏ tất cả mọi nỗi sợ – như là sợ ung thư, sợ cuồng phong, hoặc những thứ khác. Không phải loại trừ sự sợ hãi của những em thiếu niên khi ra ngoài vào ban đêm.

Phao lô nói, “Bên ngoài thì tranh đấu, bên trong thì lo sợ” (2 Cô-rin-tô 7:5). Lo sợ là mẹ đẻ của vài mức độ lo lắng nếu một người gánh trách nhiệm nặng nề. Nhờ ân điển thiên thưởng có thể tránh được sự lo lắng về sự bất lực và què quặt (2 Ti-mô-thê 1:7). Giữ thói quen bức bối và lo lắng thì không tôn vinh Đức Chúa Trời.

4. *Ngã lòng*

Nói chung những Cơ đốc nhân đầy dẫy Thánh Linh có thể tránh được sự ngã lòng nghiêm trọng. Thói quen cảm tạ Chúa là phương thuốc ngăn ngừa hữu hiệu. Nhanh chóng vâng lời và nhạy bén trong sự duy trì lương tâm trong sáng cũng vậy. Nhưng cũng có những thời kỳ tình cảm giống như cơn thủy triều xuống, có sự trì trệ và khô hạn bên trong. Từ quan điểm thuộc linh những thời kỳ này đôi khi được gọi là “bóng đêm của linh hồn”. Những trường hợp ngã lòng như thế đôi khi có nguồn gốc từ sa-tan. Trong những trường hợp như thế, neo chặt đức tin thì không sớm thì muộn tình trạng này sẽ qua đi. Nhưng

có những lúc khác sự ngã lòng có thể xảy ra do làm việc quá sức. Người ấy bị kiệt quệ về tình cảm. Phương cách chữa trị là nghỉ ngơi, chứ không phải kiêng ăn và cầu nguyện. Còn những trường hợp khác có thể do nguyên nhân bệnh tật về trí não hoặc thể chất, trong trường hợp này cần được sự chữa trị của y học.

Vì thế, khi nào sự ngã lòng là dấu hiệu của bệnh tật? Khi nó phát xuất từ sự thương hại mình và lo lắng nhiều. Đôi khi người ta cũng để cho sự nhút nhát tự nhiên của mình từ khước ân điển của Chúa kêu gọi họ làm điều họ biết Đức Chúa Trời đang kêu gọi. Không vâng lời, họ rút lui, và tự cô lập để không nhận sự giúp đỡ. Cuối cùng điều đó đẩy họ vào trũng tuyệt vọng. Tình trạng bây giờ không phải là thể chất nhưng có nguồn gốc thuộc linh.

5. Không yên nghỉ

Nếu có một trào lưu ngấm ngấm sâu xa về sự đói khát thuộc linh, thì nó có thể bày tỏ dễ dàng trong sự bồn chồn không thoả lòng và có lẽ chân luôn luôn chạy. Mặt khác tình này có thể do bẩm sinh, nó cũng có thể do đặc tính của gia đình. Hoặc có thể bị kích động do tính khí năng động luôn luôn thích tìm cách chinh phục những lãnh vực mới. Hoặc cũng có thể do chính Thánh Linh thúc giục để đẩy người này vào loại hoạt động nào đó. Vì thế không yên nghỉ là một triệu chứng nhưng tự bản thân nó quá mơ hồ nên chấp nhận nó như là một bằng cớ của một tình trạng xác thịt.

6. Thiếu kiên nhẫn

Điều này tương tự như thần kinh dễ bị kích thích, nhưng có lẽ sâu xa hơn. Thiếu kiên nhẫn xuất hiện ở ba hình thức: (a) Không thể chờ đợi cách yên lặng hoặc chờ người khác hoặc chờ sự quan phòng thiên thượng. (b) Không có khả năng chịu đựng gánh nặng. Đây là ý nghĩa của chữ *humomone* (Gia cơ

1:3; Hê-bơ-rơ 12:1). Một số người có một mô hình cho cả đời mình, phát triển trong tuổi thơ ấu và thanh niên, ấy là không quyết tâm làm cho trọn. Khi những khó khăn xảy ra họ dễ bỏ đi và bắt đầu làm lại ở một chỗ khác. Đây là một nhược điểm lớn của tính tình, mặc dù bản thân nó không thể chứng minh nó còn đang ở trong tình trạng chưa được thánh hóa. Đến đúng thời điểm Thánh Linh sẽ vô hiệu hoá điều này. (c) Cũng có sự thiếu kiên nhẫn ở hình thức thất bại trong hoàn cảnh trái ngược. Thật khó cho người thích hoàn hảo chịu đựng được những cái ngớ ngẩn của người khác.

Sự thiếu kiên nhẫn có thể phát xuất từ sự ích kỷ, mà nó làm cho một người bướng bỉnh, bốc đồng, hống hách, đòi hỏi, khinh suất, không thể kiểm soát được và bùng nổ. Mặt khác, thiếu kiên nhẫn có thể là sản phẩm của sự nhiệt tình không khôn ngoan. Những người như thế có khuynh hướng khoan dung với những gì đối với họ là ngu đần không thể biện hộ được. Họ có thể nói cầu thả hơn là thận trọng suy nghĩ, hoặc là vì không biết, trẻ tuổi hoặc tính khí nhanh nhẩu. Có thể họ nghĩ rằng bốn phần của họ là hành động ngay lập tức, khi họ hành động họ làm hại hơn là lợi. Điều ích lợi cho họ là phải học cách “Nhờ kiên trì [các con] sẽ giữ được linh hồn mình” (Lu-ca 21:19), ngồi yên lặng và ngậm miệng lại. Hơn nữa, sự thiếu kiên nhẫn như thế được thúc giục bởi tinh thần ngay thẳng, nó không thể là tội lỗi. Nhưng có thể nó làm hại lớn và chắc chắn cần phải kỷ luật. Kiên nhẫn là dấu hiệu trưởng thành có ý nghĩa.

D. NHỮNG LẦN MỨC CỦA SỰ TĂNG TRƯỞNG

Một cơ thể lành mạnh có thể tự nhiên lớn lên bình thường và thậm chí vài trường hợp lớn lên nhanh hơn một cơ thể bệnh hoạn. Điều này cũng đúng với Cơ đốc nhân. Thánh khiết là sự khoẻ mạnh của linh hồn. Một Cơ đốc nhân khoẻ mạnh sẽ không bao giờ kiểm tra lại động lực hoặc sự sống bên trong

mình. Bản chất thực sự của sự thánh khiết là quay linh hồn hướng ra ngoài và hướng lên trên. Người ấy sẽ biết rõ sứ mạng của mình liên quan đến Đại Mạng Lành. Mục tiêu của người ấy không phải là đạt được sự tôn trọng rằng mình là người thánh khiết nhưng chỉ muốn đạt được sự hữu ích. Người ấy sẽ không tìm kiếm thần tượng cá nhân nào khác, nhưng chỉ tôn vinh Đấng Christ; không tìm sự thành công làm cứu cánh, nhưng tìm kiếm linh hồn hư mất. Mục đích của người thánh không phải là phát triển năng khiếu bản thân, nhưng là phát triển nhận thức về Đấng Christ. Tuy nhiên, người ta có thể nhận thấy những lần mức đánh dấu sự tăng trưởng.

1. Có quan hệ với uy quyền

Những phần nghiên cứu mới đây về tâm lý phát triển do Piaget, Kohlberg, Steward và những người khác, không những đã phân tích những giai đoạn bình thường của sự tăng trưởng, nếu nó xảy ra, nhưng còn nhấn mạnh tầm quan trọng của sự suy nghĩ và quyết định độc lập. Tại trung tâm của sự nên thánh có sự giải thoát khỏi sự lệ thuộc nô lệ vào ý kiến của những người khác và sự xác nhận nhân tính độc lập. Nhưng sự phát triển như thế sẽ bị chậm lại thay vì tiến nhanh nếu tính độc quyền hợp lý của sự tự quyết định không tìm thấy sự vô tư khi liên hệ đến thẩm quyền của Kinh Thánh. Vì lần đầu tiên (trong trường hợp của người được nên thánh trọn vẹn) người ấy có sự mạnh dạn để Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, với tất cả những điều ràng buộc nô lệ bị cắt đứt. Nhưng (đối với thanh niên) điều này không phá hủy bốn phạm có liên quan đến uy quyền của cha mẹ, hoặc (đối với người lớn) sự nhìn nhận có liên quan đến uy quyền của nhà nước và của Hội Thánh. Một trong những dấu hiệu của sự đầy dẫy Thánh Linh là khả năng

thuận phục nhau phát xuất từ “sự kính sợ Đấng Christ” (Ê-phê-sô 5:21)¹⁵.

2. *Biết Phân Biệt*

Có người dịch Phi-líp 1:10 là tình yêu của chúng ta phải lớn lên trong sự hiểu biết và nhận định để chúng ta có thể “phân biệt những điều khác nhau” (ASV). Nhiều người dường như không thể phân biệt giữa sự sống động và sự thoả hiệp, những điều thực sự quan trọng và những điều dường như (hay chỉ quan trọng đối với một số người). Vì cơ điều này, họ luôn luôn nâng điều thứ hai lên hàng thứ nhất và cho điều này đáng chú ý hơn điều kia. Kết quả điều gì đáng giao cho loại ý kiến, sở thích, hay phong tục thì được gọi là vấn đề tin chắc, với kết quả là sự chia rẽ không cần thiết. Có những sự chia rẽ tội lỗi, theo tình cảm và ngu xuẩn. Một Cơ đốc nhân trưởng thành biết phân biệt sự khác nhau.

3. *Duy Trì Tình Yêu Nồng Nhiệt*

Tình yêu theo cách của Cơ đốc nhân là phải trả giá, vì nó đòi hỏi sự từ bỏ quyền lợi cá nhân vì lợi ích của những người khác. Nó không bao giờ quên nguyên tắc quản lý sự ảnh hưởng. Nó vui mừng hi sinh những sự tự do cá nhân nếu những sự tự do đó rõ ràng là đá vấp chân cho những người nhay bén hơn.

¹⁵ Tournier nói, “Nhờ cố gắng biến hộ luật pháp của sự mạnh nhất trong danh của thiên nhiên nên ngày nay chúng ta hiểu được toàn bộ ý niệm của sự hài hoà, hi sinh, trật tự và cuối cùng của cộng đồng. Tôi chứng kiến nhiều cặp vợ chồng xung đột... Nếu cuộc cách mạng thuộc linh không xảy ra trong đời sống vợ chồng, thì nỗ lực của chúng ta trở nên vô ích. Vì những gì đứng cản đường là tư tưởng – quá thịnh hành ngày nay – một người phải mạnh mẽ không phải để bị đẩy vào bức tường, và sự nhượng bộ là một bằng chứng của sự yếu ớt. Có sự cao cả thực sự trong sự nhượng bộ, rằng sự tha thứ là sự đắc thắng thực sự, và sự từ bỏ ý riêng là niềm vui thật – đây là những ý tưởng hầu như biến mất ngày nay” (Whole Person, 129)

Nhưng sự căng thẳng này cũng là sự cố chen vào giữa lòng yêu thương tội nhân và sự ghen ghét tội lỗi. Đối với Cơ đốc nhân, tình yêu phải là yêu lẽ phải cũng như yêu thương con người. Làm thế nào để chúng ta chịu đựng cơn khủng hoảng phát sinh khi bình vực quyền lợi sẽ làm cho người khác xa lánh?

Người ta công bố rằng Chúa Jêsus không bao giờ để cho nguyên tắc đi trước con người, nhưng điều ấy không đúng. Dù Chúa Jêsus yêu vị quan trẻ tuổi giàu có, nhưng tình yêu của Ngài bị chi phối bởi nguyên tắc, chứ không thuần túy sự thương xót. Chính nguyên tắc đã sai khiến từ ngữ đạo đức của sự kỷ luật Ngài đặt xuống. Và Ngài từ chối vẫy tay khi chàng trai buồn bã bỏ đi. Tình yêu cao cả nhìn thấy rằng cuối cùng sự thoả hiệp của nguyên tắc không bao giờ là loại phải lẽ để làm những là điều ác. Một dấu hiệu của sự trưởng thành là sự thông minh để phân biệt nhu cầu của con người trong mối quan hệ với sự công bố nguyên tắc, và sự can đảm để yêu mà không thoả hiệp.

4. Sự Nhạy Bén Gia Tăng

Đây là sự lưỡng diện – cảm nhận gia tăng về sự dẫn dắt của Thánh Linh và sự nhận biết gia tăng về tình trạng và nhu cầu và sự đói khát của những người chung quanh chúng ta. Phải đặt vấn đề với “sự gia tăng” nếu nó không làm cho chúng ta cảm thấy dễ chịu khi sống và làm việc với nó. Người chồng nhạy bén hơn với những nhu cầu tình cảm của vợ. Tín hữu trong Hội Thánh quan tâm hơn đến những tiếng kêu thầm lặng xin giúp đỡ trong những thiếu niên và người lớn không ổn định. Có sự nhún nhường sâu xa để khiến người ta nói rằng, “Tôi rất tiếc”. Có sự nhanh chóng trong việc tu bổ những bức tường, hoặc với Đức Chúa Trời hoặc với con người.

Sự nhạy bén gia tăng này cũng bao gồm sự phát triển việc đánh giá về văn hoá cá nhân. Chúng ta không còn khinh

thường sự tế nhị của phép xã giao nhưng xem chúng là phần của sự quản lý lớn hơn. Một số điều được dùng có ý nghĩa, bây giờ không còn dùng nữa; còn một số trước kia không dùng *bây giờ lại dùng*. Chỉ có những Cơ đốc nhân chưa trưởng thành mới bỏ đi những điều như nói năng đúng đắn, ăn mặc thích hợp, và có những cử chỉ tốt đẹp.

5. *Chân Dung Bản Thân Lành Mạnh*

Đánh giá bản thân, nếu chúng ta làm tốt, là điều được mọi người công nhận. Người trưởng thành đã học cách đánh giá chính mình (a) vì tình yêu của Đức Chúa Trời (đã làm cho người ấy thực sự được quan trọng), và (b) vì sự nhận định cách chân thành và thực tế về những tài sản và khả năng của mình (mà nó sẽ là phương thuốc hữu hiệu để giải trừ sự kiêu ngạo của chúng ta). Phải có sự quân bình lành mạnh giữa sự khiêm tốn và sự tự tôn trọng. Đừng nghĩ về mình “cao quá những gì chúng ta nên nghĩ” (Rô-ma 12:3), nhưng đồng thời phải nhận biết cách lành mạnh về khả năng của chúng ta. Sự chín chắn trong sự nhận biết sâu xa về sự bất lực của chúng ta ngoài Đức Chúa Trời, sự nhận biết rằng dù chúng ta có khéo léo đến bao nhiêu, thì giá trị cuối cùng của chúng ta cho Vương quốc sẽ không lớn hơn sự xúc dầu của Thánh Linh trên chúng ta. Vì vậy, chúng ta không nên đánh giá mình quá thấp mà cũng không được quá cao. Chúng ta chấp nhận chính mình là công cụ của Đức Chúa Trời. Chúng ta thoả lòng với sự đặt để của Ngài cao hoặc thấp trên bức tranh của cuộc sống.

6. *Trở Thành Người Truyền Thông*

Không phải tất cả mọi người đều được kêu gọi đứng sau toà giảng, và không phải tất cả mọi người được thánh hóa như nhau đều có khả năng nói như nhau. Tuy nhiên, mỗi Cơ đốc nhân đều được kêu gọi để trở thành một người truyền thông Đấng Christ, không những bằng gương mẫu nhưng còn bằng lời nói. Vì chúng ta không thể lãng tránh mục đích của quyền năng Lễ

Ngũ Tuần – làm chứng nhân (Công vụ 1:8). Điều này sẽ được bày tỏ trong sự gia tăng trong khả năng nói về những điều thánh, nếu không thường ở nơi công cộng, thì ít ra cũng ở nơi riêng tư cho những người thân yêu, bạn bè và hàng xóm. Điều này cũng sẽ bày tỏ trong sự gia tăng sự khôn ngoan trong nếp sống và hình thức của lời chứng công khai của chúng ta về sự công chính của Đức Chúa Trời và ân điển thánh hóa.

Wesley dạy rằng những Cơ đốc nhân được nên thánh không thể nói rằng mình “có lương tâm trong sạch” mà lại trốn tránh việc làm chứng công khai. Ông nói, chắc chắn những người ấy “phải nói”. Ông giải thích –

Người ta không thắp cái đèn rồi để dưới cái thùng; Đức Chúa Trời là Đấng toàn khôn ngoan không bao giờ làm như vậy, Ngài không ban quyền năng và tình yêu của Ngài trong giây lát cho ai đó, rồi giấu kín không cho ai biết cả. Trái lại Ngài muốn điều đó thành phước hạnh chung cho những ai có lòng đơn sơ. Vì vậy, Ngài không chỉ muốn cho mỗi cá nhân hưởng hạnh phúc, nhưng muốn dùng người đó để động viên những người khác noi theo để hưởng phước hạnh như thế.... Ở dưới trời này không có gì quấy động sự khao khát của những người được xưng công bình nhanh bằng việc tiếp xúc với những người tin rằng mình có kinh nghiệm một sự cứu rỗi cao hơn. Điều này sẽ giúp cho người ấy có cái nhìn đầy đủ hơn về sự cứu chuộc và gia tăng sự đói khát điều đó; nếu người được cứu chôn giấu chính mình trong sự yên lặng, thì lợi ích này chắc hẳn bị mất hoàn toàn¹⁶.

¹⁶ *Plain Account*, 56. Muốn có lời khuyên tốt hơn về tầm quan trọng và tư cách đúng đắn để làm chứng về sự nên thánh trọn vẹn, xin xem J. A. Wood, *Perfect Love*, 133-54. Ông khẳng định rằng lời chứng rõ ràng đối với ân điển không thể duy trì mà không có sự khiêm nhường, nhận thức rõ ràng về “những trường hợp thích hợp” (138-39). Lời chứng thiếu sự tích cực và vui mừng sẽ phản ánh sự không chắc chắn trong tấm lòng (và thường mơ hồ trên toà giảng).

7. *Sâu Nhiệm Trong Sự Tận Hiến*

Và tại đây chúng ta gõ vào phím cần thiết cho cả đời sống thánh khiết và cuộc chiến thuộc linh, hoặc là duy trì sự đắc thắng cá nhân hoặc là mở mang Vương quốc của Đấng Christ. Tất cả nội dung của giáo lý, lời chứng, phong cách sống tập trung vào điểm tiếp xúc sống động bên trong giữa người với Đức Chúa Trời. Đây là mối quan hệ “Tôi-Chúa” [I-Thou] để ngăn ngừa những mối quan hệ con người khỏi trở thành “Tôi-Nó” [I-It].

Cầu nguyện và Lời Chúa cùng với nhau tạo thành phương tiện để tiếp nhận và chuyển giao quyền năng. Tôn giáo của chúng ta không sâu hơn hoặc không chân thực hơn thực tế của đời sống cầu nguyện của chúng ta. Công việc của chúng ta làm cho Đức Chúa Trời chỉ là tiếng động ồn ào và huyên náo nếu không được Thánh Linh ban quyền năng qua sự nhậm lời cầu nguyện. Thánh khiết là *nhìn biết Đức Chúa Trời* hoặc là trò chơi đồ chữ trống rỗng. Lòng khao khát liên tục của một người là phải luôn luôn muốn biết Đức Chúa Trời nhiều hơn.

Khi chúng ta cầu nguyện Thánh Linh có thể dạy dỗ, quở trách, sửa trị, uốn nắn, thanh lọc, tăng cường sức mạnh, làm phấn khởi và làm cho chúng ta mạnh mẽ.

Chính trong sự cầu nguyện con người được biến đổi để trở nên giống như Đấng Christ “từ vinh quang qua vinh quang” (2 Cô-rin-tô 3:18).

Chính người nam người nữ cầu nguyện sẽ biết rõ điều này, “Con đường người công bình giống như sự sáng chiếu rạng, càng sáng thêm lên cho đến giữa trưa” (Châm ngôn 4:18).